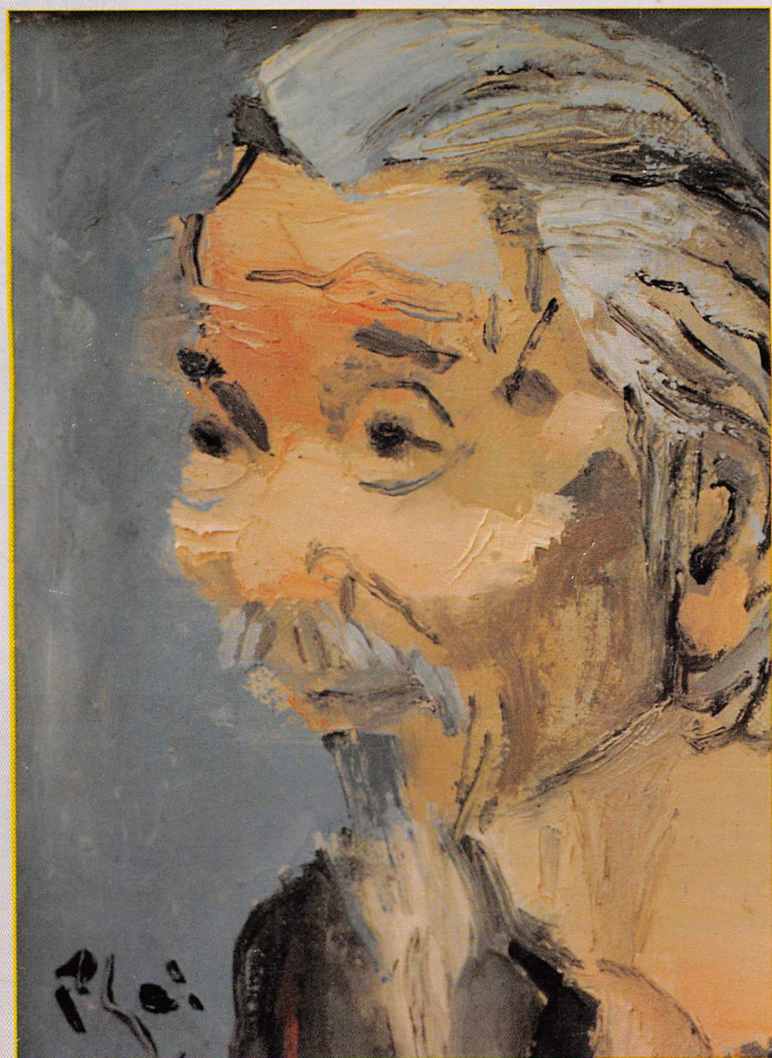
# HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 8 tháng 12, 1992 & tháng giêng, 1993



XUÂN QUÝ DẬU

SỐ ĐẶC BIỆT VĂN CAO VÀ XUÂN 1993



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

**P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA**
**Telephone và Fax: (714)537-2468**

**Phát hành hai tháng một kỳ - số 8 tháng 12, 1992 và 1, 1993**

*Đại diện tại Florida:*
**Triều Hoa Đại, 2835 Cranberry Cir, Middleburg, FL 32068**
**Tél: (904)282-2419**
*Đại diện tại Âu Châu:*
**Mr & Mrs Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris, France**
**Tél: 45.83.19.12**
*Đại diện tại Na Uy:*
**Hoài Mỹ, Olsvikaasen 138, N-5079 Olsvik, Norway**
*Đại diện tại Canada:*
**Trân Sa, 12 Denbigh Cres., Toronto, ONT, M3M-2T2, Canada**
**Tél: (416)652-1384 và (416)398-5916**
**Hồ Đình Nghiêm, 3360 Barclay, Apt # 10, Montréal PQ, H3S 1K4**
**Tel: (514)342-8018**
*Đại diện tại Australia:*
**Thường Quán, 9 Portsmouth St., Mt Waverly, VIC 3149**
**Tél: 011-61-3-8071797**

*



Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN 1065-9323



HỢP LƯU

Kính chúc các văn thi hữu, họa sĩ và độc giả
một năm mới thịnh vượng, vui vẻ



# MỤC LỤC



Tranh bìa: *Chân dung Văn Cao*, sơn dầu trên bố, 24X30cm, **Bùi Xuân Phái**
Tranh đen trắng: **Đinh Cường, Lê Bá Đảng.**
Ký họa: **Bùi Xuân Phái, Tạ Ty, Văn Cao, Trịnh Công Sơn, Bùi Quang Ngọc, Khánh Trường...**



# thư tòa soạn

Như đã loan báo từ số trước, chủ đề chính của *Hợp Lưu* số này dành riêng cho thi sĩ, họa sĩ, nhạc sĩ Văn Cao.

Trên bốn mươi năm phục vụ văn học nghệ thuật, Văn Cao đã cống hiến cho đất nước một lượng sáng tác - qua ba lãnh vực thơ ca, hội họa và âm nhạc - tuy không đồ sộ, nhưng có thể xem là những cống hiến quý giá, cốt tuỷ nhất của một tài năng.

Chúng tôi rất tiếc, do nhiều nguyên nhân khách quan, đã không thể thực hiện số báo này một cách hoàn hảo như mong muốn. Người viết trong nước, bị câu thúc bởi hoàn cảnh, lượng bài gởi ra chưa phong phú, đã đành. Những vị có thể viết được, ở hải ngoại, vẫn còn đang loay hoay với những định kiến chính trị, cũng "chưa tiện" cộng tác với chúng tôi. Dù vấp phải thực tế đáng buồn đó, *Hợp Lưu* nghĩ rằng độc giả sẽ nhìn ra nỗ lực của nhóm chủ trương, từ đó, sẽ rộng lòng khi đánh giá, nếu số đặc biệt này có những sơ xuất. Hy vọng, trong một tương lai gần, những công trình tương tự, về nhiều văn nghệ sĩ khác, sẽ được mọi văn hữu, không phân biệt trong ngoài, tiếp tay đóng góp vô tư và thoải mái hơn.

Để tờ báo giữ được bản sắc và sự sinh động, ngoài phần đặc biệt dành riêng cho Văn Cao, *Hợp Lưu* số này vẫn cố gắng duy trì hầu hết các phần khác:

Phần phỏng vấn, ngoài bài nói chuyện giữa nhà văn Thế Uyên và phụ tá chủ biên *Hợp Lưu*, nhà văn Phan Tấn Hải, chúng tôi trân trọng mời độc giả theo dõi một bài phỏng vấn khác, do nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện, với một số văn nghệ sĩ hải ngoại, gồm nhiều khuynh hướng, thời điểm xuất hiện cũng như lứa tuổi, về hai câu hỏi có liên quan thiết thực đến tình hình văn nghệ Việt Nam trong giai đoạn hiện tại.

Phần thơ, truyện, để quân bình, những sáng tác sẽ gồm một nửa của các tác giả trong nước, và một nửa ở hải ngoại, như chủ trương đã đề ra từ số đầu.

Phần *"Mục Thường Xuyên"*, ngoài các mục đã có, bắt đầu từ số này, *Hợp Lưu* mở thêm mục: *Những Vấn Đề Của Chúng Ta*, nhằm giới thiệu đến bạn đọc mọi suy nghĩ, khám phá, thành tựu trên các lãnh vực liên quan đến đất nước và con người Việt Nam. Chúng tôi hy vọng, qua phần này, dù khiêm

tốn, chúng ta cũng sẽ có cơ hội đóng góp thiết thực hơn vào diễn trình dân chủ và canh tân hóa quê hương.

Riêng vấn đề giao lưu, nỗ lực của chúng tôi trên một năm nay, là tìm cách bắt được cây cầu liên lạc giữa giới trí thức và cầm bút trong, ngoài nước. Nỗ lực đó từ lâu đã có hồi âm. Nhiều thư từ, bài vở, nhiều khích lệ, thăm hỏi, góp ý... *Hợp Lưu* vẫn nhận đều, tuy nhiên vì an ninh của các tác giả, chúng tôi không thể công bố trên mặt báo, trừ phi, do chính tác giả đồng ý, như bài của Dương Tường, Hoàng Phủ Ngọc Tường...và nhất là của nhà thơ Hoàng Cầm- để trả lờimột bài viết khác của nhạc sĩ Phạm Duy đã đăng trên *Hợp Lưu* số 6, tháng 8, 1992 - trong số này,. Chúng tôi rất mong những cuộc thảo luận, tranh luận trong tương lai (chắc chắn sẽ xảy ra trên *Hợp Lưu)*, hoàn toàn dựa vào tinh thần xây dựng và tương kính, nhằm tìm đến cái đẹp, cái tốt cho văn học, nói riêng, và đất nước Việt Nam, nói chung. Cũng cần nói thêm, *Hợp Lưu* sẽ đứng ở vị trí khách quan. Mọi phán xét xin nhường cho độc giả.

Cuối cùng, *Hợp Lưu* xin thông báo :

1. Vì công việc làm ăn, nhà thơ Phạm Việt Cường đã di chuyển đến nơi cư ngụ mới, thuộc vùng Bắc Cali. Từ nay, *Hợp Lưu* mất đi một biên tập chính chủ lực và đa năng. Tuy nhiên, anh hứa, dù không thể cùng chung lo việc biên tập, điều hành, nhưng chắc chắn sẽ không quên đóng góp bài vở thường xuyên.

2. Vì chu kỳ của *Hợp Lưu* không trùng với ngày đầu năm mới, nên số này tòa soạn quyết định tăng trang, tăng bài, và xin được xem là số báo Tết. Đồng thời số 9, đầu tháng 2, 1993 sẽ là số Đặc biệt Tân Niên. Kính mong văn hữu và độc giả đóng góp bài vở (xin gởi về trước ngày 5 tháng 1, 1993 để sắp xếp và chu tất phần kỷ thuật).

Một lần nữa, anh chị em chủ trương tập san *Hợp Lưu* trân trọng gởi đến quý văn thi hữu, quý nhà phê bình, lý luận, biên khảo, quýthân chủ quảng cáo cùng quý độc giả một lời chúc tốt đẹp nhất, cho năm mới 1993.

**Hợp Lưu**

Mời Văn Hữu, Họa Sĩ và Độc Giả trong, ngoài nước
cọng tác với chúng tôi qua số báo có chủ đề

## Hội Họa Việt Nam Qua Các Thời Đại

Bài vở xin gởi về tòa soạn ngay từ bây giờ

## Cáo lỗi

Dù tăng 32 trang, chúng tôi vẫn buộc lòng phải gác lại một số bài vở của văn hữu, độc giả đã dành cho Hợp Lưu.
Thành thật xin lỗi và sẽ có thư riêng đến những vị đã gởi bài nhưng chưa đăng được.


thân tặng



# văn cao

*(Vài nét tiểu sử)*



Văn Cao, tên đầy đủ là Nguyễn Văn Cao, bản quán Nam Định, sinh ngày 15 tháng 11 năm 1923 tại thành phố Hải Phòng, trong một gia đình tiểu công chức, thân phụ làm cai máy nước, sau bị gièm pha mất chức và gia đình lâm vào cảnh túng thiếu.

Hồi nhỏ, học trường tiểu học Bonnal xây trên bãi đất lấp sông mang cái tên như vậy. Thế Lữ, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi cũng từng là học sinh trường này.

Tiếp tục cấp trung học tại trường dòng Saint Joseph và được học thêm âm nhạc cũng tại đây.

Không bao lâu, vì gia đình sa sút, Văn Cao phải phá ngang đi học vẽ. Được thân phụ chạy chọt xin cho được một chân điện thoại viên ở Sở đoan gần nhà, Văn Cao bỏ việc sau một tháng, sống cuộc đời thất nghiệp.

Năm 1939 viết ca khúc đầu tay *Buồn Tàn Thu* với một thoáng ảnh hưởng của Lê Thương như sau này, tác giả tự nhận xét. Bài hát được Phạm Duy trình bày ở nhiều nơi.

Năm 1940 ghé Huế, rung động với phong cảnh và di tích lịch sử cùng những điệu Nam Ai, Nam Bình, bật ra những vần thơ:

*...Một đêm đàn lạnh trên sông Huế / Ôi nhớ thương hoài vạt áo xanh...*

Tiếp tục chu du vào Sài Gòn, phát hiện thơ Hàn Mặc Tử, trở về Hải Phòng, nơi đang nẩy nở phong trào tân nhạc với Hoàng Quý, Canh Thái, Phạm Ngữ. Đây cũng là một thời kỳ thăng hoa của Văn Cao: những *Thiên Thai* (1941), *Bến Xuân* (1942), *Cung Đàn Xưa* (1942), *Bài Thơ Bên Suối* (1943), *Trương Chi* (1943) đã đưa tân nhạc lên một đỉnh cao rực rỡ vào những năm 40. Song song với mạch trữ tình này là loạt ca khúc dòng hướng đạo sinh hào hùng khí phách ái quốc như *Gò Đống Đa, Thăng Long Tiến Hành Khúc, Chiều Buồn Trên Bạch Đằng Giang, Tiếng Rừng...*

Văn Cao còn viết truyện ngắn, làm thơ đăng trên Tiểu Thuyết Thứ Bảy do Vũ Bằng chủ trương (thời kỳ 42-43)

Năm 1942, lên Hà Nội, theo đuổi một đam mê mới, hội họa; được nhận vào học dự thính ở trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương, tỏ ra có biệt tài với đầu óc cách tân.

Năm 1943 - 1944, hai lần xuất hiện trong Triển Lãm Duy Nhất (Salon Unique) tổ chức tại nhà Khai Trí Tiến Đức với ba tác phẩm sơn dầu: *Cô Gái Dậy Thì, Sám Hối Nửa Đêm* (tự họa), và đặc biệt là *Cuộc Khiêu Vũ Những*

*Người Tự Tử.* Mặc dầu được đánh giá cao và gây chấn động, những tranh này không gặp khách mua. Tiếp tục sáng tác nhạc và vẽ tranh, sống thiếu thốn, vất vưởng trong một thành phố Hà Nội đang đói.

Cũng trong thời gian này, được bắt mối và giới thiệu vào Mặt Trận Việt Minh qua Vũ Quý, một cán bộ luôn theo sát và cổ vũ những hoạt động nghệ thuật yêu nước của Văn Cao. Được giao nhiệm vụ sáng tác bài hát cho lực lượng cách mạng trong Khóa Quân Chính Kháng Nhật, ông viết *Tiến Quân Ca* trong căn gác hẹp số nhà 171 phố Mongrand (nay là số 45 Nguyễn Thượng Hiền). Bài hát khởi hứng cho Nguyễn Đình Thi sáng tác *Diệt Phát Xít*, liền đó Văn Cao hoàn thành tiếp bài *Chiến Sĩ Việt Minh* (sau này đổi là *Chiến Sĩ Việt Nam*) như đã giao ước với Thi. Tháng 11 năm 1949 Văn Cao tự tay chép bản *Tiến Quân Ca* trên litho đăng báo Độc Lập in bí mật ở Bát Tràng. Năm sau, 1945, bài hát được Đại Hội Quốc Dân ở Tân Trào chọn làm Quốc Ca và năm sau nữa, 1946, được quốc hội khóa I của chính phủ VNDCCH chính thức công nhận là như vậy.

Năm 1946, sáng tác *Chiến Sĩ Hải Quân, Chiến Sĩ Không Quân, Bắc Sơn...* Kháng chiến toàn quốc, Văn Cao khoác ba lô lên chiến khu Việt Bắc. Suốt tám năm, khi hòa vào cuộc sống với đồng bào, lúc lặn lội đi chiến dịch cùng bộ đội, ông viết nhiều tác phẩm đánh mốc những chặng đường kháng chiến như *Làng Tôi, Ngày Mùa, Công Nhân Việt Nam, Tiến Về Hà Nội...* Với đỉnh cao là *Trường Ca Sông Lô.*

Hòa bình lập lại theo hiệp định Genève 1954, tham gia phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, bị phê phán trên nhiều báo và cả một thời gian dài sau đó gần như chìm vào quên lãng. Nhiều năm sống vất vả bằng vẽ bìa sách, minh họa cho các báo, đôi khi làm trang trí sân khấu. Gần như ngừng hẳn sáng tác ca khúc. Viết nhạc phim theo "đơn đặt hàng", đáng kể trong số này là nhạc cho phim *Đi Bước Nữa* (trong đó Văn Cao thể nghiệm một ngữ pháp âm nhạc mới để lấy lại lời của chính ông), *Chị Dậu...* Tiếc rằng tổng phổ của các tác phẩm nhạc phim này bị thất lạc, bản thảo tác giả cũng không lưu lại được.

Sau khi thống nhất đất nước, từ những năm 80 đến nay, nhạc Văn Cao được phục hồi dần dần. Năm 1986, lần đầu tiên sau mấy thập niên, một đêm nhạc Văn Cao được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh và theo yêu cầu của công chúng, phải kéo thêm hai đêm nữa. Tiếp nối đà ấy, Hà Nội và nhiều thành phố khác cũng đã tổ chức những đêm nhạc Văn Cao trong những năm 1987, 1988, 1989. Giờ đây, các ca khúc Văn Cao trở lại phổ biến cùng với những băng cassette nhạc Văn Cao.

Năm 1988, nhà xuất bản Tác Phẩm Mới (nay là nhà xuất bản Hội Nhà Văn) cho ra tập thơ *Lá*, một tuyển tập thơ của Văn Cao.

ĐẶNG TIẾN
*(Khởi thảo tại Paris)*
DƯƠNG TƯỜNG
*(Hoàn tất tại Hà Nội hè 1992. Với sự xác nhận của Văn Cao.)*



**PHẠM DUY**

# nhạc tình văn cao

Thuở còn nhỏ, tôi rất yêu một bài thơ Pháp, thường được người đời gọi là Sonnet D'Arvers. Tôi chỉ còn nhớ hai câu tiếng Pháp như sau:

*Mon coeur a son secret ma vie a ses mystères*
*Toujours à ses côtés et pourtant solitaire...*

Nhà văn Khái Hưng đã dịch bài thơ đó một cách tuyệt vời:

*Lòng ta chôn một khối tình*
*Tình trong giây phút mà thành thiên thâu*
*Tình tuyệt vọng nỗi thảm sầu*
*Mà người gieo thảm như hầu không hay*
*Hỡi ơi người đó ta đây!*
*Sao ta thui thủi đêm ngày chiếc thân*
*Dẫu ta đi trọn đường trần*
*Chuyện riêng không dễ một lần hé môi*
*Người dù ngọc thốt hoa cười*
*Nhìn ta như thể nhìn người không quen*
*Đường đời lặng lẽ bước tiên*
*Ngờ đâu chân đạp lên trên mối tình*
*Một niềm tiết liệt đoan trinh*
*Xem thơ nào biết có mình ở trong*
*Lạnh lùng lòng lại hỏi lòng*
*Người đâu tả ở mấy dòng thơ đây?*

Thi sĩ D'Arvers yêu một người đẹp mà tuy gặp gỡ hàng ngày nhưng không bao giờ chàng dám tỏ tình với người mình yêu cả! Chàng giữ kín mối tình câm đó suốt đời mình, và nghĩ rằng sẽ có một ngày, người đẹp đó đọc bài thơ này, rồi bâng khuâng tự hỏi: *ai là người đã được mô tả trong mấy dòng thơ đây?*

Vào những năm đầu của thập niên bốn mươi, cũng như một số các nhạc sĩ trẻ khác, vừa bước vào con đường nhạc tình, tôi đã bị ảnh hưởng "Bài Thơ Tình Câm Lặng" của thi sĩ D'Arvers đó cho nên tôi đã có vài bài *tình ca ấp úng* như bài *Cô Hái Mơ*, trong đó tôi mang số phận của Nguyễn Bính để tỏ tình với người đẹp mà chẳng được cô ta *trả lời chúng tôi lấy một lời!* Hoặc như bài *Cây Đàn Bỏ Quên*, trong đó, cũng giống như anh Trương Chi/Văn Cao sau này, tôi bâng khuâng tự hỏi *người đẹp yêu tôi hay chỉ yêu tiếng đàn*

*của tôi mà thôi?* Nhưng nếu thi sĩ D'Arvers còn có một người đẹp để yêu vụng nhớ thầm và làm thơ, thì lũ nhạc sĩ trẻ nhát gái như chúng tôi lại chẳng có ai để mà soạn nhạc tình dâng hiến! *Chúng tôi toàn soạn nhạc tình cho người tình tưởng tượng!* Tôi không biết các ông tổ sư của loại nhạc tình trong Tân Nhạc Việt Nam như Dương Thiệu Tước, Thẩm Oánh hay Lê Thương... khi soạn ra những bản tình ca bất hủ mà ai nấy đều biết, đều hát thì có một người yêu bằng xương bằng thịt nào ở bên cạnh quý vị đó hay không? Duy có điều tôi biết rất ư chắc chắn là: vào năm 1945, khi soạn hai bài nhạc tình *Suối Mơ* và *Bến Xuân* thì Văn Cao đã tưởng tượng ra những cảnh:

*Từng hẹn mùa xưa cùng xây nhà bên suối...*
*Nghe suối róc rách trôi, hoa lừng hương gió mát*
*Đàn nai đùa trong khóm lá vàng tươi...*
...
*Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước*
*Em đến tôi một lần*
*Bao lũ chim rừng họp đàn trên khắp bến xuân...*

Thực ra thì *chẳng có em nào* cả! Tuy rằng người tình tưởng tượng có *đôi mắt như dáng thuyền soi nước...* với *tà áo em rung theo gió nhẹ thẹn thùng...* cũng cho nhạc tình Việt Nam một vài cảnh đẹp như *liễu dương hơ tóc vàng trong nắng...* khiến cho *du khách*, sau khi *gột áo phong sương* trở về bến cũ, nhớ người tình xưa... còn ngại ngùng nhìn bến xuân.

Chao ôi là tưởng tượng!

Nếu có dịp nào chúng ta đi tìm nhạc tình trong lịch sử thi ca và âm nhạc cổ truyền Việt Nam, chúng ta sẽ ngạc nhiên vì hiếm thấy có những bài thơ hay những bài hát nói đến tình yêu trai gái. Có lẽ trong dĩ vãng có ông cụ họ Khổng đã kê sẵn một cái bàn trong con tim và khối óc các tình nhân cổ xưa để kiểm duyệt nhạc tình một cách hơi khắt khe chăng? Trữ tình đến như *hát quan họ* thì cũng chỉ dám nói đến chuyện *nắm cổ tay không cho người yêu ra về!* Hoặc vui mừng như trong *hát giao duyên* thì cũng vẫn chỉ là:

*Gặp nhau đây*
*Nắm tay cho chặt*
*Anh hỏi nàng*
*Có thật yêu không?*

Hay buồn rầu như trong *hát ví*, vì *không nắm được cổ tay:*

*Cổ tay em trắng như ngà*
*Đôi mắt em sắc như là dao cau*
...
*Đôi ta gian díu bấy lâu*
*Biết rằng có lấy được nhau mà chờ?*

Phải đợi cho tới khi *Tân Nhạc* ra đời vào những năm cuối ba mươi và đầu bốn mươi, chúng ta mới có được một loại *nhạc tình lãng mạn* đầu tiên của người Việt Nam, do các người tình tiền phong của thời đại như Dương Thiệu

Tước, Thẩm Oánh, Lê Thương, Văn Chung, Lê Yên, Dzoãn Mẫn... tung ra! Tất cả những bản nhạc tình đó, cũng giống như nền *Thơ Mới* của Việt Nam lúc bấy giờ, đã có phần nào bị ảnh hưởng văn chương và thi ca lãng mạn Pháp. Cụ thể mà nói thì những bài thơ như Sonnet D'Arvers đã ảnh hưởng tới lũ chúng tôi, những người viết nhạc tình đầu tiên của Việt Nam theo lãng mạn tính của cá nhân chủ nghĩa trong thi văn Pháp. Tuy nhiên, loại nhạc tình lãnh mạn đó chỉ có thể được gọi là đạt tới độ hoàn mỹ khi nó được xuất phát ra từ một con người tài hoa bậc nhất của giới nghệ sĩ trẻ lúc bấy giờ. Người đó là Văn Cao!

*

Chẳng khác chi lớp nghệ sĩ trẻ tuổi và lãng mạn vào lúc đó, Văn Cao cũng bị mùa Thu ám ảnh! Những bản nhạc tình lãng mạn đầu tiên của ông đều nói tới mùa Thu. Những bài như *Thu Cô Liêu, Buồn Tàn Thu* lại còn pha trộn thêm cái buồn Đông Phương.

Lời ca nghe như một câu thơ Đường:

*Thu cô liêu tịch liêu,*
*Cô thôn chiều... Ta yêu Thu yêu Thu yêu mùa Thu!*

Tuy chỉ là một bài hát ngắn, nhưng Văn Cao cũng chia *Cung Đàn Xưa* ra bốn đoạn rõ ràng. Đoạn đầu nói tới cung đàn năm xưa với một âm giai *sol trưởng* và một nhịp *valse* như trong bài *Thu Cô Liêu:*

*Hồn cầm phong lương*
*Hình bóng xuân tàn*
*Ngày dần buông trôi*
*Sầu vắng cung đàn.*
*Lời đàn năm xưa*
*Xe kết đôi lòng*
*Lời đàn năm nay*
*Chia rẽ đôi lòng...*

Đoạn 2 nói tới cung Thương, cung Nam nghĩa là những cung đàn ai oán trong âm nhạc cổ xưa, những chủ đề mà Lê Thương, Phạm Duy cũng đều có nói tới qua những bài như *Tiếng Đàn Xuân, Khối Tình Trương Chi:*

*Cung Thương là tiếng đàn*
*Cung Nam là tiếng người*
*Ai oán khúc ca cầm chìm rơi*
*Tình duyên lãng đãng nhớ thương dần pha phôi!*

Sau khi đã đổi nhịp trong đoạn 2, với đoạn 3, Văn Cao chuyển qua một nhịp điệu khác, nói tới sự buồn rầu trong cung đàn xưa:

*Cung đàn ngân*
*Buồn xa vắng trong tiếng thầm*
*Buồn tê tái trong tiếng ngân*

*Buồn như lúc xuân sắp tàn*
*Ôi đàn xưa!*
*Còn vang nhắc chi đến người?*
*Lòng ta tắt bao thắm tươi*
*U hoài duyên đưa...*

Thì ra tất cả ba đoạn nói tới một *Cung Đàn Xưa* đó chỉ muốn nhắc tới một người mà Văn Cao diễn tả một cách tuyệt mỹ, *một người tình tưởng tượng* có đôi mắt giữ lại mùa xuân, có đôi chân đi tới đâu hoa nở tới đó, có thân hình thơm hương, có tiếng nói khơi dậy yêu thương... khiến cho hiện thân của anh Trương Chi là Văn Cao đó, bây giờ đã phải cất lên tiếng đàn giao hoan và dệt nên không biết bao nhiêu là mộng mị:

*Chiều năm xưa*
*Gót hài khai hoa*
*Mắt huyền lưu Xuân*
*Dáng hồng thơm hương...*
*Chiều năm nay*
*Tiếng người khơi thương*
*Tiếng đàn giao hoan*
*Giấc mộng chàng Trương!*

Bài hát sẽ trở lại đoạn đầu để hết...

*

Sau hai bài *Thu Cô Liêu* và *Cung Đàn Xưa* mà ít người biết tới, Văn Cao soạn *Suối Mơ* và *Bến Xuân*. Nếu đem so sánh với những bản nhạc tình của thời đó, thì hai bài *Suối Mơ* và *Bến Xuân* là cực điểm của *lãng mạn tính* trong ca nhạc. Lúc đó, các nhạc sĩ khác còn đang luẩn quẩn tìm cách xếp đặt chữ nghĩa trong ca khúc thì Văn Cao đã viết hẳn ra một *Bài Thơ Bên Suối:*

*Suối mơ*
*Bên rừng thu vắng*
*Dòng nước trôi lững lờ ngoài nắng*
*Ngày chưa đi sao gió vương?*
*Bờ xanh ngắt bóng đôi cây thùy dương...*

Sau này người ta gọi nó là *Suối Mơ*, nhưng thực sự nó mang cái tên là *Bài Thơ Bên Suối*. Trong lúc tình ca Thẩm Oánh, Dương Thiệu Tước, Lê Thương còn vướng víu nhiều hình tượng cổ điển thì Văn Cao đã đưa ra những hình ảnh mới trong nhạc tình:

*Suối ơi!*
*Ôi nguồn yêu mến*
*Còn ghi khi bóng ai tìm đến!*
*Đàn ai nắn buông lưu luyến*
*Suối hát theo đôi chim quyên...*

Cái mới trong hình ảnh, cái mới trong tương quan giữa cảnh và người đưa

ra trong nội dung, cái mới cả trong nhạc điệu... Sau hai lần mô tả con suối đẹp trong rừng thu với nhạc đề một, Văn Cao chuyển qua nhạc đề hai để hẹn hò với người yêu *cùng xây nhà bên suối*, cùng nghe *suối róc rách trôi*, cùng ngửi mùi *hoa lừng hương gió ngát...* và cũng không quên cái cảnh *đàn nai đùa trong khóm lá vàng rơi!* Bài hát ăm ắp hình tượng mùa Thu yêu đương!

Rồi ca khúc chuyển nhẹ qua giọng *majieure* để nhắc nhở tới chuyện xa nhau giữa hai người tình:

*Tơ đàn chùng theo với tháng năm*
*Rừng còn nhớ tới người*
*Trong chiều nào giữa chốn đây*
*Hồn cầm lắng tiếng đời...*

Cuối cùng, nhạc đề một trở lại với kết luận là con suối trong rừng Thu sẽ buồn muôn thuở là vì còn lưu luyến hương vị tình yêu của chúng ta:

*Suối ơi!*
*Nghe rừng heo hút...*
*Dòng êm đưa lá khô già trút*
*Còn như lưu hương yêu dấu*
*Với suối xưa trôi nơi đâu?*

Cũng với nhạc thuật tương tự, Văn Cao đưa ra bài Bến Xuân. Cũng cảnh mô tả xây nhà với người yêu nhưng ở đây không còn là nhà bên suối trong rừng mùa Thu, mà là nhà bên cạnh một bến nước trong một mùa Xuân... Cũng có chim đùa rỡn với hai người tình, nhưng ở đây loài chim còn có cả một vùng chân trời góc biển cao rộng, để tung cánh bay đi thành đàn chim Việt.

Người tình trong *Bến Xuân* rõ nét hơn. Mối tình nơi bến nước lâu dài hơn. *Suối Mơ* là một khung cảnh. *Bến Xuân* là một câu chuyện:

*Tới đây chân bước cùng ngập ngừng*
*Mắt em như dáng thuyền soi nước..*
...
*Tới đây mây núi đồi chập chùng*
*Liễu dương hơ tóc vàng trong nắng...*

Dù cả hai bài tình ca này đều được xây dựng trên hệ thống âm giai Tây Phương nhưng nó đều có những *âm hình* rất Việt Nam, ví dụ nét nhạc *si la sol la re* trong đoạn nhạc trích dẫn kể trên, nghe như một nét nhạc Việt diệu Nam hơi oán..

Trong cả hai bài nhạc tình về mùa Thu và mùa Xuân này, bao giờ nét nhạc *mineure* mở đầu cũng rất là lâng lâng rồi cũng sẽ chuyển qua một nét nhạc *majeure* ngắn để diễn tả một niềm vui thoáng qua. Hình ảnh người tình trong cả hai bài hát này đều rất là lộng lẫy, cao sang... Tình cảm của cả hai bài nhạc tình đều không dìm con người vào cõi u tối, trái lại làm cho người nghe thấy nguôi ngoai, sảng khoái...

Suốt hơn ba mươi năm, bây giờ nhìn vào bản nhạc này, tôi vẫn thấy như

mình còn đang đứng ở trên một bến nước nào đó của tuổi Xuân xa xưa... nhìn những cánh buồn nâu trên sóng và nghe những tiếng chim ca lưu luyến cuộc tình vừa qua của một đôi lứa...

*Sương mênh mông che lấp kín non xanh*
*Ôi cánh buồm nâu còn trên lớp sóng xuân!*
*Ai tha hương nghe ríu rít oanh ca*
*Cánh nhạn vào mây thiết tha*
*Lưu luyến tình vừa qua...*

Văn Cao tài hoa như thế mà tiếc thay, ông chỉ soạn có năm hay sáu bản nhạc tình trong đó có hai bài hát vĩ đại là *Thiên Thai* và *Trương Chi*. Bài *Buồn Tàn Thu* thì không có giá trị nghệ thuật cao như những bài tôi vừa kể, nhưng vì nó được hát lên rất nhiều lần trên sân khấu gánh hát rong và trên đài phát thanh Sài Gòn trong những năn 44-45 là lúc *Tân Nhạc* còn mới phôi thai, cho nên nó được nhiều người biết tới.

Nhưng những bài tình ca nhỏ nhặt đó sẽ bị mờ di khi *Thiên Thai* và *Trương Chi* ra dời. Với tài năng đã đến độ chín mùi, Văn Cao sẽ dắt chúng ta lên tới đỉnh cao nhất của ái tình cũng như sẽ đưa ta vào cõi sâu thẳm nhất của khổ đau với hai câu chuyện cổ dân gian biến thành hai bản tình ca muôn thuở.

*

Tôi đã có dịp nói tới không khí Đường Thi trong nhạc Văn Cao, nghĩa là nói tới chất thơ trong sáng, cô đọng ngay từ trong những bản nhạc đầu tiên của ông. Ta thấy những bài *Thu Cô Liêu, Buồn Tàn Thu...* như có vẻ vừa thoát ra từ khung cảnh *Thu Hứng* của Đỗ Phủ. Nghe câu hát trong bài *Cung Đàn Xưa*: "Chiều năm xưa gót hài khai hoa, mắt huyền lưu xuân, dáng nồng thơm hương"... thì ta nghe như một câu thơ Thôi Hiệu... Nhưng trong thời kỳ *hình thành* và *phát triển* của Tân Nhạc, Văn Cao cũng không là chàng nhạc sĩ trẻ tuổi độc nhất đã bị ảnh hưởng của thơ Đường. Nhạc sĩ dàn anh Lê Thương mà đã chẳng biết dùng khung cảnh *Trăng Quan San* của Lý Bạch để soạn ra câu hát: *Qua* Thiên San *kìa ai tiễn rượu vừa tàn.* khiến cho ba bản *Hòn Vọng Phu* của ông trở thành bất diệt đó à? Có lẽ cũng cảm thấy ma lực của Đường Thi trong Tân Nhạc cho nên về sau này tôi cũng mượn không khí của *Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn Tự - Dạ bán chung thinh đáo khách thuyền* của Trương Kế để soạn ra câu hát trên sông Lô: *Thuyền tôi đậu bến sông Lô - Nửa đêm nghe tiếng quân thù thở than...* Nếu chúng ta đi xa thêm vào dĩ vãng, ta lại còn thấy trong truyền thống *Hát Ả Đào*, những bài thơ như *Tương Tiến Tửu, Tiền Hậu Xích Bích...* của thơ Đường đã trở thành những điệu hát hoàn toàn Việt Nam. Còn trong sân khấu *Cải Lương Miền Nam*, thì cũng lại có hẳn một điệu hát được gọi tên là *Dạ Bán Chung Thinh*. Ai cũng bị ảnh hưởng Đường Thi mà chẳng nói ra hay chưa có dịp nói ra.

Nhưng với bài *Thiên Thai* ra đời vào năm 1944 thì Văn Cao đã không ngần ngại để viết mấy câu tựa như sau:

*...Ảnh hưởng sông nước khúc Thiên Thai cổ trong khung cảnh huyền diệu của Đường Thi với hai truyện Thiên Thai và Đào Nguyên. Người Sông Ngự đã lạc cảm xúc rồi!*

*Mùa Xuân Giáp Thân, Văn Cao.*

Ta hãy thử xem những bài thơ Đường mà Văn Cao vừa kể ra như *Đào Nguyên Hành* của Vương Duy và *Lưu Nguyễn Nhập Thiên Thai* của Tào Đường đã có những gì để khiến cho người nhạc sĩ mang thêm bí danh là Người Sông Ngự này đã phải *lạc cảm xúc?*

Bài thơ của Vương Duy dẫn chúng ta vào một khung cảnh thần tiên:

*Chiếc thuyền câu đẩy đưa trên sông nước*
*Mê sắc trời núi đẹp ánh xuân xa*
*Đôi bờ Đào Hoa, bến thuyền xưa ấy*
*Ngồi ngắm nhìn cây thắm, không biết xa...*

Chốn *suối hoa đào* thần tiên đó mà có được, chẳng qua cũng chỉ vì thi sĩ có quá nhiều gian khổ trong cuộc đời cho nên đã phải tạo ra cho mình một nơi để ẩn lánh. Một nơi mà sau này thi sĩ Vũ Hoàng Chương bước vào phải *lạc lối*, người thơ của lên đường Tản Đà tới được thì, sau *nửa đêm tiên cảnh, một bước trần ai...* sẽ phải giã biệt cảnh đẹp lý tưởng đó với *tiếng suối tiễn, oanh đưa...* Và nếu chúng ta có tới được thì cũng chẳng ở lâu, cũng giống như truyện dài hai chàng thư sinh mang họ Lưu, họ Nguyễn lạc vào cõi Thiên Thai vậy! Ở dưới trần thì mơ lên tiên. Ở cảnh tiên thì lại đòi về dương trần... Đó là thân phận con người, la condition humaine.

Bài thơ của Tào Đường thì diễn tả cảnh hai chàng thư sinh đi hái thuốc, không ngờ lại tới được chốn Đào Nguyên:

*Khe cây, lối đá nhận đường vào*
*Hoa cỏ không vương mảy bụi nào*
...
*Nhìn bóng dáng mây quên việc trước*
*Trông chiều cây nước ngỡ chiêm bao*
*Muốn biết về đâu non nước ấy?*
*Hỏi thăm, nên tới suối Hoa Đào.*

Người Sông Ngự / Văn Cao đã thú nhận rằng mình đã bị ảnh hưởng sông nước của hai truyện *Đào Nguyên, Thiên Thai* cho nên đã soạn ra bài hát. Một bài hát, theo tôi, thật tuyệt diệu. Nó vừa có tính chất *trường ca*, vừa có tính chất *nhạc cảnh*. Nếu như hình thức ca khúc trong Tân Nhạc Việt Nam cho tới năm 1944 này vẫn còn nằm trong khuôn khổ một đoản khúc được ước định trong một số khuôn nhạc nào đó, với một lối chuyển cung, chuyển điệu công thức nào đó... thì bản *Thiên Thai* của Văn Cao đã vươn lên một hình thức rất lớn, chia ra nhiều đoạn, nhiều cảnh, gồm tới con số 94 khuôn nhạc,

chan chứa những giai điệu thần tiên và những lời ca tuyệt diệu.

Với tài năng đã nở rộ cùng với bước đi tới của Tân Nhạc, Văn Cao mô tả cảnh đầu của bài *Thiên Thai,* cảnh hai chàng Lưu Nguyễn lạc tới Đào Nguyên:

*Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng*
*Nhớ Lưu Nguyễn ngày xưa lạc tới Đào Nguyên...*
*Kìa đường lên tiên*
*Kìa nguồn hương duyên,*
*Theo gió tiếng đàn xao xuyến*
*Phím tơ lưu luyến*
*Mấy cung u huyền*
*Mấy cung triều mến*
*Như nước reo mạn thuyền...*

Sau khi mở ra một tiếng hát của ai không biết, *hát vang lừng trên sóng*, để đẩy đưa hai chàng *Lưu Nguyễn lạc tới Đào Nguyên...*, thì, với một nét nhạc leo thang, Văn Cao vẽ ra con *đường lên tiên*, nơi *nguồn hương duyên, theo gió* bay lên với *tiếng đàn xao xuyến...* Ngay trong cảnh đầu của bài ca, ngay từ khi con thuyền nào đó (con thuyền câu của *Đào Nguyên Hành*?) đưa hai kẻ si tình này đi vào cõi mộng, Văn Cao chỉ nói tới *phím tơ lưu luyến, mấy cung u huyền, mấy cung triều mến như nước reo mạn thuyền...* Tuyệt nhiên không có tả cảnh! Con đường lên tới *Suối Hoa Đào* cũng không phải qua *khe cây* hay *lối đá để nhận đường vào...* như trong bài thơ của Tào Đường. Tôi thì nghĩ rằng đây có lẽ là chiếc thuyền của anh Trương Chi mà Văn Cao đã cho hai chàng Lưu Nguyễn mượn tạm. Và cũng âm ba của giọng hát mà Văn Cao nói tới trong đoạn này đã làm cho hoa đào nơi suối tiên phải rụng cánh, có lẽ đó là tiếng hát của người thợ chài trên Sông Ngự, trong cuộc đời có thực hay trong cổ truyện lung linh vậy. Tiếng hát đưa đẩy con thuyền tình trôi trên sóng nước ngọc tuyền, và người trên thuyền cũng thấy quê hương dần xa lấp trong núi ngàn như trong hai bản Đường Thi, để gặp một tiếng hát khác, tiếng hát của bậc tiên bên bờ Đào Nguyên:

*Âm ba, thoáng rụng cánh đào rơi*
*Nao nao bầu sương khói phủ quanh trời*
*Lênh đênh dưới hoa chiếc thuyền lan*
*Quê hương dần xa lấp núi ngàn*
*Bâng khuâng chèo khua nước ngọc tuyền*
*Ai hát bên bờ Đào Nguyên?*

Trong đoạn này, Văn Cao đã chuyển nét nhạc một cách rất tài tình, dùng những nốt-bán-cung để di chuyển rất nhanh chóng câu hát đi từ một chủ âm *mineure* khác, cho ta thấy được rất nhiều màu sắc của khung cảnh thần tiên này. Màu sắc ở đây lại không có gì sặc sỡ, nó mơ hồ, nó nên thơ, nó huyền diệu...

Ai hát bên bờ Đào Nguyên? Đấy là bầy thiên tiên đang đứng hát đón chờ

hai gã tình lang tại một nơi còn nguyên vẹn trinh tiết bởi vì mùa Xuân ở đây chưa bao giờ gặp bướm trần gian tới làm cho Xuân phải ô uế, và mùa đào thì theo dòng ngày tháng chưa hề bao giờ tàn. Với một nhạc điệu rất đẹp chảy dài từ bát độ trên xuống bát độ dưới, với một nhịp điệu lẳng lơ nhưng thanh thoát, Văn Cao cho chúng ta một đoản khúc có thể là khúc Nghê Thường mà ta vẫn nghe nói tới trong Đường Thi:

*Thiên Thai! Chốn đây hoa Xuân chưa gặp bướm trần gian*
*Có một mùa đào dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần*
*Thiên tiên! Chúng em xin dâng chàng hai trái đào thơm*
*Khúc Nghê Thường này đêu cùng múa vui bầy tiên theo đàn...*

Nhạc bỗng sáng lên, chuyển qua giọng *majieure* nhưng lời ca thì vẫn chỉ nói tới tiếng đàn, tiếng nhạc... Tuyệt nhiên không nói tới người. Bầy tiên chỉ là hư ảnh. Biết đâu, ngay cả hai chàng Lưu Nguyễn cũng không có mặt trong bài ca? Rồi nhạc lại chuyển vội về giọng *mineure* để nói rằng tiếng đàn xui chúng ta quên đời dương thế, tiếng đàn non tiên cũng biết khao khát cuộc tình duyên.

*Đàn soi trăng lên, nhạc lắng tiếng quyên*
*Đây đó nỗi lòng mong nhớ*
*Này khúc Bồng Lai!*
*Là cả một thiên thu trong tiếng đàn chơi vơi.*
*Đàn xui ai quên đời dương thế*
*Đàn non tiên đàn khao khát khúc tình duyên.*

Cho mãi tới bây giờ Văn Cao mới hé cho ta thấy cuộc ái ân nổi dậy giữa hai người tiên người phàm bằng cách quay lại với nhạc đề chính trong bài ca:

*Thiên Thai! Ánh trăng xanh mơ tan thành suối trần gian*
*Ái ân thiên tiên em ngờ phút mê cuồng có một lần!*

Đàn phách lại nổi lên! Nhạc Văn Cao rộn rã một cách khác thường trong đoạn này! Gió hắt đi những tiếng hát. Những tiếng hát này sẽ làm se lòng người mỗi khi được nghe lại. Lưu Nguyễn quên trần hoàn rồi. Họ cùng bầy tiên đàn ca một vài ba thế kỷ.

*Gió hắt trầm tiếng ca*
*Tiếng phách ròn lắng xa*
*Nhắc chi ngày xưa đó đến se buồn lòng ta*
*Đào Nguyên trước, Lưu Nguyễn quên trần hoàn*
*Cùng bầy tiên đàn ca bao năm*
*Nhớ quê chiều nào xa khơi*
*Chắc không đường về tiên nữ ơi!*

Rồi cũng với nhạc đề này, Văn Cao nói tới sự quay trở lại đường tiên của hai ông cụ già Lưu Nguyễn, nhưng than ôi, Đào Nguyên đã biến mất rồi! Chỉ còn rền lại tiếng ca của cõi tiên.

*Gió hắt trầm tiếng ca*

*Tiếng phách ròn lắng xa*
*Nhắc chi ngày xưa đó đến se buồn lòng ta*
*Đào Nguyên trước, Lưu Nguyễn khi trở về*
*Tìm Đào Nguyên, Đào Nguyên nơi nao?*
*Những khi chiều tà trăng lên*
*Tiếng ca còn rền trên cõi tiên.*

Tuy viết ra một bài hát vừa có tính *trường ca*, vừa có tính *nhạc cảnh*, nhưng Văn Cao không *tả thực* trong bài *Thiên Thai* này. Tất cả những hình ành chính của câu truyện cổ như hai chàng Lưu Nguyễn, bầy thiên tiên hoặc những cảnh vật như suối hoa đào, chiếc thuyền lan, nước ngọc tuyền, đều được mô tả một cách rất mơ hồ... giống như trong một giấc mộng vậy. Ta biết là có con thuyền chở Lưu Nguyễn tới cõi Thiên Thai, ta biết là có bầy tiên múa hát dâng trái đào thơm... nhưng ta không thấy được họ. Khi cùng người yêu xây được ngôi nhà cỏ bên *Suối Mơ* hay trước *Bến Xuân* với hai tình khúc trước, thì Văn Cao có thể mời đón chúng ta bước vào căn nhà bên chiếc cầu soi nước để ngồi nhìn đàn nai đùa trên đống lá vàng tươi. Nhưng trong *Thiên Thai*, cõi mơ của Văn Cao, chúng ta không thể nào bước vào cái vườn cấm này được. Đây là cõi riêng của Người Sông Ngự. Nhưng ta lại được tự do tuyệt đối để nghe lên toàn thể tiếng đàn, tiếng hát vút lên từ đầu tới cuối của trường khúc *Thiên Thai* này, tiếng đàn, tiếng hát mà tôi đã cho là anh Trương Chi trong truyện cổ của chúng ta, và nhạc sĩ Văn Cao đã cho *Thiên Thai* mượn tạm.

*Thiên Thai* là cõi riêng của Văn Cao, Trương Chi mới là tiếng hát của Văn Cao.

*

Thuở tôi còn nhỏ, ở Hà Nội thường có những người đi hành khất bằng giọng hát, nghĩa là họ đến trước cửa từng nhà để hát những câu truyện cổ Việt Nam, hát xong thì ngửa tay xin tiền. Tôi vẫn còn nhớ hình ảnh người ca sĩ/ăn mày đó, miệng thì hát, tay thì đập vào cái hộp sắt bỏ trong túi áo để đánh nhịp cho bài hát. Và hình như anh ta chỉ có một bài hát duy nhất để làm vũ khí cho nghề ăn xin của anh mà thôi. Đó là bài hát về anh Trương Chi:

*Ngày xưa có anh Trương Chi*
*Người thì thậm xấu, tiếng hát thì thật hay*
*Cô Mỵ Nương vốn ở lầu Tây*
*Con quan thừa tướng ngày rày cấm cung...*

Sau này, tôi vẫn thường cám ơn thầm người hành khất bằng giọng hát đó, bởi vì ngay từ khi tôi chưa có đủ trí khôn để hiểu biết cuộc đời thì anh đã nuôi dưỡng tình cảm của tôi bằng một câu chuyện tình đẹp ngang với những chuyện tình đẹp nhất trên thế giới.

Câu chuyện cổ tích về anh Trương Chi *người thì thậm xấu, tiếng hát thì*

*thật hay* mà ca nhạc cổ truyền đã xưng tụng qua hình thức *hát rong, hát dạo, hát xẩm*... cũng đã được các thi sĩ, văn sĩ của thời nay nhắc tới. Chẳng hạn như trong bài thơ *Bài Ca Ngư Phủ* của Vũ Hoàng Chương mà Hoàng Thư đã ngâm lên một cách mê ly trên các đài phát thanh ở trong nước cách đây hai, ba mấy chục năm. Thạc sĩ Phạm Duy Khiêm thì viết truyện *Le Cristal D'Amour* bằng Pháp ngữ, in trong cuốn *Légendes Des Terres Sereines*. Thi sĩ Hoàng Cầm còn dùng truyện cổ đó để soạn vở kịch thơ *Tiếng Hát*.

Trong giới Tân Nhạc, thì có Hùng Lân với bài *Hận Trương Chi*, Phạm Duy viết bài *Khối Tình Trương Chi* và Văn Cao viết bài *Trương Chi*.

Vài bài hát nói lên một nỗi hận, Hùng Lân không kể chuyện anh Trương Chi, ông chỉ mượn một nhân vật tiêu biểu cho giới cầm ca để nói luôn đến chuyện Tử Kỳ và Bá Nha, chuyện người hát hay, đàn hay mà không có người thưởng thức. Phạm Duy là tôi lúc còn ấu trĩ, thì khách quan kể lại câu chuyện cổ truyền. Riêng chỉ có Văn Cao là nói tới nhân vật tài hoa truyền kỳ này, nói tới sự não nuột trong tiếng nhạc Trương Chi, nói tới con người và số phận, đồng thời cũng nói về mình.

Không phải bây giờ Văn Cao mới nói tới Trương Chi. Người Sông Ngự đã đưa hồn Trương Chi vào hồn mình từ lâu rồi. Từ khi nói tới một trong những *chiều năm xưa* có những *cung đàn* cũng *năm xưa* ấy réo rắt lên, bên một người con gái đẹp... mà

*...gót hài khai hoa*
*Mắt huyền lưu Xuân*
*Dáng hồng thơm hương*

đã khiến cho chàng Trương/Văn Cao phải đưa vào mộng mị:

*Chiều năm nay*
*Tiếng người khơi thương*
*Tiếng đàn giao hoan*
*Giấc mộng chàng Trương...*

Lúc đó, Văn Cao chỉ mới hé lộ cho ta thấy tâm hồn của ông là tâm hồn của chàng ngư phủ thất tình họ Trương. Bây giờ, ông phát triển tiếng hát câm lặng đó bằng một trường khúc não nuột nhưng cũng rất kiêu sa.

Bài hát mở đầu bằng những câu nhạc dài, giống như trong bài *Thiên Thai*, nhưng có tính cách mô tả nhiều hơn.

*Một chiều xưa trăng nước chưa thành thơ*
*Trầm trầm không gian mới rung thành tơ*
*Vương vất heo may hoa yến mong chờ*
*Ôi tiếng cầm ca, Thu tới bao giờ!*

Kiêu sa lắm chứ! Khi Văn Cao cho rằng từ lúc mới có Trời, có Đất... khi chưa có Thơ thì đã có Nhạc rồi. Và chỉ có Nhạc mới kéo được mùa thu tới cho loài hoa, loài chim, loài người...

Rồi cũng với câu nhạc đó, Văn Cao đưa tiếng nhạc Trương Chi tới My Nương:

*Lòng chiều bơ vơ lúc thu vừa sang*
*Chập chùng đêm khuya thức ai phòng loan*
*Một cánh chim rơi trong khúc nhạc vàng*
*Đây đó từng song he hé đợi đàn...*

Một nét nhạc cho ta thấy Mỵ Nương vui vẻ chờ đợi tiếng hát:

*Tây hiên Mỵ Nương khi nghe tiếng ngân*
*Hò khoan mơ bóng con đò trôi*
*Giai nhân cười nép trăng sáng lả lơi*
*Lả lơi bên trời...*

*Anh Trương Chi! Tiếng hát vọng ngàn xưa còn rung*
*Anh thương nhớ, oán trách cuộc từ ly não nùng*
*Đò trăng cắm giữa sông vắng*
*Gió đưa câu ca về đâu?*

Nét nhạc bây giờ vút lên, như tiếng nức nở của Trương Chi sau khi Mỵ Nương bị thất vọng về cái nhan sắc của anh:

*Nhìn xuống đáy nước sông sâu*
*Thuyền anh đã chìm đâu!*

*Thuyền anh đã chìm đâu!* có nghĩa là anh đã gieo mình xuống sông tự tử, nhưng oan hồn của anh còn đó khiến cho tiếng hát vẫn không tắt nghỉ. Khách giang đầu còn được nghe mãi mãi tiếng than khóc của Trương Chi:

*Từng khúc nhạc xa vời*
*Trong đêm khuya dìu dặt tiếng tơ rơi*
*Sương thu vừa buông xuống cây ven bờ xa mờ*
*Xóa dòng sông*
*Ai qua bến giang đầu tha thiết*
*Nghe sông than mối tình Trương Chi*
*Dâng úa trăng khi về khuya*
*Bao tiếng ca ru mùa Thu*

Nhưng Trương Chi có thực sự than khóc cái nghèo nàn, cái xấu trai của mình hay không? Ta hãy nghe Văn Cao chuyển cung từ *rê thứ* qua *sol trưởng* một cách sướng tai vô cùng, để diễn tả giọt mưa rơi ngoài song cửa Mỵ Nương, như rơi trên những cung đàn huyền diệu... Mưa cũng rơi trên con thuyền ngoài dòng sông lạnh, thuyền này chưa chắc đã là của anh Trương Chi:

*Ngoài song mưa rơi trên bao cung đàn*
*Còn nghe như ai nức nở và than*
*Trầm vút tiếng gió (ó o o) mưa*
*Cùng với tiếng nước róc rách ai có buồn chăng?*
*Lòng bâng khuâng g theo mưa đưa canh tàn*
*Về phương xa ai nức nở và than*
*Trầm với tiếng gió (ó o o) vương*

*Nhìn thấy ngấn nước lấp lánh in bóng đò xưa*

Vào thuở năm 1946, trong lúc Tân Nhạc mới chập chững biết đi mà Văn Cao đã viết được những câu nhạc diễn tả giọt mưa tài tình như vậy, thật là hiếm có. Nếu ta nhận ra nét nhạc *sol trưởng* trong đoạn *mưa rơi trên cung đàn* này là *nhạc ngũ cung* thì ta lại càng yêu quý Văn Cao hơn lên.

*

Câu chuyện tình éo le nhưng rồi cũng kết thúc một cách đẹp đẽ: Trương Chi chết đi nhưng vì cuộc tình chưa thỏa cho nên trái tim không chịu tan và hóa thành ngọc đá. Rồi người đời đem viên ngọc đó ra để làm thành một chén trà dâng tặng gia đình nhà quan. Trong một tiệc trà, Mỵ Nương bưng chén ngọc lên, thấy hình ảnh chàng ngư phủ cất tiếng hát trong lòng chén. Thương nhớ con người và giọng hát năm xưa, nàng rơi lệ! Giọt nước mắt nhỏ xuống chén ngọc. Thế là mối oan tình từ bao năm nay đã được thỏa mãn. Và bấy giờ thì chén ngọc, hay trái tim của chàng Trương Chi, mới tan đi...

Văn Cao không đả động tới chuyện đó. Ông chỉ tiếp tục xoáy vào nhân vật Trương Chi:

*Đò ơi! Đêm nay dòng sông Tương dâng cao*
*Mà ai hát dưới trăng ngà*
*Ngồi đây, ta gõ ván thuyền ta ca trái đất còn riêng ta*
*Đàn đêm thâu! Trách ai khinh nghèo quên nhau*
*Đôi lứa bên giang đầu*
*Người ra đi với cuộc phân ly*
*Đâu bóng thuyền Trương Chi.*

Như tôi đã nói, Văn Cao không kể lại câu chuyện Trương Chi/Mỵ Nương. Ông chỉ tỏ thái độ của chàng Trương sau khi thất tình, trước khi chết cũng như sau khi chết:

*Ngồi đây ta gõ ván thuyền*
*ta ca trái đất còn riêng ta!*

Tâm hồn tôi đẹp - vì tôi hát hay mà - nhưng hình hài tôi xấu, người không yêu tôi à? Thì tôi vẫn có cuộc đời hay trái đất này để ra một tuyên ngôn: Trái đất còn riêng ta! Trách ai khinh nghèo quên nhau! Trách ai? Trách xã hội hay trách người đời không bao giờ dung nổi con người nghệ sĩ? Ta vẫn còn riêng ta. Đó là ý nghĩa của bài *Trương Chi.*

*

Người Việt Nam, yêu nhạc, trải qua gần năm mươi năm của lịch sử Tân Nhạc lúc nào cũng sẵn sàng bị phản bội. Không phải tới bây giờ, ở trong những cộng đồng Việt Nam hải ngoại, những nhà tái bản sách nhạc, những con buôn của nghề sản xuất lậu băng nhạc, những ca sĩ không biết tự trọng...

luôn khinh miệt người sáng tác bằng cách sử dụng bừa bãi những tác phẩm làm bằng mồ hôi nước mắt của tác giả, nhưng không xin phép, không trả tác quyền, không đề tên tác giả trên bìa băng, *không hát đầy đủ lời ca của tác phẩm...* Ngay từ hồi Văn Cao viết bài tình ca bất hủ *Trương Chi* này, người ta cũng không bao giờ chịu để ý tới lời 2 của nhạc phẩm để in ra hoặc hát lên. Hôm nay, tôi có dịp để ghi lại những lời ca đẹp như trái tim ngọc đá của ngư phủ họ Trương:

*Từ ngày trăng mơ nước in thành thơ*
*Lạc loài hương thu thoáng vương đường tơ*
*Ngây ngất không gian rên siết lay bờ*
*Bao tiếng cầm ca rung ánh sao mờ*
*Nhạc còn lưu luyến nhắc ai huyền âm.*
*Lạnh lùng đôi dây tố lan trầm ngân*
*Trong lúc đêm khuya ai lóng tiếng cầm*
*Thu đã chìm xa xa ánh nguyệt cầm.*
*Khoan khoan đò ơi! Tương tư tiếng ca*
*Chàng Trương Chi cất lên hò khoan*
*Đêm Thu dài đến, khoan tiếng nhạc ơi!*
*Nhạc ơi, thôi đàn!*

Có một điều buồn đến với tôi khi hát lên lời 2 của bản *Trương Chi* này. Văn Cao tiên tri cái ngày mà ông không được phép đàn hát nữa? Như đã xảy ra sau vụ *Nhân Văn Giai Phẩm?*

*Đêm Thu dài đến, khoan tiếng nhạc ơi! Nhạc ơi. Thôi đàn...*

Đêm Thu đến với Văn Cao, quả rằng nó đã quá dài! Dài tới ba mươi năm lẻ! Văn Cao đã chết đi như Trương Chi, trái tim chàng có lẽ cũng đã thành viên ngọc đá. Ai là người sẽ nhỏ lệ lên trái tim Văn Cao?

PHẠM DUY

*(Trích VĂN HỌC số 15, 16, 17 tháng 4, 5, 6 năm 1987 với sửa chữa của tác giả)*



**ĐẶNG TIẾN**

# văn cao, tiếng hát



*Thiên Thai* và *Trương Chi* là hai ca khúc nổi tiếng từ nửa thế kỷ nay, cấu trúc trên hai truyền thuyết được lưu hành lâu đời. *Thiên Thai* là chuyện Lưu Nguyễn lạc vào cõi bồng lai, *Trương Chi* kể lại niềm đau đớn của chàng ngư dân có tiếng hát hay, tuyệt vọng vì tình: ai cũng hiểu như thế và hiểu đúng. Gần đây Phạm Duy có phát triển thêm ý nghĩa của hai bài hát, trong một loạt bài rất hay đăng trên Văn Học (California), số 16, và 17 tháng 10, 11 năm 1987, mà Hợp Lưu đăng kèm trong số này.

Nay chúng tôi muốn đưa một lối nhìn khác về hai nhạc phẩm, không phải để đi tìm cái độc đáo, lập dị, mà để đưa *Thiên Thai* và *Trương Chi* vào toàn bộ sự nghiệp thơ-nhạc-họa của Văn cao, như một đồng bộ thống nhất: hai bài hát đó, chúng tôi xem như là tuyên ngôn nghệ thuật của Văn Cao - những nguyên tắc thẩm mỹ đựa ra từ thuở hai mươi, sẽ chung thủy với Văn Cao đến tuổi xế chiều.

*Thiên Thai* mở ra bằng một tiếng hát:

*Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng...*

Bồng Lai, ở đây, chỉ là tiếng hát: *Thiên Thai* là lịch sử một tiếng hát, một tác phẩm nghệ thuật lừng danh và vô danh. Tiếng hát, không à ơi trên võng, không tỉ tê bên gối, không ê a dưới ánh đèn màu, không rè rè qua máy phát thanh, mà vang lừng trên sóng, vượt tới vũ trụ và lấn át vũ trụ. Tiếng hát át tiếng sóng là một âm thanh tự thức đè lên một âm thanh vô thức. Tiếng ai

hát... ai hát? Ta không biết và không cần biết. Một tác phẩm nghệ thuật, khi lìa tác giả, không còn cần tác giả, như đứa con khi trưởng thành không còn cần mẹ như trước: chúng ta yêu *Truyện Kiều* mà không cần biết Nguyễn Du. Biết, dĩ nhiên, "thì cũng tốt thôi" nhưng không phải là điều chính yếu trong nghệ thuật. Cái sai lầm của cô My Nương là đã muốn đồng hóa tiếng hát với người hát: "*Anh Trương Chi. Người thì thậm xấy hát thì thậm hay... Hồ nghe tiếng hát thì thương... Hồ trông thấy bóng anh chàng thì chê*" như lời ca dao quê Văn Cao mà Nguyên Hồng và sau này Phạm Duy, có kể lại. Mà không cứ gì một cô bé lầu Tây sai lầm, mà cả nền văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa (đã) sai lầm, khi đánh giá những bài hát nói của Nguyễn Công Trứ qua Nguyễn Công Trứ, đánh giá tiểu thuyết Nhất Linh qua con người Nhất Linh - mà lại đánh giá sai.

"*Thiên Thai* là gì? *là cả một thiên thu trong tiếng đàn chơi vơi*" Sự đối lập, hay song lập giữa vĩnh viễn và mong manh, giữa những định hình và những chơi vơi, là thế giới nghệ thuật. Nụ cười mong manh trở thành miên viễn trong bức họa La Joconde. Cái *không gian như cái dây tơ, bước đi sẽ đứt động hờ sẽ tiêu* trong buổi chiều Xuân Diệu - hay buổi chiều Nguyễn Du, *bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*, những ánh sáng mong manh ấy, *là cả một thiên thu.*

Một mặt, nghệ thuật là tiếng *đàn xui ai quên đời dương thế... nhớ quê chiều nào xa khơi... chắc không đường về tiên nữ ơi",* tách rời khỏi thực tế: nghệ thuật là một thế giới riêng, với những quy luật riêng, bảo vệ và phát huy bản năng sáng tạo, độc lập với hiện thực. Mặt khác, nghệ thuật cần bám rễ vào thực tại để phát triển, và phả sắc, nhả hương về lại trần gian. Nói giản dị hơn: nghệ thuật cần thực tại để nảy sinh và cần quần chúng để trưởng thành và tồn tại, nghệ thuật là *ánh trăng thanh mơ tan thành suối trần gian.* Nghệ thuật là *một mùa đào dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần*, là những cánh hoa trong một bức tranh tuyệt mỹ, không nở không tàn, nhưng chỉ sống thực khi gặp cái nhìn của người xem: sống mắt con người đánh thức cành hoa trong hội họa, và trong ánh mắt đó, nó sẽ nở sẽ tàn như mọi thứ hoa trần thế; và chỉ có phút bừng sống đó, cành hoa nghệ thuật mới đạt tới đời sống thực và có khả năng trở thành một cành hoa lý tưởng. Trong khi chờ đợi, cành hoa huệ của Tô Ngọc Vân, cành hoa cúc của Lê Phổ... vẫn còn là những *hoa xuân chưa gặp bướm trần gian.*

Người nghệ sĩ khi cầm cây cọ ngòi bút trên tay đều biết rằng *ái ân thiên tiên, em ngờ phút mê cuồng có một lần* - một lần thôi, nếu có. Và có thể cái *phút mê cuồng* ấy không đến: *phút linh cầu mãi không về* như lời thơ Hồ Dzếnh. Hoặc đến không phải nơi phải lúc. *Phút mê cuồng* ấy linh thiêng, tuyệt đối, là động cơ sâu xa của sáng tạo mà mỗi nghệ sĩ, mỗi xã hội đều có nhiệm vụ bảo vệ, vì nó chỉ *có một lần*. Và khi khai triển chuyển *phút có một lần* thành *cả một thiên thu*, người nghệ sĩ lại phải tỉnh táo: trước cái *phút mê cuồng* đó để chuẩn bị, và sau đó, để hoàn tất. Lúc tỉnh táo, trước và sau đó,

anh là người thợ, phải có dụng cụ, có tay nghề. Anh đừng cả tiếng khinh thường thợ thơ, thợ vẽ: không có người thơ trong tay, anh suốt đời chỉ nguệch ngoạc, hoặc rung đùi đợi vợ con hầu rượu và lạc rang, và chửi đời "không có trình độ".

*Thiên Thai* là luồng điện hai chiều: người trần thế mơ hạnh phúc bồng lai trong khi những tiên cô khao khát "khúc tình duyên" trần thế. Lưu Nguyễn khi ở Thiên Thai đã "quên trần hoàn", khi về trần, muốn tìm lại cõi tiên thì *Đào nguyên nơi nao?*. Nghệ thuật cũng vậy. Nghệ thuật là cuộc đời muốn hóa thân thành màu sắc, âm thanh; mà cũng là những âm sắc khô cứng muốn trở lại làm hoa làm lá. Nghệ thuật là đóa hoa mong chín mọng thành trái đầu mùa, mà cũng là quả cây chín muộn, nhung nhớ cánh bướm hoang đường từ một mùa xuân xa vắng. Là những lối đi trùng với lối về, nghệ thuật là cõi hẹn hò ngang trái. Mỗi ngang trái là một chung thủy và hạnh phúc của sáng tạo nảy sinh từ sự thủy chung đó. Nghệ sĩ *cùng bầy tiên đàn ca bao năm*, không còn nhớ đường về; anh sống với nghệ thuật cũng vậy: trước giá vẽ, anh chỉ biết vui với cây cọ và màu sắc, mà không cần nhớ cuộc sống, không nên thêm vào một bó hoa hồng để tranh dễ bán, không nên bớt đi một đóa hoa sen cho hợp với đường lối, lập trường. Anh vẽ cuộc sống, nghĩa là vẽ cuộc sống trong anh; dù vẽ cái ly trước mặt, anh vẫn vẽ ra hàng ngàn cái ly đã chứng kiến đời anh, bằng một cái ly trong tâm tưởng. Tĩnh vật trước mặt chỉ là cái cớ, làm trung gian giữa tác giả và người xem tranh. Những mối tình lớn không cần trung gian. Những họa phẩm lớn không cần đề tài. Nhưng ngược lại, khi rời khỏi giá vẽ, trở lại đời sống bình thường của xã hội, thì anh lại phải sống bình thường, đau cái đau của con người, vui cái vui của vợ con, buồn nỗi buồn của dân tộc. Nguyễn Du không lăn lóc suốt đời thì không thốt lên được tiếng đoạn trường. Nguyễn Khuyến không lo sốt vó vì lụt lội mất mùa, *phần thế quan thu, phần trả nợ* thì không viết nổi câu *nước trong veo*. Nói vậy để trả lời những người hỏi Văn Cao: Sao tài hoa xuất chúng mà đi lãnh việc trong ban khủng bố? Sao lại không? Chẳng lẽ là tài hoa, anh lãnh phần làm nhạc quốc ca thôi, còn việc bẩn thỉu thì để người khác làm thay? Hỏi như thế thì khác gì trách Nguyễn Công Trứ cầm quân dẹp loạn, hay trách André Malraux chỉ huy lữ đoàn thép Alsace Lorraine? Văn Cao có câu thơ thật hay:

*Cuộc đời ôm tôi như trong một cái bình*
*Một tiếng vang vang cả lòng cả đáy.*

Văn Cao là vậy, luôn luôn là vậy, *một tiếng vang vang cả lòng cả đáy*, dội về biển lớn, *vang lừng trên sóng.*

*Thiên Thai* là cõi vô thủy vô chung, không có thời gian. Mà không có thời gian thì không có Âm Nhạc. Lô gíc. Không có khúc nghê thường. Gió hát trầm tiếng ca, tiếng phách ròn lắng xa là nghệ thuật, là trần gian, là ý thức của hủy thể. *Âm ba thoáng rung cánh đào rơi* trong *một mùa đào dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần*. Nghệ thuật đã làm rụng chiếc lá đầu tiên xuống Đào Nguyên. Nghệ thuật là cố gắng của con người vượt qua khỏi vật thể, tội

lỗi và cái chết trong trần thế và đã đưa những khái niệm ấy vào Thiên Thai qua *Đào Nguyên Hành* của Vương Duy hay chuyện *Lưu Thần, Nguyễn Triệu* trong thơ Tào Đường mà Văn Cao có chịu ảnh hưởng như anh đã ghi nhận. (1944). Nhưng Lưu Nguyễn chỉ là nhân vật, nên đã thong dong trở về trần. Còn Trương Chi là người hát, có thể là tác giả những bài hát, nên phải trả một cái giá đắt hơn.

## TRƯƠNG CHI

Có nhiều huyền thoại Trương Chi. Tình sử Trung Quốc kể chuyện một cô gái mê tiếng hát một người lái buôn rồi chết, tim hóa đá, cho đến khi người đàn ông trở lại, nhỏ một giọt nước mắt, khối tình mới tan. Theo truyền thuyết Việt Nam, người đàn ông là một người thuyền chài, có tiếng hát hay, nhưng bị chê nghèo (hoặc xấu); nhân vật nữ là cô My Nương. Có thuyết cho là nàng chết, thuyết khác cho chàng chết, tim hóa gỗ bạch đàn hay ngọc đá. Văn Cao nhấn mạnh hai chủ đề nhạc và giai cấp, và chuyện chấm dứt ở cái chết của Trương Chi, chỉ còn lại tiếng hát nức nở trên sông. Không có chuyện trái tim và nước mắt. Phạm Duy, trong *Khối Tình Trương Chi* (1945), kể lại truyền thuyết từ đầu đến cuối. Hai bản nhạc đồng thời với nhau và Phạm Duy đã có lần giải thích rất hay tác phẩm bạn mình (báo *Văn Học*, đã dẫn).

Bài hát *Trương Chi* mở đầu trong một thế giới sơ khai: *Một chiều xưa trăng nước chưa thành thơ*, một thế giới chưa có nghệ thuật, chưa có sáng tạo; sau đó *không gian mới rung thành tơ*: con người đã phát triển được bản năng thẩm mỹ, bằng cách tiếp thu một cách tiêu cực vẽ đẹp của vũ trụ, rồi dần dần sáng tạo ra nghệ thuật, *ôi tiếng cầm ca thu tới bao giờ*. Con người trước tiên tiếp xúc với vũ trụ để tự vệ và sản xuất, nhờ có nghệ thuật, họ đã bằng những rung cảm mới, ngoài phạm vi nhu cầu tồn tại. Tương quan giữa tiếng cầm ca và *thu tới bao giờ* là tương quan giữa bản năng thẩm mỹ, bản năng sáng tạo và cái đẹp của thiên nhiên. Thiên nhiên thì vẫn vậy thôi, hay chuyển hóa rất chậm và rất ít, theo chu kỳ, nhưng ý thức thẩm mỹ con người càng ngày càng phát triển nhanh, càng tiến bộ, trở thành phức tạp, tinh tế. Cho đến một lúc nào đó, con người bỗng thấy *lòng chiều bơ vơ lúc thu vừa sang...* Buổi chiều. Mùa thu. Niềm bơ vơ: chúng ta đã đến những chủ đề cổ điển của văn thơ thế giới, từ nhiều nguồn văn minh khác nhau. Con người chủng tộc, văn hóa khác nhau có thể cùng rung cảm như nhau, vì cái đẹp khách quan bàng bạc dưới ánh sáng hài hòa của vũ trụ và cái đẹp chủ quan ấp ủ trong bản năng thẩm mỹ của con người, bản chất gần nhau. Từ đó, nghệ thuật là mớ vốn chung cho toàn thể nhân loại, nó phải có tham vọng đáp ứng lại nhu cầu thẩm mỹ của con người - dĩ nhiên là qua lăng kính ngôn ngữ, văn hóa của từng dân tộc một. Sáng tạo nghệ thuật làm vũ trụ và con ngnười càng ngày càng giàu có thêm. Buổi chiều, cũng như buổi sáng, buổi trưa, không đẹp, không xấu: buổi chiều là giờ an nghỉ, phút chia tay, một ánh trầm tư, một

thoáng u hoài trước cảnh vật phai màu nhạt sắc. Buổi chiều, một thoáng bơ vơ, trở thành một tình cảm văn nghệ. *Có nghĩa gì đâu một buổi chiều. (Xuân Diệu).*

Nhưng theo đà tiến hóa, nghệ thuật - và con người nữa, cách ly ra khỏi thiên nhiên, độc lập và có khi đối lập thiên nhiên, công phá thiên nhiên. Nghệ thuật ngày một ngày hai trở thành một hoạt động chuyên nghiệp có qui chế trong xã hội. Ngày nay, ai thích lời chim hót *ríu rít tiếng oanh ca* không nhất thiết phải thích âm nhạc; ai yêu phong cảnh sông Lô *bến sóng vàng từng nhà mờ biếc chìm một màu khói thu* người ấy không nhất thiết phải yêu hội họa.

Nhưng nghệ thuật, cụ thể là âm nhạc, hội họa và văn thơ khơi sâu ý thức về cái đẹp, gọi là mỹ cảm, trong con người, giúp con người yêu thêm, yêu sâu sắc hơn ngôn ngữ và những âm sắc thiên nhiên. Không phải tự nhiên mà con người nghe *suối hát theo đôi chim quyên* hay *ngoài song mưa rơi trên bao cung đàn... còn nghe như ai nức nở và than... trầm vút tiếng gió mưa... cùng với tiếng nước róc rách ai có buồn chăng....* Trong trường ca *Những Người Trên Cửa Biển*, Văn Cao nói rõ hơn:

*Có người không biết trăng là đẹp*
*Bỗng nhiên chiều đứng ngắm trăng lên*
*Nghe như ai hát trong lòng...*

*Có người quên hàng chục năm dĩ vãng*
*Chợt nhớ ra tất cả những ước mơ*
*Của những ngày niên thiếu*
*(Lá, tr. 72)*

Nhờ một câu thơ, một khúc nhạc. Nghệ thuật là bội số của cuộc đời, nhân cuộc đời thành ngàn vạn giấc mơ, từ đó, Văn Cao đã có thể khẳng định *những bức tranh tăng dân số chúng ta*. Và anh giải thích:

*Bao tình yêu khát khao hy vọng*
*Gửi từng cuộc đời nhỏ bé*
*Từng thế giới con con*
*Với tôi tất cả*
*Đều rộng lớn vô cùng*

Vì những *nhỏ bé con con* ấy lớn lên trong nghệ thuật, đều trở thành *cái vung tay hùng tráng của người gieo* - (le geste auguste du semeur).

Nhưng cái đẹp trong nghệ thuật không phải lúc nào cũng lung linh ánh trăng, long lanh tiếng suối, lóng lánh hơi mưa, nó có thể *lem nhem than khói:*

*Nhạc đang biến thành sự thực quanh ta*
*Tôi càng yêu hơn*
*Những cuộc đời sau bức tường xám xa lem nhem than khói*
*Những lá thuyền chen chúc nép bên nhau*

*Qua chiếc lưới phơi thấp thoáng bóng người*
*Cả đến cuộc đời những con hà lóng lánh*
*(Lá, tr. 71)*

Tác dụng của nghệ thuật thật lớn lao trong cuộc sống của loài người, *Cô my Nương vốn ở lầu Tây, con quan Thừa Tướng ngày ngày cấm cung* trong ca dao làm sao có tầm hiểu biết như thế.

*Tây hiên Mỵ Nương khi nghe tiếng ngân hò khoan*
*Mơ bóng con đò trôi*
*Giai nhân cười nép trăng sáng lả lơi*
*Lả lơi bên trời*

Sai lầm của cô gái lầu Tây là đã mơ người hát qua lời hát, mơ tác giả qua tác phẩm, sau đó lại muốn chiếm hữu tác giả - nghĩa là chiếm hữu toàn bộ tác phẩm lẫn nguồn sáng tạo cho riêng một mình - rồi lại chê nhặt chê khoan. Cô là hiện thân của những hệ thống chính trị cưỡng đoạt văn nghệ từ xưa đến nay. Đường Minh Hoàng yêu chuộng Lý Bạch, Louis XIV nâng đỡ Molière, bất quá là để mua vui như Lê Thánh Tôn dùng nhạc Lương Đăng; còn chế độc chuyên chính vô sản, từ Staline đến nay, chiếm đoạt nghệ thuật ra sao, thì chúng ta không cần dài lời. Trong bài hát, Văn Cao phớt qua hình ảnh Mỵ Nương, chút nhan sắc của cô bé dậy thì này không đáng cho chúng ta dừng mắt lại lâu, như lời chàng Nguyễn Huy Thiệp *chịu khó quan sát, những co gái mới lớn hết sức đức hạnh và trong trắng lại lén lút đọc những chuyện nhảm nhí. Người anh hùng của các thiếu nữ hoa niên là một gã Đông Juăng nào đó* (Sông Hương, số 42, 1990). Điều này, dĩ nhiên là không làm vinh dự cho anh Trương Chi, anh chỉ *trách ai khinh nghèo quên nhau*. Quên nhau là thôi, là hơn. Trương Chi dừng chèo là Văn Cao dừng chuyện. Không cần gì mà phải tim phải hóa đá để đòi nợ nước mắt. Vì không ngọc đá nào quý bằng trái tim con người, trái tim biết yêu, biết nhớ, trái tim ngừng đập là tan rã với cỏ cây. Trái tim Trương Chi, trái tim Văn Cao không có gì sánh được. Còn món nợ kia? Ở đời, một là anh "*phủi*" nợ, thì hết vấn đề. Hai là anh nhận nợ, thì không bao giờ anh trả hết: chết đi, chết kiểu gì đi nữa, thì anh cũng chỉ mới thoát nợ chứ chưa phải là trả nợ. Lẩn thẩn mà Văn Cao đòi nợ thì phiền lắm: cả nước nợ anh một bản quốc ca, mỗi chúng ta còn nợ anh một vài bản nhạc tình, cả mấy cô tiên trên Thiên Thai vẫn còn nợ Văn Cao trái đào thơm. Năm nay bảy mươi tuổi, Văn Cao đã ăn được trái đào thơm nào đâu? Còn quả đắng, thì suốt một đời, anh phải ăn nhiều lắm. Văn Cao là chú đạo đồng dâng mật ngọt cho bữa tiệc trần gian rồi suốt đời phải ăn trái đắng.

Trái tim Trương Chi thì đã tan rã. Nhưng *tiếng hát vọng ngàn xưa còn rung*. Đây là định mệnh của tác phẩm nghệ thuật, là ý nghĩa đặc biệt của nhạc phẩm *Trương Chi*, chứ không phải là chuyện tình lẩn thẩn. Phải hiểu như thế mới bắt được mạch thơ Văn Cao:

*Đêm nay dòng sông Thương dâng cao*

*Mà ai hát dưới trăng ngà*
*Ngồi đây ta gõ ván thuyền*
*Ta ca trái đất còn riêng ta*

*Ta* ở đây không phải là cá nhân Trương Chi, cũng không phải là Văn Cao, mà là Con Người, Nhân Loại sáng tạo ngôn ngữ, rồi sáng tạo nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, văn minh, văn hóa để làm chủ trái đất *còn riêng ta*. Con người gõ ván thuyền mà ca, giữa cảnh trăng nước sông Thương đó, đẹp hơn cả hình ảnh Trang Sinh khi vỗ bồn mà hát. Hát rằng : *ta có trời đất làm quan quách, nhật nguyệt làm ngọc bích, tinh tú làn ngọc châu, vạn vật làm lễ tống... Mà còn thêm chi cho lắm việc* (*Liệt Ngự Khấu*, Ngoại Thiên). Bối cảnh có khác nhau, nhưng nội dung chính yếu của chuyện gõ thuyền, gõ chậu mà ca không khác nhau: Con người tự thức, làm chủ thể của ý thức và ngoại vật. Tự thức ở Trang Tử là tư tưởng lớn lao của ông, tự thức của Văn Cao là nghệ thuật của mình, là *tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng*, mà cũng là tiếng sóng. Tiếng sóng *Kêu khát suốt ngày đêm - Suốt ngày đêm kêu khát*. Nghệ thuật phải là *những làn môi. Những làm môi nóng bỏng* căng mình chờ đợi:

*Nước ngọt của dòng sông*
*Bao giờ đổ đầy lòng biển*
*(Câu khép trường ca Những Người Trên Cửa Biển)*

## TỪ SUỐI MƠ ĐẾN BẾN XUÂN

Những tình khúc đầu mùa của Văn Cao là *Thu Cô LIêu, Buồn Tàn Thu* (1939), *Cung Đàn Xưa, Bến Xuân* (1942) *Suối Mơ* (1943) đã ghi lại những thành công trong thời kỳ phôi thai của nhạc mới, những năm 1940 và bây giờ vẫn còn nhiều người hát; và nghe lại, ta vẫn thấy hay, trong khi một số ca khúc đồng thời của Thẩm Oánh, Dương Thiệu Tước... đã trở thành những âm hao lạc lõng. Giải thích hiện tượng này Phạm Duy đã có một loạt bài hát hay, và anh là người có nhiều thẩm quyền nhất để phán: anh sống, sáng tác và ca diễn vào thời điểm đó, anh nắm vững lịch sử tân nhạc và tâm lý quần chúng; về nhạc thuật, Phạm Duy là vua. Vậy chúng tôi dựa cột mà nghe Phạm Duy:

*Phải đợi cho tới khi tân nhạc ra đời vào những năm cuối 30 và đầu 40 thì chúng ta mới có được một* loại nhạc tình lãng mạn *do các người tình tiền phong của thời đại như Dương Thiệu Tước, Thẩm Oánh, Lê Thương, Văn Chung, Dzoãn Mẫn... tung ra (...). Tuy nhiên loại nhạc tình lãng mạn đó chỉ có thể được gọi là đạt tới độ hoàn mỹ khi nó được phát xuất ra từ một con người tài hoa bật nhất của thế giới nghệ sĩ trẻ lúc bấy giờ. Người đó là Văn Cao.*

Cái mới, điểm tiến bộ đầu tiên Văn Cao đưa vào nhạc mới là người đàn bà đẹp, kiều diễm, trang trọng, cao quý, khác với *Cô Hái Mơ, Cô Lái Đò, Cô Lái Thuyền, Cô Hàng Bán Hoa, Cô Hàng Cà Phê, Cô Láng Giềng* trong

những bài hát thịnh hành thời đó. Xã hội Việt Nam ngày xưa không tạo cơ hội cho trai gái gặp nhau, ngoài sinh hoạt công cộng nơi đồng án hay hội hè - vốn hiếm. Nơi công cộng, nếu không gặp cô thôn nữa tát nước bên đàng, thì cũng là cô sơn nữ, cô hái hoa gì đó, vì trai gái không có quy chế (statut) gặp gỡ. Phải đợi đan Văn Cao, cô gái mới đi thẳng đến nhà người yêu *bên chiếc cầu soi nước* để *hát theo đàn* rồi *hẹn mùa xưa cùng xây nhà bên suối*. Người con gái, có thể là khuê các, có thể ngồi trong nhà mà nhớ người yêu: *Ồi vừa thoáng nghe, em mơ ngay bước chân chàng*. Đặt biệt là chữ "ngay" như một phản xạ, một tự do. Phải rồi. Cô gái trong tình khúc Văn Cao là cô gái tự do, báo hiệu cho một nền văn minh mới. Cô lại đẹp tuyệt vời, huyền diệu:

*Chiều năm xưa*
*Gót hài khai hoa*
*Mắt huyền lưu xuân*
*Dáng hồng thơm hương*

Người đẹp kiêu sa này, đi vào kháng chiến sẽ để lại những *lối mòn thơm mãi dấu chân em* trong thơ Nguyễn Đình Thi; ra khỏi kháng chiến thì:

*Em dài các lòng cũng thoa son phấn*
*Hai bàn chân kiêu ngạo dẫm lên thơ*

trong *Mê Hồn Ca* của Đinh Hùng. Nhất Linh đã bảo vệ người phụ nữ, Dương Thiệu Tướcv đã mơn trớn, và Văn Cao đã kính trọng người phụ nữ.

Một đặc điểm khác trong tình khúc Văn Cao là toàn bài hát được cấu trúc như một tác phẩm hài hòa và toàn bích, như một bài thơ độc lập, có giá trị nhất quán và tự tại. Phạm Duy công nhận *Nếu đem so sánh với những bản nhạc tình của thời đó thì bài* Suối Mơ *với* Bến Xuân *là cực điểm của lãng mạn tính trong ca nhạc. Lúc đó các nhạc sĩ còn đang lẩn quẩn trong cách xếp đặt chữ nghĩa trong ca khúc thì Văn Cao đã viết hẳn ra một* Bài Thơ Bên Suối.

*Cung Đàn Xưa* kết hợp nhuần nhuyễn những lời thơ thiết tha da diết, xoắn sâu vào nỗi đau thương:

*Cung thương là tiếng đàn*
*Cung Nam là tiếng người*
*Ai oán khúc ca cầm châu rơi*
*Tình duyên lãng đãng nhớ thương dần pha phôi*
*Cung đàn ngân*
*Buồn xa vắng trong tiếng thầm*
*Buồn tê tái trong tiếng ngân*
*Buồn như lúc xuân sắp tàn*
*(...) Giờ còn mong chi người hát theo đàn.*

Trong thơ mới, có lẽ ngoài Hàn Mặc Tử ra, chúng ta cũng ít khi thấy ngôn ngữ thê thiết dồn nén đến mức ấy. Ngôn ngữ Văn Cao thật mới: trong khi các nhạc sĩ khác còn vân vê hình ảnh hoa rụng thuyền trôi, thì Văn Cao đã có những sáng tạo:

*Hồn cầm phong hương hình bóng xuân tàn*
*... Hồn cầm lắng tiếng đời*
*... Cánh nhạn vào mây thiết tha*
*... Có một mùa đào dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần...*

Đó là đặc sắc trong lời ca. Về nhạc lý, chúng ta nghe Phạm Duy phê phán nhạc tình thời đó: *Về phần nhạc thuật ta thấy rằng tất cả những bài hát đó chỉ được coi như là* phó sản *của những nhạc phẩm đã được sản xuất trước đây. Tất cả đều nằm trong một khuôn khổ có sẵn (thể nhạc khiêu vũ tango hay rumba) với những* âm hình (dessins mélodiques) *mà ta có thể gọi được là cliches. Những tình cảm trong các bài này cũng đều na ná như nhau, nói chung là* tiếng gọi gái của những thanh niên thất tình. (Văn Học tháng 12, 1986).

Theo Phạm Duy, phải đợi đến *Cung Đàn Xưa*, Văn Cao mới *đưa nhạc tình trong năm 1943 này lên tới đỉnh cao nhất của những bài ca ái tình* (Văn Học số 15, 1987).

## NHỮNG HÀNH KHÚC

Song song với những tình khúc đầu mùa, mà Phạm Duy gọi bằng tiếng Pháp là le temps de l'innocence - thời thơ ngây, vào những năm đầu thập niên 1940, một nhạc trào khác phát triển mạnh là nhạc hùng, những bài hát khoẻ, vui của hướng đạo, học sinh, đề cao lịch sử, đất nước, sức khoẻ, bắt đầu từ nhóm Đồng Vọng của Hoàng Qúy tại Hải Phòng đến Hùng Lân, Lưu Hữu Phước. Những hành khúc này có những động cơ xã hội hay chính trị, hoặc tự nhiên hoặc có lãnh đạo.

Văn Cao là tư tưởng tự do và tiến bộ, trong thể loại nào cũng giữ hai nét đặc biệt ấy. Văn Cao yêu lịch sử dân tộc nhưng không nô lệ: tự hào về quá khứ đất nước anh vẫn xem như là một kỷ niệm đã qua - và tâm thức dân tộc cần phải được vượt qua để tồn tại và tiến hóa.

Trận Đống Đa là chiến thắng thần tốc oang liệt nhất của chiến thuật Việt Nam, của chiến tranh nhân dân và phong kiến, của bạo lực và chính nghĩa, của chiến lược thuầm túy. Nhưng Văn Cao không hề bị chóa ngợp trước đỉnh cao lịch sử đó, ngược lại, trong *Gò Đống Đa*, anh khẳng định:

*Thề quyết phấn đấu*
*Đồng tâm hy sinh*
*Làm sao cho hơn thời xưa*
*Rồi cất sức sống ngày mai...*

*Thăng Long Hành Khúc Ca*, cũng nhắc lại chiến công Tây Sơn; Văn Cao nhìn về toàn bộ lịch sử dân tộc qua hình ảnh cố đô:

*Thăng Long thành xưa*
*Thăng Long ngày nao*
*Cờ khoe sắc phất phới*

Nhưng hiện tại thì khác. Việt Nam, lúc đó, là một nước nô lệ lầm than, lạc hậu. Hà Nội là một thủ phủ thuộc địa: *bao năm qua khắp chốn cũ cũng đã mất hết tinh anh*. Dù cho *bao người bao nhiêu luyến tiếc... này phường phố cũ, này đường về ô xưa... bóng xưa ngàn năm*, thì giờ đây chỉ còn lại một u hoài xa vắng, *hồ phai khi tàn mơ*. Muốn *dân chúng sống yên vui*, thậm chí sống oai hùng, tiếp nối với truyền thống thì phải biết đổi mới, tiếp thu khoa học và dân chủ - những giá trị phương Tây mà Nguyễn Trường Tộ đã trình bày - phải mở tim mở óc *chờ gió mới bay về... bao ánh sáng phương tây từ khắp chốn bay về.*

Lấy một ví dụ khác: chủ đề sông Bạch Đằng. Chiến công hiển hách này được nhiều người đưa ra như một tiêu chuẩn, một giá trị miên viễn. Hoàng Quý, đồng hương, bạn và thầy nhạc Văn Cao viết:

*Đến bây giờ mỗi khi đi trên sông Bạch Đằng...*
*Thì anh em ta vui ca rằng:*
*Trên sông Bạch Đằng dân Nam hò reo*

Lưu Hữu Phước cũng cho rằng *Đằng Giang vẫn sáng để cho nòi giống soi chung*, trong khi đó Văn Cao, trên con sông quê hương thì buồn thiu:

*Bạch Đằng giang sầu mơ bên lau xanh*
*Với bến nước xa xôi*
*... Buồn ai đứng nhìn con sông xanh biếc ngày xưa*
*Mà nước mắt mờ rơi...*

Đã đành, ở đây lãng đãng nét u buồn lãng mạn vẫn cố hữu trong nhạc Văn Cao, nhưng không thể phủ nhận tư tưởng cầu tiến và duy tân của anh. Lưu Hữu Phước thường nói đến nòi giống. Có khi rất hào hùng. Hào hùng lắm thì kỳ thị:

*Đây Bạch Đằng giang sông hùng dũng*
*Của nòi giống anh hùng, giống Tiên Rồng giống Lạc Hồng v.v...*

thì, trong một đề tài khác, Văn Cao thực tế và thắm thiết và thân thiết mong:

*Dắt giống nòi quê hương qua nơi lầm than*
*Cùng chung sức phấn đấu xây đời mới...*

Thời đó, Văn Cao đã có cái nhìn rất thoáng, rất rộng về dân tộc trong một cộng đồng nhân loại lớn lao: Trong *Công Nhân Việt Nam* (1944), bài hát chính thức của Tổng Công Đoàn Việt Nam hiện nay, anh viết:

*Ngoài kia lời non nước đang nhắc ta*
*Mau nhấc cao giống nòi*
*Yêu mến muôn giống người*
*Tranh đấu cuối cùng*
*Là đời sống mới dâng xa*

Một tình cảm tiến bộ, lành mạnh. Nói rằng những tư tưởng kia có lãnh đạo, cũng không giảm giá cá nhân Văn Cao. Tố Hữu cũng được lãnh đạo -

và lãnh đạo kẻ khác - tuổi đời và tuổi đảng cao hơn Văn Cao, mà tư duy chính trị, ở thời điểm đó, còn hạn chế. Tư tưởng tiến bộ ở Văn Cao đã từng *lưu hương yêu dấu với suối xưa trôi nơi đâu* trong những *phím tơ lưu luyến mấy cung u huyền* trong *tiếng hát vọng ngàn xưa còn rung - buồn xa vắng trong tiếng thầm buồn tê tái trong tiếng ngân - như mùa thu chết rơi theo lá vàng*, tâm hồn hoài cổ ấy lao vào những kỷ niệm vang vang hùng khí: *Bừng nghe dư âm mênh mông khúc anh hùng ca ra nơi biên cương. Bao chiến mã lên đường...* Nhưng cái bất ngờ là Văn Cao không dừng lại ở những "dư âm mênh mông" ấy, anh còn đòi

*Lập quyền dân tiến lên Việt Nam*
*Đòi hạnh phúc đắp xây tự do*

Những yêu cầu thiết yếu mà ngày nay, sau nửa thế kỷ xương máu và lầm than dân tộc ta vẫn chưa đạt tới. Và vẫn còn có thể hát đắng cay: *Tiếng than nơi nơi... Tháng năm dần trôi*. Về nhạc thuật, Phạm Duy đánh giá cao bài *Chiến Sĩ Việt Nam: Với tài năng tuyệt vời của một họa sĩ, Văn Cao vẽ ra cảnh* chiến sĩ Việt Nam phi ngựa trên đường xa (...) *Tài soạn nhạc của anh tới lúc này đã bỏ xa những nhạc sĩ chuyên nghiệp khác, đừng nói gì tới những tay soạn nhạc tài tử như Nguyễn Đình Thi hay Đỗ Nhuận. Trong khi nhạc hùng của Hoàng Quý, Lưu Hữu Phước dù hay đến mấy cũng không vượt ra ngoài khuôn khổ của những ca khúc rất chân phương, rất cân đối, rất sách vở... thì Văn Cao trổ tài soạn* hành khúc *như bài* Chiến Sĩ Việt Nam này. *Câu nhạc thứ hai dài dằng dặc, với nhịp điệu dồn dập, thay đổi hơi thở luôn luôn khiến cho câu ca có sức sống mãnh liệt:* Ngựa phi nơi xa xa kìa nghe súng vang bên trời diệu kèn rộn ràng. *Tiếp tới là sự nhắc lại nhạc đề (...) Cái hay của tác giả là đã chuẩn bị để vào cuối câu nhạc sẽ chuyển qua một nhạc đề khác, để chứng tỏ sự phong phú của bàn tay sáng tác* (Văn Học, số tháng 10, 1986).

(Tư liệu: 1944, Văn Cao làm xong *Tiến Quân Ca* thì Nguyễn Đình Thi là người xướng âm đầu tiên. Sau đó, cao hứng Thi rủ Văn Cao làm một bài khác, và làm xong *Diệt Phát Xít* trước bài *Chiến Sĩ Việt Nam* của Văn Cao.

*

*Dân quân du kích cách mạng bùng mùa thu*
*Sao vương bóng cờ bay trên chiến khu...*

Đây là những hình ảnh đẹp đầu tiên của cách mạng Việt Nam, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Con người sống thực tại như một giấc mơ, sống lịch sử như một nghệ thuật, sống đất nước như một bích họa: *ôi còn đâu đây sắc chàm pha màu gió... Ai về châu xưa nhớ hồi máu thắm cây rừng*. Bài hát *Bắc Sơn*, nguyên ủy là sáng tạo cho vở kịch *Bắc Sơn* của Nguyễn Huy Tưởng, nhưng vượt khỏi đề tài, trở thành bài hát của người du kích. Cũng như *Tiến Quân Ca*, lúc đầu là bài hát làm cho một khóa quân sự kháng Nhật, sau trở thành quốc ca. Văn Cao năm 1977 đã viết một đoạn

hồi ký dài hai ngàn chữ về bài này; quốc ca là sở hữu của dân tộc và lịch sử, chúng tôi không bàn tới trong bài này - vì không phải nơi, không phải phép.

Cách mạng tháng Tám 1945 đưa đưa dân tộc vào một khúc quanh. Văn Cao làm bài thơ *Chiếc Xe Xác Qua Phường Dạ Lạc* đăng trên báo *Tiền Phong*, bài thơ quan trọng đầu tiên của anh, sau đó là *Ngoại Ô Mùa Đông 1946* đăng trên báo *Văn Nghệ* thời kháng chiến, 1948. Bài thơ mới mẻ, mạnh bạo đã có nhiều nét báo hiệu phong cách thơ Văn Cao về sau.

Toàn quốc kháng chiến. Hà Nội chiến đấu. *Mùa xuân về, giữa chiến hào xa*. Văn Cao ra đi, rạo rực phơi phới với hai mối tình lớn: đất nước và người yêu. Xuân kháng chiến cũng là Xuân trăng mật. Bài hát *Làng Tôi* mang những âm hưởng đằm thắm, dịu dàng, phấn khởi chưa từng thấy trong những ca khúc trước đó. Văn Cao vốn tiết kiệm tâm sự, kín đáo về đời tư, nên mãi đến năm 1974, anh mới có bài thơ về chị ấy, *Khuôn Mặt Em*, nhưng cũng không lấy gì làm rõ nét. Chúng tôi chỉ phỏng đoán vì hai câu cuối

*Ôi khuôn mặt sáng trong và bình lặng*
*Tôi được đầu tiên và còn lại cuối cùng*

*Làng Tôi* là tình khúc thiết tha dịu mát. Trăng mật của lứa đôi soi óng ánh vào quê hương yêu dấu

*Làng tôi xanh bóng tre*
*Từng tiếng chuông ban chiều*
*Tiếng chuông nhà thờ rung*
*Đời đang vui đồng quê yêu dấu*
*Bóng cau với con thuyền một dòng sông*

Tuy là một bài ca chiến đấu, *Làng Tôi theo đoàn quân du kích...* nhưng âm hưởng lưu lại một nguồn ánh sáng lung linh dịu mát trong niềm nhớ mông mênh, như *rừng chiều nhớ cánh đồng chiều xưa...* Có lúc rộn lên với *Ngày Mùa* nhanh nhẹn tươi vui.

*Ngày mùa vui thôn trang, lúa reo như hát mừng*

Với hình tượng lý tưởng *súng tì tay anh đứng cao ngừng liềm trông sang*, có thể không phản ánh lại những gian lao của những năm chống Pháp nhưng nói lên những ước mơ của người nghệ sĩ trong kháng chiến.

Nhưng phải đợi đến trường ca *Sông Lô* Văn Cao mới nói lên được trọn vẹn vẻ đẹp của quê hương, hoang sơ nhưng thân mật, đơn giản mà hùng tráng, đẹp như một bức tranh. *Sông Lô* là một bức tranh

*Sông Lô sóng ngàn Việt Bắc bãi dài ngô lau núi rừng âm u*
*Thu reo bến sóng vàng từng nhà mờ biếc*
*chìm trong một màu khói thu*

Những nét đạm thanh ẩn hiện trên nền màu mờ nhạt, khi nhịp câu ca loang dần ra xa; những hình ảnh liên tục tạo ra không gian mênh mông, hoang dại và huyền bí. Khí hậu lặng lẽ và lạnh lẻo bỗng bừng lên ánh sáng ngọn lửa chiến đấu

*Sông Lô sóng ngàn kháng chiến cháy bờ lau thưa*

Tiếp theo là ánh sáng của bình minh: thiên nhiên như hồi quang ý chí con người. Bài hát trở thành lời đối đáp giữa ánh sáng và ánh sáng

*Ai qua bến nắng hồng lặng nhìn màu nước sông Lô*

Rồi vũ trụ bỗng chan hòa âm thanh, bao la, rộn rã, của tiếng *sóng reo vi vu... gió lá vi vu:*

*Sông mênh mông như bát ngát hát*
*Bao rừng thu như bát ngát cười*

Lời hát say sưa ngợi ca đất nước và con người nhắc chúng ta khí thế lúc đó, như trong thơ Nguyễn Đình Thi *gió thổi rừng tre phấp phới. Trong biếc nói cười thiết tha*, hay trong tùy bút kháng chiến của Nguyễn Tuân *chúng tôi đang mơ chung một cơn hỏa mộng...*

Văn Cao vẫn bám vào hiện thực; trong chến thắng hân hoan, anh nghĩ ngay đến đời sống thường nhật của người *dân buông lưới. Phạm Lương vui bóng thuyền, lều dựng lên ven sông*. Phút vẻ vang, phút hùng tráng là chuyện cực chẳng đã phải làm, để bảo vệ cuộc sống tầm thường, trong trần gian êm ả

*Dòng sông Lô trôi*
*Mùa Xuân tới*
*Nước băng qua ngàn*
*Nước in ven bờ xanh ôm bóng tre*

Trận Sông Lô, 1947 là chiến công đầu tiên của quân đội Việt Nam non trẻ, đặc biệt của ngành pháo binh mới phôi thai: thời đó, khi sử dụng đại bác bắn vào tàu địch trên sông ta chưa biết tính đạn đạo vòng cung, phải kê ngang nòng súng mà bắn như súng trường. Nhưng chiến công, ngoài tầm quan trọng quân sự, đã có tác dụng tâm lý lớn lao và gợi cảm hứng cho nhiều văn nghệ sĩ.

Về nhạc thuật, *Sông Lô* được xem như là đỉnh cao trong sự nghiệp Văn Cao. Anh đã vượt lên khỏi những tiết tấu đơn giản của ca khúc, đi tới một hợp tấu dài hơi, với nhiều tầng lớp nhịp độ khác nhau lôi cuốn chúng ta theo điệu nhạc, lời thơ, màu sắc, như một dòng sông lớn.

Niềm hăng say có lúc chủ quan và lạc quan quá mức; như Nguyễn Tuân mơ *những khải hoàn môn kết toàn bằng bích đào*, Văn Cao trong giai đoạn kháng chiến gian lao, 1949 đã đòi *Tiến Về Hà Nội*

*Năm cửa ô đón mừng đoàn quân trở về*
*Như đài hoa đón mừng*
*Nở năm cánh đào chảy dòng sương sớm long lanh*
*Ôi phố phường Hà Nội xưa yêu dấu*
*Những bông hoa ngày mai*
*Đón tương lai vào tay.*

Giọng ca đã khác với *bóng xưa ngàn năm, hồ phai khi tàn mơ*. Nhưng vẫn

sắc đá một niềm tin *ôi Thăng Long ngày mai, xây đắp dưới vinh quang bằng chí anh hùng.*

Từ nhận xét này, chúng ta có thể nới rộng tầm nhìn vào tác phẩm Văn Cao, về nhạc, họa cũng như thơ. Một toàn bộ phong phú, đa dạng mà lúc nào cũng đặc sắc, chung thủy với vài ba ý chính và một phong cách riêng. Gắn bó với thời đại, Văn cao thường xuyên tra vấn thân phận làm người trong và ngoài lịch sử.

Thơ, nhạc, họa Văn Cao là những triều sóng triền miên lớp lớp xô buồn vui của đại dương vào với đất liền. Tác phẩm Văn Cao là hơi thở cuộc sống, ngất ngây giông bão và đằm thắm trăng sao. Nó chắt lọc nhân phẩm con người để dựng lên tinh hoa của thời đại.

Tác phẩm Văn Cao, còn lại là đóm lửa Văn Cao. Đóm lửa đâu đây: trong bếp nghèo bến Cảng, trong núi rừng Việt Bắc hay trong cõi biển rộng trời xa. Một ngọn lửa không quay đầu theo gió.

Văn Cao, đóm lửa bập bùng trong ý thức chúng ta.

ĐẶNG TIẾN
15.11.1992
*Viết cho ngày sinh nhật Văn Cao bảy mươi tuổi.*



**THANH THẢO**

# nhớ anh văn cao

*I*
*lặn vào trong nước mắt*
*lặn vào trong mùa xuân nhẽ ra rực rỡ*
*lặn vào trong ngọn lửa*
*nhẽ ra đã tàn*
*II*
*cây ủ chồi thầm kín suốt mùa đông*
*cửa lại mở bên trong không còn nữa*
*nhà trống hoang ngọn gió bơ vơ*
*buồn bã thổi một điệu kèn tê dại*
*III*
*ngây thơ như đạo sĩ*
*anh đi tìm từng lá chữ trường sinh*
THANH THẢO (1988)



**ĐẶNG TIẾN**

# văn cao lá khát vọng



*Lá*, cho đến hôm nay, là tập thơ duy nhất của Văn Cao, xuất bản năm 1988 khi nhà thơ đã sáu mươi sáu tuổi, và đã sáng tác không ngừng nghỉ trong nửa thế kỷ trong nhiều bộ môn: nhạc, họa, truyện và thơ.

*Lá* gồm có hai mươi tám bài thơ ra đời rải rác vào nhiều thời kỳ khác nhau, từ 1941 đến 1987, chủ yếu là những bài thơ làm từ 1956 về sau, quan trọng nhất có "trường ca" *Những Người Trên Cửa Biển*. Nói là chủ yếu, vì năm bài thơ làm trước đó còn âm hưởng nhiều trường phái thi ca khác nhau trong thơ cũ. Từ 1956 những tác phẩm làm trong phong trào *Nhân Văn Giai Phẩm* đã khẳng định cá tính thơ Văn Cao, mới lạ trong cấu trúc và sâu sắc tư duy. Hai mươi tám bài thơ: con số có lẽ là một trùng hợp tình cờ: không có gì chứng tỏ Văn Cao đặt rung cảm mình vào khuôn sáo nhị thập bát tú.

Thơ Văn Cao trĩu nặng tâm sự và khát vọng thời đại, và đất nước, nhưng nhan đề sao mà nhẹ nhàng, một chữ ngắn: **Lá**. Phải chăng đây là nhan đề ngắn nhất trong các tập thơ Việt Nam? Ngắn nhưng không gọn, giản dị mà không giản lược, vì buộc người đọc phải suy nghĩ lao lung.

Lá là một hình tượng thiên nhiên xuất hiện từ lâu trong nghệ thuật, vì gần gũi với con người từ buổi hoang sơ. *Kinh Thi* đã rậm lá, lá quyền, lá hạnh; thơ cổ điển đầy những lá trúc, lá ngô. Thơ Nôm Nguyễn Trãi có lá sen, lá chuối. Thơ mới rợp lá bàng, lá phượng, lá me... Nhưng vẫn là một loại lá gì đó, trong trạng thái nào đó, khi vàng, khi đỏ, khi xanh, lúc *che ngang mặt chữ điền*, lúc *dệt áo mơ phai Trong tác dụng tượng trưng hàm súc nhất: một chiếc lá vàng cũng đủ báo hiệu cho thiên hạ cộng tri thu*, thì lá vẫn có tên, có tính, ấy là lá ngô đồng. Trái lại *lá* của Văn Cao là một hiện tượng thiên nhiên đơn lẻ trần trụi: lá của Văn Cao là cuộc sống, trong khi các loại lá rải rác trong thi ca, chỉ là những âm sắc, tính cách cục bộ nào đó phân tách ra khỏi đời sống.

Là sự sống trong hình thái đơn giản và thiết yếu, lá hô hấp khí trời và mặt nhật để chuyển động ánh sáng thành màu xanh lục diệp và chuyển màu xanh thành dưỡng khí. Là cuộc sống mà cũng là nguồn sống. Là ngoại vật, lá chuyển nhập vào nội tạng con người qua những con đường từ thô thiển đến tinh vi. Lá góp từng tế bào vào cơ thể ta rồi tiếp tục nuôi dưỡng từng tế bào bằng dưỡng khí. Lá hèn mọn, lá phôi pha, lá vô danh, sinh âm thầm, chết lặng lẽ. Thơ Văn Cao nói về những sự thật, những ân tình và bạc bẽo ấy.

Lá là nét cân đối trong không gian dưới mắt người họa sĩ, lá là những nét ký họa mà vũ trụ đã ghi lại hằng ngày trên nhật ký của mặt đất. Trong quá trình sinh trưởng, lá từ nhựa sống vươn đến một cấu trúc cân đối (symétric) để rồi, từ đó dần dần mất dần cân đối (assymétrie) với thời gian, trong quá trình hủy hoại: đó cũng là định mệnh con người từ bản thể chạm vào cơn gió của lịch sử. Lá là con người đương đầu với biến cố. Riêng chiếc lá Việt Nam, thân xác mong manh vùi dập đạn bom, với bột "khai quang", là một đau thương khác, không thể bình luận về mặt triết học, văn chương.

Claude Levi Strauss nhà bác học đã góp phần xây dựng nền cấu trúc luận, chi phối nhiều khoa học hiện đại, có kể lại rằng: ông ý thức được rõ rệt khái niệm cấu trúc, khi một buổi sáng chủ nhật, ngắm nhìn đóa hoa bồ công anh (pissenlit dandelion), một loại hoa đồng cỏ nội màu vàng, thông thường nhỏ bé. Nét hài hòa của đóa hoa, trong tượng quan dị đồng với những loài hoa khác, đã đưa tư duy Levi Strauss từ cảm xúc đến suy diễn, đến nghiên cứu, và lập thuyết. Hành trình của một tư trào lớn, có lẽ cũng là hành trình của một bài thơ, một bức họa. Dường như Văn Cao cũng có một ý nghĩ như thế khi anh viết: *Cũng có người thấy trời xanh vô cùng trong bát nước, và cũng có người chỉ nói tới một giọt ánh sáng để thấy cái vô cùng tận của trời xanh. Có người cần phải tìm con đường lớn mới thấy dấu xe, mà có người tìm thấy dấu xe trong hạt bụi.* Ở đây Văn Cao trình bày thao tác trí thức, về khoa học cũng như nghệ thuật như một sinh hoạt tổng thể, đi từ cảm giác, đến trực giác và suy diễn, lý luận, hay sáng tạo: *Chỉ riêng cái phần giác quan của nhà thơ cũng nói được cái hướng biểu hiện hoặc thiên về tư tưởng, hoặc thiên về cảm xúc, hoặc thiên về cảm giác* (trong *Một Vài Ý Nghĩ Về Thơ*, Văn Nghệ, số 3, 1957, Hà Nội).

Thơ Văn Cao giàu thị giác, thiên về tư tưởng, và dòi hỏi cái mới, cái hiện đại. Nhưng anh cũng chấp nhận kinh nghiệm người đi trước

*Nếu không có đường mòn*
*Ai biết mà tìm nhau...*
*... Chỉ từ những đường mòn*
*Rừng mở ra vạn lối.*

Văn Cao cương quyết đi tìm những lối mới, cho hình thể hội họa, cho ngôn ngữ thi ca. Anh ý thức rằng dân tộc cần những con đường mòn, cần truyền thống, để tự khẳng định, để giữ gìn bản sắc, nhưng lại cần những nhảy vọt để tiến bộ, để phát huy bản sắc ấy trong thế giới đang thay đổi. Những thể nghiệm về hội họa trừu tượng năm 1945, về quan điểm thơ không vần 1949, là những cố gắng làm mới nghệ thuật. Nhưng Văn Cao cũng nhận ra rằng không thể có nghệ thuật mới, nếu không có tư tưởng mới và hoàn cảnh mới. Cuộc chiến tranh chống

Pháp, có tác dụng đổi mới tư duy, cũng như mọi cuộc chiến tranh; nhưng nó là vệ quốc, nên, trong một chừng mực nào đó, đẩy lùi tư duy dân tộc về lại quá khứ, với *Nam đế cư*. Nam đế ở đây không còn là vua Lý vua Trần, nhưng là nhiều thứ vua khác, mà về sau Văn Cao sẽ ví von với *những con rồng đất khi đỏ khi xanh*. Không những *lẫn trong hàng ngũ* mà còn len lỏi vào tư tưởng và tình cảm của mỗi người. Cái giá rất đắt của gian khổ và chiến thắng mà dân tộc ta phải trả là tinh thần bảo thủ. Tiến bộ là niềm an ủi của những dân tộc chiến bại: Nhật và Đức. Thơ không vần là tự hào của một tâm lý thất bại, Thanh Tâm Tuyền là một ví dụ. Thơ vần hay không vần, tuy chỉ là một vấn đề kỹ thuật, nhưng là một khâu có tác động trên cả guồng máy. Phải đợi sau khi hòa bình lập lại, 1956 Văn Cao mới làm thơ trở lại, không vần, thơ mới.

*

*Tôi muốn tìm hiểu cuộc đời*
*Như lấy bàn tay dò mạch giếng chảy*

Thơ Văn Cao là cuộc tra vấn thường xuyên cuộc sống và con người, về thân phận, về ước vọng. Đề tài thơ Văn Cao không nhiều: vài ba kỷ niệm, với dăm người bạn, vài thành phố, nhưng lúc nào cũng là những câu hỏi dằn vặt. Về Bùi Xuân Phái, anh nhắc đến những bức tranh *Phố Phái:*

*Không người ở*
*Không số nhà*
*Không tên phố*

để cuối cùng tự hỏi:

*Đến lúc nào phố anh có người thân?*

Với Nguyễn Tuân thân thiết, anh chỉ giữ lại cái nhìn:

*Mắt anh và mắt tôi*
*Một lớp tro đang ròng ròng kéo sợi*

Với Nguyễn Huy Tưởng, anh nói về ám ảnh cái chết:

*Bức tường vẫn lê từng bước một*
*Đến gần chân chúng tôi hàng ngày*
*... Chúng ta đều sợ một cái gì nhanh quá*

Khi vĩnh biệt Nguyên Hồng:

*Riêng anh niềm xúc động của tôi*
*... Nơi anh nơi tôi hai xóm nghèo được sống*

Các cụ ngày xưa đã tiết kiệm tâm tình, mà cũng có lúc òa vỡ thành tiếng khóc như Nguyễn Khuyến khóc Dương Khuê. Ở Văn Cao không có những nức nở đó, mà chỉ có những nhức nhối thu lại trong nội tâm, trong im lặng. *Có lúc nước mắt không thể chảy ra ngoài được*. Thơ Văn Cao, chủ yếu, là những phút im lặng giữa những khoảng tối và sáng trong ngôn ngữ.

Hà Nội vào thu, trong thơ Văn Cao không có những màu mơ sắc mộng, mà nhắc nhở những hy sinh:

*Máu bao nhiêu người thấm đất*
*Để người ta mãi nhớ*
*Phố phường Hà Nội*

*Lúc vào Thu*
*Hà Nội ban đêm*
*Xa xa xa*
*Đêm động tiếng còi tàu*
*Hà Nội càng thêm cũ*
*Gió cuối năm luồn vào phố hẹp*
*Nhớ một cánh buồm*

Cùng một u hoài, nhưng không vỗ về mà quặn thắt. Đọc Văn Cao mệt. Khi nhìn những con người Hà Nội trên hè phố uống bia, lẽ ra anh phải cho mình cái thảnh thơi phơi phới, cái phè phởn với đám đông, cái phút tự quên trong ầm ĩ. Thì không, mình vẫn phải chứng kiến bề trái cay đắng phi lý đằng sau bề mặt rộn rã:

*Họ đến đây đông lắm*
*... Uống rỗng những thùng bia*
*Uống hết một ngày đang hết*
*Uống hết một năm sắp hết*
*Còn liếm môi*
*Họ thèm bia hay thèm sống*
*Thèm đám đông.*

Những thành phố thân yêu khác cũng là những đau đớn: Huế là *Từng mặt gương đau / Từng mảnh gương tan*. Qui Nhơn là một dấu hỏi:

*Mẹ ơi Nghĩa Bình từ đâu*
*Phải từ máu thắm...*
*Không*
*đất này mọc lên*
*từ nước mắt!...*

Nhưng sâu lắng nhất là hình ảnh Hải Phòng, thành phố của tuổi thơ, nơi tiếng sóng đong đưa *tiếng hát mẹ chiều ru võng*. Và Hải Phòng trong trường ca *Những Người Trên Cửa Biển* còn là hình tượng cuộc sống toàn diện, bềnh bồng trên lịch sử gian nan của một dân tộc, một đất nước

*Tôi yêu Hải Phòng như Việt Nam nhỏ lại*
*Tôi yêu Việt Nam như tôi biết yêu tôi*

Cái tôi ở đây của Văn Cao là con người nói chung, đặc biệt người Việt Nam

*Bao tình yêu khát khao hy vọng*
*Là tiếng con sông mảnh đất viên đá Hải Phòng*
*... Cuộc đời*
*Dĩ vãng*
*Thời gian*
*Bỏ neo trên mặt bến*

Hải Phòng, cửa khẩu lâu đời, đã ngàn năm làm lá phổi, là đôi mắt của tổ quốc, là *cổ họng chúng ta ngày đêm rỏ máu*. Hải Phòng: phòng tuyến trên mặt biển, là một vị trí chiến đấu, từ thời bà Lê Chân, danh tướng của hai Bà Trưng đến ba lần phá quân Hán quân Nguyên trên sông Bạch Đằng, nhưng gian nan nhất là thời chống xâm lược từ phương Tây: chúng ta không thể đóng cọc chống

lại những tàu chiến và những pháo đài bay hiện đại. Chiến tranh Việt Pháp nổ ra tại Hải Phòng ngày 20,11,1946, một tháng trước ngày toàn quốc kháng chiến, rồi kéo dài qua thời kỳ chống Mỹ, đến cuối năm 1972, một tháng trước hòa ước Paris. Văn Cao đã gợi lại *những năm tháng Hải Phòng đầy biến động* cho đến 1956, với những chấn động xã hội và chính trị theo sau. Hình ảnh Hải Phòng dưới đôi mắt trẻ thơ thời thuộc Pháp

*Đâm lên đám mây giữa tỉnh*
*Tháp chuông nhà thờ*
*An ủi những người khổ sở*
*Chung quanh hỏa lò, trại lính*
*Cha tôi nghe tiếng chuông đổ đầu tiên*
*Giữa buổi chiều không cơm cháo*
*Bàn tay mẹ tôi quờ trong thạp gạo...*

Thời đó, thực dân mộ phu phen gởi vào miền Nam hay Tân Đảo.

*Thời đó xóm tôi nghèo xơ nghèo xác*
*Đàn gà không kiếm ăn được trên đống rác*
*Hàng trăm ngàn người lại theo tàu ra biển*
*Ai biết cao su đất đỏ là đâu*
*Thỉnh thoảng một xác trôi về bến...*

Người chết trong dông bão, chết vì bị đánh giết, vì đói, vì dịch, và Văn Cao đã thốt lên câu hỏi thống thiết, hiện đại, hiện sinh:

*Giê Su*
*Sao người chết mãi không thôi*

Có cả những cuộc hành quyết, những Nguyễn Đức Cảnh (1931), Lương Khánh Thiện (1940).

*Có năm Hỏa Lò dựng lên máy chém*
*Cả Hải Phòng sau những án đau thương*
*Không ai dám nhìn con gà bị giết*

Ảm đạm kéo dài tuổi thơ dưới thời Nhật thuộc:

*Có năm ngựa Nhật đi vào tỉnh*
*Xóm tôi không còn một buồng chuối chín*
*Có năm bom Mỹ đổ xuống quanh nhà*
*Chỉ còn tiếng kêu trời khóc ra máu*

Những ngày *cửa biển về ta / Những năm đầu chính quyền cách mạng* lướt qua rất nhanh trong thơ Văn Cao *như bóng cò trắng bay về lòng tôi thuở nhỏ*, có lẽ vì đã có nhiều thơ về giai đoạn này, đặc sắc là bài 19,11,1946 của Trần Huyền Trân. Thời đó, 1946 ta đã có chính quyền nhưng quân Pháp đã đổ bộ và Tàu Tưởng còn đóng quân tại miền Bắc; vấn đề chủ quyền đặt ra, khắp nơi trên nguyên tắc, như gay gắt và cụ thể tại Hải Phòng: ai kiểm soát hải quan? Vậy là quân Pháp nổ súng, sát hại hàng ngàn người dân vô tội trong thành phố: cuộc chiến tranh Việt Pháp bắt đầu tại Hải Phòng.

Khi nhắc đến *giấc mơ ủ kín lòng Hải Phòng tạm chiếm*; Văn Cao gợi lên cuộc kháng chiến chống Pháp trong kích thước quốc gia, vượt ra khỏi tầm một thành phố, với những mất mát không còn hàn gắn lại được:

*Chúng ta nhớ gì những ngày kháng chiến*
*Mất cả mùa thu mất cả tình yêu*
*Mất đôi mắt thật trong, mất rất nhiều rung cảm*
*Mất rất nhiều đồng chí*
*Nhưng chúng ta làm chủ được Hải Phòng*
*Tiếng cười khóc trên Hải Phòng suy nghĩ*
*Những mái nhà xưa đếm lại thiếu người.*

Hiệp định Genève tái lập hòa bình, thì Hải Phòng chứng kiến cảnh chia ly Nam Bắc, với những chuyến tàu đi:

*Vợ xa chồng*
*Anh xa em*
*Chiều Nam chiều Bắc cùng sầu.*

Di cư xong. Tập kết xong. Miền Bắc xây dựng xã hội chủ nghĩa. Thời điểm tháng hai 1956: những nhà máy Hải Phòng bắt đầu nhả khói. Tố Hữu làm thơ: *hớn hở mùa xuân... Giữa mùa xuân, vững bước tới tương lai... Tôi vui đi, mê mải... một... hai*. Văn Cao cũng làm thơ, kết thúc trường ca Hải Phòng với những *ngày báo hiệu mùa xuân*. Mới báo hiệu, nghĩa là... chưa có mùa xuân. Đã thế, anh lại còn cao giọng tố cáo:

*Trong những ngày khó khăn chồng chất*
*Kẻ thù chúng ta xuất hiện*
*Những con rồng đất khi đỏ khi xanh*
*Lẫn trong hàng ngũ*

*Những con bói cá*
*Đậu trên những dây buồm*
*Đang đo mực nước*
*Những con bạch tuột*
*Bao tay chân cố dìm một con người*
*... Ta muốn gói cuộc đời gọn gàng như trái vải*
*Đã thấy loài sâu nằm trong cuống*
*... Hãy dừng lại*
*Những tên muốn ôm cây mùa xuân không cho mọc*
*Những tên muốn làm cây to che cớm mầm non*

Những rồng đất, bói cá, bạch tuột, những con sâu, những tên nọ tên kia là ai? Văn Cao không nói rõ, nhưng dọa *sẽ vạch từng tên từng mặt*. Rồi dòng thơ Văn Cao tuôn ào thác lũ:

*Con đường ta đi tự hào lực lượng*
*Con đường nước nguồn thành sông biển*
*Con đường ta đi tự hào duy nhất*
*Con đường ta đi trái đất quanh mặt trời.*

Dĩ nhiên là không giẫm lên vết chân *mê mãi... một... hai* của người kia. Họ ức anh là dễ hiểu.

*

Hải Phòng, hòn máu của lịch sử, còn là tế bào của xã hội, một xã hội công

nghiệp đang thành hình. Hải Phòng là một chiến lũy xưa, nhưng là một thành phố mới, phát triển với xã hội thuộc địa. Tuy rằng kế thừa sinh hoạt bến Vân Đồn thời Trần hay Phố Hiến thời Lê, Hải Phòng bây giờ mới mở mang từ đầu thế kỷ, càng ngày càng sầm uất:

*Đầu những ngọn sông những lá thuyền trút xuống*
*Đoàn lũ tàu đang hồng hộc chạy về đây*
*Đổ đầy Hải Phòng tiền rừng bạc biển*
*Ngập đường ngập phố*
*Ngập kè đá đường goòng*

Của cải ở đây là của thực dân Pháp và một ít tư sản địa phương câu kết với Pháp. Người Việt cung cấp dịch vụ và giải trí cho thủy thủ và lính viễn chinh. Một ít thợ thuyền làm trong các xưởng sửa chữa tàu thủy và nhiều nhất là phu khuân vác. Nguyên Hồng đã mô tả đầy đủ Hải Phòng qua tập truyện dài *Cửa Biển*, đặc biệt trong *Sóng Gầm* về cuộc sống phu phen vào những năm 1936-1939. Lực lượng thợ thuyền ấy có khả năng và truyền thống tranh đấu, bãi công, như vào những năm 1919, 1926, 1928 và 1929. Do đó, trong *Những Người Trên Cửa Biển* Hải Phòng làm biểu tượng thành phố thợ thuyền, đối lập với làng mạc nông thôn, và trong một chừng mực nào đó, cái mới đối lập với cái cũ, phù hợp với tầm nhìn của Văn Cao. Dân Hải Phòng là "người góp", gồm có *hàng vạn người không ruộng cày ra biển*

*Ai biết Hải Phòng là đâu*
*Từ giã bờ tre mái rạ*
*Đến đây là chỗ cùng đường*

Khác với người dân tỉnh ly, hay Hà Nội, họ là người nghèo, mất liên hệ với nông thôn, sống không có truyền thống, chung đụng với những người khác nguồn gốc.

*Người dân thành phố*
*Mồ hôi còn nước mặn phù sa*
*Dầu mỡ bụi than*
*Sống như muối đọng lấy bờ lấy bãi*
*Sống chắt chiu đùm bọc yêu thương*
*Che chở nắng mưa, đỡ đần buổi gạo*
*Đoàn thuyền nát buộc vào nhau ngày bão*
*Chưa quá ba đời sống trong một xóm*
*Chưa đầy chục người chết trong một mái nhà thuê*
*Bạn bè quen thuộc*
*Các giòng người*
*Từ chân trời bốn phương đi lại*

Họ an phận trong kiếp sống than bụi, trong khi Văn Cao mơ mộng:

*Thuở nhỏ lòng tôi hướng mãi*
*Theo những con tàu biển ra đi*
*Đến những đất đai tưởng tượng*

Đến đây, chúng ta đã đi vào chiều sâu trong cấu tứ, tạo thành thi pháp Văn Cao. Văn Cao ít làm thơ và sáng tác khó khăn, nhưng gặp đề tài Hải Phòng, sức

sáng tạo tuôn trào, lời thơ lai láng mà vẫn súc tích. Anh sáng tạo như trong một cơn say; chếnh choáng đề tài, ngất ngây cuộc sống. Tâm linh lồng lộng trang giấy, một mạch năm trăm câu, cấu trúc chặt chẽ, các cụ gọi là "nhất khí quán hạ". Dù rằng anh có lao động chi li, sửa đi sửa lại, thì nguồn thơ nguyên thủy vẫn là nguồn chính. *Một tiếng vang vang cả lòng cả đáy*, bài trường ca là hợp xướng cuộc đời lao động cùng khổ, đối lập với giấc mơ: một xã hội công nghiệp, tân tiến và những chân trời mới. Cùng trong năm 1956, anh còn làm bài thơ quan trọng khác, *Anh Có Nghe Không*, nổi tiếng vì tính cách tố cáo và phản kháng. Nhưng bài này đọc kỹ, chỉ là trường ca Hải Phòng thu gọn lại, với chung một nguồn rung cảm, cấu tứ, tạo hình. Về sau, những bài thơ ngắn hơn, dù đặc sắc, vẫn là những mảnh vỡ của Hải Phòng. Đặc biệt Qui Nhơn, qua ba bài thơ làm mười năm sau (1985) sao mà giống... Hải Phòng quá.

Hải Phòng, thành phố công nghiệp, trong than bụi đã hứa hẹn một xã hội mới *không có lúa đồng thơm nhưng có trăm nhà máy*. Đất nước sẽ thoát ly ra khỏi những ràng buộc của thiên nhiên trong chế độ nông nghiệp:

*Đất nước ngày nay về tay người thợ*
*Quê hương những người nghèo khổ chúng ta*
*Sức tự hào của những người ở biển*
*Không sợ thiên nhiên, không sợ cuộc đời*
*Lòng rộng bao la nhiều chân trời cửa biển*

Thơ Văn Cao rất ít hình ảnh nông thôn, tuy rằng thế hệ anh gắn bó dài lâu với đồng quê. Thậm chí trong lời nhạc cũng vậy. Hình ảnh làng mạc chỉ là những nét ký họa, tốc họa, *bóng cau với con thuyền, một dòng sông*. Âm vang đồng nội còn lại *tiếng chuông nhà thờ rung*. Tâm lý nông thôn thô thiển: *dân làng vui như tết - Qua mùa này không lo*. Trong *Những Người Trên Cửa Biển*, hình ảnh đồng quê khuôn sáo:

*Tôi nghe tiếng hát mẹ chiều ru võng*
*Những ca dao của đồng lúa quê hương*
*Những dáng cò lặn lội*

Bản thân Văn Cao nhận rằng mình *không có quê hương* hiểu theo nghĩa làng mạc gốc tích, dường như anh không muốn có. Người Việt Nam thường hỏi nhau về gốc tích - dù bản thân không mấy liên hệ. Nhưng Văn Cao thì nói phăng:

*Tôi không có quê hương*
*Nghe đâu như Thái Bình Hà Nam Phủ Lý*
*Như Nam Định*
*Ruộng đất mông mênh trong tiếng hát*
*Quê mẹ quê cha cách một vườn trầu*

Quê hương, nếu có, chỉ là những hình ảnh mông lung bàng bạc dọc theo những dòng sông hay quây quần chung quanh giếng nước, nơi trí tuệ dừng chân, nghỉ ngơi và nghĩ ngợi, trước khi phóng cái nhìn về những chân trời mới. Do đó mà từ một Hải Phòng rách nát nguồn rung cảm Văn Cao vẫn dạt dào hứng khởi. *Những Người Trước Cửa Biển* gọi là trường ca, vì nó ngợi ca cuộc sống, nó ca hát những đau thương để hướng về cái mới, cái cao cả mai sau.

Nó ca hát trước hết bằng nghệ thuật. Hải Phòng là khởi điểm của nghệ thuật.

Bắt đầu là âm nhạc: *Hải Phòng dựng lên âm nhạc*. Đúng thôi, vì nền tân nhạc Việt Nam bắt đầu từ Hải Phòng những năm đầu 1940 với ban nhạc Đồng Vọng; nhưng ý Văn Cao khởi đầu lịch sử âm nhạc không dừng lại đó, anh muốn rằng *nhạc đang biến thành sự thực quanh ta*. Nhạc là biểu tượng của hạnh phúc - dù khi diễn tả khổ đau. Nhạc là cuộc đời đã thăng hoa thành âm hưởng; trước kia nó là *Thiên Thai*, là *Suối Mơ*, là *Ngày Mùa*. Nay nó là *cuộc đời lem nhem than khói? Hải Phòng dựng nên hội họa - Những bức tranh tăng dân số chúng ta*. Một câu thơ khó hiểu. Ý Văn Cao có lẽ là hội họa tạo cho chúng ta một không gian khác, do đó tăng kích thước đời sống chúng ta, hội họa dạy ta cái đẹp - dù là cái đẹp sẵn có trong trời đất và trong nội tâm.

*Có người không biết trăng là đẹp*
*Bỗng nhiên chiều đứng ngắm trăng lên*
*Trên đầu nhà máy*
*Nghe như ai hát trong lòng*

Đây là tuyên ngôn nghệ thuật của Văn Cao, người đã góp công xây dựng nền nhạc mới, nền hội họa mới và nền thơ mới. Trong lịch sử, Văn Cao đã hoạt động, đã bạo động, và sau đó biết rằng anh không thể cứu người trong lịch sử; mà chỉ có thể cứu họ bằng nghệ thuật. Khi sáng tạo ra một trần gian khác, trước đó là *Thiên Thai*, bây giờ là nghệ thuật hiện đại

*Có người hàng năm mặt trời không thấy mọc*
*Khép đùi xếp phách tiễn đêm đi*
*Hôm nay ngồi chép bài ca mới*
*Hương cốm mùi rơm ngát giếng đình*

Hải Phòng đã dựng nên thơ

*Những câu thơ thành thời sự*

Hương cốm, mùi rơm thì có gì làm mới? Nhưng nghệ thuật làm cho nó mới, cũng như làm cho thời sự thành thơ. Cái gì trong cõi đời này mà không mới, không thơ, không là nghệ thuật? Nhiệm vụ của tác phẩm là tạo nên cái nhìn thẩm mỹ. Con người nguyên thủy, thoạt tiên đâu có yêu trăng lên, chiều xuống, lá rụng, hoa tàn. Nghệ thuật biến phôi pha thành vẻ đẹp miên viễn của trần gian: nghệ thuật giúp con người vượt khỏi thời gian, làm chủ thời gian:

*Thời gian làm trẻ lại chúng ta*
*Khi thời gian là của chúng ta*

Nghệ thuật là cảm xúc vươn lên Trí Tuệ

*Hải Phòng dựng lên tư tưởng*
*Làm nhựa dẫn trong tôi*
*vì từ bến cảng*
*Tâm hồn ta tràn theo sóng ra khơi*

Với Văn Cao, Hải Phòng, qua những biến động và phát triển, là sự hình thành của nghệ thuật và ý thức thẩm mỹ. Có lẽ đối với Nguyên Hồng cũng thế: tác phẩm lớn của anh xoay chung quanh cuộc sống Hải Phòng. Trong bút ký *hải Phòng Qua Vài Trang Sử Mở* (1973), Nguyên Hồng viết *Tôi càng nghĩ về Hải Phòng, tôi càng thấy Hải Phòng thật là mối tình đầu của tôi, và tôi mắc một món nợ lớn, thiêng liêng vô cùng, phải cố sao mà trả dù chỉ phần muôn một. Phải! chỉ*

*phần muôn một, nếu không, trọn đời làm gì cũng không yên tâm.*

Nhấn mạnh vào biểu tượng thành phố Hải Phòng nguồn cấu tạo thơ Văn cao, chúng tôi muốn nói rằng: đề tài một bài thơ, những ý tưởng, tình cảm ẩn hiện, và chữ nghĩa thân xác bài thơ đó là một duy nhất. Văn Cao làm thơ về Hải Phòng, Nguyên Hồng viết truyện về Hải Phòng cũng như Xuân Diệu làm thơ về tình yêu, Hàn Mạc Tử làm thơ về đức tin, Huy Cận làm thơ về vũ trụ. Đề tài không phải là đối tượng, nó không nằm ngoài tác giả, mà nó là chủ thể, nó là tác giả, thậm chí làm chủ tác giả khi là nguồn cảm hứng có tiềm lực cấu tứ. Lúc đó, đề tài lái dẫn bàn tay, ngòi bút chỉ làm việc sắp xếp, sửa đổi. Nói về hội họa, Văn Cao có lần bảo tôi: vẽ gì thì cũng vẽ chính mình mà thôi. Hải Phòng là bản thân Văn Cao.

Một Văn Cao truân chuyên, cay đắng, nhưng tin tưởng và độ lượng - tin tưởng và độ lượng. Văn Cao tin ở cuộc đời, ở vũ trụ, tin vào một thiên nhiên nuôi dưỡng con người,

*Từ xa về hạt giống rải qua sông*
*Mảnh đất nơi đây vùi nông cũng sống*

Nếu có lúc con người phải chiến đấu chống trả thiên nhiên, *ngày đêm vét nước nối đê - Ngăn từng cơn gió muối*, thì có lúc thiên nhiên bảo vệ con người bằng những *ngọn sú ven sông... bãi sú vô danh... bãi sú bồi thành bến* chống trả với biển cả. Cây sú là một loại cây dại, mọc dọc biển, có tác dụng gìn giữ đất liền tại Bắc bộ, giống như câu đước, cây vẹt ở miền Nam, đặc biệt *Rừng Mắm* trong truyện Bình Nguyên Lộc. Huy Cận có nói đến *bãi sú mặn khô dần thành phố xá*, và Nguyễn Đình Thi:

*Ta nhớ lò vôi bên bãi sú*
*Giọt máu tươi rỏ xuống bùn loang*

Văn Cao tin vào lẽ tuần hoàn của vũ trụ, *mùa này nhạn bay ra biển - Chim yến từ biển bay về - Những con chim cứ sáng lên là hót*. Văn Cao tin vào sức sống con người: *những con cá ném lên lên trời cũng sống*, và tin vào trí tuệ dũng cảm, kinh nghiệm chế ngự thiên nhiên của

*những kẻ chài quen biển*
*Thấy ngọn lửa quay đầu*
*Biết bão táp đang trở mình trên mặt sóng*

Con người khoẻ mạnh, minh mẫn và trong sáng ấy phải có hạnh phúc, xứng đáng hạnh phúc. Thơ Văn Cao, dù cay đắng, vẫn lạc quan. Trường ca Hải Phòng bắt đầu bằng *đầu nhà có trồng cây mận*, chứng nhân những đau thương ở đoạn giữa *bạn cha tôi về chết bên cây mận*, nhưng cuối cùng, cây mận sẽ chứng kiến hạnh phúc;

*Nhu nhú trên những cành mận non*
*Những nụ hoa đang nở hồng hồng*
*Mát hai vai dưới rặng cây bóng lá*
*Đôi lứa thanh niên đến tự tình*

...

*Im lặng*
*Đêm tắt đi tiếng ồn ào náo động*

*Cho đôi lứa yêu nhau*
*những giờ phút ngày xưa chưa có*
*Những cái hôn mới*
*Cái hôn đầu tiên*

Đây là những lời thơ ngợi ca tình yêu tế nhị và đằm thắm; nó nổi bật lên ở cuối một trường ca dài nặng chĩu đau thương và khúc mắc. Thơ Văn Cao là nghệ thuật đích thực vì nó đã hóa giải đau thương thành hạnh phúc: truyện Kiều cũng vậy. Lời ai oán của cô cung nữ, lời thở than của nàng chinh phụ, đều như vậy. Tấm lòng Văn Cao, nghệ thuật anh và nghệ thuật nói chung, là khát vọng mênh mông của nhân loại tìm cái đẹp, niềm vui, như kết từ của trường ca *Những Người Trên Cửa Biển:*

*Tôi giờ đây liếm môi nóng bỏng*
*Nhìn ra biển bao la*
*Lòng hãy còn nhiều khát vọng*
*còn rất nhiều khát vọng*
*Biển thành người khổng lồ kêu khát*
*suốt ngày đêm*
*Suốt ngày đêm kêu khát*
*Những ngọn sóng trên cát khô sủi bọt*
*Ngày đêm*
*Mãi Mãi*
*Dưới chân tôi*

*Nước ngọt của ngàn sông*
*Bao giờ đổ đầy lòng biển.*

Những âm thanh cuối cùng vang vọng trong thế giới Văn Cao - từ một Hải Phòng xa xôi. Hải Phòng khởi đầu, là một quê hương - một câu trả lời. Nhưng câu trả lời buộc lương tâm con người phải đặt ra câu hỏi. Và câu hỏi lại thách thức một giải dáp khác; rồi cứ thế, tâm hồn Văn Cao đong đưa những lời vấn đáp giữa con người và xã hội con người trong vũ trụ, con người trước định mệnh. Những đợt hỏi - trả lời liên hồi lớp lớp, như sóng gầm trên cửa biển, có lúc lắng xuống thành tiếng sóng vàng trên *bãi dài ngô lau núi rừng âm u*, có lúc chỉ lanh canh trong dáy cốc.

*Cuộc đời ôm tôi như trong một cái bình*
*Một tiếng vang vang cả lòng cả đáy*

Vang vang hạo nhiên và ngang nhiên như *con đường tự hào duy nhất - Con đường đi trái đất quanh mặt trời*. Niềm tin của văn Cao đi từ những giấc mơ và những rạn vỡ. Trên con đường mặt trời, thơ Văn Cao là những giấc mơ thét gào thực tại, là những rạn vỡ đòi lại toàn bích, là chiếc lá gào gọi trời xanh. Thơ Văn Cao, đời Văn Cao *một tiếng vang vang cả lòng cả đáy*, của nãotrong sọ, của tủy trong xương, của máu trong mạch, của khát vọng không nguôi.

ĐẶNG TIẾN
1 Novembre 1992
Viết cho ngày sinh nhật Văn Cao 70 tuổi (15.11.1992)



**HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG**

# cảm nhận văn cao

Để nói một điều gì về Văn Cao, với tôi thật là khó, mặc dù ông luôn luôn dành cho tôi một niềm thân ái gần như đồng nghĩa với sự tin cậy để nói thực, không dè xẻng, về mọi điều tôi muốn biết về ông. (Đây là chỗ khác nhau giữa Văn Cao và Nguyễn Tuân: ở ông Nguyễn, giữa *Tôi* và *Người khác* luôn luôn còn lại một khoảng cách mà ông cố giữ, như một *manière d'être*). Tôi thấy khó là bởi, để nói về một con người có nhiều chiều kích (dimension) như Văn Cao, tôi không biết phải bắt đầu từ đâu, và kết thúc ở đâu. Đó là cảm giác của con người đứng trước biển, và tôi như một câu thơ của Valéry:

*La mer, la mer toujours recomencée.*

Thế thì đúng. Văn Cao là đứa con của một thành phố Cửa Biển, nên mang linh hồn của biển, mênh mông và khát vọng cái Mới.

Trong nghệ thuật, Văn Cao là một kỵ sĩ tận dòng máu, quyết thách thức tài năng trên lưng cả ba con ngựa: thi ca, âm nhạc và hội họa. Tôi chưa có điều kiện để tiếp xúc nhiều với hội họa của Văn Cao, ngoài một lần xem triển lãm các bộ sưu tập cá nhân tại Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật, ở đó chưng bày một số tranh Văn Cao vẽ theo lối thường, nhưng cũng rất đẹp. Lần ấy, tôi ngạc nhiên về sức mạnh lạ lùng tiềm ẩn trong đôi bàn tay gầy guộc của ông, để tạo ra muôn ngàn cái Đẹp khi chạm vào thế giới. Nhưng Văn Cao đã được biết đến như một họa sĩ *avant-garde* ngay khi ông mới xuất hiện lần đầu tại Hà Nội năm 1944 và cùng năm ấy tại Huế, cùng chung với họa sĩ Phạm Đăng Trí. Họa sĩ Phạm Đăng Trí được báo chí thủ đô xem là "le premier surréaliste de l'Indochine", và của Phạm Đăng Trí thời kỳ này, tôi được nhìn thấy bức tranh "Người Suối Bạc", với màu vert bí ẩn của trường phái siêu thực. Còn tranh của Văn Cao thì hình như chính tác giả cũng không còn biết đâu mà tìm. Dĩ nhiên thôi, vì sau đó là cách mạng và chiến tranh; trong đó, để trở thành đại biểu của Prolekul (văn hóa vô sản)), mọi tài năng trưởng thành đều phải đoạn tuyệt với "tội lỗi tiền chiến" của mình, giống như trường hợp Maiacopski. Đôi lần tôi cố tìm hiểu về Văn-Cao-vẽ của thời kỳ này. Trả lời tôi, ông chỉ uống rượu, nhìn đăm đăm vào bức tranh cubiste cũ của ông treo lẻ loi trên tường, và nói như gầm gừ: "Tôi vẫn chưa tung ra con ngựa thứ ba của tôi". Đối diện với khát vọng sáng tạo của bản thân ông, tôi hiểu, câu nói của Văn Cao mang nghĩa ngậm ngùi hơn là thách thức. Chân trời mới của nghệ thuật hiện đại, chính Văn Cao nhìn thấy rất sớm, nhưng ông đã không đi tới được. Đó là mất mát chung của cả đất nước không phải chỉ riêng Văn Cao, và lỗi ấy cũng không thuộc về ông.

Tạ Ty có lần nói rằng Văn Cao đã kiến trúc nên một lâu đài nghệ thuật lộng lẫy bằng chất liệu tiếng Việt. Tôi nghĩ rằng đó là một lưu ý rất đáng giá

về Văn Cao, trong âm nhạc (lời hát) và trong thơ của ông. Có lẽ vì ông quá nhiều tài hoa, nên đôi khi người ta quên để ý tới hóa thân trong Tiếng Mẹ của con người sáng tạo ở Văn Cao. Những nhà văn khác cũng có thể nói, và nói hay về cùng một điều; nhưng với Văn Cao, điều nói kia bao giờ cũng hiện ra trong một nét tạo hình mới lạ không ngờ. Có lần tôi nghe anh Văn chê Đoàn Thị Điểm dịch Chinh Phụ Ngâm dở: "Cổ động Trường Thành nguyệt" (1) dịch là *Trống trường thành lung lay bóng nguyệt* là dài và thừa chữ - lẽ ra, hãy cứ dịch từng chữ sát với nguyên tác là *Trống động thành dài trăng*. Quả nhiên là nếu chỉ cho một câu, thì tiếng Việt của Văn Cao vừa trung thành với Đặng Trần Côn đến 100%, đồng thời vừa đủ khả năng để hội nhập với bất cứ ngôn ngữ thơ hiện đại nào của thế giới. Qua cái thí dụ có vẻ như nghịch ngợm đó, Văn Cao đã nêu ra một vấn đề quan trọng về thi pháp: là, tiếng Việt có thể ít lời hơn, và *mới* hơn. Đó chính là thi pháp riêng của thơ Văn Cao (thí dụ qua bài thơ *Năm Buổi Sáng Không Có Trong Sự Thật*) khiến Văn Cao vẫn mới, mới hẳn lên trong thơ Việt Nam hiện đại, dù những người khác có thể in nhiều hơn ông. Bất cứ một nhà văn nào cũng thuộc về một dân tộc cùng với tiếng nói riêng của nó; và sứ mệnh văn hóa của nhà văn trước hết là làm cao sang, làm đẹp và làm mới tiếng Mẹ. Trong nghĩa đó, Văn Cao xứng đáng với lòng biết ơn của chúng ta, vâng, *tôi yêu tiếng nước tôi - từ khi mới ra đời.*

Đổi mới nghệ thuật để dấn thân vào cuộc hành trình của dân tộc mình, đó là một lựa chọn của nhân cách nghệ sĩ, đối diện với lịch sử.

- Đời tôi khát vọng nghệ thuật hơn là phải cầm súng - Văn Cao nói - Thời 1943-1944, day dứt của tôi là cách mạng hay nghệ thuật? Từ năm 41, tôi đã là cảm tình cách mạng nhưng chưa bao giờ muốn tham gia một cách đứng đắn, vì làm cách mạng thì phải bỏ nghệ thuật. Năm 1944 người chết đói đầy đường. Tới đây, tôi thấy nghệ thuật không còn ngóc ngách nào để sống: cái đói ở người nghệ sĩ còn giày vò hơn cái đói của người dân thời đó, vì ở đây là cái đói của cả một dân tộc. Tôi nhận lời tham gia đội ngũ.

Nhiệm vụ cách mạng được giao cho Văn Cao lúc ấy, là viết một bài hát cho những người du kích kháng Nhật ở chiến khu Đông Triều. Khác với *Thiên Thai, Trương Chi* trước kia đều viết dài, ở đây Văn Cao xác định là phải viết ngắn, 16 nhịp thôi, để cho những người chân đất có thể vừa đi vừa hát, có thể đứng nghiêm (trước lúc xuất quân) mà hát không mỏi chân. Mọi người đều biết đó là bài *Tiến Quân Ca*, sau này trở thành Quốc ca. Tiếp theo đó là *Bắc Sơn, Sông Lô v.v...*, tất cả cũng lớn lao trong muôn người như Văn Cao tiền chiến.

Tôi đang uống rượu với ông thì nghe Piano từ phòng trong dấy lên, như một cơn mưa. Đó là Hương Hương, con gái của Văn Cao, đang học ở nhạc viện Tchaikovski về nghỉ hè. Ông nói:

- Hồi đó là chiến dịch sông Lô, gia đình tôi dắt dìu nhau đi dọc triền sông. Nhà tôi gánh đôi thúng đựng một đầu là gạo cơm quần áo, một đầu kia gánh thằng bé anh của cháu Hương đây, tôi thì nhẩn nha theo sau. Lúc đó mẹ các cháu đang mang thai con bé Hương này. Còn tôi cũng hoài thai một đứa con khác, là bài hát *Sông Lô* ra đời trong chiến dịch.

Tôi chăm chú nhìn Văn Cao như thể mới gặp ông lần đầu: người nghệ sĩ bậc thầy này đã đi vào đám đông của nhân dân, hồn nhiên như nhân dân, không cần đến một phút nào để "thực tập làm nhân dân" như nhiều người

khác. Từ *Thiên Thai* đến *Tiến Quân Ca*, vẫn chính là một Văn Cao ấy, không làm dáng, không lạ giọng.

Đêm ấy, trong cuộc tâm tình nghệ sĩ của Văn Cao với những ngư phủ trên Phá Tam Giang, tôi muốn biết một điều mà với tôi là một bí ẩn thuộc về đời ông:

- Tại sao sau kháng chiến chống Pháp, anh vẫn vẽ, vẫn làm thơ, nhưng người ta không nghe anh hát nữa?

- Hồi nhận viết *Tiến Quân Ca*, tôi không hề chuẩn bị trước để làm một bài hát, mà là một đặc nhiệm nguy hiểm của đội biệt động. Tôi là đội viên biệt động vũ trang. Nhiệm vụ của tôi là trong một đêm, cầm một khẩu súng, vào một thành phố để giết một người. Tôi đã làm xong việc ấy. Đó là chiến tranh và căm thù, đơn giản thôi. Những ngày đầu sau chiến tranh, tôi đã trở lại căn nhà ấy, thấy còn lại một gia đình mẹ góa con côi. Làm sao tôi có thể nói điều cần thiết nhất đối với tôi trong những bài hát sau đó? Nói về chiến công, hay phải nói một điều gì khác? Nên tôi im lặng, và chỉ viết nhạc không lời.

Giữa tiếng sóng ồ ạt vỗ quanh tàu, dưới đêm sao, tôi vẫn nghe rõ giọng nói dịu dàng của Văn Cao, sâu thẳm đến lạnh người, như thể là tiếng nói đến từ một biển khác. Trời ơi, tôi đã dại dột chọc tay vào vết thương. Nhưng tôi nghĩ, chỉ có những nghệ sĩ lớn mới nuôi cho mình những bi kịch như vậy.

*

Năm ấy, nhân kỷ niệm sinh nhật của ông, "Đêm Nhạc Văn Cao" được tổ chức tại Hà Nội, với những nhạc phẩm nổi tiếng nhất của ông. Khi đã là âm nhạc thực sự, nó có khả năng vượt trội hơn những ngành nghệ thuật khác, bằng cách đột nhập vào chốn thâm u nhất của tâm hồn con người và "làm việc" ở đó, như những tia X quang. Tôi đã có dịp thể nghiệm điều ấy trong một đêm trình diễn nhạc của J.S. Bach ở thành phố Leibrig, ở đó tiếng đàn harmonium chở linh hồn Bach bay vần vũ trên những mái vòm lớn của nhà thờ St. Thomas như những cánh dơi thần linh. Lần này cũng thế, nhưng với tôi, Văn Cao hoành tráng và gần gũi hơn nhiều.

Đêm ấy, lần đầu tiên tôi được nghe bài *Thiên Thai* trình bày trên sân khấu lớn, do nghệ sĩ ưu tú Kim Ngọc hát. Kim Ngọc đã hát *Thiên Thai* từ năm mười ba tuổi, tham gia đoàn Văn Nghệ Quân Đội từ hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Và vẫn theo lời chị, chị đã mang theo trong sổ tay bài *Thiên Thai* để hát riêng cho mình trong suốt mấy mươi năm đời ca sĩ. Chị đã nghỉ hát từ lâu, đêm nay ra sân khấu chỉ để hát một bài. Tưởng đã lớn tuổi, không ngờ giọng hát Kim Ngọc trẻ trung vang động lạ lùng, trong veo như ngọc tuyền, đài trang như tiên nữ. Tôi đã quá biết bài *Thiên Thai* là hay, không ngờ còn hay đến thế.

Đêm Hà Nội rét nhẹ, tôi cùng anh Văn lang thang qua những đường phố Hà Nội chợt vắng, loáng thoáng mùi hương hoa sữa mùa thu. Tôi hỏi anh Văn:

- Anh thấy khác nhau thế nào, giữa Kim Ngọc và Thái Thanh?

Văn Cao nói, dáng như lơ đãng:

- Ừ, mình thấy Thái Thanh hát vẫn *đời* hơn.

Tôi im lặng bước bên anh Văn, đầu óc vấn vương hoài về hai giọng hát

thiên sứ đều mang đến cho tôi cùng một thông điệp về một miền đất khát vọng nào tôi không biết, chưa tìm thấy ở đời này. Tôi nghe nhạc từ thuở trẻ, cảm thức âm nhạc của tôi không đến nổi tồi, nhưng mang đầy tính ấn tượng. Nghe anh Văn nói thế, tôi bèn quay lại thử "kiểm tra" các ấn tượng của tôi. Tôi nhớ lại cái cảm giác làm tôi lặng người khi chị Kim Ngọc hát *Nhớ quê chiều nào xa khơi - Chắc không đường về tiên nữ ơi!* Rồi xa hơn, giọng chị Thái Thanh lần ấy đã làm tôi bàng hoàng, quay quắt muốn đi tìm lại thiên đường đã mất: *Đào nguyên trước. Lưu Nguyễn khi trở về - Tìm Đào nguyên, Đào nguyên nơi đâu?* Ôi Văn Cao, Văn Cao, sao ông đa đoan thế, chẳng nhẽ không bao giờ tôi hy vọng tìm thấy một nơi nào để *ở yên* trong kiếp người của tôi? Tôi tiếp lời anh Văn trong nỗi ngậm ngùi:

- Kim Ngọc là người tiên nhớ trần, Thái Thanh là người trần nhớ tiên, cả hai đều là linh hồn "tư cố hương" của Lưu Nguyễn. Anh nói đúng.

Đêm ấy, ở nhà Văn Cao, tôi cùng ông uống rượu tới khuya. Văn Cao uống rượu như *trích tiên*, uống không bao giờ say và nói toàn minh triết. Tôi chợt nhớ lại câu trong bài thơ *Thiên Thai* của Lê Quý Đôn, nét chữ của chính tác giả vẫn còn trên rêu mờ của động đá Nga Sơn:

*Vân thủy song nga lão Giáng Hương.*

Nương theo ý thơ, tôi nói với Văn Cao trong niềm cảm khái về con người nghệ sĩ đầy khát vọng của ông:

- Từ Thức về trần và cùng đường; để lại nàng Giáng Hương tháng năm ngồi đợi trông. Trước cửa động Nga Sơn, còn lại một vầng trăng trên trời, một vầng trăng dưới biển. Và giữa hai vầng trăng, tiên nữ đã già...

*Huế, tiết Trung Thu - 1992*
HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

---

(1)Thật ra, nguyên tác của Đặng Trần Côn là: *"Cổ bề thanh động Tràng Thành nguyệt", cổ* là trống con, *bề* là trống cái (LTS)



**ĐẶNG TIẾN**

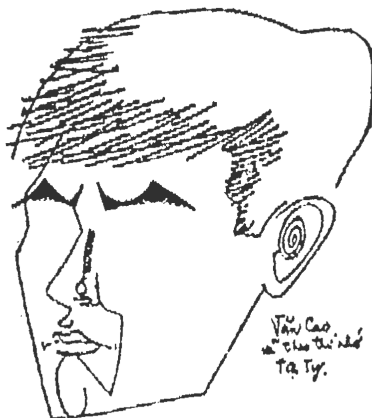
# đọc thơ hpnt, nhớ bạn

*Năm xưa, lều cỏ dăm thằng bạn*
*Đốt đuốc soi chung một quãng đường*
*Mà nay lửa tắt, tình lơ láo*
*Lỡ cố nhân và lỗi cố hương*
ĐẶNG TIẾN



PHẠM VĂN KỲ THANH

# vạt nắng chiều
# một vài cảm nghĩ về âm nhạc văn cao




Tôi tiếp xúc với âm nhạc Văn Cao từ thuở còn rất bé. Trước khi hiệp định Genève chia đôi đất nước được ký kết, mỗi mùa hè để tránh cái nóng kinh hồn của Hà Nội, tôi thường theo mẹ về quê. Quê tôi là một làng ven sông Hồng, cách Hà Nội mười hai cây số, thuộc tỉnh Hà Đông. Âm nhạc đồng nội đến với tôi qua những kỳ nghỉ hè này là tiếng sáo diều ven đê, tiếng hát trẻ chăn trâu. Ngoài những bài đồng giao thông thường, trẻ con thường hát những bài nhạc của những tác giả làm trong thời kháng chiến chống Pháp. Tôi còn nhớ vài câu của một bài hát như sau:

*"Bà Ba không chồng mà đông con*
*thằng Cu thì lên mười*
*anh Cò thì hai mươi*
*Bà Ba thì thêm tươi..."*
(Không nhớ tác giả)

Có những bài hát được trẻ con sửa lời rất tếu, điều này chứng tỏ bài hát đó phải phổ thông lắm mới được phổ biến đến nơi thôn ổ. Chẳng hạn câu đầu của bài *Tiến Quân Ca* là:

*"Đoàn quân Việt Nam đi*
*Chung lòng cứu quốc,*
*Bước chân dồn vang trên đường gập ghềnh xa..."*
(Văn Cao)

được sửa lại như sau:

*"Này quân Tầu Ô ơi!*
*Sao mày ốm thế,*
*Lê chân phù sang ăn hại Việt Nam..."*

Còn bài *Thiên Thai* có câu:

*"Thiên Thai chốn đây hoa xuân chưa gặp bướm trần gian...*
(Văn Cao)

được sửa là:

*"Thiên Thai chín mươi hai ông bụt ốc ngồi nhai... kẹo vừng..."*

Không hiểu các trẻ em chăn trâu đếm đâu ra tới chín mươi hai ông Bụt Ốc, vì số La Hán trong chùa ở quê tôi cũng không nhiều đến như thế!

Sau di cư vào miền Nam, tôi mới đủ lớn để thưởng thức lời chính bản *Thiên Thai* của Văn Cao qua tiếng hát của Thái Thanh. Đặc biệt là *Trường ca Sông Lô* được trình diễn trong một đại hội văn nghệ học sinh liên trường, dường như dưới sự điều khiển của nhạc sĩ Cung Tiến, đã dành cho tôi một sự cảm mến rất sâu đậm về âm nhạc Văn Cao. Văn Cao cũng như các nhạc sĩ khác như Phạm Duy, Phạm Đình Chương, Cung Tiến, Vũ Thành... đã làm cho tôi say mê ca khúc Việt Nam. Điều rất may mắn cho tôi, cách đây hơn hai mươi năm khi đặt chân đến đất Mỹ, hành lý nghệ thuật của tôi chỉ vỏn vẹn có hai số báo *Văn Học*. Một số đặc biệt về Phạm Duy, đã giúp tôi nhiều chi tiết để viết về ông trong số *Văn Học* xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1987. Số thứ hai tôi mang theo viết về Văn Cao ra ngày 1 tháng 11, năm 1970, nhân đệ cửu chu niên của tờ báo. Trong số này có bài viết của Vũ Bằng ("Văn Cao: *Một nghệ sĩ tài hoa, có hai đầu mà không nói được*"); Tạ Ty (Văn Cao: "*Văn cao một tinh cầu giá lạnh*"); Sông Thai Trần Văn Nam (*"Văn Cao, một nghệ sĩ tài hoa đang bị cuồng đời ruồng bỏ"*); Đỗ Hoàng Long (*"Nhận xét và phê bình Văn Cao"*).

Ngoài ra tôi sưu tầm thêm được những bài viết về Văn Cao trong tài liệu nói về vụ *Nhân Văn Giai Phẩm* in trong tập *Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc* do Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa xuất bản tại Sài Gòn năm 1959.

Mới đây tại Hoa Kỳ trong *Hồi Ký Thời Cách Mạng Kháng Chiến* nhạc sĩ Phạm Duy cũng cho độc giả biết những kỷ niệm rất thân tình giữa ông và Văn Cao. Ngoài ra họa sĩ Tạ Ty trong hồi ký *Những Khuôn Mặt Văn Nghệ Đã Đi Qua Đời Tôi*, cũng nhắc đến kỷ niệm của ông với Văn Cao. Phần lớn những chi tiết này họa sĩ Tạ Ty đã nói đến trong bài viết trong số báo *Văn Học* năm 1970 tại Sài Gòn. Trong *Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết*, nhà văn Xuân Vũ Lê Mỹ Hương đã kể những câu chuyện rất thú vị về cuộc sống của Văn Cao sau vụ *Nhân Văn Giai Phẩm*.

Những bản nhạc tình của Văn Cao hầu như đã bị cấm phổ biến tại miền Bắc sau vụ *Nhân Văn Giai Phẩm*. Mãi đến năm 1983, vì không khí chính trị trong nước có phần khác đi, lần đầu tiên nhạc Văn Cao lại được vang lên trong lòng người Hà Nội, ở *Đêm Nhạc Văn Cao*, kỷ niệm sinh nhật thứ sáu

mươi của ông. *Đêm Nhạc Văn Cao* sau đó được tái diễn tại Sài Gòn năm 1986. Mùa Xuân năm 1988, người Hà Nội thêm một lần nữa được thưởng thức âm nhạc Văn Cao. Nhạc tình Văn Cao đã câm nín suốt hơn ba mươi năm tại miền Bắc, cũng như tại miền Nam sau 1975. Nhưng những bài hát bất hủ của Văn Cao làm trong thời tiền chiến luôn luôn được thưởng thức và quý trọng tại miền Nam từ 1954 đến 1975. Sự quý mến này tiếp tục được duy trì đối với thính giả hải ngoại từ 1975 cho đến nay. "Cõi tiên" Văn Cao dựng lên trong ca khúc của ông đã phải trả bằng những hệ lụy đắt giá trong "cõi người" suốt hơn nửa đời ông.

Theo tuyển tập *Thiên Thai* do nhà xuất bản Trẻ giới thiệu năm 1988 tại Sài Gòn, Văn Cao sinh ngày 15 tháng 11 năm 1923 tại phố cảng Hải Phòng. (Theo Tạ Tỵ trong *Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ*, Văn Cao sinh năm 1922 tại Hải Phòng; theo báo *Văn Học* số 114, ra ngày 1 tháng 1, năm 1970, Văn Cao sinh năm 1920 tại làng Lạch Trai, tỉnh Hải Phòng, trong *Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc* phần tiểu sử ghi Văn Cao sinh năm 1920). Ông sinh ra trong một gia đình rất nghèo. Bố mất sớm, ông sống với người anh trông coi nhà máy bơm nước ở bờ sông Hải Phòng. Ngay từ nhỏ ông đã rất có khiếu về âm nhạc. Ông có học hai năm tại trường tư thục Saint Charles ở Hải Phòng và đã nổi tiếng là hát hay. Ngoài ra ông cũng rất có khiếu về Văn Thơ và Hội Họa. Ông thường ký tên là Văn Cao trong những tác phẩm, nhưng theo Lê Hoàng Long viết trên báo *Quê Hương* số 131 ra ngày 15 tháng 5, năm 1953 tại Hà Nội, ông tên thật là *Nguyễn Hữu Văn*. Cũng trong bài báo này Lê Hoàng Long cho biết Văn Cao được Lê Thương và Hoàng Quý hướng dẫn trong bước đường sáng tác đầu tiên. Năm 1948 Văn Cao có đến học nhạc với Tạ Phước, nhưng Tạ Phước khuyên Văn Cao nên theo đuổi Hội Họa thì hơn, vì Văn Cao không chơi giỏi được một nhạc khí nào. Tuy nhiên Lưu Hữu Phước đã công nhận Văn Cao là "vua giai điệu" có thể so sánh với Vương Quốc Mỹ "vua về chuyển thể". Nhưng chi tiết nói trên do Lê Hoàng Long tiết lộ nếu chính xác, chỉ có giá trị tương đối ở thời điểm đó thôi. Trong cuốn video về cuộc đời Văn Cao mới phổ biến gần đây, có ghi lại cảnh Văn Cao ngồi chơi dương cầm. Ngoài ra Văn Cao có viết cả hợp xướng, như vậy Văn Cao phải có một kiến thức âm nhạc đáng kể.

Do một người đồng quê là Vũ Quí giới thiệu, ông gia nhập Mặt Trận Việt Minh vào khoảng 1944. Bài hát *Tiến Quân Ca* được viết vào năm ấy và tháng 11 được phổ biến trên báo *Độc Lập*. Bài hát *Tiến Quân Ca* được hát trong cuộc biểu tình ngày 17 tháng 8, năm 1945. Hai ngày sau đó, 19 tháng 8, 1945 trong cuộc biểu tình do Mặt Trận Việt Minh tổ chức, bài hát *Tiến Quân Ca* đã được phổ biến sâu rộng để đạt tới đỉnh cao danh vọng của nó là trở thành bản quốc ca của chính phủ miền Bắc.

Năm 1952 ông được chính phủ miền Bắc cho đi thăm viếng Mạc Tư Khoa và có dịp gặp những nhạc sĩ danh tiếng của Nga như Shostacovich.

Năm 1956 ông tham gia phong trào *Nhân Văn Giai Phẩm* cùng với những

văn nghệ sĩ và trí thức miền Bắc phản kháng chế độ. Sau đó sinh hoạt nghệ thuật của ông giới hạn vào việc trình bày bìa sách, minh họa báo chí.

Như đã trình hày ở trên, mãi đến năm 1983, âm nhạc Văn Cao mới thực sự phổ biến trở lại, nhưng là những tình khúc sáng tác trong thời tiền chiến của ông.

Với những tài liệu sẵn có trong tay tôi tạm phân loại những tác phẩm âm nhạc của Văn Cao làm năm loại: *Nhạc chính trị - Kháng chiến, Nhạc xưng tụng quê hương và lịch sử, Tình Khúc, Nhạc viết cho phim, Giao Hưởng và hợp Xướng.*

**A. Nhạc chính trị - kháng chiến:**

1. Tiến Quân Ca
2. Bắc Sơn
3. Sông Lô
4. Công Nhân Việt Nam
5. Chiến Sĩ Việt Nam
6. Không Quân Việt Nam
7. Hải Quân Việt Nam
8. Bài Ca Chiến Binh Việt Nam
9. Toàn Quốc Thi Đua
10. Dưới Lá Cờ Đảng
11. Tiến Về Hà Nội
12. Mơ Liên Xô.

**A . Quê hương - lịch sử:**

1. Gò Đống Đa
2. Thăng Long Hành Khúc
3. Làng Tôi
4. Ngày Mùa
5. Tiếng Rừng
6. Mùa Xuân Đầu Tiên
7. Trên Sông Hương
8. Tình Ca Trung Du
9. Hò Kéo Gỗ Trên Sông Bạch Đằng
10. Chiều Buồn Trên Sông Bạch Đằng

**C. Tình Khúc:**

1. Đàn Chim Việt (Bến Xuân)
2. Suối Mơ
3. Thiên Thai
4. Trương Chi
5. Buồn Tàn Thu (hay Chinh Phu Khúc)
6. Cung Đàn Xưa
7. Đêm Xuân
8. Thu Cô Liêu
9. Đêm Sơn Cước.

**D. Nhạc viết cho Phim:**

1. Đi Bước Nữa

**E. Giao hưởng và hợp xướng:**

1. Anh Bộ Đội Cụ Hồ
2. Hàng Dừa Xa
3. Biển Đêm.
4. Hommage Au President HCM
5. Sông Tuyến

Văn Cao rất đa tài, như đã nói, ông còn viết kịch vẽ tranh và làm thơ. Vở kịch *Cái Hầm Chông* viết năm 1945 đã được nhắc đến nhiều trong thời kháng chiến. Về hội họa, ba tác phẩm *Cuộc Khiêu Vũ Của Những Người Tử Tù, Cây Đèn Đỏ* và *Văn Cao Vẽ Văn Cao* được giới hội họa tán thưởng.

Trong những ca khúc có tính cách chính trị trong thời kháng chiến, nổi

bật nhất vẫn là *Trường Ca Sông Lô*, ngoài *Tiến Quân Ca* được chọn là quốc ca của chính quyền miền Bắc. Trường ca này sống được với thời gian là vì người nuôi dưỡng nó ở cả hai phía trong cuộc nội chiến. Họ có kỷ niệm chung trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Còn những ca khúc còn lại không phải là mẫu số chung cho cả hai phía và có thể bị xóa nhòa bởi thời gian.

Có lẽ những ca khúc viết về quê hương, lịch sử và nhất là những tình khúc của Văn Cao sẽ nuôi dưỡng bởi quần chúng đông đảo, trong hoặc ngoài nước. Đó là hơi thở, kỷ niệm trong quãng đời của một số thính giả.

Vì Văn Cao sinh hoạt trong cả ba bộ môn: Nhạc, Thơ Văn và Họa, thế cho nên sự nghiệp âm nhạc của ông nói chung không đồ sộ về số lượng tác phẩm như Phạm Duy, Trịnh Công Sơn, Phạm Đình Chương. Kể từ sau vụ *Nhân Văn Giai Phẩm*, ông hầu như không viết ca khúc (hoặc viết rất ít, theo tôi biết mãi năm 1984 ông mới viết *Tình Ca Trung Du*, nghĩa là sau khi hoàn cảnh chính trị trong nước khác đi). Nói về nhạc thuật của ca khúc Văn Cao, *Trường Ca Sông Lô* và *Thiên Thai* ghi dấu ấn rất đậm trong tôi.

*Trường Ca Sông Lô* mở đầu bằng mười hai ô nhịp với ý nhạc rất đẹp và êm đềm của cung Ré Trưởng vẽ nên một dòng sông lịch sử. (*Sông Lô sóng ngàn Việt Bắc... màu nước sông Lô xưa.*) Tiếp đến, trận chiến lịch sử được diễn tả bằng những nét nhạc nhanh dần lên, mạnh dần lên. Có lẽ đây là đoạn nhạc dâng cao dần những tình cảm oai hùng nhất của chiến sĩ sông Lô. Đoạn nhạc này lại chia làm hai đoạn nhỏ. Đoạn thứ nhất đã chuyển từ Ré trưởng sang Sol trưởng nhịp nhanh vừa để sửa soạn dâng cao dần tính chiến đấu ở đoạn nhỏ thứ hai với cung Si trưởng, với nhịp đi hùng mạnh. (*Trên dòng sông trở về... Đây giặc Pháp tan trong căm gan toàn dân.*) Đoạn kế tiếp vẫn ở cung Si trưởng, nhưng nhịp điệu chậm lại dần để sửa soạn cho đoạn nhạc tươi sáng tiếp theo. (*Về trong đêm gió rét... Đợi ánh chiêu dương.*) Kế đến, nhịp điệu lại nhanh lên và cường độ lại mạnh mẽ để diễn tả những hân hoan của người dân sau chiến thắng trên dòng sông lịch sử này bằng cung Sol trưởng. Để rồi *Trường Ca Sông Lô* kết thúc bằng tám ô nhịp trở lại chủ âm Rê trưởng như đoạn đầu tiên. Nói chung, *Trường Ca Sông Lô* là một tác phẩm viết khá công phu vào lúc Văn Cao mới 24 tuổi (1947). Chuyển cung rất hài hòa. Ý nhạc luân lưu tự nhiên, gây được nhiều loại tình cảm cho người nghe đi từ nhẹ nhàng êm đềm tới hứng khởi, mạnh mẽ rồi trở lại tươi vui, nhẹ nhàng tươi sáng. Nói chung, *Trường Ca Sông Lô* là một tác phẩm cân đối, tròn trịa nhưng đặc sắc, rất thích hợp cho thể hợp xướng hoặc nhạc cảnh.

Bản nhạc đẹp nhất của Văn Cao theo tôi nghĩ vẫn là *Thiên Thai*. Chẳng thế mà ông dùng *Thiên Thai* để đặt tên cho tập nhạc của ông xuất bản vào năm 1988. Có lẽ ông có thiên khiếu về hội họa và thơ nên ý nhạc và lời của ông rất đầy chất thơ và màu sắc. *Thiên Thai* được viết vào năm 1941, lúc ấy ông vừa tròn mười tám tuổi. Tuổi của con tim tim rung động nhạy nhất. Theo nhạc sĩ Phạm Duy viết trong hồi ký *Thời Cách Mạng Kháng Chiến*,

Kim Tiêu là nam ca sĩ trình bày *Thiên Thai* thành công nhất. Kim Tiêu cũng nổi tiếng về bản nhạc này tại phòng trà *Thiên Thai* tại Hà Nội thời tiền chiến. Sau này ở miền Nam ngoài Thái Thanh, khó có ca sĩ nào có đủ trình độ kỹ thuật và làn hơi phong phú để trình bày *Thiên Thai.* Trong những *Đêm Nhạc Văn Cao* tại Hà Nội, bây giờ Kim Ngọc được coi như ca sĩ điêu luyện khi diễn tả *Thiên Thai.*

*Thiên Thai* có chiều dài hơn một ca khúc, nên có thể coi như một truyện ca và rất thích hợp để dựng thành nhạc cảnh *Lưu Nguyễn Lạc Thiên Thai.* Truyện tích này có tính cách phổ thông nhưng nhờ ý nhạc súc tích và nhịp điệu thay đổi đã khiến tác phẩm này có chỗ đứng rất cao trong nền tân nhạc Việt Nam. Truyện ca *Thiên Thai* được chia làm ba đoạn. Đoạn đầu tả cuộc hành trình của hai chàng Lưu Nguyễn đi tới Đào Nguyên (*Tiếng ai hát chiều nay... Ai hát trên bờ Đào Nguyên*). Nhưng câu nhạc được sắp xếp rất khéo, độ dài ngắn khác nhau một cách tự nhiên. Văn Cao đã không mắc lối cân phương biền ngẫu của những ca khúc phổ thông khác. Lối viết phóng khoáng như Văn Cao chỉ có Phạm Duy và Cung Tiến thường sử dụng và rất thành công. Văn Cao dạo đầu bằng hai câu chín chữ, sau đó ông sử dụng hai câu bốn chữ rồi câu sáu chữ. Đoạn ông lại sử dụng ba câu bốn chữ rồi chấm dứt bằng một câu năm chữ.

*"Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng.*
*Nhớ Lưu Nguyễn ngày xưa lạc tới Đàn Nguyên.*
*Kìa đường lên tiên,*
*Kìa nguồn hương duyên,*
*Theo gió tiếng đàn xao xuyến.*
*Phím tơ lưu luyến,*
*Mấy cung u huyền,*
*Mấy cung triều mến,*
*Như nước reo mạn thuyền..."*

Đoạn kế tiếp ông lại dùng một câu bảy chữ, một câu tám chữ, ba câu bảy chữ kế tiếp và kết thúc bằng một câu sáu chữ. (*Âm ba thoáng rung cánh đào rơi... Ai hát trên bờ Đào Nguyên*) Đạn này chỉ là ý nhạc phát triển từ đoạn đầu. Nhưng tới đoạn kế tiếp, giới thiệu bằng hai câu:

*"Thiên Thai chốn đây hoa xuân chưa gặp bướm trần gian.*
*Có một mùa đào dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần."*

Sau đó nhịp nhanh lên dần, dùng nhiều phách đảo. Nên nghe kỹ thấy nhịp điệu và âm điệu mang âm hưởng chầu văn. Ý nhạc mê luyến, tiếng đàn tiếng phách rộn rã, cảnh Bồng Lai được vẽ ra tươi sáng. Đó là hình ảnh tiêu biểu của một lớp Hầu Bóng lúc bà chúa Thượng Ngàn. Ý nhạc lại được lặp lại ý nhạc của hai câu đầu đoạn:

*"Thiên Thai ánh trăng xanh mơ tan thành khói trần gian*
*Ái ân thiên tiên ngỡ phút mê cuồng có một lần."*

Đoạn kế tiếp tả hai chàng Lưu Nguyễn rời tiên cảnh, nhịp điệu vẫn nhanh, đầy vẻ tiếc nuối. Chủ âm của bài nhạc là Ré thứ bây giờ được chuyển sang hẳn Ré trưởng cho đến đoạn kết của bài nhạc. Ý nhạc buồn man mác. Trong *Suối Mơ* và *Đàn Chim Việt* Văn Cao cũng xen lẫn âm giai trưởng giữa âm giai thứ để có sự thay đổi cho đỡ nhàm chán, hoặc để đổi dạng tình cảm.

Nhạc tình của Văn Cao không nhiều, cho nên rất dễ nhìn thấy nét đặc thù. Trừ *Thiên Thai*, nhạc ý và nhạc điệu có thay đổi trong bài nhạc, khiến tránh sự nhàm chán cho người nghe, phần lớn những bài khác như *Đàn Chim Việt, Suối Mơ, Buồn tàn Thu,* nhịp điệu rất chậm, lê thê. Mang nhiều âm hưởng *Con Đò Đưa Xác* của Đặng Thế Phong, hoặc *Chinh Phụ Ca* của Phạm Duy. Đây là ý nhạc thuộc âm giai thứ thất rất nhiều trong nhạc chèo, như điệu *Hát Cách*. Vì nhịp chậm của những bài nói trên, nhạc Văn Cao rất hợp với Hạ Uy Cầm. Những người học đàn Hạ Uy Cầm, hầu hết phải tập qua bài *Suối Mơ* hoặc *Đàn Chim Việt*.

Nếu thực sự Lê Thương và Hoàng Quý đã hướng dẫn Văn Cao buổi đầu trong khi sáng tác như Lê Hoàng Long đã tiết lộ trong bài đăng trên báo *Quê Hương* tại Hà Nội năm 1953, thì chính Lê Thương đã kéo những bản nhạc âm giai thứ của Văn Cao gần với nhạc dân tộc và Hoàng Quý đã ảnh hưởng rất nhiều trong ca khúc mang âm giai trưởng của ông. Nghe kỹ *Làng Tôi, Ngày Mùa, Cung Đàn Xưa*, ý nhạc rất đơn sơ mộc mạc như *Chiều Quê* của Hoàng Quý.

Có lẽ Văn Cao đã ngưng viết nhạc trong thời gian khá lâu, nên số lượng tác phẩm không nhiều để xem diễn tiến những thay đổi kỹ thuật viết của ông. Cho nên âm nhạc Văn Cao hay, đẹp, theo ý tôi là cái hay, cái đẹp của kỷ niệm, của dĩ vãng trước ngày chiến tranh Việt Pháp. Cùng thế hệ của ông, Phạm Duy đã đi rất xa trong kỹ thuật viết nhạc. Thế hệ sau ông, Trần Tiến, đã vượt ông cả về số lượng tác phẩm, lẫn lối viết nhạc tân kỳ hóa giai điệu quê hương. Cung Tiến, Phạm Đình Chương có những ca khúc với lối viết phức tạp, chuyển âm xa cầu kỳ hơn so với thời Văn Cao, Đặng Thế Phong, Nguyễn Văn Thương... Trịnh Công Sơn, được mệnh danh là người viết nhạc biến ngẫu nhưng không tẻ nhạt, nhạc và thơ cuốn quít lấy nhau rất hài hòa, đã đánh dấu bằng những tác phẩm trong cuộc nội chiến vừa qua.

Tre già, măng mọc, đó là định luật tự nhiên. Các bậc tiền bối cũng mong hậu sinh vượt chính mình. Tuy nhiên sự kế thừa không thể phủ nhận. Văn Cao và những bạn hữu của ông như Phạm Duy, Lê Thương, Nguyễn Văn Tý... đã đặt những viên gạch rất vững chắc cho nền tân nhạc Việt Nam.

Những bài nhạc của Văn Cao đã làm phong phú tâm hồn tôi, nhưng điều làm tôi bùi ngùi nhất khi đọc những tài liệu và xem video về cuộc đời ông, những dữ kiện thâu tập được đều trái ngược với tác phẩm của ông. Tiên cảnh ông vẽ ra trong những tình khúc chỉ là những thoáng qua rất nhanh trong cuộc hành trình bảy mươi năm trên quãng đời này. Hai phần ba cuộc đời ông sống trong hệ lụy cõi người. Bây giờ ông được "cởi trói" dễ thở hơn,

nhưng bạn bè thế hệ ông không còn nữa. Phần chết trong chiến tranh, phần chết vì bệnh tật, tuổi già, phần thì tha hương. Sự nghiệp ông chỉ lớn trong kỷ niệm. Kỹ thuật của âm nhạc, hội họa đã thay đổi, tân kỳ rất nhiều. Điều còn sót lại mỗi người trong nước còn nhớ tới ông là bài *Tiến Quân Ca*. Nhưng cuộc thế đổi thay, *Tiến Quân Ca* có đứng vững mãi với thời gian không? Điều chắc chắn rằng, *Quốc tế Ca* trong cuộc cách mạng 1917 tại Sô Viết bây giờ đã được cất kỹ trong sử nhạc.

"Văn Cao mái tóc bạc trắng, khập khiễng chống gậy bước trên con đường quê dài hun hút, chung quanh ông là ruộng lúa, xa xa là núi đồi, vạt nắng chiều đổ chéo trên lưng ông, bóng ông xa dần và mờ khuất..."

Đó là đoạn cuối cuốn phim video tôi được xem về cuộc đời Văn Cao. Tôi cảm ơn nhạc ông đã ướp hương thời niên thiếu của tôi và lấp đầy tình cảm tôi thời mới lớn. Và bây giờ cho tôi những kỷ niệm đẹp ở tuổi trung niên.

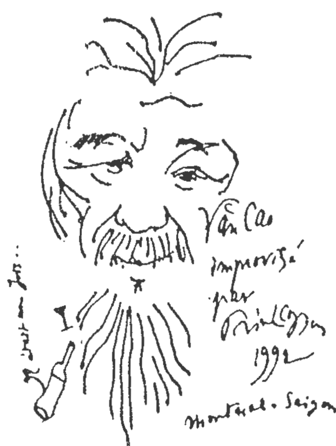
PHẠM VĂN KỲ THANH

*San Jose, 11.1992*



**TRỊNH CÔNG SƠN**

# anh đi qua cuộc đời và hát*




Mùa thu. Gõ cửa. Vào. Anh Văn Cao ngồi trước chiếc bàn có tẩu thuốc lào và ly rượu. 8 giờ sáng.

Không bao giờ ra Hà Nội mà tôi không ghé thăm anh Văn. Anh Văn ngồi. Ngồi ở sạp gỗ cũ kỹ như đã ngồi hàng trăm năm. Ngồi tóc bạc phơ, râu cũng bạc phơ. Chỗ ngồi đã mòn. Lưng dựa đã mòn. Ngồi như thế ích gì anh Văn. Anh nói "Lấy cái ly sạch cho Sơn đi bà". Buổi sáng mùa thu uống rượu với anh Văn và nghĩ ngợi.

Có những con đường anh Văn đã đi.

Có những con đường tôi cũng đã qua.

Những con đường ấy có lúc gặp nhau, có lúc chia lìa.

Trong âm nhạc, Văn Cao sang trọng như một ông hoàng.

Trên cánh đồng ca khúc, tôi như một đứa bé ước mơ mặt trời là con diều giấy thả chơi.

Âm nhạc của anh Văn là âm nhạc của thần tiên bay bổng. Tôi la đà giữa cõi con người. Anh cứ bay và tôi cứ chìm khuất. Bay và chìm trong thân phận riêng tư.

Quanh anh Văn là tranh. Là thơ. Là nhạc.

Vốn liếng cạnh tôi, nhỏ nhắn vô cùng, cũng là tranh, là thơ, là nhạc.

Anh và tôi đi trên cùng một con đường. Nhưng anh là anh và tôi vẫn là tôi. Cái lớn vô cùng và cái nhỏ cũng vô cùng. Thế mà vẫn gặp. Sự gặp gỡ bình sinh không biết hết. Sự gặp gỡ muộn màn giờ đây tôi muốn hát cho anh nghe. Khúc hát trễ tràng, dấu kín những điều thầm lặng. Thật đấy.

Tôi hát anh và tôi hát tôi.

Anh đi qua cuộc đời và hát.

Tôi cũng đi qua cuộc đời và hát.

Hát cho người và hát cho mình. Thế thì anh muốn gì hỡi hoàng-tử-bé-petit- prince - râu tóc bạc phơ?

Đời sống gọn gàng, bé nhỏ. Đôi khi (?) rộng lớn vô cùng.

Anh bé nhỏ và anh rộng lớn.

Văn Cao. Văn Cao.

Thân anh gầy yếu không dựng nổi một mùa xuân. Nhưng tôi nghe trong âm nhạc anh gió vẫn chuyển và cây thay lá.

Anh sống và anh cười thầm lặng. Cái chua xót ẩn kín đằng sau những nếp nhăn.

Anh biết và anh biết hết.

Nhưng anh cũng khờ khạo như trẻ thơ.

Anh ngủ yên nhưng anh tỉnh thức. Thi ca và triết học trên hai bàn tay anh như nâng đỡ cuộc đời.

Sống chết là số phận con người. Anh dâu cần biết. Anh đã từng nhiều năm nặng nợ với âm nhạc, thi ca, hội họa. Điều ấy có thật nhưng nhiều khi tôi vẫn băn khoăn tự hỏi: Anh là ai mà lưu lạc giữa chốn Thiên Thai này?

TRỊNG CÔNG SƠN

*Tháng XII, 1987.*

---

* Nhan đề do tòa soạn



**NGUYỄN MẠNH TRINH**

# đọc "lá", thơ văn cao

*"Đất này mọc lên từ nước mắt"*
*thơ quay cuồng nhói buốt trong đầu*
*mảnh trời chim yến bay tối mặt*
*máu ròng ròng, máu chảy vì đâu?*

*Sao cửa đã đóng, cửa đã đóng?*
*từ chín giờ tâm thức chúng ta*
*nấm mọc gỗ mục những mảng sống*
*bao giờ nghe hết bản tình ca?*

*Vui làn da hồng hồng sắc máu*
*giơ tay cao với tận mặt trời*
*đêm thân phận u uất điệu sáo*
*đốt nghìn kinh chưa sáng ý đời.*

*Sao Hải Phòng những ngôi sao biển?*
*thuyền lá tre bủa lưới trùng khơi*
*người thuỷ thủ sắc se kỷ niệm*
*bơi đến đâu chưa tận cuối trời.*

*Năm tháng cũ ngày đêm rỏ máu*
*họ đi đâu dĩ vãng đi đâu*
*còn con tàu khóc òa bến đậu*
*rét mùa đông hạt lệ bạc màu.*

*Sao mắt rình mò con bói cá?*
*đo mực nước trên những dây buồm*
*con rồng đất kẻ thù gian trá*
*loài sâu trong trái vải ruỗng mòn.*

*Ngọn sóng bủa cát khô sủi bọt*
*khát thủy triều lòng biển cửa sông*
*lộ tấm lòng mặn ngọt đột ngột*
*thơ nẩy mầm trên tảng rêu rong*

*Sao tiếng mưa trong trăng nhỏ giọt*
*giấc ngủ chập chờn lạc bến sang*
*cầu mây bắc hai bờ bất chợt*
*bông nõn dăng sương trắng đêm ngàn.*

*Nằm quán trọ mơ về Kinh Bắc*
*bạn bè còn lại mấy bài thơ*
*chiều ốm giở gối chăn hiu hắt*
*thư cho ai chiếc lá lững lờ.*

*Sao tiếng sỏi âm lòng giếng cạn?*
*hong thời gian chiếc lá đành khô*
*qua kẽ tay phận số tản mạn*
*đôi mắt em giếng nước tình cờ.*

*Biển tôi xa phi lao vẫy gọi*
*ý lao xao thùy dương rừng sâu*
*trang giấy vàng phác họa tay với*
*mấy chục năm dòng dã nỗi đau.*

*Sao tôi đứng bên cầu biên giới?*
*ngôn ngữ nào tâm thức chìm sâu*
*chàng thi sĩ đôi tay buộc trói*
*ẩn ngữ nào máu lẫn mũi dao.*

*Ngọn sóng bủa ngày đêm mãi mãi*
*nước ngọt, ngàn sông biển có đầy?*
*thơ - có phải bước chân trở lại*
*vào trăm năm dốc thẳm dặm dài.*

NGUYỄN MẠNH TRINH
tháng 10,1992



THƯỜNG QUÁN

# văn cao: chén trà và khoảng trống

Văn Cao chọn lựa thi ca để nói lên tiếng nói của những tầng sâu bản thể của ông. Thế giới thơ ông làm nên từ những khoảng trời mở ra nửa chừng bỗng đóng lại, những con đường của bóng sấm, những tiếng kêu thảng thốt sau bức tường vô hình, những chỗ ngồi rớt sâu mãi vào nơi thi ca chiếm hữu và bản ngã mất đi. Những bài thơ nở ra đột ngột như những chấn động đã không còn có thể ghìm lại, dìm xuống. Từ một tiếng đầu đến một âm cuối, những bài thơ như tự ý thức khoảnh khắc sống phù du của nó, cháy lên những ánh sáng lạ lùng nhất của năng lực, trước khi khép đóng. Thơ ông ở mặt suy tư về cuộc thế là những va chạm để lại những băn khoăn, khắc khoải và thương tích. Ở mặt kia nơi cuộc trầm tư đi vào chỗ lắng đọng của thế giới nội tại, thơ ông mở ra những khoảng trời cao và trong. Những khoảng trời như chỉ có thể có sau những mùa giông bão tai ương nhất. Trên con đường thi ca Văn Cao đã không chạy trốn những đối chọi và xung đột, nhưng căn nhà ông chọn cho những đối chọi và xung đột ấy là chốn thăm thẳm của bản thể ông, chúng được hóa giải và gạn lọc qua những suy nghiệm đau khổ ở vực thẳm và tầng sâu của thế giới nội tại này để những tiếng nói sau cùng còn lại là những cô đọng đẹp đẽ của tư duy và tình cảm, của ý thức và mơ mộng.

Thơ Văn Cao khởi đi chia xẻ với văn chương hiện đại về một thế giới nội tại bị giằng xé, về sự có mặt của một mối ám ảnh, của một con người lạ bên trong, một chiếc bóng, một chiếc bóng tới từ khoảng trống. Ấy là thái độ và nghệ thuật không chấp nhận những giá trị bề mặt, ấy là dòng thi ca của những câu hỏi. Những khao khát được thấy sự thật đằng sau những chiếc mặt nạ. Dòng thi ca ấy đặt thân phận con người vào trong câu hỏi về trời đất, và mong tìm từ thế giới nội tại những câu trả lời - những câu trả lời mà để đi tới đòi hỏi những ngày đêm đối thoại. Đối thoại với kẻ vô hình đang có mặt bên trong. Những giằng xé và phân cực.

Ý thức về sự phân cực của bản thể đi liền với ý thức về khoảng trống như một điểm hẹn ở cuối đường, những khắc khoải về lẽ phù du của kiếp người, về căn nhà văn chương, và đường bay của bụi cát. Lực ám ảnh bên trong đưa

tới mải miết những tìm kiếm băn khoăn giữa cái thực và cái giả, giữa cái có và cái không, giữa cái mất và cái còn, giữa đứng lại và ra đi, giữa suy tư và viết lách, giữa ngủ và thức, giữa giấc mộng ngày và cơn mơ đêm. Kẻ nào đang có mặt trong căn phòng trống này sáng nay đang nhìn thấy *mỗi góc phố, mỗi con đường, mỗi góc nhà, giấu một cái bóng cổ kính?* Kẻ nào đã mơ giấc mơ tôi bị đuổi chạy trên đường phố những con người kêu lên, “Bắt lấy nó, kẻ cắp”? Kẻ nào cúi xuống và điểm lại lương tâm mình và thấy "*tôi vẫn là người chưa phạm tội*". Tôi hay ai đang trở về từ một quán rượu của đèn mù, thức ăn nguội, tiếng chửi bới bên phên vách? Màu ố vàng của căn phố này nửa thế kỷ đi qua, nhiều trăm năm đi qua, kẻ nào trong tôi nhìn thấy khi xa xa tiếng động còi tàu, *nước mắt không thể chảy ra ngoài được*? Văn Cao, ông đã từng hỏi ông, như hỏi một người lạ những câu hỏi ấy và bao nhiêu câu hỏi khác trên con đường lặng lẽ ông đã đi qua, cuộc kiếm tìm, một mình hai kẻ:

*Một nửa mặt của tôi*
*Của tôi nửa mặt trăng*
*Miệng tôi nửa miệng đắng*

*Bỗng nhiên*
*Bóng người ấy che mặt*
*Nửa mặt tôi*
...
(Nguyệt Thực)

*Buổi sáng nay không phải mình thức dậy*
*Một người nào trong tôi đang thở*
*Trước mặt tôi*
*Buồng nửa đêm nửa ngày len lỏi*
*Nửa phố mờ trăng nửa phố mặt trời*
*Từ khi ấy chúng tôi, hai người suy nghĩ*
*Hai kẻ thù nhau*
*Hai thái cực tâm hồn*
*Hai người ấy trong một người chịu đựng*
*Mưu hại lẫn nhau*
*Không biết ngày đêm, không biết giả thật*
*Từ phút ấy, tôi không còn thật nữa*
(Năm Buổi Sáng Không Có Trong Sự Thật, 1960)

Cuộc phân cực ngày đêm trong một con người. Nội cảnh quằn quại. Thật giả trộn lẫn vào nhau. Cuộc phân xé dấy lên. Như ở Ivan và Stavrogin của Dostoievski. Như ở Goethe. Ở Valéry. Như ở Octavio Paz. Kẻ lạ. Mối ám ảnh. Khoảng trống.

*Tôi vẫn thấy sau chén trà nhỏ*
*Một khoảng trống thẳm sâu*

Hai câu thơ Văn Cao đã viết ở đoạn kết của một bài thơ trong những ngày chờ đợi tiễn một chuyến đi dài của một người bạn văn. Tháng 8, 1960. Khúc quanh của tư duy ông, khúc quanh của thi ca ông, khởi đầu sự có mặt của kẻ lạ bên trong, cho mở ra và nhìn thấy

*Cái bức tường lê từng bước một*
*Đến gần chân chúng tôi hằng ngày*
*Chúng tôi nhìn chậm chạp*
*Chậm chạp một cái chết*
*Thời gian đang héo*
*Thời gian đang rụng*
*Tắt thật nhanh một cái chớp mắt*

*Bức tường vẫn lê từng bước một*
...
(Với Nguyễn Huy Tưởng, 1960)

Cuộc nhân sinh hư phù, như một chớp mắt - con người đeo những bản án, chờ đợi, sợ hãi. Bức tường cuối đường thì không chờ đợi. Từng bước, từng bước một, kéo lê, vững chãi. Cuộc chiến đấu để vượt qua bức tường. Cuộc chiến đấu ấy cần tới thi ca, như một hơi thở truyền sinh, như một đọt lá non, như một cơn mưa xanh, một mảng trời xanh. Cuộc chiến đấu ấy cần tới một bản tình ca, một bức tranh tĩnh vật, những chữ sẽ viết trên trang giấy trắng của đầu ngày thức dậy. Một con mắt hướng ra những chân trời rộng rãi, đất đai khỏe mạnh, những con người nói thẳng và sống thật. Một con mắt biết nhìn vào sự sống, và cái chết không sợ hãi, như câu thơ Yeats đã viết và đã trở thành lời bi ký trên mộ bia của ông:

*Cast a cold eye*
*On Life, on Death*
*Horseman, pass by!*

Ở Nguyễn Du:

*Nhãn để phù vân khan thế sự*

Ở Văn Cao:

*Tôi vẫn thấy sau chén trà nhỏ*
*Một khoảng trống thẳm sâu*

Tôi *vẫn* thấy... khoảng trống đã từng có mặt, tôi vẫn thấy, không có gì lạ lắm đâu. Ông nói, như một người đã hóa giải xong xuôi cùng khoảng trống ấy. Đã hóa giải xong hai mảnh chia đôi. Không còn những tương tranh của một nửa này với một nửa khác. Như Ngày và Đêm hai nửa.

Một bài thơ của một phần tư thế kỷ sau làm sáng lên cuộc hóa giải ấy, khi ông trở về một thành phố của thi ca: Qui Nhơn. 1985. Một thành phố, những vết thương chiến tranh còn chưa lành, sự im lặng làm đau thắt linh hồn. Văn Cao ở đó đã nhìn thấy chỉ có một giải pháp, duy nhất, cuộc dâng trọn niềm riêng và nỗi đau chung, gạn lọc lấy từ những chấn thương còn tích lũy, như

một thân sò thu hết biển sâu vào những vết thương nhả ngọc. Hai nửa sẽ gắn làm một. Nửa này làm sáng lên nửa kia. Cho toàn vẹn, liên tục. Cho hiện hữu lại **Vẫn** *ngày đêm lấp lánh.* Cho những gì đang lầm lì, lặng im (cái chết) sẽ bật lên Tiếng Nói:

*Qui Nhơn chúng ta*
*Vài dây buồm nhỏ*
*Vài con đường phố nhỏ*
*Vài ngôi nhà nho nhỏ*
*Vẫn ngày đêm lấp lánh*
*mang vết thương xưa*
*ngày đêm làm ngọc...*

*Chào mẹ*
*các mẹ già lặng im*
*chào các em*
*các em nhỏ lặng im*
*chào đường phố*
*những đường phố lặng im*
*lầm lì*
*những vết thương xưa chưa xóa hết*
*xây tất cả những tượng đài cao tưởng nhớ*

*một thành phố lạ*
*tôi đến đây làm gì*
*những chùm chim yến lại bay về đảo*

*bỗng một ngày bà mẹ Qui Nhơn*
*nói với tôi một lời*
*một tiếng*
*à con!*
(Qui Nhơn 1,2,3/1985)

*Tôi đến đây làm gì?* Anh đã hỏi, hay kẻ lạ trong anh lên tiếng hỏi? *Một thành phố lạ*, một thành phố lạ như bao nhiêu nơi tôi đã tới trong cuộc phù sinh này, đều lạ lùng, chẳng dấu vết quê hương. Tôi đến đây làm gì? Tôi chào mẹ và em - sao mẹ già, sao các em im lặng? Tại sao sự lầm lì này? Có ai nhận ra tôi không? Khôn mặt tôi mang, thể xác tôi mặc, tôi đứng đây, một góc trời, một khoảnh khắc trong lịch sử lạnh lùng, tôi là ai? Là đứa trẻ nhỏ chào đời ở một vùng nước mặn, giông gió mưa mù:

*Những bóng cò trắng như giấc mộng*
*Đưa võng đời tôi những buổi chiều dĩ vãng*
*sáng trưa u ú còi tầm*
*Đêm dài nghe mưa rầm rải*

*Tôi không có quê hương*
(Những Người Trên Cửa Biển)

hay tôi là em, đứa trẻ lầm lũi trên đường làng mười năm sau một cuộc chiến tranh đổ rất nhiều xương máu? Mái tóc bạc bơ phờ của tôi đây, minh chứng điều gì? Những con thuyền cá, những tàn dừa héo nắng, đây là thế kỷ nào? Tôi đứng đây rồi tôi lại đi, đi đâu? *bao nhiêu người đã đi qua để lại bóng, tôi để lại gì?* Khoảng trống thẳm sâu tôi đã thấy sau chén trà nhỏ...

...

Ở khoảng lặng giữa hai đoạn thơ bao nhiêu câu hỏi đã được dìm xuống như những sóng chấn động chỉ có ông và chiếc bóng bên trong nghe thấy. Chiếc bóng hỏi ông, ông hỏi chiếc bóng. Cuộc chất vấn trong khoảng trống im lìm. Những bức tường lầm lì, chậm rãi. Tôi đến đây làm gì mà bức tường lầm lì chậm rãi?

"Bỗng một ngày". *Bỗng*... một tiếng thốt lên. Bỗng một ngày bà mẹ Qui Nhơn nói với tôi một lời một tiếng à con! Bỗng một ngày... như bỗng một ngày anh thấy trời xanh, bỗng một ngày anh nhận ra khuôn mặt em. Bỗng một ngày anh nhận ra *đôi mắt em như đôi giếng nước*. Tất cả tưởng đập vào bức tường thì Bỗng Một Ngày. Thi ca là những tiếng thốt lên. Anh thốt lên hay con người bên trong anh thốt lên? Không ai biết. Tiếng thốt là thực hữu. Tiếng thốt lên điều duy nhất có mặt, lúc ấy. Giây phút cái "Tôi" không còn. Một tiếng "À con!", hai đơn âm, như "Hải Phòng", như "Qui Nhơn", hai đơn âm mà tức khắc trong sát na hiện hữu lấp lánh, quê hương được trả về. Anh là trẻ thơ, tôi- như-đứa-trẻ-nhỏ-mê-huyền-thoại đã thực sự đang là đứa trẻ nhỏ của huyền thoại. Ôi quê hương của trẻ thơ và huyền thoại bình dị. Hai tiếng "à con!" là tiếng nói trả lại, là sự sống phục hồi, là quê hương có mặt, là hiện hữu lấp lánh. Là được trở về...

Bây giờ tôi có thể trở về với ấu thơ, với biển, với cái mênh mông, với cái sâu thẳm, cái cuối cùng

*Tôi ngủ trên mảnh lưới*
*Bên các anh thủy thủ*
*Gió gió gió... biển vào*
*mơ giấc mơ lạ*
*Tôi níu lấy mảnh lưới*
*lưới là cái cuối cùng*
*đang hất tôi xuống biển*
*các anh thủy thủ*
*hiền khô*
*tôi bám vào dây lưới*
*Bập bồng*
*nhìn xuống đáy biển sâu*
(Lưới, 20.2.1987)

Những oan nghiệt của đời sống, những con người đã vây bủa tôi, những con người chưa được hiền khô như những anh thủy thủ

*Tôi đi trên phố*
*Bỗng nhiên mọi người nhìn tôi*
*một kẻ kêu lên*
*thằng ăn cắp*
*Tôi chạy... tôi chạy*
*tại sao tôi lại chạy*
*tôi không hiểu tôi*
*cả phố đuổi theo tôi*
*tôi chạy thục mạng*
*tôi chờ chỉ còn gục xuống*
*tỉnh dậy mồ hôi chảy ướt đầm*
*tôi lại thấy*
*tôi là người chưa*
*phạm tội*
(Giấc Mơ, 12,1,88)

hãy hiểu họ, hãy hiểu cuộc đời này, nó như thế, nó cứ như thế

*Tôi rơi vào mạng nhện*
*Mạng nhện cuốn lấy tôi*
*Không cách gì gỡ được*
*Tôi như con sâu tằm*
*Cuộc đời cứ như thế*
*Muốn phá cái mạng nhện*
*Tôi không đủ tay*
(Giấc Mơ Mạng Nhện 24,12,88)

Những giấc mơ được trình bày như những ảnh tượng của thế giới nội tại không bóp méo. Sự thực của thi ca, sự thực của bản thể ông, của thế giới tiềm thức ông, của thực tại đất nước này, của thế giới này (một thế giới ở đó sự băn khoăn về bản thể bị chê chối, biếm nhục, vùng trời nội tại bị chối từ). Ông nói bằng ngôn từ trong suốt của thi ca, của lòng khiêm cung của một kẻ đã trở về, đã vượt qua bản ngã của chính mình, đã hóa giải với lực ám bên trong để những xao xuyến dù còn đó sẽ làm nên những tiếng nói đẹp đẽ. Ở chốn ấy thi ca là con mắt. Con mắt thấy cũng là con mắt mơ mộng. Ở chốn ấy không phải những con người đang mơ những vật thể, mà những vật thể đang mơ những con người. Những mái nhà. Những tàn lá. Những vì sao. Mọi sự vật đều sống, với đời sống riêng của nó, những tiếng nói riêng của nó.

*Dưới mái nhà*
*Một người đang ngủ*
*Với giấc mơ của những vì sao*
*những vì sao đang kể chuyện*
*Giấc mơ của mái nhà*

*Giấc mơ của một người đang ngủ*
(Giấc Mơ, 1992)

Từ một chén trà nhỏ đến một khoảng trống thăm thẳm, từ một khoảng trống thăm thẳm đến một bầu trời nội tại, thơ Văn Cao là những cái nhìn cất vào da thịt bản thể ông để được đau cùng nỗi đau chung của bao người, và để được nói cùng bao người về một miền khoáng đãng, vượt lên trên những bờ tường khô cứng của sự chết. Thơ ông là con mắt tĩnh mịch đang chuyện trò. Thơ ông là nơi con người bơ phờ trên đường đi bụi cát được ngã xuống gối đầu nhìn lên và mỉm cười. Trên đầu những bờ tường, bên trên vòm mái thân mật, khoảng trống cũng là nền đêm lấp lánh.

THƯỜNG QUÁN (16,10,1992)



**THƯỜNG QUÁN**

# trên đường về nhớ cái chết của lorca

*Cháy đến vàng rơm đá muôn thuở*
*Nằm cho nắng tới hiện thân*
*Trần truồng khô khan hơi gió hạ*
*Đầu gục xuống giữa chân*
*Như người giấy mực không tội lỗi*
*Hôm qua bị xử bắn trên đồng*
*Suối chảy bàng hoàng hoa nở đỏ*
*Mắt ráo cổ xé đi còn ngoái trông*
*Xóm làng vẫn đèn vàng cửa sổ*
*Cháy như bao giờ dưới chân đồi*
*Buổi sáng xanh đầu tim đèn ửng*
*Banh cổ kèn đồng sao mai không*
*thể mất không nguôi*

THƯỜNG QUÁN



**NGUYỄN THỤY KHA**

# văn cao thơ



Những bài thơ sẽ tự thổ lộ với bạn đọc. Là một người cùng Nguyễn Trọng Tạo và tác giả, chọn ra tập thơ này, tôi muốn bày tỏ những cảm nhận về một bản lĩnh thơ. Không hát, cũng không mỉa mai ở một tầng của sự thâm trầm sâu sắc, thơ Văn Cao như lửa nứt ra từ đá, lá đâm từ cành.

Việc cọ xát giữa văn minh phương Tây với văn minh phương Đông ở đầu thế kỷ XX đã tạo ra một thế hệ chín sớm. Đấy là một thế hệ đầy tài năng. Trong nghệ thuật họ đã tạo ra những cuộc bứt chạy khỏi xiềng gông cổ điển để hòa nhịp vào thế giới hiện đại, như một cuộc cách mạng văn hóa khá quan trọng sau cuộc cách mạng chuyển từ chữ Nôm, chữ Hán sang chữ quốc ngữ. Một trong những cuộc bứt chạy đó, có cuộc bứt chạy khỏi lâu đài Đường thi để hòa nhịp vào thế giới tự do. Riêng Văn Cao thì có mặt trong khá nhiều cuộc bứt chạy. Văn Cao xuất hiện ở làng văn nghệ buổi ban đầu với mấy truyện ngắn và kịch. Nói chung là anh bắt đầu bằng văn xuôi. Nhưng sau khi biết đọc và cảm phục Nam Cao, Văn Cao hoàn toàn từ bỏ văn xuôi. Anh bước vào ba cuộc bứt chạy khác - cuộc bứt chạy của thơ, nhạc và họa. Đấy là việc đồng xuất hiện trong khoảng thời gian ngắn của thơ *Một Đêm Đàn Lạnh Trên Sông Huế*, bài hát *Buồn Tàn Thu* và bức tranh *Cuộc Khiêu Vũ Của Những Người Tự Tử*. Dĩ nhiên sau đó một thời gian khá dài, Văn Cao chỉ được phép coi mình là nhạc sĩ. Dù rằng trong âm nhạc, anh đã có một dòng chảy cuồn cuộn tác phẩm, anh vẫn có tư cách được bàn đến như một thi sĩ "có hạng".

Thơ Văn Cao trải qua ba thời kỳ. Thời kỳ thứ nhất kết thúc ở bài thơ nổi tiếng *Chiếc Xe Xác Qua Phường Dạ Lạc*. Thời kỳ thứ hai kết thúc ở trường

ca *Những Người Trên Cửa Biển*. Thời kỳ thứ ba vẫn đang dào dạt đến nay.

Văn Cao vào thơ rất thận trọng. Tài năng thơ của anh không có may mắn sớm phát lộ như tài năng âm nhạc. Khi anh in bài thơ đầu tiên, vòm trời thi ca Việt Nam hiện đại đã lấp lánh những vì tinh tú như Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Bính v.v... Lúc này tài năng thơ của anh lại được nhận ra qua lời ca của những bài hát nổi tiếng như *Suối Mơ* (Còn gọi là *Bài Thơ Bên Suối*), *Thiên Thai, Trương Chi* v.v... Người mến mộ nghệ thuật thời đó, hẳn chưa quên những lời ca thấm đẫm chất thơ trong nhạc phẩm Văn Cao:

*Từng hẹn mùa xưa cùng xây nhà bên suối*
*Nghe suối róc rách trôi*
*Hoa rừng hương gió ngát*
*Đàn nai đùa trong khóm lá vàng tươi.*

Hay

*Thiên Thai*
*Chốn đây hoa xuân chưa gặp bướm trần gian*
*Có một mùa đào dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần...*

Có người cho rằng Văn Cao làm lời trước khi làm nhạc quả là không ngoa. Ở thời kỳ này, Văn Cao đã tiếp cận được hầu hết các trường phái nghệ thuật thế giới. Đấy là cổ điển, lãng mạn, cận đại trong âm nhạc. Đấy là tượng trưng, siêu thực trong thơ và ấn tượng, lập thể trong họa v.v...

Anh đặc biệt quý mến nhà thơ Áo Rilke. Bài thơ *Chiếc Xe Xác Qua Phường Dạ Lạc* in trên báo "Tiền Phong" giữa thu 1945 với lời giới thiệu của Xuân Diệu là lời phát ngôn về hiện thực nạn đói năm 1945 lại bằng một giọng điệu siêu thực ngột ngạt để rồi kết thúc ở thế vừa chạm tới hiện thực và bừng tỉnh.

Sau cách mạng tháng tám, cùng với *Hải Phòng 19/11/1946* của Trần Huyền Trân - *Nhớ Máu* của Trần Mai Ninh - *Đèo Cả* của Hữu Loan - *Tây Tiến* của Quang Dũng, *Nhớ* của Hồng Nguyên - *Chiều Mưa Đường Số 5* của Thâm Tâm - *Viếng Bạn* của Hoàng Lộc v.v... Văn Cao đã góp vào chiếc cầu nối giữa trước cách mạng với thời chống Pháp một *Ngoại Ô Mùa Đông 47*. Trong trạng thái thăng hoa của toàn dân tộc lúc ấy - thăng hoa từ nô lệ đến tự do, Văn Cao đã bay từ địa hạt ca khúc trữ tình tha thiết đến địa hạt ca khúc cách mạng chất ngất. Tiềm năng thơ lại giúp anh hoàn thiện những lời ca trong hoàn cảnh của hiện thực mới. Mãi mãi vẫn còn âm vang những ngày chống Pháp qua *Bắc Sơn, Làng Tôi, Ngày Mùa, Trường Ca Sông Lô*, và *Tiến Quân Ca* bất diệt. Sự lắng lại của thơ Văn cao trong thời kỳ ấy chính là sự lặng lẽ suy ngẫm cho một giọng điệu thơ tiếp cận được với hiện thực chiến tranh cách mạng khá bề bộn, đa dạng. Với bản chất táo bạo, sôi nổi, chan chứa nhiệt tình, Văn Cao đã tính tới chuyển hướng cho cách cảm, cách nghĩ, cách gợi của thi ca. Và để chứng minh cho sự suy ngẫm của mình, vào những năm đầu hòa bình, Văn Cao đã đưa ra trường ca *Những Người Trên Cửa*

*Biển*. Báo "Văn Nghệ" trung tuần tháng 8/1956 đã giới thiệu ngay chương 1, chương 3 trên trang nhất. Mấy tháng sau, trường ca được ấn hành tại nhà xuất bản Hội Nhà Văn.

Ở nhiều năm trong thời kỳ thứ ba, Văn Cao làm thơ trong một cảnh ngộ khác với nhiều người. Chỉ có thực sự yêu thơ mới có đủ nghị lực làm thơ trong tâm trạng như thế. Khi ấy, anh gần như dừng hẳn sáng tác ca khúc, chuyển dồn nén vào nhạc không lời. Ba bản nhạc *Hàng Dừa Xa, Sông Tuyến, Biển Đêm* đã ra đời khi ấy. Trong họa, dường như anh đã thôi vẽ tranh sơn màu mà chỉ làm minh họa cho báo và làm bìa sách. Những bài thơ chọn cho tập thơ này, phần lớn được rút ra từ thơ sổ tay của anh thời kỳ này. Nung nấu trong một nỗi niềm riêng của mình, thơ Văn Cao đã thực sự chín như một trái cây còn sót lại. Đây là một khoảng sáng hắt lên từ dằn vặt, đắng cay, đớn đau giữa sai đúng, tốt xấu, thật giả, trung thực và phản bội - Bản chất yêu thi ca mãnh liệt đã tạo nên bản lĩnh thơ anh - bản lĩnh tồn tại. Nhà thơ, anh đã chầm chậm chiêm nghiệm lại nhiều giá trị. Cho đến tháng 7 năm 1985, sau mấy chục năm im lặng, Văn Cao đã in lại một chùm thơ về Quy Nhơn - "cái nôi" của thi ca Việt Nam hiện đại - trên báo Văn Nghệ. Thật ngẫu nhiên là trong số báo ấy cũng có in bài chân dung Văn Cao. Đến hôm nay, có thể khẳng định rằng tài năng thơ của Văn Cao đã hoàn toàn lộ sáng.

Vào một chiều hè 1985, tại một căn nhà mái tôn đầu thị trấn An Nhơn nơi vút lên thành đồ bàn xưa cũ, hai thi sĩ tri kỷ Yến Lan và Văn Cao đã gặp nhau sau bao nhiêu năm cách vắng.

Chính hôm đó trong căn nhà mái thấp cũ kỹ, tôi mới được xem tranh của Quang Dũng, mới được đọc bài thơ giới thiệu của Văn Cao cho tập *Những Ngọn Đèn* của Yến Lan. Thế hệ trẻ bây giờ bị thiệt thòi nhiều ở những năm tháng đứt đoạn ấy. Bài thơ giới thiệu Yến Lan nhưng cũng chính là suy ngẫm về thơ của Văn Cao. Cũng ngay sau buổi đó, khi men theo đường trở về thành phố Quy Nhơn qua nhiều tháp Chàm, Văn Cao đã viết: *Từ trời xanh rơi vài giọt tháp Chàm*. Có thể gọi đấy là tư duy thơ Văn Cao hay thi pháp Văn Cao cũng không lầm. Nếu gọi chữ là những viên gạch thì chữ trong thơ Văn Cao là những viên gạch già. Chữ ở tuổi, ở tính, ở tình, ở tài, ở thần. Với những tham số đó, chữ trong thơ Văn Cao đã tạo lập được một cách phát ngôn. Đi lên trung du, anh thấy *Một cánh tay sông Hồng - Một cánh tay sông Lô - Hai cánh tay như ôm - Trung du*. Nhìn những mái nhà, anh thấy *Như những cánh chim đêm - Ủ những giấc mơ dưới trời sao lồng lộng*". Lúc thốt kêu vì đau anh lại nghe thấy *Tiếng một khúc thép nung đỏ - Trong chậu nước*. Ấm như lửa, tươi như lá, thơ Văn Cao là thơ triết lý của đời thường. Nó không bật ra từ những pho sách. Nó cũng không vụt ra từ một bộ óc thông minh - Lọc chắt từ đáy những tâm trạng, số phận, nỗi niềm, thơ Văn Cao đã sáng lên những kinh nghiệm qua những éo le.

Đặc tính lớn nhất của nghệ thuật Văn Cao là tính dự báo xa, rất xa, Nguyễn Trọng Tạo coi anh như như một "nha khí tượng" của thơ ca: *Nhà*

*thơ già râu tóc trắng ngồi im - những câu thơ những dòng chim báo bão hiện lên.* Đây là nỗi xót xa của anh nhưng cũng là tầm cỡ của anh. Ngay trong thời kỳ đầu, bài thơ *Đêm Ngàn* đã có một câu thơ thật hay *Cái gì cũng thấy chơi vơi*, mang tạng của câu Kiều: *Mai sau dù có bao giờ.* Câu thơ ấy của Văn Cao đã khái quát, tóm lại được sự phấp phỏng của cả một thời trước cách mạng. Cực nhạy với nhiệt độ đời sống, hàn thử biểu Văn Cao đã dự báo đến tương lai quá nhiều. Ở một lúc, một phía, có cặp mắt đã nhìn phê phán Văn Cao "quá lạc quan". Nhưng nào phải ai cũng "quá lạc quan" như thế nếu không tin mãnh liệt, nếu là khôn ngoan. Ngay giữa lúc chúng ta đang tưng bừng chiến thắng thực dân Pháp, Văn Cao đã báo hiệu cho chúng ta sự phức tạp mới của cách mạng. Trong chương 4 của trường ca với tựa đề *Những Ngày Báo Hiệu Mùa Xuân*, Văn Cao đã dũng cảm vạch ra, báo hiệu trong hàng ngũ cách mạng đã bắt đầu xuất hiện kẻ cơ hội. Chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, Văn Cao lại dự báo đến một đời sống tan rã sau chiến tranh bằng *Những Buổi Sáng Không Có Trong Sự Thật*. Những dự báo ở tầm chiến lược như thế thật khó công bố. Kẻ dốt nát thì không hiểu. Kẻ cơ hội thì giật mình tìm cách bịt đi, ngăn chặn hoặc xuyên tạc dự báo. Nhưng thời gian và lịch sử đã hiểu đúng và tôn trọng Văn Cao. Bây giờ, thời kỳ sau đại hội Đảng lần thứ sáu, đại hội của "đổi mới tư duy", đại hội của "những người nhìn vào sự thật", chúng ta càng thấu tỏ hơn những dự báo ấy.

Thơ Văn Cao còn bỏng cháy khát vọng của một tâm hồn biết yêu ghét rõ ràng. Không ảo tưởng tuyên truyền cho một lý thuyết nhất thời nào, anh luôn luôn tiến tới sự hoàn chỉnh tính người, ước mong tới một thế giới ở đây con người chỉ còn yêu thương và vui sống. Khát vọng ấy là khát vọng *Nước ngọt ngàn sông - Bao giờ đổ đầy lòng biển*. Tình yêu ấy bất chấp quyền uy thế lực cản trở để vươn tới tính nhân bản của nó. Bao giờ cũng trong sáng cởi mở và chân thành. Thái độ của Văn Cao đã đem đến cho thơ anh những nội dung và hình thức biểu hiện mới, dựa vào một cái tứ vững chắc, đột phá nhanh qua những hình tượng bất ngờ, thơ Văn Cao đã thoát ly được lối gieo vần nhàm chán, nhạt nhẽo, tiết tấu chậm chạp, phẳng lặng. Tốc độ thơ anh không chuyển dịch theo một đường sin mà là tập hợp của hàng loạt xung động. Thơ Văn Cao ngắn gọn bởi cường độ tác dụng lớn, lượng thông tin đầy ắp, đa diện. Cũng là hình tượng bàn tay, bước chân, ánh mắt - đặc biệt là ánh mắt - ở thơ Văn Cao cũng có gì khác thường. Có lẽ vì mắt là "cửa sổ của tâm hồn", nên Văn Cao tập trung liên tưởng nhiều vào chỗ thăm thẳm ấy. Không những trong thơ mà ngay trong họa, hình tượng mắt được Văn Cao sử dụng khá độc đáo. Đất là phố cũ được khảm những con mắt như những mảnh chai. Đấy là con mắt có một lớp tro đang dòng dòng kéo sợi như tơ nhện trong không gian đầy nước. Đấy là cặp mắt trắng đã không thể dối lừa. Đấy là cặp mắt yêu thương của những người da đen và cặp mắt người yêu như hai giếng nước. Đấy là con mắt lặng lẽ lấp lánh nhìn vào cái tường, cái bàn, cái huân chương rồi nhìn vào chính mình. Mắt là phía hư ảo của thơ Văn Cao.

Thơ Văn Cao bắt nguồn từ một hiện thực công nghiệp Việt Nam. Sinh ra ở Hải Phòng - một thành phố công nghiệp lớn, Văn Cao sống trong tiếng máy và thở cùng than bụi, biết lao động và đói khổ từ những ngày thơ ấu. Cũng do vậy, thơ anh không ồn ào. Chỉ có những người mặc cảm về sự tẻ nhạt của mình mới hay ồn ào. Thơ Văn Cao là những khoảnh khắc lắng xuống dưới tiếng động. Người hời hợt, ham sự kiện có lẽ không hợp với thơ anh. Không bày tiệc mời mọc, thơ anh là những viên tăng lực cho con người giữa đời sống cần lao, nhọc nhằn. Nó trụi trần nhưng không thô thiển. Nó đẹp nhưng không diêm dúa. Nó lắng buồn nhưng không chán nản. Thi pháp Văn Cao thật khó bắt chước nhưng tạo được ảnh hưởng mạnh tới thế hệ trẻ. Có lẽ vì được chiêm nghiệm qua nhiều trường phái. Với thế hệ trẻ lúc đó chưa được học tập nhiều vì lớn lên đã tham gia chiến tranh ngay, thi pháp Văn Cao đã chuyển tới họ những tín hiệu thẩm mỹ chính xác của thi ca hiện đại, giúp họ rút ngắn rất nhiều quảng đường tìm tòi. Trường ca *Những Người Trên Cửa Biển* đã thực sự là hành trang cho thế hệ trẻ - thế hệ tự ý thức đi vào chiến tranh. Không ai quên không khí sôi sục thi ca thời đó đã khởi lên một đội ngũ thơ ngay tại Hải Phòng quê hương anh với những nhà thơ trẻ như Đào Nguyễn, Thanh Tùng, Đào Cảng, Thi Hoàng, Hoàng Hưng v.v... Nếu ở Văn Cao là *Sinh ra tôi đã có Hải Phòng* thì đến Nguyễn Khoa Điềm nó đã được phát triển thành *Khi ta lớn lên đất nước đã có rồi*. Và hai mươi năm sau từ *Những Người Trên Cửa Biển* của anh, Thanh Thảo có *Những Người Đi Tới Biển*, một sự tiếp nối không ngừng nghỉ của một dòng chảy đích thực. Ngược lại, ảnh hưởng của thế hệ trẻ cũng rất quan trọng đến sáng tác của Văn Cao. Quan hệ nghề nghiệp của anh là quan hệ mở. Anh giao tiếp rộng với bạn bè nhiều lứa tuổi và trao đổi, tranh luận, tiếp thu thẳng thắn. Mỗi bài thơ của anh đều được bạn bè thưởng thức, góp ý khá kỹ càng. Yêu mến Thanh Thảo, Nguyễn Duy, Nguyễn Trọng Tạo v.v... anh đã thực sự sát cánh cùng thế hệ trẻ trong phòng trào thơ hôm nay. Những năm gần đây anh viết khỏe hơn và tươi hơn. Có bài viết ra trong chuyến đi thực tế, có bài viết ra ngay trong khi nằm bệnh viện. Cũng không quá khi Thanh Thảo nói: "Văn Cao vẫn cùng đứng với chúng ta". Thực tế trong bao nhiêu năm âm thầm không phát ngôn, không ấn hành, Văn Cao đã luôn nghe ngóng thế hệ trẻ, nhận ra, rút ra tính chất thế hệ trẻ để làm trẻ mình. Đến bây giờ tập thơ này(*) ra mắt bạn đọc, chúng ta như gặp được ở đấy, giọng điệu của chính thế hệ mình.

Tôi không muốn dùng khái niệm vũ trụ, mà có người đã sử dụng trong trường hợp Uýt-man. Nhưng Văn Cao cũng là một hiện tượng như thế, hiện tượng khó lặp lại ở thế kỷ này. Bay lên bầu trời bằng âm nhạc, Văn Cao lại chìm sâu đáy đại dương bằng thi ca. "Chín sớm" cùng thế hệ trước cách mạng, anh lại "chín muộn" cùng thế hệ trẻ bằng thi ca. Còn hội họa của anh đối với chúng ta vẫn còn là một giá trị bí mật.

Tôi nhớ câu thơ của nhà thơ Liên Xô Anđrây Vôznhêxênxki *Không thể*

*chịu được khi không có tài năng - nhưng khi có tài năng lại càng không chịu được*. Thật không muốn nhắc lại những gì đã qua như một bi kịch lớn đã xảy ra trong hệ thống chúng ta ngót nửa thế kỷ này là có hoặc không nuôi dưỡng được những tài năng lớn. Chúng ta thành thạo xóa nạn mù chữ nhưng lại chưa biết đo kích thước chúng ta làm nghèo mình đi bao nhiêu. Cũng là tài năng thơ nhưng có người tự hạ mức thơ của mình để tạo ra hiệu quả trước mắt cho xã hội. Hành động đáng quí đó đã xảy ra với Maiakốpxki Liên Xô, với các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh ở Việt Nam. Nhưng không tự hạ mức không có nghĩa là chống lại xã hội, mà chính họ, những nghệ sĩ ấy muốn đem tới cho xã hội những giá trị dài lâu. Hành động đó cũng đáng quý như hành động kể trên. Không so sánh tài năng, chỉ đồng nhất hiện tượng, có thể kể ra ở Liên Xô là Borít Paxternac, còn ở Việt Nam là Văn Cao.

Không từ chối màu xanh, những bài thơ của Văn Cao như những chiếc lá đâm ra từ đời sống của anh. Nắng mưa thời gian thăng trầm sáng tạo đã chầm chậm chuyển tiềm năng nơi anh âm thầm thành dòng nhựa lên các thân cành và bậc lá. Tập thơ này của anh chính là một vòm xanh xum xuê của một cây đại thụ xòa qua bao bão dông thay đổi. Vừa là cô đúc lại mấy chục năm bền bỉ phấn đấu cho thi ca, tập thơ này vừa là xác nhận vị trí của thi sĩ Văn Cao trên thi đàn chúng ta.

Hà Nội - vào hè 1990
NGUYỄN THỤY KHA
*(Trong nước)*

---

(*) Tập Thơ LÁ của văn Cao. Nhà xuất bản Tác Phẩm Mới. 1988



THỤY KHUÊ

# văn cao - phạm duy: trần gian và tiên cảnh



Văn Cao thuộc lớp *"người ấy"* mà chúng tôi, thế hệ 40-50, sinh Bắc, sống Nam chưa bao giờ gần gụi để có thể *nhớ lại*, mà chỉ có thể *mơ về*. Lớp người ấy có Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Nguyễn Huy Tưởng... Có Hoàng Cầm, Trần Dần, Phùng Quán, Sĩ Ngọc, Tử Phác, Bùi Xuân Phái... Có Đặng Đình Hưng đã ra đi hai năm trước, để lại sáu tập thơ, chỉ riêng *Bến Lạ* được phép chào đời sau khi ông mất. Lớp *người ấy* có khi muốn *khóc mà phải ngót 30 năm mới bật ra tiếng* (Bài thơ Văn Cao khóc Nguyễn Huy Tưởng năm 1960 mãi đến năm 1987 mới được in vào tập *Lá*(1).

Ở Văn Cao, từ những năm 60 hay nhiều năm trước nữa đã phảng phất, đã linh cảm:

*Có bức tường lê từng bước một*
*Đến gần chân chúng tôi hàng ngày*
*Chúng tôi nhìn chậm chạp*
*Chậm chạp một cái chết*
*Thời gian đang héo*
*Thời gian đang rụng*
*Tắt thật nhanh một cái chớp mắt*
(Với Nguyễn Huy Tưởng - *Lá*)

Ở Đặng Đình Hưng, trọn đời thèm khát một chút *ra đi*, và có lúc ông đã *húp* ra đi *từng bát, những nhạt nhạt mềm mềm* và thấy *rất ngon*. Nhiều lần Đặng Đình Hưng thử *ra đi*, ra đi để *cứ đi*, ông *lại lộn về*... cứ như thế, như thế... cho đến lúc ông cảm thấy: *tôi già rồi... tôi không làm gì được quyển lịch*(2). Lần cuối cùng đi thoát thì lại vĩnh viễn không về.

*

Chúng tôi thường nghĩ về những *người ấy*, những người *không làm gì được quyền lịch*, những người nhìn *thời gian đang héo, thời gian đang rụng, thời gian bỏ neo trên mặt biển* mà ngậm ngùi so sánh với những người may mắn hơn, những người được quyền tùy nghi sử dụng thời gian, không gian của mình, mở tung cửa *ra khơi để thấy lòng phơi phới, thấy tình thế giới, thấy mộng ngày mai, thấy niềm tin mới*: Phạm Duy với Văn Cao. Hai thiên tài cùng thế hệ. Phạm Duy trong nửa thế kỷ sáng tác trùng điệp hơn ngàn bài ca. Phạm Duy khua động thời thế, nói lên cái khát vọng và dục vọng của mình và của người, Phạm Duy xúi giục chúng tôi *yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời*. Phạm Duy hiện diện trong dời sống tình cảm của mỗi người từ *ngày đó có em đi nhẹ vào đời* cho đến *trùng dương ơi có xót xa cũng hoài mà thôi*. Phạm Duy chia chác với chúng tôi những kỷ niệm, những rung động, những đẩy xô, trong cuộc tình, trong cuộc sống. Hình ảnh Phạm Duy là hình ảnh bề thế, vững chãi: *Tôi đi từ ải Nam Quan* và hiện thực: *Tôi về, tôi nhớ hàm răng cô mình cười*. Tiếng Phạm Duy là *tiếng hát to, vang thời quân Chi Lăng reo hò* cất lên, chủ quan, trong một chiều *rừng im bóng, những oan hồn xưa*, tiếng hát hiện hữu to và cao, bằng xương, bằng thịt dù ở *trần gian hoặc ở vô hình*.

Văn Cao thì không thế, Văn Cao bé nhỏ, mong manh, hình hài sẵn sàng rách bươm theo cơn gió. Sự vững chãi của Văn Cao tiềm ẩn trong sự vắng mặt, trong sự im lặng dằng dẵng lâu dài: Văn Cao là sự hiện diện của khiếm diện. Trên *trái đất ba phần tư nước mắt*, Văn Cao *đi biệt một hành tinh*(4), một cõi *Thiên Thai* nào xa lắc. Tiếng Văn Cao là *tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng*, là *tiếng hát vọng ngàn xưa còn rung*, là *tiếng đàn xui ai quên đời dương thế*... Hình ảnh Văn Cao là hình ảnh *ai bước đi ngoài sương gió*. Nhạc Văn Cao là những *khúc nhạc xa vời trong đêm khuya dìu dặt tiếng tơ rơi*...

Phạm Duy hữu hình, chủ quan, xác định và trần thế. Văn Cao vô hình, khách quan, phiếm định và tiên cảnh, nhưng vẫn hiện diện như một tòa án lương tâm, âm thầm đo lường dung lượng dưỡng khí mà con người có thể thở được. Khi Văn Cao xa vắng thì chính Phạm Duy là người *du ca đầu tiên* đem nhạc Văn Cao đi *gieo buồn khắp chốn*. Và sau này, những dòng đẹp nhất viết về Văn Cao cũng lại bởi Phạm Duy.

*

Ngày ấy, *một mùa thu năm xưa*, Phạm Duy, Văn Cao và bao nhiêu người khác đã ra đi, cuốn đi, trôi theo *đoàn người đi miên man trên đường gian nan*... *In hình qua mây núi*, Phạm Duy đã có lúc cảm thấy:

*Hồn say khi máu xương rơi tràn ngập biên khu*
*Oán thù khắp nơi*

*Từng bụi lốc cuốn rơi*
*Từng giọt máu sáng ngời*
*Một đường kiếm thét oai hùng đưa*
(Xuất Quân)

Tráng sĩ Phạm Duy dũng mãnh kêu gọi máu xương nhưng... sức mấy mà làm... Người hùng...sợ. Sợ máu. Ngược lại, ở Văn Cao tiên phong đạo cốt, nợ máu xương đòi hỏi cấp bách và quyết liệt hơn:

*Cờ in máu chiến thắng mang hồn nước*
*Đứng vùng lên, gông xích ta đập tan*
*Thề phanh thây uống máu quân thù*
(Tiến Quân Ca)

Chiến sĩ Văn Cao không những thề mà còn thi hành: Văn Cao bắn chết "Việt gian" ĐĐP. Từ đó, và vì thế mà sau này, Văn Cao chỉ viết nhạc không lời (Xem bài "Cảm Nhận Văn Cao" của Hoàng Phủ Ngọc Tường trong cùng số này).

Rồi Phạm Duy vào thành, Văn cao tiếp tục kháng chiến. Hồi ấy, *Văn Cao thấy buồn khôn tả [...] việc Duy "dinh tê" vừa khó hiểu, vừa gây những nhiễu loạn trong dư luận. Không phải là không để lại những hoang mang cho nhiều người ở lại. Vì sự thực, Duy đã đứng sang hẳn một chiến tuyến đối đầu với kháng chiến*(4).

Phạm Duy - Văn Cao: hai chiến tuyến đối đầu? Phạm Duy - Văn Cao không chỉ xa nhau vì định mệnh. Họ còn xa nhau - từ lâu, từ những ngày đầu kháng chiến - vì hai sự lựa chọn khác nhau, tiêu biểu cho hai lối sống, hai phong cách cảm nhận cuộc đời và nghệ thuật khác nhau.

Phạm Duy "Kẻ du ca" (tiếng của anh) là người của quần chúng; sự lựa chọn của Phạm Duy đi kháng chiến hay về thành là sự lựa chọn *tương đối* và *thiết thực* của con người trong cõi *đời thường*. Con đường sống và nghệ thuật của Phạm Duy nằm trong quỹ đạo ấy: trần tục nhưng không dung tục, sáng tạo bằng trực giác không lao lung và thiết thực sống.

Văn Cao, *huyền mơ*, dứt khoát lựa chọn hành hương trong lộ trình *thiên thai* để đi tìm *cái mới, cái tuyệt đối* cho cuộc đời, cho sáng tạo, trong một *đào nguyên*, vượt ngoài trần thế. Trên đường đi tìm tuyệt đối, Văn Cao sẵn sàng loại trừ những trở ngại. Tuyệt đối của Văn Cao, trong thời thanh niên kháng chiến là *lòng ái quốc*. Tuyệt đối của Văn Cao, cho đến bây giờ còn là *nghệ thuật*. Văn Cao đã từng loại trừ *Việt gian bán nước* vì lòng ái quốc, thì Văn Cao tất phải loại trừ mọi hình thức cấm đoán, xúc phạm đến tự do sáng tạo vì lòng yêu nghệ thuật. Với Văn Cao, *sự thất bại thường gặp trong một bài thơ là sự khép lại: khép tất cả sự muốn nghĩ và muốn nói* (*Một Vài Ý Nghĩ Về Thơ*). Văn Cao dứt khoát từ chối *sự khép lại* trong thơ và trong đời. Những dứt khoát đó ngạo nghễ giúp Văn Cao - từ Nhân Văn Giai Phẩm - vươn lên qua bao dập vùi, đàn áp, để tồn tại đến ngày nay. Cái *tuyệt đối* đó là khí phách và nhân cách của Văn Cao. Người ta yêu Văn Cao vì *yêu những người cố mở*

*đường mà thất bại*, và cũng vì *yêu những người biết thất bại mà dám mở đường* (*Một Vài Ý Nghĩ Về Thơ*).

Ở miền Nam, nhạc Phạm Duy, ai ai cũng có thể thuộc lòng những giai điệu thần sầu qua tiếng hát Thái Thanh. Nhạc Văn Cao, những bản hay nhất: *Sông Lô - Thiên Thai - Trương Chi*, có nghe ai hát? Miền Nam họa hoằn. Miền Bắc tắt hẳn trong nhiều thập kỷ. Chúng tôi "hát" và "nghe" nhạc Văn Cao trong trí tưởng tượng, và trí tưởng tượng càng phong phú, tiếng




nhạc Văn Cao càng lung linh, cao lộng... Tiếng hát Văn Cao không cất lên, không xương thịt, không vào đời, như tiếng hát Phạm Duy, bởi tiếng hát vô hình, vô thể ấy chưa bao giờ đích thực hiện diện. Chúng tôi sống với hình hài Phạm Duy, nhưng không ai quên bóng dáng Văn Cao.

Tiếng hát Văn Cao, khiếm diện, âm thầm vang trong tiềm thức, sống âm ỉ trong nội tâm của mỗi chúng ta, như chờ đợi một khoảnh khắc nào đó sẽ được cất lên ở một chốn thiên thai, bồng lạc. Cho nên, nếu Phạm Duy là cuộc đời sinh động, là sức sống tỏa ra bát ngát, là người lữ hành cùng bước với chúng ta nơi trần thế, thì Văn Cao là nghị lực tiềm ẩn, là sự bất khuất nghẹn ngào chìm đắm trong ta, là khí phách ngậm ngùi chờ ta ở một vùng bồng lai tiên cảnh.

THỤY KHUÊ
31,10,92

---

Chú thính:

(1) trích *Văn Cao Người Đi Dọc Biển*, trang 6, Nguyễn Thuỵ Kha. Nhà xuất bản Lao Động 1991.

(2) Thơ Đặng Đình Hưng, *Bến Lạ*, Nxb Văn Nghệ, thành phố Hồ Chí Minh 1991.

(3) Thơ Hoàng Cầm.

(4) Trích *Văn Cao Người Đi Dọc Biển*.



DƯƠNG TƯỜNG

# cái nợ yêu thương ấy...

Ở phòng ngoài căn hộ của Văn Cao - nói chính xác hơn là phần ngoài của phòng chính được ngăn bởi một giá sách cao được dùng làm chỗ tiếp khách - có treo hai bức tranh sơn dầu vẫn ở nguyên chỗ từ ngày anh về ở ngôi nhà số 108 Yết Kiêu, Hà Nội này, ít lâu sau tháng 10/1954. Đó là hai tác phẩm hội họa duy nhất anh còn giữ lại được như tài sản riêng. Một bức là chân dung chị Thúy Băng, vợ anh, và bức kia là một cảnh đồng nội. Trong tranh, chị Băng vận chiếc áo dài "Lơmuya" màu hồng nhạt với cái dáng dấp mảnh mai, trang nhã của một cô gái Hà Nội xưa, mà hồi đó chị đích thực là vậy. Bức thứ hai - tôi thường gọi là La Pastorale (giao hưởng đồng nội) - bố cục khá độc đáo: những gánh lúa dọc hai mép chiều đứng và ở giữa plan chính, một chú bé, một người đàn bà với khuôn mặt thể hiện theo một bút pháp ngả về lập thể. Cả hai cùng được vẽ trong điều kiện thiếu thốn mọi phương tiện của thời kỳ kháng chiến chống Pháp, phần nào đã xuống màu, song vẫn thánh thót tươi nguyên những rung cảm ban đầu.

Tôi làm quen với hội họa Văn Cao lần đầu qua phần minh họa bản *Thiên Thai* in rời của nhà xuất bản Rạng Đông ấn hành năm 1945. Ngay từ hồi ấy anh đã có một bút pháp tân kỳ, có thể nói rất dương thời với hội họa hiện đại thế giới. Trong tâm hồn Văn Cao, nhạc, họa và thơ ngự như một Trinité Tam Vị Nhất Thể, một Đức Chúa Ba Ngôi trong đó mỗi ngôi đều bao gồm luôn cả hai Ngôi kia. Nếu nhạc của anh là sự tràn bờ âm thanh của thi hứng với những mảng sáng - tối (clair obseur) giàu nhạc tính, thì họa của anh lại là một thăng hoa khác của Thần Mã Pégase trong đó ngân rung những hòa thanh kín đáo. Và trong cả ba lĩnh vực ấy, anh đều là người cách tân. Văn Cao ở trong số những người đầu tiên trong giới hội họa của ta mạnh dạn xử

lý hình nét mảng khối theo một tiếp cận lập thể. Tuy không được xem nguyên bản ba bức anh bày ở Salon Unique cũng không được thấy anh chụp lại (những họa phẩm đầu tay này bây giờ trôi giạt nơi đâu chính anh cũng không biết), nhưng nghe đâu cũng là những thử nghiệm lập thể. Sau này, chín hơn, bớt vụ vào hình thức thêu thùa, những tìm tòi của anh đi vào chiều sâu tâm thức và đều có một mẫu số chung: con mắt tạo hình thanh tịnh, trong ngần, phóng khoáng và nồng ấm yêu thương. Tranh của Văn Cao không nhiều, nhưng tác dụng khai phá mở đường là không thể chối cãi. Nhiều họa sĩ ở thế hệ thứ ba đã chịu ảnh hưởng của anh khá đậm. Trong thể loại chân dung, anh cũng có những thành công mẫu mực như chân dung ông Lâm cà phê, chân dung nhà văn và học giả quá cố Đặng Thái Mai (mà anh đặt tên là *Ông Già Cầm Can*), chân dung nữ nghệ sĩ piano Thái Thị Sâm... Ngay cả trong minh họa và vẽ bìa sách, một hoạt động mà trong những năm khó khăn, anh phải dấn vào vì sinh kế hơn là vì mục đích nghệ thuật - phải đã đến lúc ta có thể và cần nói thẳng ra sự thật không vui vẻ này - anh cũng đã tạo ra một ngôn ngữ mới, một bước chuyển quan trọng, hình thành một cái gì tựa như một trường phái: trong lĩnh vực này, phải kể đến phần bìa và minh họa các cuốn *Người Chiến Sĩ* của Nguyễn Đình Thi, và *Đẹp Hơn Nước Mắt* (Plus belle que les larmes), tuyển tập thơ Pháp.

Văn Cao là người đa mang. Đa mang nên lắm nợ nần. Tôi đồng ý với một nhận xét của Thái Bá Vân: những gì anh chưa làm được còn nhiều hơn những gì anh đã làm. Đó là điều đáng kể. Anh là người khai phá trên nhiều mặt, tuy chưa bao giờ anh đi tới cùng. Do hoàn cảnh? Do lỗi của anh? Hay tại cả hai?

Nghệ thuật, nói cách nào đó, là sự sáng tạo ra những hiện thực khác. Trong tranh Văn Cao, cũng như trong nhạc và thơ anh, ta rất ít, thậm chí không hề gặp những gam màu u tối, tuyệt vọng, yếm thế mặc dầu đời sống riêng của anh không phải là ít bất hạnh. Thực ra cái trong sáng, thuần khiết của nghệ thuật anh, phân tích cho đến cùng, chính là chặng chót của một quá trình vượt lên những dằn vặt, chua xót, vượt lên bản thân. Có lần tâm sự với tôi, anh nói:

- Mình rất thích mấy câu của cậu viết về anh bạn của chúng ta: "Dạo này anh thường dùng những gam màu vui. Nhưng ẩn đằng sau, ta vẫn thấy những nét đau. Cái đau làm chín cái vui. Cái vui đậm thêm, đượm thêm như muối cái đau..." Mình đã lấy cái ý ấy đưa vào ca từ: "Muối đau thương vào bao mùa hoa..." Có cái gì lớn lao mà không tạo nên bởi những bội số đau...? Ờ, mình bây giờ mắt mờ, tay run rồi, còn nhiều điều phải làm, muốn làm, mà lực bất tòng tâm. Nhưng rồi cậu xem, mình sẽ hồi sinh từ đống tro của mình như con kỳ nhông, mình sẽ còn vẽ...

Phải, anh Văn ạ, vẽ, như Henri Miller định nghĩa, là lại yêu lần nữa. Mà anh thì có khi nào hết yêu. Bất kể nhân tình thế thái có xoay sở ra sao đi nữa, món nợ yêu thương này, có bao giờ anh trả cho xong, anh Vân?

DƯƠNG TƯỜNG



**TRẦN VŨ**

# nốt nhạc trương chi



Suốt cuộc đời, đôi khi chỉ một hay đôi ba nghệ phẩm cũng đủ hoàn thành trọn vẹn sự nghiệp của một nghệ nhân. Trường hợp đó đúng với Văn Cao. Nhắc đến ông, là nhắc đến *Thiên Thai, Trương Chi, Tiến Quân Ca*. Nhưng nếu *Thiên Thai* réo rắc xa vắng đánh dấu một thời kỳ lãng mạng, thì *Tiến Quân Ca* lại thực tế, gần gũi, của một thời đại tàn nhẫn ngập máu và nước mắt. Văn Cao ở đâu giữa hai cực điểm ấy? Đi kiếm câu trả lời, không kiếm câu trả lời ở phía bên này ví ông với Lục Chỉ Cầm Ma, một nhân vật hư cấu trong truyện chưởng, sử dụng *Bát Âm Thiên Long* đánh những ngón đàn *Lục Chỉ Cầm* làm tổn thương tâm thần người nghe. Phía bên kia, cũng không hiếm thính giả tôn thờ Văn Cao như người nghệ sĩ lớn nhất. Nhưng bên này, hay bên kia, nhất định Văn Cao không ở vị trí mà người đời gán ghép. Mỗi nghệ nhân đều chọn cho mình một thái độ sống, "giao tiếp" với cuộc đời, trong đó họ hoàn toàn độc lập và sống riêng với nghệ phẩm.

Văn Cao ở thời điểm hôm nay nhìn lại, như đã viết, nghệ phẩm của ông nằm ở hai cực điểm: ảo mộng và thực tế. Bởi *Thiên Thai* trước nhất là một giấc mộng. Giấc mộng không chỉ của riêng Văn Cao nhưng của cả đất nước. *Lên cõi tiên*, nơi không có đói khát, nơi không còn đau khổ, chỉ có hạnh phúc. Văn Cao đã mơ ước, và thay chúng ta diễn tả thành lời. Có lẽ chưa có một nhạc phẩm nào khác *Thiên Thai*, biểu đạt thành công cho bằng giấc mơ tâm linh của dân tộc. Nhưng nếu tài hoa của nghệ nhân giữ cho âm hưởng nhạc sống mãi, tiếng réo rắc chưa bao giờ tắt lâu lâu bất chợt lại vọng vẳng trở về, thì định mệnh của *Thiên Thai* cũng nằm trong nỗi xa vắng, thứ âm giai mênh mang, âm điệu lưu luyến, vấn vương thường bắt gặp trong thần thái của các sáng tác Văn Cao. Xa vắng, vấn vương, là chỉ sự mất mát. *Thiên*

*Thai* là một giấc mộng đánh mất. Nửa thế kỷ trôi qua, chắc chắn Văn Cao cũng nhận ra sự mất mát ấy, không còn nghệ phẩm nào của Văn Cao vượt qua được *Thiên Thai*, cũng không còn giấc mộng nào lớn hơn *Thiên Thai*, và chưa bao giờ giấc mơ dân tộc lại xa ngoài tầm tay với bằng.

Viết *Tiến Quân Ca*, Văn Cao bước ra từ ảo mộng vào thực tế. Mỗi nghệ nhân trong cuộc sống, đều chấp nhận hủy hoại. Ở bên này, rất đông người trách Văn Cao đã tự hủy đi rất nhiều khi viết ca khúc *Ca Ngợi Hồ Chủ Tịch*, xưng tụng *Tiếng người còn dịu dàng như tiếng đất trời...* (1). Nghệ thuật khác với văn công. Nhưng ở bên kia, Văn Cao vẫn luôn luôn là một thần tượng dù trong cõi mộng hay cõi thực. *Tiến Quân Ca* như tiếng sóng gầm, bừng bừng trỗi dậy thác lũ của một dân tộc nô lệ. Nghệ nhân là đồng nghĩa với đam mê. Văn Cao bước ra từ ảo mộng vào thực tế cũng bằng tất cả đam mê. Đem hết tài hoa để viết *Sông Lô, Tiến Về Hà Nội, Gò Đống Đa...* Những nhạc phẩm hùng ca đã góp phần cho cuộc kháng chiến chống Pháp, đánh dấu một giai đoạn sắt thép của đất nước mà tiêu biểu nhất là *Tiến Quân Ca*. Từ đó, không thiếu những ý kiến cho rằng chúng ta nợ Văn Cao một món nợ tinh thần. Từ lãng mạn đến hùng ca, đất nước đã yêu, đã buồn, đã mơ mộng và đã chiến đấu bằng âm nhạc của Văn Cao.

Đến đây, rất thẳng thắn, *Nốt Nhạc Trương Chi* được viết với tất cả lòng quý trọng nghệ nhân, nhưng cùng lúc là để phản bác ý nghĩ về *món nợ Văn Cao* - trong đó có *món nợ Tiến Quân Ca*.

Viết về quốc thiều của đất nước, do biến động lịch sử đã có ít nhất ba bản: *Tiến Quân Ca, Giải Phóng Miền Nam, Tiếng Gọi Công Dân*, có lẽ trong sáu mươi triệu người Việt hôm nay, không ai còn giữ được khách quan, trung thực, đã bị đè nặng biến dạng bởi quá khứ trên mỗi vùng đất mình sinh sống. Dù cố gắng, nhưng chắc chắn những dòng chữ viết ra sẽ đầy dẫy chủ quan, không tiêu biểu được cho tâm tình của tất cả, thế hệ sinh trưởng ở miền Bắc hay thế hệ lớn lên ngoài đất nước sẽ ít chia sẻ. Do đó, chỉ là ý nghĩ và tâm trạng riêng tư của một người viết, mà suốt quãng đời niên thiếu đã phải tập hát cả ba bản quốc ca.

Trong ba bản quốc thiều sau cùng của đất nước, đối với thế hệ sinh sau trong miền Nam, được tập hát như người máy, thì có lẽ *Tiến Quân Ca* là kém hùng tráng nhất. Khác với âm điệu dồn dập và kêu gọi nức lòng liên tục không ngớt trong *Tiếng Gọi Công Dân* của Lưu Hữu Phước, *Tiến Quân Ca* mang nhịp điệu lê thê. Một trong những lý do chính của sự lê thê đó, là do nhịp nghỉ quá nhiều, gần như sau mỗi câu. Nhịp ngắt trong *Tiến Gọi Công Dân* vẫn có, nhưng chỉ là nhịp ngắt giúp lấy hơi tiếp tục hát. Kể từ sau vế đầu ... *Quốc gia đến ngày nguy biến*, gần như Lưu Hữu Phước không cho phép người hát ngưng nghỉ một giây phút nào, *đồng lòng cùng đi hy sinh tiếc gì thân sống / vì tương lai quốc dân cùng xông pha khói tên làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền / Dù cho thây phơi trên gươm giáo thù nước lấy máu đào đem báo...* Những mệnh đề theo nhau liên tục, mạnh mẽ, tiếp nối cuồn cuộn

kêu gọi bừng bừng không dứt cho đến giây phút cuối cùng. Tính chất kích động, hào khí, và dũng cảm hy sinh rất mạnh trong lời nhạc. *Tiến Quân Ca* của Văn Cao hoàn toàn không có được hùng khí đó, từ lời cho đến nhịp. Toàn bản nhạc là những nhịp ngưng nghỉ quá đều đặn, *Đoàn quân Việt Nam đi (...) chung lòng cứu quốc (...) Bước chân dồn vang trên đường gập ghềnh xa (...) Cờ in máu chiến thắng mang hồn nước (...) Súng ngoài xa chen khúc quân hành ca (...) Tiến Quân Ca* không đem đến cảm giác bốc cháy trong lòng người hát. Sự khác biệt giữa Lưu Hữu Phước và Văn Cao còn nằm trong hình ảnh nhạc. Nếu ở *Tiếng Gọi Công Dân* là lời kêu gọi, khởi hành, lên đường, thì trong *Tiến Quân Ca* cảm giác chung là mọi sự đã an bài, đã xong, chỉ còn lác đác tiếng súng xa, đi về chiến khu để nghỉ ngơi. Và nếu mệnh đề cuối: *Nước non Việt Nam ta vững bền* mang ý niệm kiểm chứng nhiều hơn là mục đích phải đạt tới, thì mệnh đề đầu *chung lòng cứu quốc* giống một lời tự trấn an nhau hơn là một khẳng định. Nếu trong *Tiếng Gọi Công Dân* là kêu gọi xả thân, hy sinh, làm nhiệm vụ của **mọi công dân** trước tình huống lâm nguy của đất nước (ý niệm dân chủ), thì *Tiến Quân Ca* chỉ là một hùng ca của một tập thể được xác định rõ rệt là quân đội, những công dân khác không được nhắc nhở.

Giống *Sông Lô thu rơi bên sóng vàng*, hoặc những *dư âm mênh mông* trong *chiến Sĩ Việt Nam*, Văn Cao bước từ cõi mộng ra cõi thực, vẫn với tâm hồn của một nghệ nhân nhiều lãng mạn, giàu cảm xúc, chứa chan vương vấn, luyến lưu và hoài cổ. Tất cả ưu điểm tạo nên nhạc tình Văn Cao đều dựa trên nỗi buồn tiếc nhớ, những thương cảm, một chút hoài niệm, một chút xa vắng mà ý thức hay không Văn Cao đã đem vào nhạc hùng, khiến chúng ta luôn bắt gặp, dù rất mơ hồ nhưng cũng đầy bảng lảng chất u hoài buồn bã trong nhạc hùng Văn Cao. Những bản nhạc hùng chưa bao giờ thực sự hùng tráng. Nhưng dù không hùng tráng, Văn Cao không bao giờ viết nhạc hùng, dù bị bắt buộc để kêu gọi hận thù. Ông viết nhạc hùng với tâm hồn một nghệ sĩ yêu nước.

Trở lại *Tiến Quân Ca*, nếu những đóng góp trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp là có thực, thì ở giai đoạn sau không còn đúng nữa. Trong cuộc chiến tranh Nam Bắc vừa qua, bất kỳ nỗ lực nào cũng không thể gọi là đóng góp, khi hậu quả chỉ là hận thù và mất mát. Đất nước không kêu gọi đóng góp để tạo dựng xương máu. Cuộc chiến ở miền Nam, ít nhiều là tự vệ. *Tiếng Gọi Công Dân* là tiếng kêu gọi tự vệ. *Tiến Quân Ca* lúc đó là tiếng kèn thúc thanh niên vào chỗ chết. Kiêu hãnh về *Tiến Quân Ca* ở giai đoạn sau, là một kiêu hãnh phi lý. Sau 30.4.75 trong ba bản quốc thiều, có lẽ *Giải Phóng Miền Nam* cũng của Lưu Hữu Phước là bài ca ít được chấp nhận nhất, bởi tính chất hung bạo, dã man, kêu gào hận thù và chém giết. *Tiếng Gọi Công Dân* bị khai tử. Nhưng *Tiến Quân Ca* cũng không còn mang tính chất thiêng liêng, âm hưởng độc lập như những ngày đầu kháng Pháp. Nếu *Giải Phóng Miền Nam* đã được hát trong sợ sệt gần như hãi hùng lúc ban đầu, thì *Tiến Quân*

*Ca* về sau được hát với tâm trạng uể oải, chán chường, nếu không là dửng dưng. Làm sao không dửng dưng, uể oải, chán chường khi mà có người đi học tập, bị đóng chốt đánh tư sản, chờ đợi đi kinh tế mới? Cuộc thống nhất hai miền đã không đem lại gì cho đất nước. *Món nợ Tiến Quân Ca* do đó, chưa bao giờ là món nợ của ba mươi triệu người miền Nam.

Viết "Chúng ta nợ Văn Cao một món nợ tinh thần, là một cách viết áp đặt." Trên con đường đi tìm dân chủ hôm nay, cách viết đó cực kỳ phản dân chủ. Nếu thực sự có một *món nợ*, thì chúng ta nợ *Buồn Tàn Thu, Suối Mơ, Trương Chi, Cung Đàn Xưa*... Nhưng không hề nợ *Tiến Quân Ca*. Nhưng trước nhất, khơi dậy ý niệm *món nợ* là một khơi dậy sai lầm. Nghệ nhân khi đến với cuộc sống, luôn đến bằng tâm tình hiến dâng, trao tặng thân xác lẫn tâm hồn để tạo dựng cái đẹp. Người viết tiểu thuyết, nhạc sĩ, hoạ sĩ, thi sĩ, kẻ điêu khắc, khi tạo dựng tác phẩm chưa khi nào trả giá với cuộc đời, đòi hỏi đền đáp cân xứng. Văn Cao hẳn đến với cuộc đời trong tinh thần ấy. Ông không muốn nợ ai, cũng không muốn ai nợ ông. Giống Trương Chi cất tiếng sáo cao vút giữa nền trời đêm, trên mặt con sông Tiêu Tương lấp lánh ánh sao mờ đã không muốn người đời nhìn thấy chân dung đích thực của mình, chỉ cống hiến giọng hát cùng tiếng sáo cho không gian, để làm đẹp không gian, để cỏ cây, vạn vật thêm rung cảm. Văn Cao giữa hai cõi mộng và thực, giữa *Thiên Thai* và *Tiến Quân Ca* chính là Trương Chi ở nốt nhạc *chiều bơ vơ lúc thu vừa sang*. Một Trương Chi tài hoa, dù không được cuộc đời đền đáp xứng đáng. Trương Chi có thể chết, tự tìm cái chết, nhưng tiếng sáo không bao giờ tắt.

Giống Trương Chi chịu hủy hoại khi va chạm với thực tế, Văn Cao đã mất mát khi bước từ cõi mộng ra cõi thực. Chúng ta không nợ Văn Cao trong cõi thực, nhưng yêu mến, say mê và tôn trọng giấc mộng *Thiên Thai* của Văn Cao ở cõi mơ. Giấc mộng hãy còn ở ngoài tầm tay đất nước.

*Tiến Quân Ca* rồi sẽ mất, nhưng nốt nhạc Trương Chi gieo xuống dòng Tiêu Tương mãi mãi vẫn còn âm vang sóng nước.

TRẦN VŨ
5.10.92

---

(1) Ca khúc *Ca Ngợi Hồ Chủ Tịch*. Tuyển tập nhạc Văn Cao, Nxb Trẻ 1988.



**THÁI BÁ VÂN**

# nghệ thuật sẽ ở lại*



Một đêm mùa Đông, cuối 1975, tại nhà khách tỉnh ủy Hà Bắc, các đại biểu về dự hội nghị Khoa học lịch sử về Hoàng Hoa Thám đã tắt đèn, đi ngủ, chờ mai về sớm. Riêng có phòng chúng tôi, vì lâu ngày Nguyên Hồng không gặp Văn Cao nên vẫn ồn ào, trăm thứ chuyện.

Sáng hôm qua, khi chợt nhận ra nhau ở phòng họp, Nguyên Hồng đã xô đám đông mà lao tới. Anh chào hỏi Văn Cao theo cái cách của mình, *tát* cho một cái, và: "Từ sáng đến giờ được hớp nào chưa mày?" (Rượu). Miệng nói, tay vặn cái nắp bình toong của lính rào rạo, rót ngay ra một chén.

Còn đêm nay là chia tay. Sau này, tôi nói với Văn Cao là tôi đặt cho nó cái tên: đêm thơ tiền chiến. Anh cười. Chắc chắn Nguyên Hồng lại vùng chăn, ngồi dậy, vỗ đùi đen đét, đọc một câu, rồi tự khen lấy khen để thơ "lãng mạn" của mình, hồn nhiên hết sức. Chắc chắn Văn Cao lại đế vào một tiếng, hoặc chữa một chữ, rồi phá lên cười êu êu, và: "Còn hớp nào nữa không ông?". Đôi giày xăng-đá bộ đội, không buộc dây của Nguyên Hồng lại nện xuống sàn cồm cộp. Tôi thì vẫn co ro trong chăn, thò đầu quan sát, đóng vai khán thính giả độc nhất của một diễn đàn thơ.

Có những câu thơ đầu tay của Văn Cao, thuở 17, 18, lần này tôi được nghe là lần thứ nhất. Nó đẹp một nỗi buồn xa vắng:

*... Có ai cưỡi ngựa về Kinh Bắc*
*Tôi gửi lời thư nhắn mẹ già.*
*Cố thét, song lời tôi yếu quá*
*Ngựa đều chân chạy, nhạc càng xa...*
*(Ai Về Kinh Bắc, 1911)*

*... Sông chầm chậm chảy trong mưa,*
*Nghe chừng cô gái đã thưa nhát chèo*

*Mưa trong trăng, tiếng nhỏ đều*
*Bến bờ mịt: mấy mái lều bơ vơ...*
*(Đêm Mưa, 1941)*

Cũng là đêm đó, tôi được nghe hai anh nối nhau nhắc lại đầy đủ bài "Chiếc Xe Xác Qua Phường Dạ Lạc" mà thuở nhỏ tôi đã có dịp đọc một lần trên báo *Tiền Phong*, năm 1945, Văn Cao chính xác, đau đớn:

*Ngã tư nghiêng nghiêng xe xác*
*Bánh nghiến nhựa đang kêu xào xạo*
*Ai vạc xương đổ sọ xuống lòng xe...*

Nghệ thuật là tâm trạng. Và chắc chắn là Văn Cao đã bước vào nghệ thuật bằng cái tâm trạng cô đơn. Tôi không cho rằng với người nghệ sĩ, hởn hở hay ngậm ngùi là điều quan trọng nhất, mà quan trọng hơn là anh đã tìm được lối thoát nào, anh đã nâng xúc động, thẩm mỹ của mình lên mức nào của Đẹp. Chưa hẳn là bởi tài năng tất cả, nhưng Văn Cao đã làm được điều đó. Đã làm được với thơ, không thì nhạc, không thì họa.

Có nhiều người sành, nhận xét rằng trong ba thứ đó, thơ Văn Cao là hay nhất. Tôi không phản đối, nhưng tôi muốn tìm trong chúng một tương quan, và cái gì là chung nhất. Chỉ tiếc rằng thơ anh ít phổ biến quá. Sau bài thơ dài *Cửa Biển* những năm 60, vừa rồi mọi người mới được đọc ba khổ nhỏ "Qui Nhơn" trên báo *Văn Nghệ*. Anh vẫn tỏ ra kiên nhẫn và kiên định trước cái đẹp của mình.

*

Bảo tàng nghệ thuật Việt Nam hết sức quí trọng và tự hào về phòng tranh trước Cách mạng tháng Tám. Ta gặp ở đây nhiều cái tên xuất sắc và nhiều mỹ cảm tinh hoa. Giới mỹ thuật vẫn quen xếp *Cô Gái Bên Hoa Huệ, Cô Gái Với Hoa Sen* v.v... và tác giả Tô Ngọc Vân vào hạng nhất.

Tôi không có gì để nói ngược lại. Nhưng tôi nghĩ tới một tương quan âm nhạc và muốn đề xuất cái đẹp âm thanh của Văn Cao, trong cùng một thời buổi và tâm trạng. *Thiên Thai, Trương Chi, Cung Đàn Xưa, Suối Mơ*, v.v... là cái gì hoàn chỉnh về đường nét và màu sắc, trong trẻo về thể chất, vững chãi về kiến trúc, thuần khiết về ngôn ngữ, đặc biệt về tài năng.

Mọi tác phẩm nghệ thuật, ngoài giá trị về đề tài và phong cách - là cái khẩu vị và lợi ích riêng của một giai đoạn và xã hội nhất định - còn một chỉ tiêu đo đạt chúng, đó là cái tiết hạnh thẩm mỹ, biểu lộ từ kết cấu thể chất của riêng tác phẩm, mà trên đó thấp thoáng một cuộc đời. Đấy là một căn số ở cấp độ trừu tượng để ta giải mọi bài toán về cái đẹp.

Bởi sức đập náo nức tột cùng của trái tim mẫn cảm, và bởi bản chất trong sáng của nghệ thuật, mà chưa bao giờ cái đẹp của Văn Cao rơi xuống chỗ tẻ lạnh, não nùng hay bạc bẽo như ở một số nhạc sĩ tiền chiến khác. Cũng chưa bao giờ bẽ bàng, khóc thương công cộng như một số du ca, tục ca sau này của

Phạm Duy. Dù có buồn cô đơn, Văn Cao trước cách mạng tháng Tám, vẫn thốt lên được những tiếng gọi thiết tha về cuộc sống.

Là người nghệ sĩ mới, tôi thấy Văn Cao đã thấm nhuần cái tri thức cổ điển ngàn xưa của nghệ thuật: sự thanh lọc của tâm hồn. Ta có thể quan sát một giai đoạn đặc biệt của Văn Cao, coi như nối tiếp, hay trái nghịch cũng được. Đó là từ đêm trước Cách mạng tháng Tám - cuộc cách mạng mà bản thân Văn Cao có thẩm quyền gọi nó là "cuộc cách mạng của tôi", cũng như Maiakốpxki trước kia có thẩm quyền với cách mạng tháng Mười - cho tới khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp.

Với âm nhạc, đó là *Tiến Quân Ca, Bắc Sơn, Chiến Sĩ Việt Nam, Công Nhân Việt Nam...* cho đến *Ngày Mùa, Làng Tôi, Tiến Về Hà Nội...* Và ở giữa đó là lênh láng một *Trường Ca Sông Lô.*

Các nhà nghiên cứu âm nhạc sẽ đi sâu vào sự khác nhau của giai điệu môtip và thể tài v.v... Tôi thì cứ lắng nghe một cái gì ngoài những cụ thể đó. Chưa bao giờ tôi nghe hết cái trực tiếp vang ra, chói chang của âm thanh, mà chỉ vô tình hoặc mơ hồ tìm nhận được từng tiếng vọng đầy đủ, qua thời gian, nơi chốn, còn ngân trong hiện tại:

Tôi thuộc nhạc của anh. Ở sân trường tiểu học chúng tôi đã hát:

*... Bắc Sơn, đây hố sâu mồ chôn*
*Rừng núi ngân tiếng hú căm hờn,*
*(Bắc Sơn)*

bâng khuâng trong tiếng vọng núi rừng chiến khu, cũng như sớm nao nao cái hạnh phúc ngây thơ của Lưu Nguyễn xưa quên đường về:

*... Thiên Thai*
*Có một mùa đào dòng ngày tháng chưa tàn phai một lần...*
*(Thiên Thai)*

Ở trường trung học, chính anh đã chỉ cho chúng tôi tha thiết:

*... Cờ pha máu chiến thắng mang hồn nước*
*Đứng đều lên, gông xích ta đập tan*
*(Tiến Quân Ca)*

đã cho chúng tôi nghe rõ tiếng quê hương trong:

*... từng tiếng chuông ban chiều*
*Tiếng chuông nhà thờ rung...*
*(Làng Tôi)*

Dù là lần đầu tiên gặp Văn Cao, ở đâu, bao giờ đi nữa thì đối với tôi chắc không thay đổi được cái cảm giác khi sơ kiến, là bị dòng kỷ niệm chồng chất từ bao giờ ập tới, lay động, day dứt, ngọt ngào. Cái năng lượng khát khao mà ông già này đã bỏ cho cuộc sống và nghệ thuật là nhiều và xuất sắc, nhưng vẫn còn đọng ngầu trong đôi mắt tư lự và cử chỉ nhẹ nhàng. Anh viết đã nhiều, nhưng những gì chưa viết được, chưa làm được, chắc vẫn còn nhiều hơn.

Trường hợp Văn Cao viết *Tiến Quân Ca* như thế nào, chúng ta đều rõ. Nét nhạc đầu tiên anh đã tìm thấy thấy trong "ngọn lửa tím sẫm bập bùng trong những hốc mắt sây hoắm của những bóng người đói khổ trần truồng, loang trên hồ Gươm nước lạnh" (Hồi Ký).

Tôi còn chiêm ngưỡng anh rất nhiều qua *Trường Ca Sông Lô* nữa. Sự vươn lên chính mình, đối với người nghệ sĩ quan trọng bật nhất. Và Văn Cao đã vượt lên chính mình, đến nơi man mác, huy hoàng và thực sự yên bình của cái đẹp.

Khi bước chân anh tới trận địa, thì chiến dịch sông Lô đã kết thúc, chỉ còn những đám tro đang cháy nốt sau một cuộc chiến tàn phá của giặc Pháp, trên xác nhà, xác người, và trên cá...

*Nền khô trơ than xám*
*... Đêm chìm dưới ánh chiều dương...*

anh vẽ lên được một bức tranh bát ngát của

*... Sông Lô sóng ngàn Việt Bắc bãi dài ngô lau núi rừng âm u.*
*Thu du bên sông vàng từng nhà mờ biếc chìm một màu khói thu*

làm sống lại nhiều cảnh tượng khi dập dìu náo nức, khi tưng bừng, buồn nhớ sau một chiến công, để cuối cùng, xa kia, cuộc sống vẫn khoan thai trong bình yên tươi mát.

*... dòng sông Lô trôi*
*mùa xuân tới, nước băng qua ngàn sóng in trên*
*bờ xanh êm bóng tre.*
*Dòng sông Lô trôi...*

30 năm sau chiến thắng, mùa xuân năm 1977, tôi có theo xưởng Mỹ Thuật quân đội trở lại sông Lô, tìm nơi dựng tượng đài kỷ niệm. Đứng trên mõm núi cao nhìn xuống, chúng tôi còn như thực sự được thấy:

*... Trên dòng sông trở về đoàn người*
*reo mừng vui trên sóng nước biếc*
*Trôi đầy sông bao đám xác thù...*

và cả:

*... tiếng trái phá!*

quân thù gục chìm sông Lô...

Chiến tranh đã qua. Nhưng bài hát của Văn Cao còn lại. Một chiến thuật quân sự như đã diễn ra ở sông Lô năm 1947 là quá cũ rồi, không còn dùng được nữa. Nhưng, từ đó mà ra, nét nhạc Văn Cao mãi mãi sống, mãi mãi mới mẻ.

*

Tại Đại hội nhạc sĩ toàn quốc lần thứ ba vừa rồi, Văn Cao ngồi ghế Chủ tịch đoàn và trúng cử vào Ban Chấp Hành, như một viên gạch kỳ cựu, nung

ở độ lửa già, nền âm nhạc Việt Nam.

Nhưng "chưa bao giờ mình là nhạc sĩ cả". Văn Cao đã nói với tôi nhiều lần, trong nhiều năm, như thế.

Anh băn khoăn về hội họa hơn hết. Tất cả những chén rượu nào có thể dẫn tới sự bàn bạc, tranh luận về nghệ thuật giữa Văn Cao và chúng tôi, có thể nói, đều thuộc về hội họa.

Hoàn toàn không phải vì chỉ có hội họa là anh được học ở nhà trường đôi chút. Nó ở chỗ khác. Ở chỗ gặp đương nhiên của một nghệ sĩ thế kỷ chúng ta bị ám ảnh và cầu trợ bất cứ chiếc lưới nào, miễn là có khả năng nối dài cánh tay để dang rộng và vây bắt cho kỳ được con bướm chập chờn của Đẹp, ngày càng khác thường, đổi mới.

Hội họa đã có nhiều vinh dự và thành tựu trong cuộc dẫn đầu các trào lưu cách mạng nghệ thuật trên một trăm năm nay. Ở thế giới đã vậy mà ở Việt Nam cũng đang vậy. Sự giao tế bằng con mắt đã chiếm quá 3/4 mọi tiếp xúc trong đời sống nhân loại rồi.

Văn Cao phải có mặt ở đấy. Nhưng cũng ở đấy, Văn Cao nợ nần nhiều hơn cả.

Trường hợp Văn Cao giác ngộ thẩm mỹ cách mạng trước những khát vọng giải phóng có gì đồng dạng với nhóm siêu thực ở Pháp, giữa những năm 30 thế kỷ này. Cũng như việc Aragon, Eluard... cả Picasso ở Pháp, Văn Cao, Nguyễn Xuân Sanh, Nguyễn Tuân... cả Chế Lan Viên nữa ở ta, vào đảng Cộng sản, là nên được giải thích nhiều bằng nghệ thuật, cái gốc rễ cố hữu của họ, cái tầng kết cấu sâu xa, đau đớn và chân thành nhất của sinh mệnh họ.

Riêng ở Văn Cao, tiếng vọng hoài niệm như một vẻ đẹp của thẩm mỹ siêu thực, theo tôi, là một ẩn hiện di truyền, lác đác, trong cả cuộc đời nghệ sĩ đẹp đẽ của anh.

Hội họa của Văn Cao nghèo nàn hơn, so với nhạc văn thơ về tác phẩm, đó là điều thiệt thòi của anh.

Nhưng cái nhìn hội họa của anh có địa vị dẫn đường và chi phối. Chính Văn Cao và vài ba người nữa, vào những năm 60 đã là một thẩm mỹ mới cho minh họa và đồ họa sách. Những đề xuất của anh về một ngữ pháp mới cho đồ họa, theo tôi, đến nay vẫn còn khả năng khai thác và biến thể một thế hệ ngôn ngữ nữa. Có thể nói Văn Cao đã lập được trường phái minh họa và bìa sách. Nhiều minh họa của anh trên báo *Văn Nghệ* phải gọi là xuất sắc.

Mà trên thơ ca anh, đời sống chữ nghĩa được sử dụng theo qui luật hội họa khá nhiều. Ta dễ dàng nhận ra những sáng tối tương phản, những đậm nhạt thầm lặng, những đường viền nặng nề rồi bỏ quãng trôi chìm vào bóng tối, những chữ sắc nét như dao trổ, những hình tượng đẩy dồn về phía trước, những không gian tượng trưng...

Nếu âm nhạc và thơ ca là một bản thể tươi tốt của anh, thì hội họa là một tri thức sâu sắc. Cách nhìn thế giới của anh nghiêng về hội họa. Là bởi phép

viễn cận của thời đại hội họa là tiềm thức sâu kín của phối cảnh xã hội, nơi Văn Cao tỏ ra nhạy bén về xúc cảm, và tinh tường trong quan sát.

*

Lịch sử và lịch sử nghệ thuật khác nhau ở một điểm là: Lịch sử nghiên cứu và phán xét cái gì đã qua, còn lịch sử nghệ thuật thì nghiên cứu và phán xét cái gì còn lại.

Trên bàn viết lịch sử là những con người, những triều đại, những nền văn minh đã đi. Nhưng trên bàn viết của lịch sử nghệ thuật là một đời sống thẩm mỹ vẫn còn ở lại. Nền văn minh nguyên thủy trồng lúa nước đã qua, nhưng nghệ thuật Đông Sơn thì còn đấy. Chế độ phong kiến đã chết, nhưng tranh Đông Hồ và điêu khắc đình làng vẫn thở.

Đó là cánh cửa thấu thị mở cho các nhà lịch sử nghệ thuật, không phải để nhìn các tác phẩm như người ta nhìn ra hoa cỏ và mộ chí ở nghĩa trang, mà là để vịn vào cái đẹp do con người làm nên, rồi vui vẻ đứng lên bước tiếp vào cuộc sống.

THÁI BÁ VÂN
*(Chân Dung Nghệ Sĩ)*
*Người Hà Nội*, năm thứ 2, số 33

---

* Bài viết là tựa tập nhạc *Thiên Thai* của Văn Cao. Nhan do tòa soạn đặt.





Văn Cao (*ảnh*: National Geographic. *Vol.* 176. *No.* 5 Now., 1989)



**VĂN CAO**

# một vài ý nghĩ về thơ



Một trong những hướng xây dựng nhân văn là đào tạo cho xã hội những người biết khai thác, khám phá, phân tách thực tế và mở đường cho tương lai. Nhà thơ trước hết, muốn làm nhiệm vụ ấy, phải có những đặc tính trên. Chính những đặc tính đó đặt ra vấn đề thành lập cá tính cho một nhà thơ.

Trong lãnh vực văn học nghệ thuật, nếu có một số nguyên tắc để giải quyết những vấn đề căn bản của xã hội loài người thì cũng chỉ là một phương pháp sơ lược dùng để gợi ý cho mọi người phát triển hay sáng tạo. Người ta không thể nào biết rõ và hạn chế được tất cả những sáng kiến, phát minh vì người ta không thể biết rõ và hạn chế hết những nhu cầu của loài người ngày một phức tạp hơn lên. Trái lại, trong cách suy nghĩ khác, nếu có người cho là yêu cầu của loài người sẽ dần dần đơn giản và có thể tiêu khiển được như máy móc, thì người ta sẽ nhờ đến việc đơn giản và bớt đi những phát minh mới mở đường cho văn học và nghệ thuật.

Đến với cuộc đời, nhà thơ không chịu đựng một sự may rủi mà phải chủ động thành lập lên sự thẩm mỹ mới cho người đọc, chủ động xây dựng con người biết tư tưởng cảm xúc và cảm giác tinh tế như mình trong xã hội đương thời và cả xã hội sau này.

Không ai ngăn những nhà thơ lần mò cặm cụi đi theo những lối mòn. Khốn nỗi những người đọc của chúng ta lại cứ muốn tìm trong cái đám đông người một bộ mặt có thể ưa thích được. Họ không muốn nghe lại những ý những lời đã cũ cũng như không muốn mua lại những đồ cũ mà họ đã thải đi từ lâu rồi. Người ta yêu những người cố mở đường mà thất bại, yêu những người biết thất bại mà dám mở đường. Bởi vì, những người đó đã nghĩ đến sự tiến bộ của nghệ thuật.

Cái mới đâu phải là những cái không sẵn có. Sự làm mới lại những cái sẵn có cũng là một phương pháp sáng tạo. Đã hàng thế kỷ, mỗi nhà thơ vẫn hàng ngày vẫy gọi mặt trời đến chiếu vào tâm trạng mình. Thế mà những câu thơ hôm nay về mặt trăng mặt trời vẫn mới mẻ như đêm như ngày qua lại. cái mới trước hết là cái mới trong tư tưởng, trong cảm xúc và trong cảm giác của nhà thơ. Tấm bia trên mồ một người đã khuất có lẽ còn ở lâu trên mặt đất hơn một cuộc đời. Biết bao nhiêu bài thơ mang cái mới nhất thời đã rụng trong khi tác giả của nó còn sống. Nguyễn Du khi sáng tạo cái mới trong thơ còn lo ba trăm năm sau không có người hiểu. Người thành công nhất ngày nay phải lo tới cái thất bại ngày sau và người lo thất bại ngày nay cũng phải lo tới cái thất bại ngày sau. Nếu không có sự lo lắng đó, một nhà thơ không nghĩ tới trách nhiệm của mình khi viết, hoặc chỉ viết cho người bây giờ mà không có trách nhiệm với người sau.

Chúng ta đọc một nhà thơ như đi theo một dòng sông lớn. Dù bắt đầu từ khúc nào, dù ghé vào bến nào, chúng ta đều phải nghĩ là ngược lên nguồn thì đường dài lắm, mà xuôi ra biển thì biển còn xa. Hai điểm đầu và cuối đó đều thấy vô cùng. Ai muốn khám phá xem con đường ngược và đường xuôi như thế nào còn có thể tiếp tục nhau khai thác được nhiều. Cuộc đời và nghệ thuật của nhà thơ phải là những dòng sông lớn càng trôi càng thay đổi, càng trôi càng mở rộng. Mỗi chữ, mỗi câu, mỗi bài thơ mở ra cái quãng ngược, quãng xuôi, những cái không nói tới mà người đọc càng tìm càng thấy mãi. Sự thất bại thường gặp trong một bài thơ là sự khép lại: khép tất cả sự muốn nghĩ và muốn nói. Người ta đã đánh giá sai lầm về trí tuệ của đại chúng. Tôi nghĩ rằng trí tuệ ấy, sẽ phong phú bởi vì nó dần dần được tập trung hết kho tàng của dĩ vãng (trong đó có phần trí tuệ của các nhà thơ).

Có người nói thẳng tới cái vô cùng tận của trời xanh; có người nói cái vô cùng tận của trời xanh qua cái rộng của biển; cũng có người thấy trời xanh vô cùng tận trong bát nước và cũng có người chỉ nói tới một giọt ánh sáng để thấy cái vô cùng tận của trời xanh. Có người phải tìm con đường lớn mới thấy dấu xe mà có người tìm thấy dấu xe trong một hạt bụi. Đấy là những điểm khác nhau giữa những nhà thơ. Sao nghệ thuật không biết tìm ở đấy sự phong phú? Sao người làm thơ không biết tìm riêng lấy một cách thể hiện?

Qua một bài thơ, người ta thấy ngay con người của nhà thơ đang sống thực. Tư tưởng, cảm xúc và cảm giác của nhà thơ phải thể hiện tinh vi. Câu thơ như vào trong óc để gợi sự suy nghĩ, vào trong tình cảm để xúc động và

như vào trong da thịt để khêu gợi! Chỉ riêng cái phần giác quan của nhà thơ cũng nói được cái hướng biểu hiện hoặc thiên về tư tưởng, hoặc thiên về cảm xúc, hoặc thiên về cảm giác. Cái khuynh hướng đó nhiều khi còn là của cả một thời đại, một môn phái hay một triết học. Chúng ta đã qua một thời kỳ dài thiên về cảm xúc và một thời kỳ cảm giác. Cái thời kỳ thiên về tư tưởng có phải đang bắt đầu không? Người làm thơ biết thành lập cho mình một cá tính trong suy nghĩ, trong tình cảm, trong cảm giác những điều mới lạ bao nhiêu là làm phong phú thêm cho người đọc về mặt tư tưởng, cảm xúc hay cảm giác. Người đọc bị cuốn sau cùng vào cái khuynh hướng của nhà thơ. Trong đời sống của chúng ta hiện nay có biết bao nhiêu người đã chịu ảnh hưởng trực tiếp của các tác phẩm văn học và nghệ thuật và cũng có biết bao nhiêu sự biến đổi xã hội gây ra do cách đặt vấn đề của những tác phẩm này.

Người làm thơ phải đi tìm những tư tưởng, cảm xúc và cảm giác trên kia trong thực tế ở những con người đang hàng ngày túi bụi xây dựng. Càng tới gần cái cuộc sống đầy mâu thuẩn đấu tranh là càng nhnư đi gần lại một kho thuốc nổ. Có người dao động và sợ hãi quay lưng lại. Có người vụng về mà làm nổ. Nhưng cũng có người cam đảm biết làm nổ ra để mở đường.

Hôm nay, con đường lớn nhất của chúng ta là mở cho tất cả những giấc mơ những khát vọng thuộc về sự sáng tạo của con người tự do phát triển bay đi xe mật về ổ. Mở cho những giấc mơ những khát vọng tự do phát triển bao nhiêu là tập trung tất cả giấc mơ và khát vọng của con người làm thành một mũi nhọn kéo lê đi phía sau cái thực tế chậm chạp.

12.7.1957

VĂN CAO



**VĂNCAO**

# chiếc xe xác qua phường dạ lạc

*Ngã tư nghiêng nghiêng đốm lửa*
*Chập chờn ảo hóa tà ma*
*Đôi dãy hồng lâu cửa mở phấn sa*
*Rũ rượi tóc những hình hài địa ngục*
*Lạch ngắt tiếng ca nhi phách giục*
*Tình tang... Não nuột khóc tàn sương*
*Áo thế hoa rũ rượi lượn đêm trường*
*Từng mỹ thể rạc hơi đèn phù thế*
*Bóng tối âm thầm rụng xuống chân cây...*
*Tiếng xe ma chở vội một đêm gầy*
*xác trụy lạc rũ bên thềm lá phủ*
*Ai hát khúc thanh xuân hờ ơi phấn nữ*
*Thanh xuân hờ thanh xuân*
*Bước gần ta chút nữa thêm gần*
*Khoảng giữa tuổi thanh xuân nghe loạn trùng hút tủy*
*Ai hủy đời trên tang trống nhỉ?*
*Hay ác thần gõ quách nạo mồ khuya!*
*Đảo điên... mê say... Thể phách chia lìa*
*Nghe gieo mạnh, chuỗi tiền cười lạnh lẽo!*
*Tiền rơi! Tiền rơi! Chùm sao huyền diệu*
*Lấp lánh hằng hà gạo rơi! Tiền rơi!*
*Ta lả nhìn cửa sổ mắt mờ rồi*
*Vàng mấy lá thừa đãi thây phủ chiếu.*

*Ngã tư nghiêng nghiêng chia nẻo*
*Dặt dìu cung bậc âm dương*
*Tàn xuân nhễ nhại mưa cô tịch*
*Đầm đìa rả rích phương Đông*

*Mang mang thở dài hồn đất trích*
*Lưới thép trùng trùng khép cố đô*
*Cửa ô đau khổ*
*Bốn ngả âm u*
*Nhà ta thuê mái gục tự mùa thu*
*Gác cô độc hướng về phường Dạ Lạc*
*Đêm đêm, đài canh tan tác*
*Bốn vực nhạc động, vẫy người*
*Dãy đèn chao thấp đỏ quạnh máu đời*
*Ta về gác gió cài then cửa cũ*
*Trên đường tối đêm khỏa thân khiêu vũ*
*Kèn nhịp xa điệu múa vô luân*
*Run rẩy giao duyên khối nhạc trầm trầm*
*Hun hút gió nâng cầm ca nặng nhọc*
*Kiếp người tang tóc*
*Loạn lạc đòi nơi xương chất lên xương*
*Một nửa kêu than, ma đói sa trường*
*Còn một nửa lang thang tìm khoái lạc.*

*Ngã tư nghiêng nghiêng xe xác*
*Đi vào ngõ khói Công yên*
*Thấy bâng khuâng lối cỏ u huyền*
*Hương nha phiến chập chờn mộng ảo*
*Bánh nghiến nhựa đang kêu sào sạo*
*- Ai vạc xương đổ sọ xuống lòng xe*
*Chiếc quỷ xa qua bốn ngả ê chề*
*Chở vạn kiếp đi hoang ra khỏi vực*
*Mưa, mưa hằng thao thức*
*Trong phố lội đìu hiu*
*Mưa, mưa tràn trên vực*
*Trong tối gục tiêu điều*
*Mang linh hồn cô liêu*
*Tiếng xe càng ám ảnh*
*Tiếng xe dần xa lánh*
*Khi gà đầu ô kêu.*
1945.



# đường rừng

*Nếu không có đường mòn*
*Ai biết mà tìm nhau*
*Người đi đâu về đâu*
*Nhìn chòm sao bắc đẩu*
*Những người lạc rừng sâu*
*Tìm về theo giọng suối*
*Ánh lửa và cây cối*
*Che chở những con người*
*Chỉ từ những đường mòn*
*Rừng mở ra vạn lối*
5,2,1975

# có lúc

*Có lúc*
*một mình một dao giữa rừng đêm không sợ hổ*
*Có lúc*
*ban ngày nghe lá rụng sao hoảng hốt*
*Có lúc*
*nước mắt không thể chảy ra ngoài được.*
1,1963

# giấc mơ

*Dưới mái nhà*
*Một người đang ngủ*
*Với giấc mơ của những vì sao*
*Những vì sao đang kể chuyện*
*Giấc mơ của mái nhà*
*Giấc mơ của một người đang ngủ*
5,1,1972



# với nguyễn huy tưởng

*Người ta đã mang lại hàng ngày*
*Những bông hoa tươi nhất*
*Để cho màu sắc và hương thơm*
*Ngan ngát tiếng giấc ngủ của anh*
*Cho tôi khi anh ngủ*
*Mơ giấc mơ lạ nhất*
*Trên giường hoa tất cả*
*Hoa ở cuộc đời sẽ đắp lên anh*

*Một cuộc chuẩn bị dài cho một người đi*
*Tiếng kêu rầm rì ngày ngày trong thành phố*
*Cái chết*
*Như một người vẫn bức tường nặng nhọc*
*Phân cách chúng tôi với anh*
*Nhưng dù trong lòng đất*
*Vẫn dập lên từ bên kia bí mật*
*Tiếng đập thật sự một quả tim*
*Tronmg thế giới không tiếng động*
*Ngày ngày anh viết lên Hà Nội*

*Tôi nhớ những ngón tay anh*
*Đang nhặt một hạt cát*
*Sờ soạng từng căn nhà*
*Từng con người anh biết*
*Chắt chiu lại cho tác phẩm cuối cùng*
*chưa viết hết.*

*Hằng ngày hằng ngày*
*Đếm từng ngày nặng nhọc*
*Không cướp lại được kho tàng đang rơi*
*Và anh thành vô hạn*

*Cái bức tường lê từng bước một*

*Đến gần chân chúng tôi hàng ngày*
*Chúng tôi nhìn chậm chạp*
*Chậm chạp một cái chết*
*Thời gian đang héo*
*Thời gian đang rụng*
*Tắt thật nhanh một cái chớp mắt*

*Bức tường vẫn lê từng bước một*
*Cho đến khi tất cả kêu lên*
*Họ sợ hãi bức tường kia tiến lại*
*Chúng ta đều sợ một cái gì nhanh quá*
*Chúng ta muốn kéo dài tất cả*
*Kéo một giây thành một tháng một năm*
*Nhưng thời gian đi nhanh hơn ước muốn*

*Những giọt mực của anh*
*chấm vào những năm chiến đấu*
*Nhỏ từng giọt máu*
*Trĩu vai anh bao nhiêu tích sử*
*Nặng lắm giọt máu tươi*
*Anh viết về trẻ nhỏ*
*cũng nặng giọt máu tươi*
*Những trang anh hùng ca nổi tiếng*
*Và dòng máu nơi anh*
*những giọt mực cạn dần*

*Tôi vẫn thấy sau chén trà nhỏ*
*Một khoảng trống thẳm sâu*
*Không phải cái chết của nhân vật*
*Trong tiểu thuyết*
*Không phải cái chết của một cuộc thí nghiệm*
*Không phải cái chết của một trận đánh thí quân*
*Cái chết của anh cái chết của một nhà văn*
*Không bao giờ là cái chết.*
6,8 - 18,8, 1960



# tuổi già đến

*Tôi đã thấy tuổi già đến với tôi*
*Những bước chân xuống thang*
*Những tính toán hàng ngày*
*Và tất cả phong cảnh đất đai xa lạ*
*Không còn hiệu lực kêu gọi tôi*
*Vũ trụ thu dần vào một gian phòng nhỏ*
*Một chậu cá một màu xanh nghỉ ngơi nhè nhẹ*
*Tôi không muốn nói to không muốn người nói lớn*
*Không còn một chiều thứ bảy một sáng chủ nhật*
*Không chọn một màu áo không chải một nếp tóc*
*Tất cả sự sống bên ngoài của bao tuổi trẻ*
*Chỉ vang lên nhè nhẹ dĩ vãng trong lòng tôi*
*Và hiện tại của các anh các chị*
*Chỉ là dĩ vãng của tôi*
*Chỉ khi nơi đây bóng cây bóng lá hôm nay*
*Tôi đã nằm im trên cỏ với người yêu*
*Cũng như các anh hôm nay trên cỏ ấy*
*Một mùi thơm giữ trong mái tóc*
*Dĩ vãng giữ trong tôi như một mùi cỏ*
*Thơm ủ trong tóc người yêu.*
19,5,1957

# những bó hoa

*Những bó hoa tươi mang tới*
*chúc tụng*
*Thành công một con người*
*Hằng ngày hằng ngày*
*Xây thành cái mồ chôn*
*Con người thành công ấy*
*Người ta đôi khi bị giết*
*bằng những bó hoa*
17,3,1974



## sự sống thật

*Tôi không được làm trái đầu mùa*
*Những trái cây*
*cao giá*
*Tôi,*
*Một trái cây muộn*
*còn sót lại cành*
*Vị cuối cùng*
*Mùa cuối cùng*
*Rớt xuống...*

*Mới thật hiểu*
*Sự sống thật của mình.*
17,7,1970

## thời gian

*Thời gian qua kẽ tay*
*Làm khô những chiếc lá*
*Kỷ niệm trong tôi*
*Rơi*
*như tiếng sỏi*
*trong lòng giếng cạn*
*Riêng những câu thơ*
*còn xanh*
*Riêng những bài hát*
*còn xanh*
*Và đôi mắt em*
*Như hai giếng nước*
Xuân Đinh mão 2,1987



# khuôn mặt em

*Giữa những ngày dằng dặc*
*Chỉ còn khuôn mặt em*
*Sáng trong và bình lặng*

*Dù hai đứa chúng ta*
*Chưa lúc nào sung sướng*
*Những ngày đau khổ ấy*
*Khuôn mặt em*
*Như mảnh trăng những đêm rừng cháy*

*Trên đường đi*
*Anh đặt em trên đồng cỏ*
*Thấy em đẹp mãi màu xanh cỏ dại*

*Trên đường đi*
*Anh đặt em trên dốc núi*
*Để tìm lại những đường mềm của núi*

*Trên đường đi*
*Khuôn mặt em làm giếng*
*Để anh tìm làm đáy ngọc châu*

*Ôi khuôn mặt sáng trong và bình lặng*
*Tôi được đầu tiên và còn lại cuối cùng.*
1974



# qui nhơn 1

*Một nửa hình con trai*
*ngày*
*lấp lánh sắc cầu vồng*
*một nửa hình mặt trăng*
*đêm*
*nằm nghiêng trên cát biển*

*Qui Nhơn chúng ta*
*Vài dây buồm nhỏ*
*Vài con đường phố nhỏ*
*Vài ngôi nhà nho nhỏ*
*Vẫn ngày đêm lấp lánh*
*mang vết thương xưa*
*ngày đêm làm ngọc*
*Chưa về được Qui Nhơn*
*mà nhớ em*
*khuôn mặt càng hiền dịu*
*càng lấp lánh*
*lấp lánh*
31,3,1985

# qui nhơn 2

*Tôi đã đến đây*
*Không phải Qui Nhơn*
*Chỉ một thành phố lạ*
*Biển đưa về vài chùm chim yến*
*nắng làm khô những lá dừa non*

*Không phải Qui Nhơn đẹp*
*các nhà thơ tôi đọc*
*Bích Khê, Hàn Mặc Tử, Yến Lan, Xuân Diệu*
*ôi Qui Nhơn hằng mơ*

*Khuôn mặt những con thuyền cá*
*những người dân lầm lũi*
*sau chiến tranh*
*những người lái xe*
*những xóm mọc bên đường*

*Chào mẹ*
*các mẹ già lặng im*
*chào các em*
*các em nhỏ lặng im*
*chào đường phố*
*những đường phố lặng im*
*lầm lì*
*những vết thương xưa chưa xóa hết*
*xây tất cả những tượng đất cao tưởng nhớ*

*một thành phố lạ*
*tôi đến đây làm gì*
*những chùm chim yến lại bay về đảo*

*bỗng một ngày bà mẹ Qui Nhơn*
*nói với tôi một lời*
*một tiếng*
*à con!*
10,4,1985



# qui nhơn 3

*Từ trời xanh*
*rơi*
*vài giọt tháp Chàm*
*quanh Qui Nhơn*
*tôi như đứa nhỏ yêu huyền thoại*

*từ núi xuống*
*từ biển vào*
*từ cánh đồng mọc lên*
*con trai*
*con gái*

*Nghĩa Bình*
*một lưỡi mác*
*vẳng tiếng trống Quang Trung*
*xác xe tăng bên đường Mười chín*
*mọc những làng dừa*

*Mẹ ơi muối đâu Sa Huỳnh*
*phải mồ hôi làm nước biển*
*mẹ ơi đường ngọt từ đâu*
*phải mồ hôi đọng*
*mẹ ơi các con từ đâu*
*phải từ sữa mẹ*
*mẹ ơi Qui Nhơn từ đâu?*
*mảnh trời chim yến*
*mẹ ơi Nghĩa Bình từ đâu*
*phải từ máu thắm*

*Không*
*đất này mọc lên*
*nước mắt!...*
15,4,1985
VĂN CAO



TẠ DUY ANH

# dịch quỷ sứ

Một hôm viên chánh án của tòa án nọ nhận được lá đơn kiện kỳ lạ chưa từng có. Để độc giả đỡ sốt ruột, người kể xin miễn miêu tả nét mặt viên chánh án khi đọc lá đơn. Nội dung lá đơn như sau:

"Kính gởi tòa án Nhân dân!
Tên tôi là Bùi Bằng Hữu
Nghề cũ: Thư ký cho ông Bùi N. (viên chánh án gạch dít chữ nghề cũ).
Thành phần giai cấp: kẻ thù của bóc lột.

Tôi khẩn thiết yêu cầu quý tòa giải quyết cho tôi một việc, nếu không thì vì lý do đó tôi vô cùng căn ghét chính bản thân tôi (viên chánh án gạch đít cả câu). Nguyên sự việc thế này. Trước đây tôi làm thư ký cho ông Bùi N, một nhân viên nổi tiếng ở huyện C, người tình tuyệt vời của bà A-Q (tôi xin mở dấu ngoặc, A-Q của cụ Lỗ Tấn là đàn ông). Ở với ông Bùi N vài năm tôi thấy rõ mình có triệu chứng của bệnh câm. Cần phải nói rõ rằng tôi luôn luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ vượt cả lên trên vai trò của thư ký. Trong lý lịch của tôi do đích thân ông Bùi ghi, là những dòng sáng choang về năng lực, nhân cách. Nghĩa là tôi được giáo dục rất tốt những phẩm chất tối ưu của một người luôn luôn phải biết thủ trưởng của mình cần gì. Giữa lúc tôi đang nổi tiếng thì tôi thấy có triệu chứng của bệnh câm. Lúc đầu tôi chỉ thấy yết hầu to dần ra, lưỡi tuồng như đầy cả khoang miệng. Cho đến ngày kia tôi không còn tự đánh lừa tôi được nữa. Bệnh câm - kẻ thù của những cái miệng nói hay - đã đẩy tôi vào một tình thế tuyệt vọng (ở đây xin hiểu khái niệm câm rộng rãi hơn, bởi vì đúng ra tôi vẫn nói được, nhưng loài người thông thường không hiểu tôi nói gì!). Nhờ ơn ông Bùi N, tôi được chuyển đến những bệnh viện mà dân thường thì đừng hòng được vào (mặc dù có cảm tưởng ai cũng vào được). Nhưng ngay cả các bác sĩ, những chuyên gia nổi tiếng nhất cũng đành lắc đầu trước bệnh tình của tôi. Cuối cùng một ông già dạy thú - kẻ phải chịu trách nhiệm trước luật pháp bởi những lời tố cáo này, kẻ không bằng cấp, chuyên nghề dạy thú... đã tự nguyện đem tôi về chạy chữa. Kết quả là lão gàn dở suốt đời mơ ước truyền lòng yêu thương cho hổ, báo... lại chữa khỏi cho tôi. Nhưng từ khi tôi nói được trở lại, tôi chẳng biết mình đang nói những gì. Ngôn ngữ loài người đã tiến quá xa trong thời gian

tôi lâm bệnh. Càng ngày tôi càng căm ghét chính tôi. Tất cả đều do lão già tai ác kia. Xin luật pháp bắt lão trả lại tôi cái quyền được câm và trừng trị nghiêm khắc kẻ đã xúc phạm đến nhân phẩm người khác".

Bên dưới lá đơn có dòng ghi địa chỉ của ông già dạy thú.

Ngày hôm đó, một cuộc họp bất thường của ba ngành: Tòa án, viện kiểm sát và phòng công an được triệu tập. Chưa bao giờ có cuộc họp nào vô tư đến thế. Chủ tọa thả mặc cho các thành viên thoải mái tranh luận. Cuối cùng biên bản ghi dòng kết luận: "Đây là loại vụ việc phức tạp không chỉ đơn thuần về mặt hình sự. Gạt đi những tình tiết kỳ lạ, có thể dự đoán một âm mưu nguy hiểm của (gã) dạy thú kia với đồng loại. Biến một người từ câm thành biết nói và vì điều đó anh ta có ý định tự tử, về mặt tính chất cũng giống như kẻ gieo rắc bệnh nghiện ma túy. Một tiểu ban những người am hiểu tội phạm được thành lập. Tiểu ban này có nhiệm vụ nghiên cứu để gọi thật đúng tên tội phạm. Tuy nhiên theo luật qui định, trong trường hợp xúc phạm nhân cách nhau, bị can sẽ được miễn tố nếu người bị xúc phạm tự động rút đơn.

**Lời khai của nguyên đơn**

Anh ta dong dỏng cao, mặt mũi nhợt nhạt, thiếu đường nét có thể đâm thủng những tâm hồn dễ xúc động nhất bằng ấn tượng. Anh ta rất sợ tiếng động, tâm thần dễ hoảng loạn. Bệnh nghề nghiệp còn in đậm trên cơ thể anh ta ở dáng đi hơi khom về phía trước. Vừa trông thấy con chó Nhật, anh ta liền bị dị ứng mạnh đến nỗi miệng méo đi. Tuy vậy vẫn có thể nhận ra chút sức mạnh của quyền lực còn sót lại chứng tỏ một thời anh ta từng là nỗi khiếp sợ của nhiều người.

- Anh Hữu, anh có tỉnh táo không?
- Tôi hoàn toàn tỉnh táo. Xin cho bắt đầu ngay.
- Chúng tôi đã đọc rất kỹ đơn của anh. Trước hết xin hỏi, anh viết đơn có bị một áp lực nào không?
- Hoàn toàn do tôi ý thức được quyền lợi công dân của mình.
- Điều đó... rất tốt. Luật pháp có bổn phận làm sáng tỏ mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của công dân. Ở đây quyền được câm của anh bị xúc phạm, trái với ý muốn của anh, đúng thế không?
- Đúng thế!
- Và anh kiên quyết đòi cho được điều ấy?
- Đúng thế!
- Tại sao anh lại không thích được nói như mọi người?
- Bởi vì lão già dạy thú nham hiểm đã chỉ cho tôi những ngôn ngữ thuộc loại sơ khai mà không dạy tôi những ngôn ngữ hiện đại. Thế thì thà cứ để tôi câm còn hơn.

- Thôi được rồi, xin anh kể về sơ lược bản thân.
- Vâng! - Thưa ông - tôi xuất thân từ con nhà tử tế. Bố tôi tham gia cách mạng rồi hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ. Được hưởng tiêu chuẩn con liệt sĩ, tôi tiến thân khá dễ dàng. Tôi học hết phổ thông rồi qua đại học không mấy khó khăn...
- Xin lỗi, anh có thể giải thích kỹ hơn, tại sao anh học đại học không mấy khó khăn?
- Đơn giản thôi. Nếu do tôi học kém, mà ông thầy nào đó bảo tôi học kém, rèn luyện kém... lập tức sẽ bị gán cho tội không quan tâm đến con liệt sĩ. Chuyện đó đầy rẫy không chỉ trong các nhà trường. Vì vậy bất luận thế nào tôi vẫn phải là người tốt.
- Ở trường đại học anh học ngành nào?
- Ngành ngoại giao.
- Hiểu rồi. Anh tiếp đi!
- Tôi đang nói ở đoạn nào nhỉ? À, sau khi tốt nghiệp đại học tôi được tự đi liên hệ công tác. Ông Bùi N lúc đó vừa nhận chức bí thư huyện, sau khi cấp trên xét thấy trưởng phòng công an không thuộc sở trường của ông, ông cũng thuộc diện được "hất lên".
- Xin lỗi được ngắt lời - cán bộ xét hỏi cau mặt - Anh có ý thức được điều anh nói không?
- Tôi có cần phải nhắc lại tôi hoàn toàn tỉnh táo không đấy.
- Vậy anh nghe đây, vu khống người khác là phạm điều 117 luật hình sự.
- Nhưng tôi vu khống ai mới được chứ?
- Anh vừa nói ông N thuộc diện "hất lên", phải chăng anh muốn hàm ý người không có năng lực ở cấp thấp, lại nhảy tót lên cấp cao hơn là điều trái với lẽ thông thường ở chế độ ta? Anh không thấy chính anh vu khống ông N hoặc cao hơn là vu khống thể chế đó sao?
- Ồ, tôi tưởng đã ở cương vị anh thì không nên lạ chuyện đó. Tôi có thể kể cho anh nghe từ sáng đến tối về số người được "hất lên" trong đó có tôi. Nhờ đó mà tôi và anh có biết bao nhiêu ông thủ trưởng để tha hồ làm gì thì làm. Tôi thấy thương hại anh đấy!
Người đại diện cho công lý đỏ mặt.
- Được, tạm gạt sang bên vấn đề còn phải tranh luận. Anh trở lại việc chính đi. Đến đoạn ông Bùi N bị "hất lên"...
- Vâng, cầu trời cho ông ấy "bị" hất lên lần nữa để về hưu là vừa. Lúc ấy, ông Bùi N đang ra tay điều hành cổ xe cả huyện. Vụ tai tiếng giữa ông trưởng phòng công an với trưởng ban nữ công huyện, bà A-Q, còn đang rùm beng. Có khối kẻ muốn nhân việc ấy lật đổ ông Bùi N. Vì vậy hàng ngày ông đích thân la cà đến gần quần chúng để nghe ngóng. Một bận thấy tôi lơ vơ ở cổng huyện, ông Bùi N vẫy tay lại hỏi: "Anh công tác ở đâu?". Tôi nói rõ hiện tình của tôi cho ông ấy nghe. Ông Bùi N lại hỏi tôi: "Anh ở giữa quần chúng anh thấy người ta nói gì về tôi?". "Thưa, có cả khen lẫn chê". "Ừ, đã là lãnh đạo

thì làm sao toàn bích được. Anh thấy người ta khen sao, chê sao?". "Họ chê ông bí thư huyện ăn mặc quá tuềnh toàng; họ chê ông bí thư huyện không chịu để mắt đến cái xe đạp từ thời Pháp; họ chê ông bí thư quá nghiêm khắc với đám giúp việc; họ chê ông bí thư chẳng đoái gì đến chị với các cháu, chỉ cứ lo toàn chuyện thiên hạ; họ chê ông bí thư mỗi lần về xã cứ lôi hết cái yếu kém của họ đặt lên bàn...". "Thôi được rồi, còn khen sao?". "Dạ thưa họ khen ít lắm, không bằng nửa phần lời chê. Họ bảo ông bí thư huyện chỉ được "mỗi" cái thương dân, quên cả thương mình. Họ chỉ khen thế thôi ạ!"

Nghe tôi nói, ông Bùi N nghiêm nét mặt "tôi coi anh như người đại diện cho một bộ phận dư luận rất lớn nên tôi thành thật nhận những lời chê bai của bà con và hứa sẽ khắc phục dần. Anh có ý định ở lại huyện không? Anh cần phải giúp tôi nghe được tiếng nói từ quần chúng."

Thế là tôi bước vào phòng làm việc của ông Bùi N trong muôn vàn ánh mắt thán phục và tức tối. Tôi trở thành người có đầy quyền lực. Tôi là cái gạch nối giữa ông Bùi N với quần chúng bên dưới. Ngay 6 tháng đầu, tôi đã giúp ông Bùi N "làm sạch" gần 10 đối tượng có quan điểm lệch lạc về ông Bùi N. "Anh xem, so với 15 vạn dân cả huyện thì số đó quá nhỏ nhưng tác hại thì lớn không biết nhường nào" - Ông Bùi N luôn nhắc điều đó. Tuy thế cũng có lần suýt nữa tôi tự giết tôi. Ấy là lần tôi tò mò muốn biết mặt bà A-Q. Bà A-Q hóa ra còn rất... lẳng lơ. Chồng bà, thấy bảo ghen lắm, luôn sai đứa con đang học lớp 8, bám chặt lấy mẹ. Tuy nhiên trẻ con làm sao đủ tế nhị để cư xử trở lại trong trường hợp chính nó thấy có người thay vào vị trí chỉ có bố nó được phép. Thế là thằng bé kêu toáng lên. Không ai dại hơn tôi khi từ trong nhà lao bổ ra để suýt nữa chạm trán với thủ trưởng khét tiếng nghiêm khắc của tôi. May mà sau đó gặp ông, tôi lại nhanh trí hỏi ngay:

- Chẳng biết chị A-Q đi thanh tra trường hợp ông D đã về chưa mà để thằng bé sợ chuột hét toáng lên.

- Cậu vừa sang bên ấy à?

- Em còn thời gian nào mà ngẩng mặt lên chứ nói gì chuyện ra khỏi phòng.

- À, mà trường hợp anh cu D này - ông Bùi N nổi tiếng diễn xuất - đến đâu rồi?

- Theo báo cáo của chị A-Q thì anh D là đại úy về hưu tự động lấn ruộng công cấy lúa cho gia đình mình.

- Muốn làm địa chủ hay sao? Cậu thay tôi chỉ thị trở lại giữ nguyên quyết định kỷ luật.

-Ngộ nhỡ anh ta lên tỉnh, lên báo Quân Đội thì sao?

- Lên báo Quân Đội hả! Cố đừng dính với báo chí. Còn lên tỉnh... bà A-Q sẽ lo. Giá trước còn cụ Thụy thì tỉnh là huyện mà huyện cũng là tỉnh.

Tôi vờ úp tay lên mặt, nấc lên...

- Cậu sao thế?

- Thủ trưởng nhắc đến cụ Thụy làm em thương cụ quá. Cụ vì em mà phải

đi gặp Diêm Vương sớm hơn kỳ hạn. Chả hiểu Diêm Vương có hoạch họe cụ không?

- Cậu đa cảm quá. Cụ Thụy công đức thật nhưng cụ thế cũng đầy thuyền mãn quả. Vấn đề là lo cho người sống đây này - Ông Bùi N giao cho tôi một tập báo cáo kêu như chuông bạc từ hơn ba chục xã, yêu cầu tôi tổng hợp, điều chỉnh để ông sẽ báo cáo lên tỉnh. Tôi có đầy đủ kinh nghiệm để làm việc này. Có những đoạn báo cáo rất hay nhưng không dùng được vì nó thông tin những vấn đề nhỏ nhặt. Ngược lại đôi khi chỉ một câu làm như người ta viết vô tình mà khiến cấp trên phải hiểu đến những kết quả to lớn khác do cơ sở làm được. Ví dụ báo cáo về đời sống cứ việc tha hồ tràng giang đại hải hàng lô cái mà người ta biết thừa, để gây ấn tượng trung thực. Thiếu ăn, hạn hán, sâu bệnh thì ở đâu chẳng có. Tội ấy của trời nên chẳng ai việc gì. Nhưng một dòng "vấn đề an ninh chưa tốt lắm, trong năm còn xảy ra một vụ cháy nhà và nhiều vụ xích mích". Cấp trên sẽ phải hiểu, so với hiện trạng chung, con số ấy là lý tưởng với một nền an ninh của cái huyện bán sơn địa. Cụ Thụy chết vì một lần đọc bản báo cáo do tôi viết. Hôm ấy cụ Thụy từ tỉnh về kiểm tra vấn đề khiếu tố của dân. Cụ già lọm khọm, đi lại khá vất vả. Tuy ở tỉnh cụ chỉ là nhân viên giúp việc, nhưng ở cơ sở cụ lại rất nổi tiếng, trước hết ở những lời tuyên bố đổi mới. Cụ đổi mới dữ lắm. Mọi người yêu cầu cụ về hưu nhưng cụ nằng nặc đòi ở lại để... đổi mới. Nghe bảo có một tay bộ đội đi khiếu nại cho bố, bị cụ dạng háng ra tru tréo cho một hồi: "Bố mày đồ cổ thì chết là đáng số". Cái thằng thanh niên lấc xấc, ít được giáo dục theo các tiêu chuẩn nhà trường khi dám bảo rằng "ông là lão quan hoạn Hoàng Hạo đời Tam Quốc" (cái thằng ấy mà cũng thuộc điển cố đáo để). Hôm về huyện, việc đầu tiên là cụ đòi xem huyện đổi mới đến đâu. Chính cụ tận tay bưng bát tiết canh đánh với sụn nướng cho lão ăn mày cứ thấy huyện có khách là mò đến. Giọng cụ ứa nước mắt mọi người: "Tôi là đầy tớ của dân, được dân nuôi béo để phục vụ dân được nhiều mà thôi". Lão ăn mày thấm cái ơn ấy đến nỗi nghẹn không nuốt được. Thế rồi chẳng hiểu quỷ thần nào đưa đường khiến cụ Thụy đòi xem báo cáo của huyện. Hỡi ôi, tôi có ngờ đâu thành kẻ giết người từ đấy! Bởi vì mới đọc được hai phần ba bản báo cáo do tôi viết thì cụ Thụy lẩy bẩy chân tay và kịp than lên: "Trời đã sinh ra Thụy lại còn sinh ra Hữu!" Rồi cụ tịch!

Tất nhiên không ai ghép tôi tội giết người. Nhưng giá con người đừng có tí ti lương tâm nào sẽ đỡ khổ khi làm những việc như vậy. Đằng này tôi sinh ra đã là con người, vì vậy tôi cũng có cái tí ti lương tâm đủ phân biệt với loài cầm thú. Tôi bắt đầu sống với những giấc mơ đẫm máu. Có đêm một đôi vợ chồng trẻ dắt nhau đến đòi nhà tôi. Tôi chỉ sang phòng ông Bùi N nhưng họ nhất định không đi. Có hôm cả một lũ trẻ con ghẻ lở, đen đủi đến đòi tôi trả cơm cho chúng. Tôi chỉ sang phòng ông Bùi nhưng chúng nhất định xông vào cấu xé tôi. Lại có hôm tôi thấy bốn, năm tên tù lù lù bước vào phòng đòi công lý. Tôi chỉ sang phòng ông Bùi N nhưng họ đồng thanh thét lên: "Vì cái

*tuyệt vời* vì cái *công bằng* của mày mà chúng ông mục xương trong tù. Trời thì cao chúng ông kêu làm sao được". Sau những lần sống với ác mộng, sáng ra tôi lại thấy yết hầu to ra một tí. Dần dần tôi mất khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ bình dân ngoài mấy cặp từ "liêm khiết" và "tốt nhất", "nhân đạo"... đã in thành rãnh vào trí não tôi. Và thưa ông, cái kết cục bi thảm đã đến, tôi câm hoàn toàn. Nhưng kỳ lạ làm sao, từ khi tôi chỉ ú ớ trong cổ họng, tôi thấy lương tâm đỡ bị cấu xé hơn. Tôi thấy thanh thản hơn khi tôi chỉ "cảm" mà không phải diễn lại điều đó, bằng thứ ngôn ngữ trái ngược. Nhưng cuộc đời đâu có hiểu cho điều đó. Tôi bị đem đi khắp nơi, chịu mọi thí nghiệm, luyện khí công, thậm chí bị đánh vì mục đích nhân đạo đến tơi bời... cho đến khi lão già nham hiểm kia, chẳng hiểu sao lại biết được cách chữa tôi khỏi câm. Nhưng lão ta chỉ chữa sao cho tôi nói được rồi bỏ mặc tôi. Làm sao tôi sống nổi khi lão già làm mất hẳn ở tôi cái đường mòn trước đây, trong khi đó xã hội của chúng ta bị dị ứng bởi những lời nói không theo một lối mòn nào đó...

**Lời khai của ông già dạy thú.**

Ông già khoảng sáu mươi tuổi, thân hình tao thoát. Ông có khuôn mặt của một triết gia cổ La Mã với bộ tóc trắng như mây và cặp mắt thấu suốt vũ trụ. Ông đi lại nhanh nhẹn, sẵn sàng chế riễu tất cả bằng sự linh hoạt có một không hai của khả năng dùng từ chính xác.

- Ông có biết ông bị đưa đến đây vì việc gì không?
- Thưa ông, điều đó còn phụ thuộc vào tính sáng suốt của công lý.
- Đừng có lập lờ. Tên?
- Ông Văn Thiệp.
- Nghề nghiệp?
- Truyền nhân tính cho loài thú.
- Ông nói gì? Có phải ông muốn nói ông là nhân viên dạy thú?
- Vâng, chỉ là hai cách gọi khác nhau.
- Ông dạy được bao nhiêu con thú?
- Một trăm con cộng một.
- Nghĩa là 101 con. Khả năng cảm biết của những con thú do ông dạy?
- Điều đó còn tùy thuộc từng con. Có con thông minh thì biểu lộ thái độ coi thường con người. Con nào chậm phát triển thì biết tỏ ra ân hận khi phạm lỗi.
- Ông dạy thú vì mục đích gì?
- Để con người đỡ cô đơn.
- Ông có thể nói chi tiết trường hợp con thú 101 của ông được chứ?
- Thưa ông, trước hết ông phải tuyệt đối tin tôi, bởi sự kỳ lạ của những điều rất khó tin. Tựa như nói thật ở thời buổi này dễ làm người ta phì cười.
- Tôi chỉ tin vào công lý.
- Vâng, thưa ông, tôi theo nghề dạy thú vì một câu chuyện hoàn toàn ngẫu

nhiên. Một bận có cậu bé dắt theo một con chó ra đường, cậu bé vừa đi vừa trao đổi với con chó như người lớn ta vẫn trao đổi với nhau. Nghĩa là họ rất tri âm. Chợt ở giữa đám đông cậu bé nhìn thấy gã thanh niên đeo kính trắng, người ra vẻ thư sinh đang lén rút ví của một bà ăn mặc cũng rất sang trọng. Cậu bé vội kêu to khiến đám đông nhốn nháo cả lên. Ngay lập tức người ta thấy gã kính trắng túm chặt cổ áo cậu bé, vừa mắng té tát, vừa đấm đá vô hồi kỳ trận vào người cậu.

- Đồ ăn cắp! Ông đánh cho mày chừa cái thói tắt mắt.

Đám đông (ôi cái đám đông!) xúm vào, không nếp tẻ gì cũng té tát mắng cậu bé và nguyền rủa kẻ vô phúc đã đẻ ra cậu. Bà già có chiếc ví bị móc còn đòi xé xác chấm muối vị công dân trung thực của chúng ta. Bà ta túm tóc cậu, dí vào cái nơi theo ý bà ta cậu bé từ đó mà ra, ngụ rằng đẻ ra những thằng ăn cắp cho thêm rát! Chỉ duy nhất có con chó là biểu lộ tình cảm ái ngại với ông chủ bị oan ức. Nó không hiểu những hành động của loài người diễn ra trước mặt nó. Cậu bé biết mình không đủ sức thanh minh, bèn cúi xuống nói với con chó:

- Giá mày cũng biết nói thì tao đâu đến nổi khổ!

Lập tức con chó thay đổi thái độ. Nó cứ ngờ loài người quá thừa thông minh để cư xử công bằng, cần gì đến nó. Lập tức nó hiểu rằng nó đang giữ vai trò người làm chứng. Lương tâm nó đòi nó không được để xảy ra cảnh bất công như vậy. Nhanh như cắt, con chó lao thẳng vào gã đeo kính, ngoạm chặt lấy cổ tay anh ta. Ông có biết điều gì xảy ra không? Từ lòng bàn tay anh chàng kia tuột ra một dụng cụ hành nghề chỉ bọn ăn cắp chuyên nghiệp mới có và mới thủ trong lòng tay khéo như vậy.

Tôi đã chứng kiến cảnh đó và thuộc về đám đông mù quáng kia... Tôi theo nghề dạy thú từ đấy. Tôi dạy đủ loại. Ở đâu có thú dữ là tôi đến. Rồi một hôm tôi nhận được thông báo có một bệnh nhân kỳ lạ mất khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ. Nếu chỉ có thế tôi sẽ coi như một trường hợp câm thông thường. Đằng này bên dưới thông báo có mấy dòng chú thích: chưa xác định được chủng loại người. Có thể do ai đó thích đùa ghi thêm vào. Nhưng dòng chú thích ấy khiến tôi phải tìm đến anh bệnh nhân câm kia.

Không, anh ta thuộc hệ người thông minh, tức là người cùng thời với chúng ta. Sau khi nghiên cứu bệnh án, hồ sơ cá nhân, tôi đã biết ngay điều đó. Sở dĩ các nhà khoa học bó tay vì họ chưa được thấy những thực tế của cuộc đời chúng ta. Ở đây hoàn cảnh đã làm biến đổi những đặc tính sinh học, điều chỉ xảy ra ở Châu Phi hai, ba triệu năm trước đây. Điều mấu chốt của tôi là phát hiện ra bệnh nhân đã từng làm thư ký dài ngày cho ông N.

- Ông có thể giải thích kỹ hơn - viên chánh án xen vào.

- Vâng, đơn giản thôi. Trước hết cần phải sơ qua về cuộc đời ông N. Ông N xuất thân từ anh phó cối. Nghề nghiệp đã dạy ông ta phép ăn gian nói dối từ hồi còn trẻ. Rồi anh trúng "số đỏ" bằng hàng loạt nấc thang: chân chạy loong toong, phụ trách nhà khách, tiếp phẩm, cán bộ văn hóa, thư ký văn

phòng... Ở nấc thang nào anh ta cũng nổi tiếng quyền biến. Đến khi anh ta nhảy lên làm trưởng phòng công an huyện thì phép quyền biến được hun nóng thêm bằng tham vọng quyền lực. Anh ta loại bỏ đối thủ, đẩy vào tù... những nhân vật biết rõ về anh ta. Trong lĩnh vực danh vọng, ông N là kẻ ăn cắp có nghề.

Phát hiện đó của tôi quan trọng như Ác-si-mét phát hiện ra định luật về sức đẩy của nước. Các nhà khoa học, vì quá trung thành với nguyên tắc nên đều phạm sai lầm. Nhà sử học thì chúi mũi đi tìm một loạt người tương tự như anh chàng câm kia trong các pho sách cổ. Họ đều nhất trí chưa có thời nào tồn tại một đơn vị sinh vật như thế, kể các thần và quỷ sứ trên núi Ô-lem-pơ. Từ Va- ti-căng, Giáo Hoàng cũng huy động các tiến sĩ thần học nổi tiếng để tìm xem Chúa có bỏ quên con chiên nào chưa hoàn thiện trên trần gian?

Cuối cùng họ kết luận: nếu đấy không phải Giêsu hiện hình, không phải thiên sứ nhà trời, không phải quỷ sứ dưới địa ngục thì chỉ có thể là một sản phẩm thí nghiệm Chúa sáng tạo lần đầu, nghĩa là rất mới đấy thôi. Lại có người đưa ra phán đoán có thể một hóa thạch cổ nào đó tự dưng sống lại? Vậy thì tốt nhất là mời các nhà nhân chủng học đến. Các nhà cổ sinh vật học cũng lập tức có mặt. Sau khi đo kích cỡ xương hàm, mặt, chiều cao cơ thể, đặc biệt là ở bộ phận sinh dục, kết hợp với phương pháp thử huyết tương, các nhà khoa học thuộc hai bộ môn này nhất trí ghi vào hồ sơ kết luận:

*Bùi Bằng Hữu*
*Da vàng*
*Mũi tẹt*
*Thuộc hệ Homo Sapiens*

Nhưng tất cả số họ đều chỉ dám phán đoán Homo sapiens này mắc một loại bệnh chưa từng gặp, tạm gọi là bệnh "phòng thí nghiệm".

Lúc đó tôi cũng có mặt tại đó và như đã nói, tôi phát hiện ra điều kỳ diệu kia. Việc đầu tiên tôi đòi ngay được có tập hồ sơ của bệnh nhân. Sau biết bao thủ tục, cuối cùng tôi cũng đạt được ý muốn. Đây là loại hồ sơ màu đỏ, bìa bọc giấy bóng cứng, được lưu trữ khá cẩn thận trong các cơ quan bảo vệ tuyệt vời của chúng ta.

Nhưng sự việc mới chỉ bắt đầu. Vấn đề là làm thế nào hiểu được phản ứng của Homo. Khi thấy hai người đàn ông vác dao xông vào nhau, tự nhiên Homo hớn hở như dược của! Thấy đám ăn mày nhếch nhác, anh ta bập bẹ thốt lên "tuyệt vời"! Như vậy, do sự đào luyện của môi trường, Homo này đã thay đổi cơ chế phản ứng, nghĩa là trái ngược hoàn toàn với những biểu hiện tâm lý thông thường. Tôi bám chắc vào kết luận này và tuyên bố sẽ chữa khỏi cho bệnh nhân.

- Xin phép ngắt lời - người đại diện cho luật pháp công lý và lẽ công bằng xen vào - Nghĩa là những gì ông Bằng Hữu tố cáo ông đều có thật?

- Vâng, tôi xác nhận.

- Thế là đã rõ. Ông sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự về việc này.

- Sao cơ? - Ông già dạy thú ngạc nhiên - Sao cơ? Tôi phải chịu trách nhiệm hình sự trong khi hàng chục tờ báo nước ngoài mời tôi viết bài. A ha! Đất nước chúng ta thật tuyệt vời!

- Ông lầm rồi. Có thể hàng chục tờ báo nước ngoài mời ông viết bài, nhưng trong lĩnh vực nhân quyền ông đã vi phạm. Ông đã gây cho người khác cái điều cá nhân ông ta không muốn.

- Nhưng tôi nhân danh khoa học và con người - Ông già dạy thú kêu lên.

- Đấy là những khái niệm trừu tượng. Cũng giống như ông nhân danh Chúa thôi. Ông phải nhân danh một cái gì cụ thể hơn còn có cơ bào chữa được. Ông khai tiếp đi.

- Tôi còn gì để khai?

- Chả nhẽ cứ thế mà ông Hữu nói được trở lại?

- À vâng! Thật là một tai nạn với tôi, cả lúc ấy và bây giờ. Hôm đầu tôi nhốt chung Homo vào với bầy thú đã có trí khôn...

- Thêm một vi phạm về nhân quyền và cả đạo đức nữa mà ông không thể chối cãi được. Tiếp đi!

- Sở dĩ tôi làm thế vì tôi trung thành với kết luận quan trọng kia. Nghĩa là Homo cần phải được dạy lại những khái niệm chính xác đơn giản nhất. Lúc đầu bị sư tử tát, Homo phản ứng như tiếp nhận một điều tuyệt vời. Nhưng cứ bị cào cho xước mặt thì là *tự nhiên* là *đau*; phải vục mặt xuống ăn máng Homo kêu *nhục*, tôi hoàn toàn tin rằng phán đoán và phương pháp chữa của tôi là đúng. Ở đây có sự liên hệ rất lý thú. Con người ta cũng thế, khi anh ta cố tình gọi sai tên sự vật, hiện tượng, lập tức cơ chế sinh học thay đổi và về mặt nào đó anh ta bị tước mất tư cách sinh vật người. Vấn đề còn lại khá đơn giản. Chỉ việc đặt anh vào vị trí của đứa trẻ mới tập nói. Tức là buộc phải giết chết *ba mươi năm làm người* của anh ta. Theo hướng đó, mỗi ngày tôi dạy anh ta dăm ba từ. Kết quả thế nào thì các ông đã biết. Ông Hữu đã nói lại được để viết đơn kiện tôi.

Hồ sơ vụ án không có mâu thuẫn giữa các bên đối kháng.

**Chúc thư của ông già dạy thú**

"Kính thưa đồng loại của tôi.

Ngày mai tôi phải ra tòa vì tội cứu một đồng loại của chúng ta khỏi lạc sang thế giới loài thú, ngoài ý muốn của ông ta. Căn bệnh của ông ta rất đơn giản: nói dối thành đường mòn trong não. Phản ứng sinh học tiếp theo là yết hầu sưng to. Điều này đúng như dân gian thường nói, "nói dối sưng hầu sưng cổ". Bởi vì dân gian ở thời nào cũng đầy trí tuệ, sự sáng suốt. Bài thuốc của tôi cũng cực kỳ đơn giản: phải bằng mọi cách xóa đi đường mòn tai hại ấy. Như vậy sẽ có người tồn tại hàng hơn nửa thế kỷ nhưng không sống thực sự mấy ngày. Tôi tạm gọi đây là một loại bệnh National. Di hại của nó là sự tiêu diệt tận gốc, có khi hàng thế hệ, tư cách tồn tại của mình và sẽ cho ra đời

hàng loạt quái thai"

Ông già đặt bút xuống, im lặng ngồi suy ngẫm. Có nên nói ra hết không nhỉ? Ở tuổi của ta, sống chết không còn là vấn đề khủng khiếp nữa. Chỉ mong sau khi nằm xuống ta được yên giấc. Tự dưng ông già thấy buồn khôn tả. Mắt ông thấu vào cõi vô biên như đang tìm một điều gì vốn có sẵn từ vĩnh hằng. Lẽ nào mơ ước một đời của ta chỉ là điên rồ? Ông thương lớp con cháu thảm hại, sẽ còn lang thang chán mới tìm được tư cách tồn tại của mình. Chỉ cốt sao chúng đừng đào mả ta, bắn vào bộ xương khô là được. Nghĩ thế ông viết tiếp:

"Dù thế nào, nếu một lần chết vì *con người* - thì hãy thanh thản mà chết."

... Thưa độc giả ngàn lần kính trọng bởi vì các vị thuộc về dân gian! Để chép lại được câu chuyện này, tôi cũng đánh vật với một số khái niệm tưởng chưa hề xuất hiện hóa ra đã có từ thời thượng cổ. Chính tôi cũng ít nhiều mắc cái bệnh khủng khiếp kia. Chỉ xin thông báo ngắn gọn: ông già dạy thú không phải ra tòa. Đúng ra ông được thả ngay khi phiên tòa chưa kịp mở vì một lý do rất đơn giản: có quá nhiều người mắc cái bệnh cầu ông chữa, tới mức người ta nghĩ đến một nạn dịch.

*Hà Nội 1. 1990*
TẠ DUY ANH
*(Trong nước)*



**LƯU HY LẠC**

# ngày, đêm

*Ngày đi vàng đóa nhân duyên*
*Ngón tay phơi, rách, đợi liền mảng da*
*Ngày đi ngày một, một xa*
*Nụ hôn rát bỏng ngoài tà huy trôi*
*Hằn nguyên dấu mớm trên môi*
*Ngày đi, ử nhỉ, ngày rời rã đi...*

*... Ngày đi tiếng mở dị kỳ*
*Nhánh cây khô, gẫy, in tì vết đau*
*Đêm đi khua mái, lao xao*
*Nắm cơn lưa vội bật trào, vỡ, tan*
*Đêm đi, dài chốn nhân gian*
*Tiếng dơi kêu, rớt, nỗi bàng hoàng, tôi*
LƯU HY LẠC



ĐỖ KH.

# shijuku oản tù tì blues

Oản tù tì
Ra cái gì
Ra cái này
Ra cái kéo
Ra cái búa
Ra tờ giấy

*Naomi*
*Hai mươi tuổi*
*82 - 62 - 83*
*1 thước 59 và 42 ký*
*Nhảy*
*Nhảy*
*Nhảy*
*Thua này cởi áo*
*Thua này cởi váy*
*Thua nữa này cởi nịt vú*
*Sú chiêng coóc sê*
*Quần lót*
*Trần sì*

*Hì hì*

*Bỏ một trăm yên vào trong máy*
*Bỏ một trăm yên vào trong khe*
*Khò khè*
*Mà lựa*
*Kotoko*
*Yoko*
*Yasuko*
*Một trăm yên một cô*
*Bỏ một trăm yên*
*Vô*

oản tù tì
Ra cái gì...
*Mười tám*
*mười chín*
*hai mươi mốt tuổi*
*1 thước 65*
*1 thước 52*
*1thước 55*
*Vòng ngực* Ôi
*Vòng eo* Ôi
*Và vòng mông*
*Nhạc tưng tưng*
*Chúm chím cười*
*Nàng lắc lưng tưng*

Oản tù tì
*Một trăm yên một ván*
*Buổi trưa ôm*
*màn ảnh truyền hình ve vãn*
*Ở phố Shijuku*
... cái kéo
... cái búa
... tờ giấy
*Cái áo*
*Vớ đùi* (Ôi)
*Và cái váy*
*Những đàn bà trò chơi điện tử*
*Blues*

ĐỖ KH.



VŨ QUỲNH N.H.

# apocalypse now

Tháng bảy nóng nực nhiều muỗi, có những cơn mưa xối xuống đầu bất chợt. Ngoài đường tối đen, bóng tối phủ trùm trên khu phố sầm uất thiếu tiện nghi. Hầu hết dân buôn thúng bán bưng đều trông cậy vào những ánh đèn hiu hắt từ những quán cà phê rọi ra để dùng làm phương tiện kiếm sống. Những cô gái đủ mọi lớp tuổi đang ngồi chụm ba chụm năm trên những chiếc ghế bố được kê sát tường trước cửa những quán cà phê và beer ôm, phe phẩy quạt để đuổi đàn muỗi đói bu quanh và cơn oi bức của trận mưa vừa để lại. Tiếng nhạc Rolling Stone với giọng ca Mick Jagger gào thét từ trong cái quán nhỏ vọng ra, làm những người bộ hành qua lại cũng phải tò mò nhìn vô. Bảng quảng cáo màu đen với hàng chữ *Apocalypse Now* được chiếu sáng bởi dàn đèn néon gắn chung quanh chớp màu đỏ rực không ngừng. Gã bồi rượu cỡ trên hai mươi tuổi đang đứng sau quầy bận bịu pha nước uống cho khách trong quán. Cái quạt trần quay chậm chạp không đủ thổi tan làn khói thuốc đang ứ đọng trên không. Ba bức tường được phết vôi đen làm thiên hạ có cảm giác đang đứng trong một khu nhà bị cháy. Tấm poster quảng cáo bộ phim *Apocalypse Now* trong đó có hình tài tử Marlon Brando và Martin Sheen đóng từ năm 1979 không biết ai tìm được mang đến treo trên tường. Đối diện bên kia tường là một tấm bảng dán đầy những mẩu giấy nhắn nhủ của người từ phương xa để lại cho nhau đọc. "Cần người đi cùng ra Củ Chi", "Hẹn gặp nhau ở Charlie" hay "Có ai muốn đi thăm đường mòn Hồ Chí Minh, xin liên lạc gấp ở số 000", những địa danh chiến tranh mà đứa như tôi nghe như chuyện cổ tích, và chưa bao giờ có cơ hội đặt chân đến. Cộng thêm là những tấm hình màu của khách từ phương xa viếng thăm quán này chụp chung với chủ quán và anh bồi rượu, từ cái máy ảnh cũ rích được treo trên tường ngay đằng sau quầy rượu như một vật tang chứng.

Ở trong quán nhìn ra ngoài đường tối đen như mực. Bàn bên cạnh một gã ngoại quốc đang thò tay bóp vú người con gái ngồi chung, khiến nàng cười rú lên. Con bé cỡ 16, 17 tuổi đâu đó, nhưng mặt mày diêm dúa phấn son. Tiếng Anh câu được câu không.

- Buy beer, drinh O.K.?

Tôi cau mày. Con bé còn trẻ quá, cái áo chemise lụa thêu hoa made in

Hongkong mỏng manh còn độ vài ba nút khuy, cố níu kéo lại cặp vú đang sắp sửa chồm ra ngoài bởi cử chỉ thô bạo của gã đàn ông, làm tôi thấy bực mình. Tôi hất mặt quay qua nói.

- Ê, đây không phải quán beer ôm. Muốn sờ mó gì thì dắt nhau vào khách sạn.

Gã ngoại quốc rụt tay về. Mặt hắn đỏ gấc vì cơn nóng mùa hè, vì men say hay vì cơn dâm đang bốc cao trong người, tôi không cần biết đến. Bản chất phụ nữ trong tôi không cho phép mình ngồi yên để nhìn cảnh khó chịu vừa xảy ra. Gã ngoại quốc trừng mắt với tôi như một con rắn đang thôi miên con mồi. Bỗng nhiên hắn đưa tay lên nắm tóc đứa con gái, kéo đầu cô ta xuống. Tay kia hắn tháo gỡ nút quần, mắt hắn vẫn không rời mắt tôi. Đứa con gái vùng vẫy dưới sức đè ép của gã đàn ông. Miệng cô ta bị nghẹt nên những tiếng ú ớ từ cổ họng không đủ sức để cho thiên hạ thấy sự phản kháng do hành động cưỡng bách đang xẩy ra. Tôi vẫn ngồi nhìn gã đàn ông không chớp mắt. Đưa tay mồi lấy điếu thuốc cho cơn giận lắng xuống. Tôi phì phèo thổi từng ngụm khói một thành những vòng tròn ứ đọng trong cái không khí ngột ngạt này, và liên tưởng đến những kẻ đã đến đây, đã qua lại, đã khạc nhổ bừa bãi bao nhiêu đờm dải vướng mắc trong cổ họng, xuống cái mảnh đất từng tự hào có một nền văn hóa ngót trên dưới bốn ngàn năm. Gã đàn ông bỗng nhiên lôi đứa con gái lên. Đầu tóc cô nàng rối bù lòa xòa rớt xuống mặt, miệng đầy nước miếng nước dải chảy quanh hai bên mép, chạy dài xuống cổ, loang lổ trước ngực áo. Gã đàn ông đưa tay cài lại khuy quần. Hắn móc túi lôi ra một xấp tiền giấy nhét vào tay đứa con gái. Mặt cô nàng tươi hẳn lên, hình như chuyện xẩy ra vừa rồi, đối với cô ta, chỉ là một cơn mê không cần phải nghĩ đến. Họ ôm nhau như những cặp tình nhân, rời khỏi quán. Không ai chú ý đến hoạt cảnh vừa rồi. Mọi chuyện vẫn bình thường và tiếng nhạc vẫn lấn áp cái không khí ồn ào chung quanh. Tôi giơ tay lên vẫy gã bồi rượu.

- Cho thêm ly nữa. Tôi đưa cái ly thủy tinh lên trước mặt.

Gã bồi rượu gật gù mang đến cho tôi ly vodka trong suốt. Tôi mồi điếu thuốc, hộp thuốc "Craven A" với hàng chữ in SXTVN nhỏ như con kiến nằm e thẹn tận đáy hộp. Cũng nhờ hàng chữ bé tí teo đó mà tôi không phải tốn tiền nhiều như những loại thuốc nhập cảng khác mà giới chơi bời hay hút cho lấy oai.

Một gã ngoại quốc từ ngoài mới bước vô, hắn cỡ trên 40 nhưng trông có vẻ trẻ hơn tuổi, thân người không bệ vệ với đống mỡ thừa trước bụng như đa số dân ngoại quốc có mặt chung quanh đây. Hắn tần ngần đứng tìm kiếm. Thấy tôi, hắn cười có vẻ thân thiện. Tôi lịch sự cười lại, đang cố moi trong trí nhớ xemcó gặp tên này ở nơi nào không. Tên da trắng nào nhìn một hồi cũng giống nhau, chả biết họ thuộc nước nào. Hắn bước đến chỗ tôi, ngồi xuống. Đưa tay sờ đùi tôi, miệng hỏi nhỏ.

- Bao nhiêu. Tiếng Việt của hắn vẫn còn ngượng nghịu,thiếu dấu.

Trong đầu tôi bỗng nhiên nẩy sinh một ý nghĩ rất kỳ quái, như một đứa

trẻ không có sự hiện diện của người lớn chung quanh, muốn làm gì thì làm. Nhữngtập tục phong kiến, những luật lệ khắt khe của xã hội để lại mà tôi moi móc được trong trí nhớ hình như không còn ảnh hưởng gì đến hiện tại. Tôi không còn là một đứa bé nữa, và nơi đây bất quá cũng chỉ là nơi dừng bước của khách bộ hành đang trong cơn mệt cần một nơi để nghỉ ngơi. Một nơi tạm bợ không cần phải nhớ đến tên hay địa điểm. Bàn tay hắn vẫn để yên. Tôi trườn người về phía trước.

- Có bao nhiêu trong túi mà đòi hỏi? Tôi nói, mặt tôi gần đụng vào mặt hắn. Tôi có thể nghe thấy hơi thở không đều, gấp rút của gã đàn ông. Mặt hắn ngố ra. Hôm tôi bước xuống phi trường với đám người lạ bu quanh dành giựt, những người tôi không hề quen biết chị chị em em một cách thân thiện khiến tôi bối rối, mặt tôi chắc cũng ngố tên đàn ông lạ hoắc bây giờ. Thằng đàn ông nào mặt ngu trông cũng tội nghiệp và người đàn bà nào có nét thơ ngây cũng đều quyến rũ. Hắn rụt tay lại, không phải ngạc nhiên vì lối trả giá của một con điếm, mà có lẽ do thứ tiếng Anh tôi đang dùng. Ở đây anh đạp xích-lô, đứa bé bán vé số còn bập bẹ vài ba câu tiếng Anh để câu khách ngoại quốc, thì những người da trắng như hắn dù là ở nước nào đi chăng nữa cũng biết sơ qua tiếng nói thế giới này, và dĩ nhiên hắn đủ kinh nghiệm để biết tôi không phải người bản xứ. Nét ngại ngùng của hắn làm tôi cụt hứng, như một câu đố bị kẻ khác đoán được. Hắn trố mắt nhìn tôi rồi vội đứng bật dậy.

- Ồ, tôi xin lỗi. Miệng hắn ấp úng như một kẻ phạm tội. Hắn lặp lại.

- Xin lỗi. Tại chung quanh đây toàn là ... . Hắn quay đầu nhìn chung quanh. Một lũ con gái đang bám cổ tụi đàn ông ngồi uống rượu. Lâu lâu họ lại ghì nhau xuống hôn.

-Không sao, cũng dễ hiểu. Tôi nhún vai nói.

Nhìn bề ngoài làm sao ai đoán được bên trong. Bước xuống phi trường đã là một con người khác. Đi đứng, ăn mặc cũng chẳng thế nào giống được phần đông thiên hạ. Đa số con gái trong này đều làm nghề bán thân để sống và tên ngoại quốc nào vô đây cũng đều có tiền để mua vui. Chẳng cần phải điều tra lý lịch hồ sơ hay hỏi thăm cho tốn thời giờ.

- Tao có thể ngồi đây được chứ? Hắn xin phép.

- Cứ việc tự tiện. Đây là xứ tự do mà. Tôi nhún vai trả lời. Hắn cười theo câu bông đùa của tôi.

- Mày về đây chơi lâu không?

- Mới được hai ngày.

- Ở đây bao lâu?

- Có lẽ một tuần.

- Ít quá vậy? Hắn ngạc nhiên.

- Còn phải về đi làm chứ!

Hắn cười.

- Thế mày không có họ hàng bên này sao? Thiên hạ về đây, nhiều người ở lâu lắm.

- Họ hàng gần thì không nhưng muốn tìm bà con xa thì thế nào chẳng có.
- Mày uống gì vậy? Hắn chỉ tay vô ly nước trước bàn đã cạn từ lúc nào.
- Vodka. Tao chỉ có đủ tiền để uống thứ này thôi.
Hắn gật gù.
- Ở đây mà uống vodka chính hiệu Nga Sô thì số một. Vừa rẻ lại vừa ngon. Hắn quay qua tự gọi cho mình một ly và đồng thời mời tôi ly nữa.
- Mày người Việt Nam?
- Dĩ nhiên. Nhưng sống bên Mỹ. Tôi trả lời không có ý chế giễu.
- À! Hắn cười. Mày ở tiểu bang nào?
- Nước Mỹ có tới năm mươi tiểu bang, tao không quen biết gì mày, kể lể gia cảnh chi cho mệt phải không? Đâu phải trò tìm bạn bốn phương mà phải cần biết đến chiều cao chiều ngắn, vòng ngực vòng mông, hay nghề ngổng, gia phả? Tên tao là Mỹ, đọc là Mai theo giọng Mỹ, dịch qua tiếng Anh thì là "America". Tôi giơ tay ra bắt làm quen.
- Được, vậy tên tao là Sean, còn những thứ khác ném nó đi. Hắn cười, nhân tiện bật diêmmồi thuốc cho tôi.
Tiếng nhạc thay đổi từ thập niên 70 qua đến thập niên 90. Madonna đang rên rỉ bản "Like a Virgin" chẳng hợp gì với khung cảnh hiện tại. Nơi đây cái gì lạ thì mới hay. Chỉ toàn là những thứ phô trương giả tạo. Như một bức tranhsặc sỡ màu mè nhưng không nói lên được ý nghĩa của nó. Quán đã bắt đầu nhộn nhịp người ra vô, thiên hạ sau khi ăn cơm chiều bắt đầu đi tìm những thú vui lạ. Có một đám người Úc từ ngoài bước vào đang được các cô từ những quán beer ôm gần bên chiếu cố. Bọn con gái bu quanh dành giựt những con mồi, lũ đàn ông được thể sờ soạng. Sean có vẻ mắc cỡ trước lối thô bỉ tục tằn của lũ đàn ông trước mặt. Có nhiềungười tò mò nhìn về phía tôi. Tôi thấy đỡ bực mình hơn lúc mới bước chân vào quán. Dẫu sao cũng là một cái nghề để kiếm sống. Ai hơn ai, ở xã hội nghèo đói này. Anh đạp xích lô hồi xưa là con ông đại tá ngụy, ông ăn mày cụt chân là thương phế binh đã có một thời lẫy lừng ngoài chiến trường, thì những cô gái kia, nếu có là đĩ âu cũng chẳng lấy gì làm lạ.
- Tụi Úc về đây chơi nhiều quá phải không? Sean hỏi tôi.
- Ừ, bên Mỹ người về đa số là Việt kiều. Mày là người Mỹ đầu tiên mà tao gặp. Về tìm lại hình ảnh cũ hả?
- Tao lên Pleiku, đi Đà nẵng, đâu đâu cũng thấy những dấu vết chiến tranh còn để lại. Tao nhớ vài thằng bạn đã bỏ xác nơi đây, tao đứng đó khóc sướt mướt. Một ông già đi ngang qua tưởng tao khùng nên trố mắt ra nhìn. Mày thấy có buồn cười không? Nước mày không phải là quê hương của tao, vậy mà tao vẫn thấy nó gần gũi hơn bất cứ đâu.
- Tao thì ngược lại, đi từ lúc nhỏ cho nên về đây không có một chút kỷ niệm nào. Thấy cũng như bất cứ nước nào, chỉ trừ tiếng nói. Đôi khi tiếng Việt của tao cũng là dấutích của sự xa lạ đó. Người ta có câu càng học hỏi ở nước ngoài bao nhiêu thì lại càng dễ quay về nguồn. Chắc có lẽ tao đang

trong trạng thái đó. Thế thì đó là đều đáng vui hay đáng buồn?

- Đó là một hạnh phúc. Tao sống ở quê hương tao mà có bao giờ tao cảm thấy gần gũi đâu?

- Vậy thì mình uống cho điều vui đó. Tôi đưa ly lên cụng.

Có một con chim sẻ từ ngoài bay vô làm thiên hạ nhốn nháo cả lên. Tôi ngẩng đầu nhìn trần nhà . Ở những góc tường mạng nhện phủ bám lâu năm không người quét dọn, cũng như những tòa biệt thự rêu phong xanh rì của vùng nhiệt giới sau bao nhiêu nắng mưa không ai buồn để ý tới. Người ta chỉ sửa sang khi nào được một dịch vụ để làm ăn có mang lợi tức về. Con chim sẻ vẫn bay lượn quanh phòng cố tìm một lối thoát. Gã chủ quán bắt ghế cầm chổi đuổi con chim ra ngoài. Thiên hạ bất ngờ tìm được thú tiêu khiển, hò hét cổ võ anh chủ quán đang rượt đuổi con vật hoảng hốt lao phóng kinh hoàng. Tiếng vỗ tay. Con chim bị cánh quạt máy trên trần cuốn quay, lông lá rơi lả tả. Những giọt máu bắn tung tóe xống mặt bàn, nhỏ cả vào cái ly tôi đang cầm, đổi màu rượu trong vắt thành màu hồng nhạt. Một con vật nhỏ hơn bàn tay sao máu nhiều quá.. Anh chủ quán cúi gập người xuống trước tràng pháo tay của bọn con gái chung quanh rồi cầm xác con vật ném ra ngoài cửa. Hết. Màn tiêu khiển có vẻ dã man, hình như vẫn xảy ra ở bất cứ nơi nào trên phần đất này, dưới mọi hình thức, đến độ tôi có cảm tưởng cũng chỉ là chuyện bình thường. Bình thường như những cái ngáp dài chán chường, mệt mỏi. Cũng thế, sáng nay tôi chứng kiến một tai nạn xảy ra trên đường phố. Trời mưa. Một ông ăn mày tình cờ thấy một người ngoại quốc đi ngang qua, từ vỉa hè bên này, ông vội vàng băng qua đường không kịp ngó trước ngó sau. Tiếng xe rít mạnh, trượt về phía trước một đoạn xa, để lại một đống thịt nằm bất động giữa mặt lộ loáng nước. Thiên hạ bu chen, những đứa bé đứng chỉ chỏ, người ngoại quốc nâng máy ảnh lên chụp một cảnh lạ hiếm hoi, chưa từng chứng kiến bao giờ. Tiếng bàn tán, hò hét, còi huýt của công an. Mưa vẫn rơi liên miên không ngừng và thiên hạ vẫn bu quanh cái xác khiến giao thông ứ đọng. Nước mưa xối lên quần áo tử thi, chảy xuống, hòa vào vũng máu, trôi dài xuống cống. Không còi hụ xe cứu thương, không trực thăng lượn vòng, không có một dân nhà báo nào lăng xăng thu hình, để tối nay còn được xem trong vô tuyến truyền hình vào giờ ăn cơm. Chỉ có một tấm chiếu cũ, rách tơi tả được phủ lên xác chết . Hết. Và chán chường, và mệt mỏi, như một cái ngáp dài.

- Mày muốn ly khác không? Sean chỉ tay vào ly rượu tôi đang cầm.

Tôi rùng mình làm ly nước rớt xuống mặt bàn. Gã bồi rượu vội vã chạy lại lau. Hắn mang đến cho chúng tôi thêm hai ly nữa. Tôi đưa lên uống cạn một hơi. Sean nhìn tôi cười.

- Chỉ một con chim mà mày đã sợ. Hồi xưa tao đã chứng kiến bao nhiêu cảnh giết nhau. Người chết như cơm ăn hàng ngày, nhìn riết quen, chứ lúc đầu cũng sợ không thua gì mày bây giờ. Có lẽ vậy mà tao không thể nào quên được cái nước nhỏ bé này.

- Tao không thích nhìn thấy máu. Tôi cầm tờ giấy lót ly lên lau những vết máu còn sót lại trên bàn mà gã bồi rượu chưa lau hết. Những vết máu bây giờ đã là những chấm đen khô, lốm đốm.

Có lẽ phải có máu hay nước mắt mới có kỷ niệm. Tôi bỏ đi từ lúc nhỏ, đến như giọt máu đàn bà cũng chưa có , nên vì vậy đối với tôi đất nước này vẫn là xa lạ. Máu một con chim hay máu một ông ăn mày có đủ làm tôi thấy gần gũi hơn không? Tôi không biết. Tuy nhiên những hình ảnh tôi đã và đang chứng kiến thì có lẽ sẽ mãi mãi không xóa đi được. Dù là người Việt Nam, dù đang ở ngay trung tâm thành phố Sài Gòn, nhưng tôi vẫn thích lang thang đến *Apocalypse Now* để có được cảm giác gần gũi với người ngoại quốc. Tôi thấy buồn cười, không kèm nổi tôi bật cười thành tiếng. Sean ngạc nhiên hỏi.

- Mày cười cái gì vậy?

- Nếu mày làm tình với một người không quen biết, mày có nhớ nhung người đó không?

- Nếu tao yêu...

- Không, tao vừa nói mày không quen biết kia mà. Nghĩa là không có vấn đề tình yêu. Chỉ tình dục thôi.

- Tao chưa từng có kinh nghiệm nào như thế.

- Tao đang nghĩ đến câu thà làm tình hơn làm chiến tranh. Tao xưa nay vẫn chán ghét chiến tranh. Tao là phái nữ.

- Mình đang ở một nơi đâu còn chiến tranh nữa. Sean xích lại gần bên tôi. Mùi đàn ông trong người hắn nồng nàn, quyến rũ.

Tiếng cười rú từ góc tường bên kia làm tôi quay đầu lại nhìn. Một tên đang bế xốc một đứa con gái đặt trên mặt bàn. Hắn đưa tay vén áo cô ta, phô trương phần bụng trắng nõn nà. Một đứa khác cầm ly rượu đổ lên rốn kẻ đang nằm phơi trần. Tên đàn ông cúi mặt liếm chậm trên làn da đang nhô lên xẹp xuống khiến cô gái cười thét, oằn oại vì nhột. Tên đàn ông vẫn say sưa với trò tiêu khiển, hắn đưa lưỡi xuống sâu, vượt qua rốn, đến thắt lưng... Tụi này định làm trò orgy ngay giữa chốn công cộng không biết chừng. Tôi phì cười, ngày mai chẳng biết có đứa nào trong bọn nhớ đến chuyện gì xẩy ra đêm nay? Những thú vui vội vã, chán chường và mệt mỏi, như một cái ngáp dài. Khi người đàn ông luồn sâuvào người đàn bà có bao giờ nghĩ đến tình yêu? Nhưng người con gái bị mất trinh, máu me bê bết chắc chắn không quên ấn tượng lần đầu biết yêu và hình ảnh gã con trai thứ nhất trong đời mình.

Ở trong quán nhìn ra, ngoài đường vẫn tối đen như mực.

VŨ QUỲNH N.H.



**DEREK WALCOTT**
**PHẠM VIỆT CƯỜNG** *dịch*

# cuộc tình

*Rồi sẽ đến một lúc*
*với nỗi hân hoan*
*anh sẽ chào hỏi chính mình*
*nơi khung cửa nhà anh, trong tấm gương của anh,*
*và mỗi bên sẽ mỉm cười mừng đón nhau,*

*và hãy nói, này ngồi đi. Hãy uống đi.*
*Anh sẽ yêu thương kẻ xa lạ là chính bản thân anh lần nữa.*
*Hãy rót rượu ra. Hãy bày bánh trái. Hãy trả trái tim anh*
*về cho chính nó, trả lại cho kẻ xa lạ*
*là người vẫn yêu mến anh*

*trọn đời anh, người anh đã lơ là*
*vì một kẻ khác, người hiểu biết anh bằng tâm huyết.*
*Hãy lấy xuống những bức thư tình nơi kệ sách,*

*những bức ảnh, những lời ghi chép đầy tuyệt vọng,*
*hãy bứt rời hình ảnh chính anh ra khỏi tấm gương.*
*Hãy ngồi đây. Hãy tiệc rượu linh đình mừng cuộc đời anh*

DEREK WALCOTT
PHẠM VIỆT CƯỜNG *dịch*



# chuẩn bị cuộc lưu đày

*Tại sao tôi cứ hình dung mãi cái chết của Mandelstam*
*giữa những chiếc sọ người vàng xỉn*
*tại sao tài năng tôi, vượt qua bờ vai nó,*
*đã nhìn ra cái bóng người choáng đầy khung cửa*
*và biến chính trang giấy này thành một vùng mờ tối?*
*Tại sao vầng trăng tăng thêm mãi thành chiếc đèn hồ quang*
*và dấu mực trên tay tôi chuẩn bị để ấn ngón tay cái xuống*
*trước một gã hạ sĩ quan khinh khỉnh?*
*Mùi thơm mới mẻ trong không khí này là gì đây*
*thứ mùi đã có lần là muối,*
*đã thơm ngát như chanh vào lúc bình*
*và chú mèo của tôi, tôi biết là tôi tưởng tượng,*
*nhảy chồm lên từ lối vào,*
*và đôi mắt các con tôi dường như đã giống những chân trời,*
*mà tất cả thơ tôi, kể cả bài này, mong muốn giấu che đi?*

DEREK WALCOTT
PHẠM VIỆT CƯỜNG *dịch*

---

LTS: Derek Walcott là thi sĩ, kịch tác gia, sinh trưởng tại quần đảo Caribbean, được kết tinh bởi hai dòng máu: Phi Châu và Âu Châu, vừa được Hàn lâm viện Thụy Điển trao giải Nobel (1992) vì *cái nhìn lịch sử của ông, một cái nhìn bao quát của thái độ chấp nhận bao dung đa văn hóa tự căn bản* (xem *Ngày... Tháng...*, Kim Thi, trong số này).



NGUYỄN QUANG THÂN

# vũ điệu của cái bô

Thế là không hy vọng gì nữa rồi. Nhà máy đóng giầy phá sản. Cả năm nay Hảo sẽ không có việc làm. Đề tài, số tiền trợ cấp ban đầu và bản quyền bán cho nhà máy tan thành mây khói. Khách hàng đã tẩy chay thứ giầy bong mui của nhà máy trước khi loại keo dán tuyệt vời của Hảo qua được bát quái trận thủ tục.

Vậy mà cũng phải ăn, phải gởi tiền cho con gái lên Hà Nội học thêm, phải nuôi cái xe đạp tàng hễ mó đến là ăn vạ tiền nghìn. Rồi chén cà phê đen buổi sáng, quên nó một bữa là Hảo thấy mình đang mọc đuôi ra.

Thế nào cũng phải làm một cái gì! Nhưng ngoài cái chuyên môn được ghi trong mảnh bằng phó tiến sĩ, Hảo không biết làm gì khác. Cũng không thể như Tứ, họa sĩ ở tầng dưới. Tứ thường không biết ngày mai mình ăn gì, ăn ở đâu. Tứ nói: "Đói là con hổ, đừng nhìn nó, nhìn nó là nó vồ ngay". Tứ bước vào phòng đúng lúc Hảo đang nghĩ đến anh, nhem nhuốc như cái xơ mướp nhúng vào thùng bột màu.

- Này cậu, có việc này hợp với cậu lắm. Nhưng pha cà phê uống cái đã.

Hảo lóng ngóng múc cà phê vào phin. Hay là Tứ rủ mình đi làm bạc giả? Trông mặt y như đang thu vén quần áo đi vào Hỏa Lò.

- Việc gì thế?

- Giữ trẻ! Tháng một trăm tì có ăn trưa. Được chưa?

- Tốt quá. - Hảo nghi ngờ, chùm rẻ quạt tóe từ mắt xuống gò má - Món thơm thế đâu đến phần mình. Với lại còn cơ quan...

- Thì đã bảo người ta cần mà. Chăn một đứa bé ba tuổi rưỡi, nói tập tọc. Vừa chăn vừa dạy tiếng Anh để lớn lên biết đọc các công ty trong phố và phân biệt được nhà vệ sinh nam nữ ở sân bay. Việc cơ quan thì để tớ gà cho. Đăng ký một đề tài thật kêu. Đại khái thế này: "Ném một cái nhìn vào quy trình chế tạo keo dán mũi giầy ở địa phương ta", nhớ là phải có chữ "ta", không cần xin trợ cấp, xin hai năm ngồi nhà nghiên cứu, được chưa?

Không bị Tứ rủ làm bạc giả là tốt rồi. Hảo đăng ký đề tài, anh có chữa lại một chữ của Tứ. Ném một cái nhìn, không được. Cuối cùng: Tiếp cận hyperbole tính duy vật biện chứng... song ngữ: Faire une hyperbole... (tiếng Pháp) và To take a hyperbole... (tiếng Anh) cộng thêm hai trang đề cương (cũng song ngữ). Được rồi, rất có e! Hảo qua mặt được chủ nhiệm Ủy Ban Khoa Học Kỹ Thuật tỉnh vốn trước là giáo viên cấp III. Trong bản dịch đề cương tiếng Anh có mấy tiếng khó dịch, Hảo bịa ra nhưng chắc là ông không biết.

Ông thường bắt cán bộ làm thuyết minh song ngữ nhưng bản thân ông không phân biệt được tiếng Pháp với tiếng Anh, trừ tiếng Nga nhờ những chữ N ngược kỳ lạ của nó. "Cậu khá lắm, tính tư tưởng, tính địa phương, đề tài của cậu ưng cái bụng mình lắm rồi. Nhưng có xin trợ cấp không đấy? Không hả. Tốt, nhớ khao nhé!". Ông ký một cái rẹt, chữ ký như con bọ cạp đang bò.

Thế là Hảo có hai năm rưỡi rỗi rãi. Sẽ khao, sẽ khao. Ông chủ nhiệm và cả Tứ nữa, những nhà Mạnh Thường Quân của khoa học.

Một chú chó Nhật sủa lách nhách rồi te tái luồn dưới chân hai người. "Ê, Mi- mô-sa, Mi-mô-sa, ngoan nào... Xin mời hai bác..." Chị chủ nhà nhặt vội con chó lên, nghi ngại nhìn hai cái ống quần lem nhem của anh họa sĩ dắt mối. Tứ xăng xái:

- Tôi dẫn anh Hảo đến như đã hứa với chị. Bây giờ tôi phải treo cờ mồng một tháng năm. Xin hai vị cứ tự nhiên.

Hảo nhìn vị chỉ nhà. Chị đẹp, sang trọng và thừa thãi. Áo quần, mỡ phấn, không gian và thời gian.

- Chắc anh Tứ đã nói với anh. Cháu cần một người có học trông nom, bố cháu nói ở Nhật người giữa trẻ đều phải qua đại học. Tôi giao cháu cho anh ban ngày, anh ở lại ăn trưa, ngủ với nó hai giờ mỗi ngày, nhất thiết phải cho nó ngủ hai giờ như ở nhà trẻ. Và dạy tiếng Anh cho cháu. Tôi muốn mướn một cô giữ trẻ. Nhưng chồng tôi lại muốn có một người đàn ông, anh ấy nói cháu phải có nam tính mạnh mẽ để đua ganh với đời.

Mọi việc đã xong xuôi. Chị nói: "Ban đầu hẵng biết thế. Còn sau này..." Rồi chị nhìn xoáy vào mắt anh (anh khẽ rùng mình), khuôn mặt lặng lẽ, buồn chán và sung mãn của chị bỗng bừng sáng. Có lẽ chị cũng có học, không phải loại mướn vua về múa như anh nghĩ. Anh hỏi: "Cháu đâu?" Rõ ràng là chị đã quên mất thằng bé. Chị ừ hữ: "Tôi cho cháu về bên ngoại. Anh cứ gọi nó là thằng Cu. Chúng tôi vẫn gọi cháu thế cho dễ nuôi. Mai xin mời anh đến".

Sáng hôm sau chị chủ nhà và thằng Cu đón anh ở cửa. Con Mi-mô-sa đứng cạnh. Nó có vẻ ngạc nhiên khi thấy anh dám dắt một chiếc xe đạp như thế vào cái sân rải sỏi. Chị thì nuột nà trong bộ mút-xơ-lin màu thiên lý, thoa sơ sài một lớp phấn mỏng trên mặt. Chị đẩy thằng Cu lại cho anh: "Nào, Cu chào bác đi, chào thầy đi". Cố gắng như một cái máy không nhạy, nó nói: "Cháu chào cô ạ!" Chị chữa: "Chả là tôi đã cho cháu vào nhà mẫu giáo mấy ngày. Con nói lại đi, chào chú ạ!" Chị dẫn anh và nó sang một phòng nhỏ cạnh phòng khác. Một cái bàn học cho trẻ. Chiếc đi-văng gỗ mà anh sẽ ngã lưng buổi trưa. Cốc và chai nước lọc. Chị nói: "Nghe anh Tứ bảo anh nói tiếng Anh như người Anh phải không? Hôm nào về mà hai bố con bi bô được với nhau là anh ấy mừng lắm. Anh ấy nói tiếng Anh như gió". Hảo định cải chính: "Tôi nói tiếng Anh như người Việt" nhưng thằng Cu đòi ị. Nó nhăm mặt, duỗi ra và lấy tay bưng đít. Chị chủ nhà nói: "Bác để tôi." - Chị nhăm mũi - "Quên đưa vào đây cái bô, bà Múi ơi!" Người nấu bếp chưa vào chị đã bế thằng Cu ra ngoài. Lát sau chị vào, tay thằng bé, tay cái bô. "Dọc hành

lang một đoạn là toa-lét, anh cứ đổ vào đó rồi giật nước là được". Chị đặt cái bô vào góc nhà như người nhạc trưởng cất gậy lên giá. Điệu vũ chấm dứt. Hảo nhìn cái biểu tượng nhà nghề trắng muốt, chỉ mong chị chủ nhà đi khuất. Năm năm trước đêm nào anh cũng nằm mơ thấy mình súng sính trong bộ quần áo tiến sĩ cổ truyền. Chị đưa anh hai chiếc chìa khóa: "Đây là khóa phòng. Đây là cổng. Thỉnh thoảng bác dẫn cháu đi chơi, tùy ý bác". Rồi chị lên lầu, vẻ tự hào đã hoàn thành nhiệm vụ người đạo diễn.

Hảo hỏi thằng Cu: "Oắc-xi-ô nêm-bơ?" Nó nhìn anh trân trân rồi tái mặt: "Đ... bu mày!". Nó tưởng anh chửi nó. Phải nói là nó chửi rất du dương. Ngày hôm nay phải dạy bằng được câu này cho nó: "Oắt-xi-ô nêm-bơ, tên cháu là gì chứ không phải câu chửi tục. Nhân loại chưa đổ đốn đến mức biến câu vấn danh thành câu chửi". Chấm dứt buổi học tiếng Anh đầu tiên.

Mọi thứ dù phi lý đến đâu mà lặp đi lặp lại mãi thì vẫn chấp nhận được dễ dàng. Việc anh thành người giữ trẻ thì cũng chỉ cần một tuần để trở thành dĩ nhiên. Dĩ nhiên như một giáo sư nổi tiếng ốm đau kéo dài phải đốt sách để sưởi, như việc chiếc xe đạp nào cũng phải tòng teng một tấm biển số thời nào. Hai mươi tờ giấy năm ngàn đủ sức mạnh biến Hảo thành người giữ trẻ mẫn cán trong ba mươi ngày. Chị chủ nhà không chú ý đến anh hơn bà Múi, người nấu bếp lầm lũi như cái bóng. Từ ngày có anh đến làm, chị được giải phóng khỏi thằng con trai nên rỗi rãi hơn. Chị lên lầu, đọc sách, trong khi anh túi bụi trong phòng với thằng Cu và cái bô, đã bắt đầu nhớ cái giá sách và những ngày nhàn rỗi đọc chữ thánh hiền. Thỉnh thoảng chị pha một cốc nước chanh mời anh với dáng vẻ của một người làm việc từ thiện rồi cũng tiện mồm kể lể chuyện nhà chuyện cửa. Chồng chị trước đây là thuyền trưởng viễn dương. Nhờ anh mà chị được thấy đồng đô-la xanh rờn đầu tiên và hình những tổng thống Mỹ quá cố. Khi túi đã hơi nặng, anh tìm cách lên bờ. Anh bảo chị: "Thời nay chỉ leo được lên mới thắng, dưới đất bao giờ cũng thua". Anh biết đầu tư chiều sâu và lên dần. Bây giờ anh phụ trách một văn phòng đại diện ở Hồng Kông, môi giới mua những con tàu hàng vạn tấn đến những chiếc nịt vú. Anh nói: "Một chuyến đi Nhật cứt đái cùng mình chỉ thắng một hai cây. Bây giờ ký xoạch một cái tôi có bạc triệu!" Hảo không biết chị kể một cách thành thực những chuyện ấy với anh để làm gì, chị có tâm đầu ý hợp với người chồng ở xa hay không. Chị kể một cách buồn chán, mệt mỏi; là người tiêu tiền, chị không có cách say mê của những con sói săn mồi. Chị là con kền kền cái lười biếng rỉa xác con voi. Chồng chị thỉnh thoảng có viết thư, nhưng hai năm nay anh không hẹn ngày về. Hảo cảm thấy với chị thì anh vĩnh viễn không về nữa.

Thằng Cu có người trông, sạch sẽ hơn. Nó học tiếng Anh cũng khá và mến thầy. Để giải quyết chuyện cái bô, Hảo đã tập cho nó ra toa-lét mỗi khi có nhu cầu. Cuối tháng đầu chị trả lương cho anh, đưa luôn cả tháng sau, tăng thêm cho anh năm mươi ngàn. Thấy anh lưỡng lự, chị nói: "Anh cầm đi. Chúng tôi giàu lắm. Anh không tưởng tượng được chúng tôi giàu như thế nào

đâu. Nhưng ở cái đất hay nhòm ngó thế này mình cũng phải giữ ý".

Một sáng anh đang ở trong phòng với thằng Cu thì ông Vị đi xe máy đến. Qua cửa sổ anh nhìn thấy ông chải chuốt hơn ngày thường tuy ít đường bệ hơn so với những lúc ông đi lại dọc hành lang nghe một cán bộ thuyết minh cái gì đó sau lưng mình. Chị ngồi tiếp ông hàng giờ trong phòng khách. Buổi chiều trước khi Hảo ra về, chị mời anh uống trà. Chị nói "Ngày mai tôi phải vắng nhà mấy ngày. Anh giúp tôi ngủ lại và trông cháu được không?" Anh đáp được. Suy nghĩ một lúc, chị hỏi: "Anh có biết cái ông hồi sáng đến thăm tôi không?" Anh nói: "Không". Chị nhìn anh vẻ tin cậy: "Thôi, chẳng giấu anh làm gì, sợ anh nghĩ tôi không đàng hoàng. Ông ấy là bồ tôi đó". Thấy Hảo cảm động vì lời thổ lộ ấy, chị duyên dáng níu nhẹ vào ống tay áo anh: "Nhưng tôi đã quyết định dứt ông ấy ra. Ngày mai chúng tôi cùng đi Sầm Sơn. Lần cuối cùng rồi thôi. Anh giúp tôi nhé?". Chị kể trước đây mấy năm chồng chị khéo léo đưa chị đến với ông ấy. Đối với sự nghiệp anh, cũng là của thằng Cu, chị không nề hà gì. Ông ấy giúp đỡ chồng chị đến nơi đến chốn nhưng không hề để mắt đến chị, món mỡ trước miệng mèo. Đã có ai ở thành phố này dám coi chị như củ khoai cơ chứ? Lòng tự ái nổi lên, chị tìm cách khám phá con người mẫu mực kia và chị yêu ông ấy lúc nào không biết. Khi chị hiểu ra sự cao đạo của ông là một cái bẫy chinh phục nguy hiểm của những người có tuổi thì cũng là lúc chị chán ông ta. "Cuối cùng thì chồng tôi thắng, nhưng tôi chẳng được gì. Anh giúp để tôi làm chuyện chia tay với ông ấy trót lọt". Anh đáp: "Vâng, tôi trông nhà hộ và kín miệng nữa". Chị cười buồn: "Chẳng cần đâu, cả thành phố biết chuyện tôi với ông ấy rồi. Họ chưa đưa lên ti-vi là may". Hảo nói: "Chị đừng mang theo con chó nhỏ". Chị ngạc nhiên: "Vì sao vậy?" Bỗng chị mỉm cười: "Tôi nhớ ra Sê- khốp rồi. Anh yên tâm. Thời nay không ai dùng chó làm môi giới yêu đương đâu!" Ngừng một chút, lần thứ hai Hảo thấy khuôn mặt chị rạng rỡ, Chị nói hấp hổi: "Tôi sẽ mang theo con chó. Tôi là một con mù mà lại muốn đi tìm ngọc quý. Mi-mô-sa sẽ dẫn đường cho tôi". Chị mang Mi-mô-sa đi thật. Chị còn tin có người nào khác đang chờ chị ở Sầm Sơn ư?

Ba ngày sau chị và ông Vị về nhà. Một chiếc Toyota đậu trước cổng. Nghe tiếng còi Hảo ra mở cổng như một người gác dan cần mẫn. Anh bất ngờ chạm mặt ông Vị. Nhưng cả hai không chào nhau, không nói gì. Ôi, tiền giấy và sắc đẹp, những cái lá bài của số phận éo le.

Nhìn nét mặt cau có, dồn nén và thân thể sung mãn của tuổi già đang chín một lần trước khi rụng của ông Vị, Hảo biết ngay là mấy ngày ở Sầm Sơn ông chỉ được xơi thịt thỏ. Túi tiền có thể vơi chút ít, nhưng cái túi tục lụy kia thì chắc vẫn còn nguyên. Nó làm ông cáu giận. Hảo nghe tiếng cãi cọ trên lầu, ở phòng khách.

Nhưng rồi ông cũng phải ra đi. Chị gọi dây nói cho xe đến đón ông, tươi tỉnh, lịch sự đưa ông ra đàng hoàng. Ông thì hầm mặt vì tiền mất tật mang, chỉ biết tự an ủi là đã giữ gìn được phẩm chất trong chuyến đi biển đầy rẫy

những trò ăn chơi tư sản.

Hảo biết không mấy người vui vẻ khi người tình buộc về hưu.

Chị chạy đến Hảo sau khi ông đi khỏi, mời anh sang phòng khách uống trà. "Thế là trút được món nợ Liễu Thăng!" Chị nói, ve vuốt con Mi-mô-sa, nó liếm tay chị, kiêu hãnh vì đã giành lại được chị và tự hào vì ông già giàu có, oai vệ kia đã ao ước được một số phận như nó hôm nay mà không có: được chị ve vuốt, nâng niu. "Sao có một dạo ông ấy dễ thương thế." - Chị nói - "Bây giờ thì chỉ dạy dỗ, khuyên bảo suốt ngày!" Chị lại ve vuốt con Mi-mô-sa, thì thầm: "Sầm Sơn năm nay đẹp lắm, mày có nhớ Sầm Sơn không con, Mi-mô-sa?". Hảo thầm đoán là ở Sầm Sơn con chó nhỏ này đã đóng được một vai trò gì rồi.

Anh không nhầm. Ba hôm sau một chàng trai trẻ hơn chị vài tuổi, đến nhà. Anh ta dắt chiếc CBT 125 màu lòng súng vào sân, cởi chiếc mũ mô-tô khỏi đầu rồi nhoẻn cười với ngôi nhà. Hảo vì nể nhìn chiếc xe mới thấy lần thứ hai trong đời, lần đầu Tứ giới thiệu cho anh ở bãi xe, nói rằng ở cái thành phố ăn chơi đồ Nhật này chỉ mới thấy xuất hiện vài cái. Anh gọi chị xuống, bàn giao khách cho chị rồi vào phòng với thằng Cu. Người khách nhìn anh không chút ngạc nhiên như chính anh đã từng mướn vài chục thằng đầu tớ cỡ đó.

Họ nói chuyện với nhau trong phòng khách. Rồi chị thét bà Múi ra chợ. Bữa trưa có bún chả, ốc nhồi thịt và một chai Giôn bộ giá nửa chỉ vàng khách mang tới và những gói kem vừa đông lạnh trong chiếc máy làm kem sau cốp xe. Hảo cùng ngồi ăn với họ, hợp đồng đã ghi có ăn trưa. Chị uống vài hớp rượu quý, nói luôn mồm, cười luôn miệng, trông chị trẻ ra mấy tuổi so với ngày hôm qua. Chị giới thiệu khách với Hảo: Anh X đây là con ông Y gọi ông Z bằng bác họ (Hảo nghe tiếng họ từ lâu), tốt nghiệp đại học ở Ba lan, mười năm nay đi đi về về, không quốc tịch, không hộ khẩu, hộ chiếu ba năm đổi một lần (cái khoản này thì chính tôi cũng không biết vì sao mình có - anh nói - lúc cần cứ hỏi pa-pa), nay là nhà kinh doanh bự, nguồn vốn không xác định rõ nhưng lớn lắm và đảm bảo là "không có chuyện Nguyễn Văn Mười Hai", buôn bán từ đầu video đến chồi đót xuất khẩu... Anh đây còn có một căn hộ ở Vác-xa-va, giữ thường xuyên một phòng ở Pa-lát Sin-ga-po và vừa bay từ đó về tuần trước. Chị nói: "Ở Sầm Sơn ông Vị tâm sự với tôi rằng, không có các ông thì bọn trẻ bố láo đảo lộn cơ đồ mất. Nhưng khốn nỗi ông ấy không phân biệt được cá thu khô với cá thu tươi ở chợ Sầm Sơn, phải không Mi-mô-sa?". Con chó vắt ngang trên đùi chị ư hử đồng tình. Chị tiếp: "Theo tôi những người như anh X đây...". Anh X đây đưa bàn tay lên: "Hẵng khoan, hồi nãy em nói gì nhỉ? À, ông ấy đã, đang và sẽ... còn anh thì ngay cả khi dùng tiếng Anh, anh không bao giờ chia động từ theo thì quá khứ và tương lai cả. Tôi đang nói, tôi đang sống. Thì hiện tại muôn năm!" Anh hạ bàn tay xuống và nhón một con ốc nhồi thịt. "Để em nói hết đã mà! Theo em thì chính những người như các anh sẽ đưa chúng ta ra khỏi cuộc khủng

hoảng. Có phải thế không, anh Hảo?". Hảo nghĩ, không biết chị nói cuộc khủng hoảng nào, của đất nước hay của chị? Anh đáp: "Tôi không sành chính trị nhưng tôi biết chắc là muốn giải quyết vấn đề thì ai cũng phải cứng rắn." Chị là người thông minh. Chị cười hồn nhiên: "Anh nói đúng chóc! Phải thế, chứ ông Vị thì... như con sứa ấy!" Người khách tỏ ra kém thông minh và ghen tị nhỏ nhen khi thấy chị vừa khen anh người làm nói leo. Anh mím cái miệng đỏ hồng riết róng, nhìn đĩa trứng vịt lộn chưa ai đụng tới rồi quay sang chị: "Vấn đề là tiền! Em mua quả vịt lộn này bao nhiêu? Bảy trăm à? Tôi hứa, nếu em ra lệnh, trong ngày mai tôi sẽ (lại sẽ rồi - Hảo nghĩ) có đủ tiền hạ giá trứng vịt lộn ở thị trường thành phố này xuống một nửa. Và tôi giữ giá đó trong một tuần. Em chịu không?" Chị lại cười ré lên, lần này vì lòng tự ái được ve vuốt. Hảo nhăm mặt cố nghĩ xem vị anh hùng này làm cách nào, làm cách gì và sẽ bỏ ra bao nhiêu để hạ giá trứng vịt lộn xuống còn một nửa. Nếu anh làm được thế, Hảo sẽ cố tranh thủ ăn lấy vài quả, mấy lâu nay anh quên mất thứ thực phẩm dành riêng cho những tay bá chủng heo nọc này rồi. Nhưng thật ớn những trò nói khoác. Suy cho cùng là do lỗi của đế quốc Anh. Chúng sản xuất ra thứ Jhonnie Walker ngon quá. Sau khi chấm nước mắt do trận cười, và không ngừng bị ám ảnh bởi từ "cứng rắn" anh vừa phát ngôn, chị hỏi Hảo: "Còn anh, anh nói nữa đi, ý anh thế nào? Tôi không sành chính trị". Hảo đáp: "Xin lỗi, tôi cũng không sành chính trị". Nhà kinh doanh giơ tay lên như ông giáo trẻ dạy cho chú học trò chậm hiểu: "Đây không phải là chính trị. Đây là chuyện làm cường dương cả một thành phố. Chúng ta xẹp như dán quá lâu rồi!" Chị lại cười, làm một cử chỉ e lệ gọi là, rồi nói: "Anh yêu, thế thì anh hạ giá trứng vịt lộn đi!" Hảo muốn kìm sự hưng phấn đang quá đà do chai rượu Anh gây ra. Anh hỏi "anh yêu": "Bao giờ thì anh định cư hẳn trong nước làm ăn?" "Anh yêu" lấy khăn lau miệng, nói qua kẽ răng: "Khi nào chúng tôi có đại biểu trong quốc hội." - Anh cười tinh quái - "Nếu không thì ai bảo vệ vốn liếng của chúng tôi chứ?"

Sau bữa trưa họ lên phòng của chị. Hảo trở về cái đi-văng. Thằng Cu đã ngủ, cạnh nó là một cái bô đầy. Anh múa tiếp điệu vũ của mình rồi nằm xuống cạnh nó. Tiếng nhạc êm dịu lọt qua bức trần xuống tai anh. Đó là những bài hát tiền chiến rất quen thuộc. Anh nhớ mẹ lạ lùng. Cái hố trống trong ngực anh to dần ra, to mãi đến hư vô. Bữa cơm quá tải làm anh khó ngủ. Anh nhớ mẹ cũng giàu, cũng sang trọng, sang trọng cả lúc không còn giàu nữa. Cả trong những ngày chiến tranh liên miên. Tất cả vàng bạc, hột xoàn mẹ đưa anh, lúc đó mới ba tuổi, để tự tay anh thả vào khe của cái hộp gỗ sơn son trong Tuần Lễ Vàng. Mẹ bảo với bố: "Tôi gánh gạo đường xa cho các con". Miếng vườn cả nhà vỡ hoang ven suối dưới sự chỉ huy của mẹ, tiếng vo gạo buổi sáng, nước gạo chảy men bờ như sữa. Chim họa mi hót sau mấy cây ổi mẹ trồng, con rắn mai gầm lâu lâu lại xuất hiện, chạy qua sân rồi biến mất trong đám hương nhu, làm thành một sự kiện trọng đại. Rồi cái tang đầu tiên: bố chết vì bom bi trong một trận oanh kích. Cái tang thứ hai, người anh

cả ở Trường Sơn. Đến lượt anh, đứa con yêu của mẹ cũng biến mất ở chân trời Đông Âu, mang theo hy vọng về một cuộc sống tử tế của cả nhà. Lúc anh về thì mẹ đã mất. Và cùng với mẹ là cả một vũ trụ đáng kiêu hãnh và nuối tiếc cũng mất nốt. Hảo như đui mù. Anh không được chuẩn bị cho sự nghèo khổ và bệ rạc, không được chuẩn bị để sống với người vợ trước đây, để sống trong cảnh ngộ hiện nay. Không chuẩn bị để thành người ở, làm công cho người đàn bà thông minh nhưng tinh quái, có lương tri và dâm đãng nữa. Anh cố nghĩ một thứ tính từ khác nhưng không được. Và cũng thật khó chịu khi thấy mắt chị sáng lên khi con dê con dăm đô-la kia đòi ghế trong quốc hội của nền vô sản chuyên chính. Khi đó anh tưởng nếu có cuộc bầu cử thì chị sẽ bỏ cho y mươi phiếu một lúc. Nhưng tại sao chị vẫn phát tiền công cho anh hàng tháng? Tại sao chị vẫn làm cho anh có cảm tình và nhiều lúc thèm muốn chị nữa? Tại sao chiếc CBT 125 giá ba mươi triệu ở ngoài sân kia vẫn đè cái bóng cao cả của nó lên những giấc mơ nghèo khổ của anh? Tại sao cái thế giới êm dịu và lung linh những ước mơ của mẹ, và cả của anh nữa lại biến mất dễ dàng đến thế? Phải chăng sau sự kiện kinh hoàng năm đó, lời lão thầy bói đã ứng nghiệm? Mùa hè ấy thời tiết bình thường, mẹ cho ấp một ổ gà, khi nhấc xuống, trong ổ lúc nhúc một bầy rắn con, còn mấy cây ổi sau nhà thì ra mấy quả bứa chua loét. Hôm ấy một lão thầy bói ôm tay nải qua làng. Mẹ làm thịt một con gà giò, ông ta xem chân gà rồi nói: "Ông tổ nhà này ngày xưa nhiều thất đức. Bà hãy cẩn thận. Trong nhà này rồi sẽ có người đi ở!" Ông ta còn nói những chuyện nhảm nhí khác. Dân quân xóm trói ông vào một cái cọc, phơi nắng nửa ngày rồi mới cho đi. Năm đó bố chết, rồi đến anh cả. Gia đình trĩu nặng tang tóc. Bây giờ đứa con út của mẹ đi ở.

Tiếng nhạc buồn phòng trên ngừng bặt. cái đầu video bắt đầu rên rỉ những pha phim xếch (trước đây chị vẫn dùng cái hộp nhựa Nhật Bản ấy để khởi động nhà đạo đức luống tuổi của chị. Rồi tiếng rên điện tử cũng im nốt để nhường cho nhạc đời hang động. Con Mi-mo-sa bị bỏ rơi buồn bã trong phòng, liếm bàn tay Hảo thỏng xuống đi-văng. Anh nhấc nó lên, kéo tai nó, tên ma cô mất dạy, thằng mối lái vô phúc, những con chó nhỏ vô tích sự thời Sê-khốp hay thời hiện đại đều thế cả. Nằm trong lòng Hảo nó nhìn lên trần như anh, có thể nó còn thấu suốt hơn anh bằng bản năng chó của nó.

Một tuần lễ liền ngôi nhà yên tĩnh ở góc phố ròn rã tiếng CBT 125. Những bữa cơm trưa quá tải với sự đồng lõa tội lỗi của những chai rượu Anh và kỹ nghệ vi mạch Nhật Bản. Nhưng chủ nhật anh ta không đến. Chị đưa tiền lương cho Hảo, tăng hai trăm ngàn (để bù trượt giá, chị nói) và giữ anh ở lại ăn cơm tối với chị. Chị buồn, nét mặt căng thẳng tuy vẫn kiêu sa. Hảo đã nếm mùi những cơn cớ tâm sự của chị. Họ lấy ghế vải ra ngồi ngoài sân sau. Chị nói: "Anh tiên tri thật! Giá không mang con Mi-mô-sa đi thì đâu có rước ngữ ấy về nhà!".

Chị nhìn anh với đôi mắt của người vừa thoát tai nạn. Như một nhà thám hiểm Nam cực sống sót, chị kể cho Hảo nghe chuyện mấy ngày ở Sầm Sơn.

Hôm ấy, chị để Mi-mô-sa trên bờ biển để xuống tắm với ông Vị. Họ tìm một góc vắng. Vì hể hai người mặc áo tắm đi vào đám đông là y như lũ trẻ la lối: "Bố ơi, bố nhường chúng con đi bố!" Tuy khó chịu vì thứ ngôn ngữ máy nước ấy, nhưng từ cái góc vắng kia chị vẫn nhìn về phía bộ phận nhân loại trẻ trung và thô bỉ một cách chân thành ấy. Còn ông Vị thì tìm mọi cách để sử dụng đôi bàn tay vàng. Ông càu nhàu: "Tại sao em lại không mặc bộ bikini hai mảnh của Thái ấy?" Ông vẫn thường phàn nàn mốt Hà Nội dạo này quá hở hang, nhưng trong một chuyến đi Băng Cốc về, chính ông đã mua tặng chị hai bộ bikini ấy. Hôm đó, chị cố mặc bộ đồ tắm cổ điển được mậu dịch quốc doanh đứng đắn của chúng ta phát hành những năm bảy mươi sau khi mẫu đã được sở văn hóa duyệt. Một bộ đồ tắm có thể cấp bằng tiết hạnh khả phong. Ông Vị đành phải đầu hàng bộ đồ ông từng duyệt mẫu trước đây. Bực bội vì ông lão sắp bị giảm biên chế ngầy ngà, chị quên mất con Mi-mô-sa. Trời lại đổ trận mưa nữa. Thế là họ lạc mất con chó. Đến chiều tối sau khi ăn cơm xong, khi ông Vị đang càu nhàu lên án bộ đồ tắm khốn nạn, trút lên nó những từ người ta thường chỉ dùng trong các cuộc tranh luận triết học và đạo đức thì anh ta đến. Anh ấy ôm con Mi-mô-sa trên tay. Trong khung cảnh biển sau cơn mưa, chàng trai thật tuyệt vời. Chiều hôm sau, trong khi ông Vị đi nói chuyện về vai trò người phụ nữ mới (bài tủ của ông) cho công đoàn công ty du lịch thì chị với anh đi vào rừng thông. Chị cảm ơn anh vì đã tìm hộ con Mi-mô-sa. Anh cảm ơn chị vì đã làm cuộc đi biển cô đơn của anh có ý nghĩa. Anh gọi chị là bà làm chị kiêu hãnh, sau đó là chị làm chị ấm lòng và cuối cùng là em làm chị sung sướng. Cuộc cách mạng về xưng hô ấy chỉ diễn ra trong vòng mười lăm phút. Phút thứ mười sáu thì anh nói là anh đã thuê hai hét-ta rừng thông chiều nay để không ai được phép lai vãng qua. Phút thứ mười bảy thì lưng chị đã lấm đầy cát và sau đó chị bắt đầu cuộc hành trình vào thiên đường lần đầu tiên trong đời. Trước đây ông Vị có mô tả cái thiên đường ấy cho chị bằng lý thuyết. Những pha mô tả của bọn nhà văn ba xu thường được thay bằng những dấu chấm chấm cũng không làm thỏa mãn chị.

Từ đó, chị sang phòng ông Vị (họ vẫn thuê hai phòng từ lúc đến Sầm Sơn). Ông rất mừng vì chị đã tự nguyện nộp xác, vì buổi diễn thuyết thành công, "chị em nuốt từng lời" và theo cá nhân ông thì cần phải khôi phục khí thế của phong trào ba đảm đang trước đây. Chị ngắt lời ông: "Anh yêu em đi!". Chị quyết định tặng ông một bữa tiệc chia ly no xôi chán chè như bữa cơm người ta vẫn thường cho tù ăn trước ngày ra pháp trường bắn. Ông sững sờ vì hạnh phúc cũng như kẻ tử tù kia đang nằm mơ thấy cái cọc thì bỗng thấy trước mắt mình một con gà mái quay, nghẹn ngào nhìn nhưng không ăn được. Ông cũng không ăn được. Ông đổ tội cho tính đãng trí, bỏ quên chai rượu tắc kè ở nhà, chửi sự quản lý khách sạn xuống cấp vì cái giường cứ kêu cót két, chửi rủa cả cái váy ngủ của chị, làm gì mà phải dùng đến hai cửa ra vào làm ông lầm lẫn lung tung. Sự xa xỉ điển hình của nền dân chủ tư sản!

Cũng như mọi lần, ông chẳng bao giờ chịu trách nhiệm về bất kỳ sự thất bại nào. Tuy vậy ông vẫn trấn an chị: "Em hãy tin, tôi đã, đang và sẽ cố gắng..."

Sáng hôm sau chị giục ông ra về để kịp ngày hẹn với anh ấy, người đã mua hai hét-ta rừng thông một chiều cho chị.

Chị thở dài: "Nhưng tôi lại chán ngấy anh ta rồi! Thằng tư sản mới cũng chẳng hơn gì lão già đạo đức giả! Sao cái số tôi nó nhọ đến thế này hả anh?"

Hảo tự chửi mình vì quả thật trong anh cò lóe lên một chút hả hê dễ hiểu. Anh đứng lên, xin phép chị ra về. "Đừng vội anh." - Giọng chị thân mật khác lạ - "Anh về bây giờ thì tôi chết buồn mất. Tại sao tôi chỉ gặp phải lũ dở hơi? Chúng chui ở đâu ra lắm thế hở anh?"

Hảo cảm thấy sự chán chường của chị là thành thật. Nó lan tỏa trên da thịt anh cùng mùi nước hoa Pháp và hơi thở thơm tho của chị. Suy cho cùng thì chị cũng đáng thương. Ít nhất chị cũng có cái can đảm và hào phóng làm việc phân phối lại của cải đã trấn được của những thằng dại gái. Chị đã nuôi được một phó tiến sĩ bằng ba lần số lương chính của y, vớt y ra khỏi cảnh thất nghiệp dài dài được mã hóa bằng cụm từ "nghiên cứu có tính chiến lược" trong cái vỏ những đề tài không ai cần đến. Nhưng anh cứng rắn trở lại, kiên trì sự đố kỵ muôn thuở của người nghèo, sự ghê tởm của hàn sĩ bị phỉ báng. Rồi anh khôn khéo đứng lên.

Số phận xô đẩy anh theo hướng khác. Mấy tuần sau chị ốm. Thóc mách như một thằng ở thực thụ, anh đoán thầm nhà kinh doanh không quốc tịch đã kịp đầu tư một "vật lạ" vào nội địa trước khi bị trục xuất. Anh lên thăm chị, vừa là phải phép, vừa là lòng nhân ái thúc bách. Chị nằm bất động trên giường, tay duỗi ngoài chiếc chăn mỏng. Chị đập nhẹ bàn tay như cánh bướm bảo anh ngồi xuống mép giường cạnh mình. Vì mấy cái ghế xếp Nhật Bản đã bị thu lại và cũng không thể ngồi lên cái "táp đờ nuy", vật duy nhất có thể ngồi lên trong phòng, anh đành chiều ý chị. Tay anh run lên khi nắm cái mép giường. Chị nhìn thấy tất cả trong một cái liếc mắt rồi cầm lấy tay anh, bàn tay chị dịu dàng như cánh bướm cầu xin sự giúp đỡ. Chị nói: "Anh có thể thu xếp đi với tôi một vài ngày không?" Anh nhìn con Mi-mo-sa nằm duỗi dài dưới chân không đáp.

Rồi anh đi với chị sau khi hai người đã thu xếp được người trông thằng Cu và nhà cửa. Anh sẽ phải đưa chị về một bệnh viện nhỏ nào đó ở Hà Nội. Đúng như anh đoán, chị cần tống khứ nhanh chóng cái giọt máu được đầu tư một cách vội vã của nhà kinh doanh trẻ. Chị cần anh đóng vai một người chồng cho đỡ tủi thân và hợp lý. Từ khi mới đi lại với nhau, ông Vị đã yêu cầu chị làm điều này ở bất kỳ chỗ nào cũng được trừ ở thành phố ông đang nổi tiếng và có quyền lực. Bởi vì dù đứa con trong bụng chị là của ai thì dư luận cũng sẽ nghĩ là của ông, điều ấy bất lợi cho ông trong những cuộc bầu cử. Vậy là quá đủ lý do để anh phải đưa chị đi.

Họ xuống tàu vào lúc xẩm tối rồi vào một khách sạn gần nhà ga. Cô tiếp

tân nhìn họ một cách tình tứ, bảo họ có thể thuê một phòng cũng được. Chị thuê hai. Anh ghi nhận với chị cách làm ăn thoáng của ngành du lịch. Rõ ràng mọi việc đang đổi mới. Chị nói: "Nhà trống thì phải thoáng!" Họ ở đêm đầu tiên trong bầu không khí hòa hoãn, không xâm lấn biên giới của nhau. Hôm sau chị vẫn không vào nhà thương ngay. Chị đòi anh đưa thăm các địa điểm nổi tiếng của Hà Nội. Anh đưa chị đi Văn Miếu để tỏ lòng yêu mến văn hóa nước nhà, đến cầu Thăng Long để ngưỡng mộ tình hữu nghị Xô-Việt. Cuộc đi chơi kết thúc ở hàng chả cá nổi tiếng giữa những ông Tây bà Đầm trả bằng đô-la. Thế là nhờ chị mà anh đã hoàn thành vượt mức kế hoạch chín năm trước thời hạn. Anh định đúng vào năm hai ngàn sẽ tập trung toàn lực đi ăn một bữa chả cá đầu tiên và cuối cùng trong đời. Ăn xong, uống cà phê xong, cái hóa đơn đặt trên bàn làm anh suýt ngất tưởng như mình vừa mua cả tháp Ép-phen. Nhưng chị rút ví ra kịp thời, trên bộ mặt hơi xanh xao không chút cảm xúc. Anh nhẹ nhõm thầm nhận xét rằng, chị là người đàn bà đầu tiên đi ăn với anh mà anh không phải mó tay vào ví lần nào. Chị đòi đi Hồ Tây. Họ lên Hồ Tây. Cô bán hàng mang đến cho họ hai cái ghế mây cạnh gốc cây tù mù và hai chai nước ngọt do Viện kiểm soát nhân dân thành phố X sản xuất. Chị nắm tay anh: "Anh mệt không?" Anh nói: "Văn hóa chỉ khác tình dục ở chỗ nó làm con người ta hào hứng mà không mệt". Chị mỉm cười: "Thế thật! Ở Hà Nội có người đã chi cho tôi hai triệu một ngày nhưng không hề dẫn tôi đến một di tích văn hóa. Trí thức các anh dễ thương thật". Anh nghĩ: có lẽ công thức trước đây của họ là: Quán đặc sản - giường ngủ. Còn trí thức: Văn Miếu - Nhà triển lãm Ngô Quyền. Vào cửa hai trăm đồng một vé, kem que cạnh đó cũng hai trăm mà những ba màu. Trí thức nói chung là ít phải trả tiền dù đi với mỹ nhân. Chỉ hơi tốn nước bọt mà thôi. Thời nào cũng vậy.

Chị không để anh có thì giờ suy nghĩ lan man. Chị siết mạnh tay anh, bàn tay chị ấm nóng: "Vậy mà tôi chưa bao giờ lọt được vào mắt xanh một anh trí thức". Anh nói: "Vì chị quá đẹp còn họ thì quá nghèo. Thánh nhân đãi khù khờ chứ đâu có phù hộ người hay chữ". Chị bình luận: "Thánh ghen tị đấy mà! Chắc cũng có một nữ thánh nào đó ghen ghét tôi. Tôi cố tìm lấy một người mà không thấy..." Chị thở dài. cái khuynh hướng phủ nhận sạch trơn bốn mạng đàn ông một lúc làm anh khó chịu. Nhưng anh thấy mủi lòng, bản chất hay giao động của trí thức. Anh nói: "Rồi chị sẽ tìm thấy". Chị đột ngột nhìn vào mắt anh: "Anh có biết tại sao chồng tôi cứ nằm lỳ ở Hồng Kông không về? Anh thử đoán xem!" Anh im lặng. Chị nói: "Anh ấy bị SIDA! Thật tồi tệ. Hành động yêu nước cuối cùng của anh ấy là đề nghị HU (WHO) đăng ký mình vào danh sách bệnh nhân của Hồng Kông, chứ không phải nước ta. Gian lận thêm cho bọn tư bản một người sa đọa cũng chẳng oan gì.

Anh cảm thấy chạm được bằng xúc giác nỗi đau khổ của chị. Giọng chị trở lại bình thường: "Tôi đòi ly dị, nhưng ông Vị khuyên tôi: Đừng có đánh mất lòng tin. Khoa học sẽ chữa được cái bệnh tai quái đó. Rồi ngày nào đó

chồng em sẽ về. Như thơ Xi-mô-xốp vậy. Tôi thì biết thừa tim đen của ông. Nếu ly dị lỡ tôi đòi lấy ông, như thế thì sự nghiệp ông tan tành. Vả lại ngân sách ái tình của ông ấy được tư bản Hồng Kông trợ cấp một nửa, nửa kia moi ruột nhà nước thì tiện bao nhiêu. Tôi nói về ông ấy như vậy anh có coi thường tôi không?" Anh đáp: "Tôi là nhà khoa học, tôi thích có dữ kiện trong mọi vấn đề". "Tôi căm ghét ông ấy còn vì câu chuyện khủng khiếp này nữa. Hôm đó chúng tôi đi xem xi-nê với nhau. Lúc chen chúc vào rạp, một bà nọ dẫm guốc bảy phân lên chân tôi. Tôi la trời. Đáng lẽ một câu xin lỗi là xong, chị ta lại chối bay biến và còn chửi tôi nữa. Chúng tôi túm tóc nhau lời qua tiếng lại. Không biết vì vô tình hay cố ý, chị ta chửi tôi là *con đĩ non xí xớn với thằng dê già*! Ông Vị tím mặt. Người ta mời chúng tôi vào phòng bán vé. Khai tên tuổi, nơi làm việc và xin lỗi nhau. Tối hôm ấy trên giường nhà tôi, ông ấy chỉ vặn hỏi tôi về người đàn bà ngoa ngoắt nọ. Ông rút sổ tay ra ghi. Ba tháng sau, tôi gặp chị thân tàn ma dại ngồi bán rau. Chị buộc phải thôi việc, chồng chị *nghỉ bảy mươi lăm phần trăm*, hai con nhỏ. Tôi hỏi chị vì sao nên nỗi thế. Chị làm thủ kho, để thất thoát mất hai mươi mốt miếng xà phòng bảo hộ lao động. Tôi thì tôi biết con nhện nào đã giật tấm lưới bắt con ruồi cái ốm đói kia. Tôi van xin ông ấy. Nhưng ông chỉ cười gằn: *Phải nghiêm để nâng cao dân trí*. Thế đấy. Ông trả công tôi bằng cái quyền chính là thứ tôi và anh, cả chị thủ kho kia nữa đã cho ông ấy. Còn thằng cha đầu tư? Nó làm tôi sung sướng nhưng nó trả tiền tôi từng ngày, có khi hàng triệu, nhưng trả từng bữa, nghĩa là trả theo sản phẩm. Nó bảo cả thế giới người ta đều làm như thế."

Chị buông tay anh, ôm mặt. Anh không thể ngồi im. Anh lặng lẽ lấy tay vuốt tóc chị, trong lòng anh trào lên thứ tình cảm của người anh trai. Chị ngước nhìn anh và biết ơn: "Anh khác họ nhiều lắm!" Rồi chị vòng tay qua cổ anh, chị hôn anh.

Đêm ấy chị sang với anh. Ngon lành và thơm như một múi mít và thanh thản nữa. Anh không dối mình đã hơn một lần anh thèm muốn chị. Nhưng giờ đây anh lạnh băng. Cũng chẳng phải anh trinh bạch như gã chăn cừu của Đô-đê nâng niu giấc ngủ của cô chủ trên vai mình. Chị cũng không phải là một vì sao lạc. Chị phô bày cái bản năng dữ dội nhưng bao giờ cũng hồn nhiên của một người đàn bà. Nhưng anh không thèm chị. Giá chị để cho anh bình tĩnh anh sẽ an ủi chị như một người anh. Nhưng chị đã quýnh lên và cáu: "Trí thức chỉ thế này thôi à? Trong sách người ta không dạy anh ư?" Chị hạ mình trước anh, làm cả những điều chị chưa hề làm với người khác. Nhưng anh chỉ rúm ró lại trong nỗi đau của một hàn sĩ. Chị trần truồng đi ra cửa để về phòng mình, ném đại mảnh vải Thái Lan nhỏ xíu vào mặt anh rồi rít lên trong cơn dông bão đàn bà: "Lại một con sứa nữa! Tôi còn căm ghét anh hơn cả ba thằng kia!"

Một tháng sau, khi đã bình phục sau trận ốm, chị cho một anh xích lô gởi nhờ xe. Anh ta kể: nhà, vợ con anh bị cháy thành tro, hai tháng nay anh ngủ trong xe ở sân ga, chân cầu. Bà Múi thì thầm với Hảo: "Cứ cách một đêm

hắn lại lên phòng ngủ với cô. Thằng khốn nạn!" Hảo bảo bà: "Ơ-rê-ka! Cô chủ đã tìm thấy!" Bà ta chưa được đọc tiếng Hy Lạp, tưởng anh điên, chạy biến vào bếp.

Tiếng Anh cuối cùng Hảo dạy cho thằng Cu là *The man* - người đàn ông. Hôm sau anh thôi việc. Anh lững thững đi bộ về nhà. Trời sẩm tối. Một đoàn tàu hàng dừng lại sân ga. Anh nhìn thấy công nhân xếp dỡ đang chuyển xuống đất mười hai toa tàu trứng hột vịt lộn. Những sọt trứng tỏa ra một vòng hào quang, những quả trứng nhú khỏi đám cọng rơm như đầu những dương vật của một loại người hùng mạnh chưa từng có. Cũng chưa từng có công ty nào ở thành phố này buôn về một số lượng trứng nhiều ghê gớm như thế.

Sáng hôm sau trên các phố nhan nhản biển hàng viết bằng phấn: "Vịt lộn - hạ giá năm mươi phần trăm!" Người ta lo ngại xì xào rằng, một năm nữa dân số của thành phố chắc sẽ phát triển vô tội vạ.

*Trại sáng tác văn xuôi Hải Phòng*
*Tháng 7-1991*
NGUYỄN QUANG THÂN



**PHẠM CHI LAN**

# thao thức

*Đêm không nghỉ*
*Và ngáp, những tiếng động*
*đi vào vùng bóng tối*
*đầy thao thức*

*Khi ý nghĩ là tiếng chim kêu*
*Phong linh thở dài*
*trước khi cất tiếng hát*
*cùng với gió*

*Bài hát*
*là những lời hát không lời*
*phục sinh từ tiền kiếp*

*Búp bê cần linh hồn*
*Hãy thở linh hồn*
*vào đời sống*
PHẠM CHI LAN



**ĐOÀN NHẬT**

# những ngày...

*Những ngày đầu*
*Ngọn lửa quê nhà cháy trong tim anh*
*Ngọn sóng thần tình ái vượt lên sự hữu hạn em*
*Lâu dần*
*Sự vô minh trên dời người*
*Được soi chiếu trong anh*
*Phá vỡ bờ vách sương mù*
*Khai giải những nhiễu loạn em*
*Sự thay đổi manh nha*
*Tình yêu và quê hương của cả hai*
*Tiến hóa*
*Theo vầng nhật nguyệt bí nhiệm*
*Ở giữa mạch ngầm cảm thức*
*Chiến tranh và sự chết nhân loại*
*Sa lầy*
*Vào huyền thoại*
*Ngày bão lửa*
*Anh và em được lý giải*
*Để trí tưởng tượng vỗ cánh*
*Bay hoang đàng vào cõi trời xa*
*Những ngày sau*
*Điều ngộ nhận bị xé vụn*
*Khi đi quá xa mảnh đất này*
*Giữa đất trời lầm lẫn*
*Anh tự tra hỏi mình*
*Về sự hiu quạnh bất tử của ngờ vực*
*Khi sinh thành tình yêu em*
*Khi sinh thành quê hương, chiến tranh và sự chết.*

ĐOÀN NHẬT



**NGUYÊN THI**

# Hoa rơi

Lạc hoa tương dữ hận,
Đáo địa nhất vô thanh.
**Thôi Đạo Dung**

*(Hoa rơi mang nỗi hận*
*Chạm đất không tiếng than)*

Người con gái suốt từ nãy giờ chỉ cúi gầm đầu xuống, cô không hẳn là khóc, nhưng giọng nói pha lẫn với tiếng ấm ức nấc nghẹn trong cổ họng, cũng đủ làm ba người đàn ông trong phòng ngột ngạt, khó thở. Cuộc phỏng vấn đặc biệt kéo dài thật lâu, chừng như không bao giờ dứt, vì những câu hỏi nhiều chi tiết và nhất là vì những câu trả lời đứt quãng và không rõ ràng của cô gái. Sau cùng, người đàn ông Mỹ da trắng trẻ tuổi bực dọc, chốc chốc cứ xoay tay xem đồng hồ, tuyên bố:

- Nếu cô ta không muốn cộng tác thì dời lại hôm khác vậy, còn nhiều người chờ lắm.

Người đàn ông da nâu Mã Lai có tuổi, mặc sắc phục cảnh sát, có vẻ tán thành:

- Phải đó, hay là dời lại đi. Cho người khác.

Người đàn ông thứ ba, một trung niên người Việt gầy gò nhỏ thó đeo kính trắng, có vẻ ái ngại, vừa thông dịch vừa chua thêm:

- Cô hãy chịu khó cộng tác đi, nếu dời lại thì hồ sơ sẽ lâu lắm, không biết khi nào mới trở lại lượt cô.

Cô gái ngước mặt lên. Khuôn mặt bé choắt và non nớt, như trái cây chín héo quắt queo sạm nắng, tuổi thực của cô chỉ vào khoảng mười lăm mười sáu. Cô trông không khác gì những người tỵ nạn khác đến trên đảo tạm dung Pulau Bidong này, cũng cái vẻ lờ đờ man dại, đen đủi xám xịt, hai mắt lúc nào cũng chất đầy vẻ mong mỏi pha lẫn chịu đựng âu lo. Áo quần vá víu, bạc thếch, không rõ mầu sắc, thân hình gầy còm, hai cánh tay khẳng khiu, chỉ có cái bụng là căng trướng lên.

Thoạt tiên Nhân không lưu tâm đến cô gái, ngày nào cũng làm thông dịch cho hàng chục người, thì giờ đâu mà để ý đến từng trường hợp. Gần hai năm làm việc tại văn phòng trại tỵ nạn, có chuyện gì Nhân không nghe thấy qua. Câu chuyện của cô gái nhỏ này cũng không lạ mấy so với hàng trăm chuyện thương tâm khác. Mới đầu Nhân cũng từng nao nao trong dạ, nhưng nghe mãi chỉ cảm thấy chán, và nản nhất là không hiểu đến bao giờ mình mới hết phải nghe, và thoát được vai trò ngồi kể lại những thảm cảnh của cuộc đời vượt biển...

Câu chuyện của cô gái nhỏ này có bốn điểm chính giống những người vượt biển kém may mắn khác: thứ nhất, cô vượt biển nhiều ngày và tấp vào hoang đảo nhiều tháng trời trước khi được đưa đến trại tỵ nạn Mã Lai, thứ nhì, cô đã bị hải tặc cưỡng hiếp, thứ ba, cô không có ai là thân nhân, và điểm thứ tư, cô đã mang bầu. Có một vài khía cạnh khiến trường hợp của cô thành ra riêng biệt: thứ nhất, cô có đủ cả bốn điểm khốn nạn kể trên cộng lại, thứ nhì, cô chỉ mới có mười lăm tuổi, thứ ba cô dấu diếm việc mang thai trên biển cho đến khi không còn dấu được nữa, và thứ tư, khi được mọi người, kể cả ông cao ủy và ông cảnh sát, hỏi tới hỏi lui có vẻ như khuyến khích giúp phương tiện cô nên phá cái thai oan nghiệt dù đã hơi lớn đó đi, thì đột nhiên, cô ngẩng đầu dậy, ánh mắt long lanh, như tia sáng mặt trời soi dọi qua màn nước mưa, giọng cô vừa rên rỉ mà lại có vẻ bực dọc như người phải trả lời mãi một câu hỏi quá nhiều lần:

- Không! Tôi không muốn làm vậy đâu! Xin các người để cho tôi yên thân đi!

Nhân bỗng giật mình khi bắt gặp tia mắt đó, nó vừa dữ dội quyết liệt, vừa não nùng thảm khốc. Như ánh mắt của một con thú mẹ yếu ớt cùng đường nhất định thí mạng trước kẻ thù mạnh hơn gấp bội định giết hại con mình. Tia mắt hoang dại như phát xuất từ một bản năng sâu xa khó hiểu nhất của loài vật cái. Cũng có thể đó là tia mắt phản chiếu một ý tưởng nhân bản nhất mà con người vì tính toán vị kỷ quá đã muốn bỏ quên đi. Hay cũng có thể là một sự vùng vẫy tuyệt vọng của một người bất lực đang ngoi ngóp trong mạng lưới xã hội đang siết chặt vào mình.

Thoắt chốc, Nhân chợt thấy mình hèn kém dễ sợ, khi bắt gặp bàn tay mình đã lăm le cái bút không đúng chỗ dưới câu trả lời có cái ô đánh sẵn hai chữ "yes" và "no" cho trường hợp không phải là hiếm thấy trong văn phòng tỵ nạn trên hòn đảo tội tình này. Thì ra mình cũng đồng tình trong áp lực khiến cô gái đáng thương này phải theo những định kiến xã hội. Cô ta đã bị cưỡng bức mang thai. Bây giờ đến cả quyền giữ hay không đứa con đó cũng bị ít nhiều ép uổng. Đó là chuyện riêng tư của một người đàn bà, nhất là một người đàn bà trong cơ cảnh khốn nạn nhất như cô gái này. Ít ra người khác phải tôn trọng và hoàn toàn im lặng. Đó là điều người ta ít khi làm. Ngược lại là đằng khác. Không phải mới mẻ xa lạ gì những chuyện vài gã đàn ông đi chung từng chứng kiến các phụ nữ thuyền nhân bị hãm hiếp trong chuyến

đi, đã đem chuyện đó ra làm trò đùa bẩn thỉu, hay nhẹ nhất là nhìn nạn nhân bằng một cặp mắt có ít nhiều khác lạ, làm như họ có quyền chen lấn vào sự bất hạnh u tối nhất của một đời người, có quyền phán quyết theo ý nghĩ của họ. Hình như Nhân bị tiêm nhiễm cách nhìn đó từ lúc nào không hay, đã gia nhập vào cái đám đông lạnh lùng, máy móc và vô tình đó mất rồi.

Nhân tháo cái kính gẫy gọng ra lau lau dấu bớt xúc động, mắt liếc nhìn lại cô gái. Cô gái vẫn ngồi co ro, đầu gục xuống, mái tóc dài ngổn ngang trên đôi vai gầy nhỏ bé, gió lùa từ cánh cửa hé mở và chiếc quạt máy trong căn phòng hâm hấp nóng làm tung bay những sợi tóc rối bời bời. Nhân chợt có cảm tưởng như cô gái không thực sự có trong căn phòng không khí căng thẳng với những gã đàn ông đang đâm thêm vài nhát dao vào cuộc đời tơi tả của cô, còn có thêm những đôi mắt thập thò bên ngoài khung cửa hé mở đang háo hức đào bới thêm sự đau khổ của người khác để an tâm hơn với số phận của mình.

Cô hình như đang ở một nơi nào khác...

*

Người trong thôn Vĩ Dạ chỉ biết cụ lang Bang là người miền Bắc, vào Huế ở vào khoảng ít lâu sau đợt di cư 1954. Cụ lang già rồi chỉ có một đứa con dại tên Nhân - có khi cao hứng cụ bảo là sinh ra được nhờ toa thuốc gia truyền của cụ, còn cụ bà thì bảo là nhờ cầu tự chùa Hương. Họ cũng nhìn nhận là cụ lang hốt thuốc thật tài, trị được nhiều bệnh khó, hay nhất là lại có lòng tử tế nữa, lắm khi không lấy tiền xem bệnh của người nghèo. Nhưng cụ cũng có khi dở chứng gàn nhất định không xem bệnh cho vài người giàu có. Họ còn biết cụ thích cô độc, tịch mịch, ít bạn bè, và rất khó tính, trông có vẻ nghiêm túc khắt khe, có chút gì khinh bạc yếm thế, vì vậy ít người dám lui tới nhà, trừ phi có chuyện. Ngoài ra phong cách cụ có vẻ trưởng giả quan liêu lắm, rượu cúc đắt giá trong vùng, trà sen nổi tiếng hồ Tịnh Tâm cụ còn không dùng đến, cứ đôi ba tháng người ta lại thấy cụ đến đặt mua tại một cửa hàng khách trú ở cửa Thượng Tứ, những thứ trà cực quý, đâu như trà Mạn Đà Sơn, Thiết Quan Âm, Vũ Di Sơn, hay Bạch Mao Hầu chi đó. Cụ là người rất sành điệu, biết rất nhiều nơi chốn, tiếng khách tiếng tây đều nói thạo. Họ đoán già đoán non cụ thuộc dòng danh gia vọng tộc nào đó, thậm chí thêu dệt cụ đã từng làm quan tam tứ phẩm trong triều rồi, vì cụ không có vẻ gì xa lạ với khung cảnh quanh vùng thành nội Huế, và cụ chọn định cư tại vùng này, thay vì vào miền Nam sinh sống như hầu hết người Bắc di cư khác.

Nhà cụ ẩn kín sau hàng dậu thật cao dầy, lại có cả cổng rào thường đóng kín, khác với những nhà lân cận thường rộng mở, vườn nhà cụ bên ngoài nhìn vào xanh rờn rợn, lạnh lẽo. Đầu sân có hòn non bộ thật lớn, có bể hứng nước mưa cho cụ pha trà, trong vườn trồng nhiều hoa kiểng hơn là cây ăn trái, có khoảnh trồng toàn là hoa mai, bạch mai vào mùa xuân nở trắng xóa, thay vì là hoàng mai hay tứ quý như thường thấy ở những nhà trong vùng. Nghe đâu

mấy cội hoa mai này lấy giống của sư cụ mãi tận chùa Trúc Lâm hay chùa Từ Hiếu. Cụ có lần cao hứng, giải thích bạch mai cội trông uy nghi, hoa lại thanh khiết tao nhã, thích hợp cho người quân tử. Sở thích và thói quen của cụ thường trở thành ý và hứng của cậu con trai muộn, vốn được cưng chiều, bám sát chân thầy từ tấm bé. Có điều Nhân lại không phảng phất thứ hoài cổ u uất của cụ Bang, cũng không có cái hùng khí cao ngạo của Cao Bá Quát qua hai câu thơ mà thầy thường sang sảng ngâm:

*Thập tải luân giao cầu cổ kiếm*
*Nhất sinh đê thủ bái mai hoa*
*(Mười năm luận bàn thanh kiếm báu*
*Một kiếp cúi đầu yêu đóa mai)*

Nhân chỉ thích nhìn cảnh hoa mai rơi rụng nhẹ nhàng trong gió, thuần khiết và mong manh, gợi một cảm khái lâng lâng và man mác. Nhân không nói điều đó với ai, vì cậu thường bị chế là giống con gái từ nhỏ rồi, nên ngại đem những lãng mạn vu vơ đó ra tâm sự. Từ bé, Nhân cứ ốm đau quặt quẹo, sài đẹn hen suyễn, nhờ uống nhiều sâm với yến với những toa thuốc gia truyền đắt giá nên cậu mới lớn khôn, vóc dáng có hơi gầy gò, nước da trắng xanh xao, tóc đen và mắt ướt. Cậu lại nói giọng Bắc nhão nhoẹt khó nghe khiến đám bạn học hoặc hàng xóm không cho nhập bọn, tính thầy lại không ưa thấy con đàn đúm, dương nhiên Nhân trở thành nhút nhát lẻ loi một mình.

Khi Nhân ra đời thì cụ lang đã quá ngũ tuần, hai người chị con của mẹ lớn cũng đã theo chồng đi xa không liên lạc, cảnh nhà hiu quạnh. Mẹ Nhân là vai chấp nối sau khi mẹ lớn qua đời, do đó tuổi kém thầy nhiều, người gốc miền quê Nam Định, thật thà chân chất, không có gì là hợp ý thầy, được cái hầu thầy tới nơi tới chốn. Vất vả quá nên người mẹ trông chóng già. Mẹ rất ít nói, cả ngày không nghe thấy tiếng, có thể vì không biết trò chuyện với ai, ngoại trừ con sen trong nhà. Tính mẹ rất hiền lành, phục tùng và an phận, không khác mấy một cái bóng. Chính Nhân cũng lãng quên mất mẹ dù mẹ chắt chiu săn sóc cậu, vì cậu say mê cái phong độ cốt cách của thầy nhiều hơn. Nhất là mỗi khi nhìn thầy mình áo quần trắng xóa, râu tóc bạc phơ chập chờn trong gió, ngồi đơn độc bên chung trà buổi sớm, chén rượu lúc về chiều, hay thả khói thuốc dọc tẩu rất mơ màng thanh thoát, những khi đó Nhân thường tưởng tượng đến nhiều chuyện thần kỳ, và cảm thấy thầy mình thật xa lạ thật đáng vì đáng nể.

Huế đối với Nhân là những chuỗi ngày màu xanh, xanh mượt mà của cây lá, xanh thăm thẳm của dòng sông Hương mà Nhân thường lẽo đẽo đi dạo một mình, và màu xanh âm u của khu vườn nhà khép kín như một cõi riêng quạnh quẽ và nhiều ảo mộng.

Khi Nhân lên mười thì thầy cho Nhân học môn thuốc gia truyền. Toàn là chữ nho với chữ tàu, học mãi không vào đầu, khiến thầy cáu gắt, roi vọt thằng bé tơi bời. Sau đó thầy cứ thừ người ra thẫn thờ, có vẻ nuối tiếc thất vọng cho những tinh hoa của đời mình sắp vào hư không, chẳng ai thừa kế.

Nhân vừa hãi vừa buồn, cảm thấy mình ngu đần và vô tích sự, không sao làm được thầy vui. Nhân học trong trường cũng khá, rất chuyên cần, có điều cậu không thích hay không có khiếu trong nghề thuốc, hay vì áp lực của thầy đã khiến cậu càng sinh ra mẫn cảm hơn.

Nghề thuốc gia truyền của cụ lang tuy có giỏi, nhưng cụ ngày càng già, thuốc bắc thuốc ta điều chế ngày càng đắt, làm sao cạnh tranh nổi với thuốc tây, thuốc mỹ, vừa rẻ hơn mà lại hiệu nghiệm cấp kỳ. Cho nên đến khi Nhân vừa lớn đủ để nhận biết, trước sự bất đắc chí của thầy, cậu bi quan theo, cảm thấy đời mình như chỉ toàn là phù suy chứ chưa từng phù thịnh.

Cảnh nhà sa sút dần, sau cùng thì cụ lang viện cớ tuổi già sức yếu ngưng luôn việc bốc thuốc - thực ra chỉ vì không còn ai đến mời. Dù gì lúc đó cụ cũng đã ngoài lục tuần, nghỉ là vừa, nhưng khổ nỗi cha già con muộn, cảnh nhà quạnh quẽ, lại ngồi không ăn nên tiền của ngày xưa đã cạn mòn hết, bấy giờ chuyện nhà từ trong ra ngoài giờ vào tay me hết. Cụ lang lại không chừa cái thói phong lưu con nhà. Lành cho sạch, rách còn muốn cho thơm hơn. Cụ muốn giữ thể cách nên không chịu bỏ bớt bất cứ thứ thói quen xa xỉ nào lúc trước, càng sa sút, càng thua bại, cụ lại càng tự ái và gàn bướng. Thậm chí me Nhân đi buôn để kiếm tiền chi tiêu trong nhà, mà cứ phải dấu diếm mãi một dạo. Chả gì lúc nào ra đường bà cũng mặc áo dài, như các o các mụ Huế khác, cho nên cũng khó ai biết. Đến chừng người ta đi chợ Đông Ba thấy cửa hàng xén nho nhỏ của cụ lang bà, mới hay. Cụ ông thỉnh thoảng lại đem chuyện đi buôn đi bán của cụ bà ra đay nghiến, làm như đó là điều nhục nhã gia phong.

Thầy càng già càng sinh khó tính, dở hơi. Quát tháo nạt nộ me tối ngày. Me đã ít nói lại càng không dám nói vì mỗi lần me mở miệng là thầy bảo ngu dốt, câm mồm. Thầy ăn không ngon là cứ gạt phắt cả mâm ăn xuống đất. Rượu trà không đúng hương vị là vứt hết vào sọt rác. Mới đầu Nhân còn có ý hơi thán phục vẻ oai phong khí phách của thầy. Đến khi thấy thầy vừa quay lưng bỏ đi mẹ lại ngồi thụp xuống nhặt nhạnh, thu vén, và bươi cả thùng rác cất lại từng hạt cơm, từng nhánh trà, để tự dùng dần, Nhân đâm ra ái ngại, tuy còn chút ngỡ ngàng vì chưa rõ me sao lại tiện tặn đến thế. Mãi đến khi ra chợ chứng kiến cảnh me bán buôn, có khi phải nhẫn nhục cho người khác, bạn hàng có, khách mua có, chửi chê xỉa xói, các mụ hàng chợ Đông Ba nói ngọt thì ngọt hơn đường, nói chua thì chua hơn giấm, dai dẳng câu kệ cả ngày, me chỉ lẳng lặng giả câm giả điếc, cốt yên thân thu nhặt từng đồng lẻ về nuôi nhà, chừng đó Nhân mới hiểu ra rằng, sự nghèo nàn tiện tặn của me mới là sự thực, còn cái tính phong lưu hào nhoáng của thầy chỉ là giả. Đột nhiên Nhân thấy thầy nhác nhác như những tiên ông trong hình vẽ, trong ngoài đều là hình vẽ. Hình như thầy tự vẽ ra bề ngoài của mình. Để làm gì nhỉ? Lúc còn nhỏ Nhân không hiểu nhiều điều của người lớn. Chỉ cảm thấy mối phức cảm vừa pha sự sợ hãi rờn rợn khi thầy nổi cơn, lẫn vào sự bất bình thương xót cho me, ngày càng rõ rệt.

Không bao giờ nghe me phiền trách thầy, lúc đó và mãi về sau này. Me nhẫn nhịn cho đến phút cuối, tôn trọng và cung phụng những sở thích của cụ. Ai nói gì cũng bênh chồng, có đói có kém cũng nhịn ăn nhịn mặc lo cho chồng vừa dạ. Thậm chí khi thầy mất đi, tang ma tươm tất xong, trong nhà không còn tiền của chi hết, me vẫn cố giữ lại mấy bộ đồ trà cổ quý giá của thầy để làm kỷ vật cho con cháu. Sau này khi túng thiếu quá phải bán nhà vườn ra phố chợ ở trọ, me khóc mấy đêm buồn mấy tháng, tự oán trách mình kém tài kém sức không giữ gìn được của cải cho chồng con, thế mà me vẫn cố giữ lấy bộ ấm tích. Sau này lớn lên Nhân cũng chẳng bao giờ dùng đến nó, chỉ thỉnh thoảng lấy ra lau chùi, ngắm nghía. Thở dài. Thương thầy, vì cảm thấy như chứa đựng trong đó chút dư vị đắng cay tê tái của một đời hình như chưa toại ý, cố vay mượn mãi cái ảo hình mà không sao an nhập được cái tâm, và thương nhất là me, vì lúc sau này quanh quẩn bên me, trong nhà, đi chợ, đi chùa, Nhân càng không hiểu đời me đã từng có chút vọng cầu gì cho riêng mình không, hay lúc nào cũng chỉ là một chiếc bóng của người thân thuộc.

Thương nhất là khi thầy qua đời, tuổi già sức yếu, lại mắc bệnh bối thự ung độc sưng tấy sau lưng, không sao chữa khỏi. Người bị hành hạ gầy gò không sao ăn ngủ được, cả đến uống tí trà thơm cũng mửa hết ra, nhấp một ít, đã nôn ra òng ọc, co quắp cả người, trà khi vào thì thơm tho, chừng ra tanh tưởi. Thầy từng hốt thuốc cứu sống bao người, đến lượt mình ốm đau không ai cứu được, mà còn bị hành như là bao nhiêu oan khuất của bệnh hoạn đâu đâu phải ôm trọn vào mình.

Khi thầy mất, một phần vì chờ chọn ngày tốt để chôn cho được phúc đức - đúng ra là me chưa chạy kịp tiền mua được áo quan - phần vì chứng bệnh lạ khiến xác mau hủy hoại, chưa kịp chôn cất đã bốc lên mùi. Tội nghiệp cho thân cụ, lúc sinh tiền yêu hương chuộng vị tao nhã biết dường bao, đến khi lìa trần, xác tuy ướp đầy trà thơm, mà mùi hôi vẫn làm cho người đến viếng ái ngại.

Ngày đưa tang trời mưa phùn rả rích, nước mưa tuôn lã chã trên áo quan có màu đùng đục, khiến Nhân không sao tránh khỏi lắm điều liên tưởng, và không chịu đựng nổi, gục xuống kêu khóc hơn cả đàn bà. Anh cảm khái cho cái phi lý của đời người.

Buổi chiều về thừ người nhìn hoa rơi, chỗ thầy hay ngồi, tưởng nhớ đến mái đầu bạc tiên phong đạo cốt mới ngày nào của thầy, Nhân chợt rùng mình. Hoa rơi trông nhẹ nhàng và thanh khiết nhường bao, còn người chết sao lại rữa nát tang thương đến thế. Phong lưu thi vị hóa ra cũng chỉ là hư ảnh. Nhân bị ám ảnh thật lâu, và từ đó chọn làm một kẻ thô tiện đơn giản - thực tế cảnh nhà cũng không cho phép Nhân làm khác. Nhân nảy sinh lòng gần gũi thương cảm với sự nghèo nàn khốn khó, với sự mong manh thơ dại của con người, Nhân cũng không còn quá tin ở những điều tai nghe mắt thấy

nữa, mà hiểu là còn có một sự thực ở đằng sau. Cũng có thể, đó là những điều kiện bẩm sinh cho phù hợp với cái nghiệp dạy học của Nhân.

*

Khi thầy Nhân vừa tốt nghiệp sư phạm, được bổ nhiệm vào dạy một trường nữ trung học lớn nổi tiếng tại Huế. Là nam giáo sư trong trường con gái, lại trẻ tuổi, trắng trẻo, thư sinh, đi dạy lần đầu, không sao khỏi ngại ngùng.

Trường Đồng Khánh không xa lạ gì, sát cạnh trường Quốc Học của Nhân thời trước. Các cô gái áo trắng tha thướt thùy mị cũng lắm mà đáo để cũng nhiều, không sót anh con trai nào không bị rơi rớt ít nhiều ấn dấu thời tuổi trẻ với "nhà láng giềng" đầy thơ với mộng đó. Cũng may thầy Nhân mới ra lò nên chỉ được xếp giờ cho mấy lớp cắc ké, đệ lục, đệ ngũ, chưa có nhiều cạm bẫy.

Các cô học trò nhỏ thường khá ngoan, chỉ có mỗi cái tật lớn là nói nhiều, tiếng con gái Huế nói cười như chim hót, nhưng khiến cho thầy nghe sợ hơn nghe vui. Thầy Nhân hiền quá nên lớp học lao xao ồn ào triền miên. Lắm lúc Nhân tự hỏi chuyện của con gái ở đâu mà bất tận. Các cô bé vào khoảng tuổi mười ba mười bốn ngồi bàn đầu còn biết sợ thầy, các cô lớn vào khoảng mười lăm mười sáu, cao lớn và xinh xắn hơn, cũng biết dở chứng hơn, thường lười biếng và già chuyện, thích ngồi ở dãy bàn cuối, mệnh danh là "xóm nhà lá".

Thỉnh thoảng có cô "xóm nhà lá" lại học rất giỏi, nhất là môn Việt văn thầy Nhân dạy, các cô lớn có nhiều ý tưởng phong phú thú vị hơn. Trong năm đầu tiên thầy Nhân dạy, có một cô "xóm nhà lá" lớp đệ ngũ khiến thầy chú ý ngay. Cô bé có cái tên dễ nhớ, Trần thị Ngọc Mai, rất xứng với nét mặt, trắng trẻo xinh xắn và dáng người cô gầy gò thanh tú, cô ít nói và nhút nhát lắm, mỗi lần thầy gọi hỏi bài là đứng chào cờ hồi lâu mới thốt ra lời. Nhưngkhi cô viết bài luận thì thật lạ lùng, làm như những gì cô nói không được đem ra viết hết.

Thầy Nhân chú ý ngay đến cô bé khi đọc bài viết của cô về một đề tài cũ rích "Hãy tả loài hoa mà em thích nhất". Các cô học trò thường mang tên hoa, cô nào tên hoa gì thì thường thích loại hoa đó, Ngọc Mai thích mai trắng là chuyện thường. Văn chương Mai rất tự nhiên mà sâu sắc, chân thành đến cảm động. Có mấy câu của Mai thật khó quên - ghi lại không đúng nguyên văn lắm:

*"Mỗi người thích một loài hoa. Theo em nghĩ, người ta thích vì thói quen hay kỷ niệm hơn là vì vẻ đẹp, vì hoa nào cũng đẹp, và hoa nào cũng tàn...*

*"Hoa mai đẹp khi nụ hoa vừa chớm nở, nhưng đến khi hoa tàn rơi rụng còn đẹp hơn nữa. Em thích ngồi dưới gốc mai già cằn cỗi hàng giờ nhìn hoa rụng. Cánh hoa trắng rơi rơi khiến em tưởng tượng đến tuyết trắng ở những nơi quá xa xôi chắc em không bao giờ đến được. Phải chăng người ta thường chỉ thích đến những nơi không đến được. Dưới cội mai em còn tưởng tượng được nhiều*

*nơi khó đến nữa. Ở nơi có cha em, người đã để lại cho em gốc hoa mai này. Nếu cha em còn, không hiểu hoa rơi trông có buồn như thế không?...*"

Bài viết khiến thầy Nhân cảm động và đâm ra chú ý ngay đến em Trần thị Ngọc Mai. Trong tình quý mến thầy trò có pha thêm chút ái ngại thông cảm của những người "đồng bệnh".

Ngọc Mai thông minh và có khiếu văn chương, nhưng em học không đều, có khi rất trội, có khi không thuộc bài, lại nhút nhát nói năng ấp a ấp úng. Thầy Nhân cố khuyến khích bằng cách nhắc nhở nhẹ nhàng cho em cố gắng học thêm, đôi khi khen ngợi công khai để thúc đẩy em tự tin hăng hái... Thật ra thầy đối với Mai cũng không hơn các em khác bao nhiêu. Nhưng phản ứng của Mai có hơi khác thường, cô bé chăm môn học của thầy Nhân hẳn lên, lại còn điểm thêm chút vẻ gì bẽn lẽn bối rối khi thầy gọi, cộng thêm với bề ngoài sớm ra dáng thùy mị thiếu nữ, khiến lũ học trò nhỏ dần dà nhận thấy, rồi chúng có vẻ nhốn nháo khác thường mỗi khi thầy Nhân gọi đến tên Ngọc Mai.

Mới đầu Nhân không để ý, vì sự lao xao trong lớp nghe quen thuộc với thầy hơn là sự im lặng của các em. Cho đến một hôm, trong giờ họp giáo sư, thầy đột nhiên nghe bà giám thị nhắc đến chuyện gì bóng gió như là "các thầy cần thận trọng trong cách xử thế với nữ sinh... đừng phơi bày những tình cảm cá nhân quá", rồi các cô đồng nghiệp nhân tiện bàn đến chuyện trường ta có những tin đồn chuyện tình cảm lãng mạn lăng nhăng thầy trò không hay vân vân. Những câu chuyện tình giữa thầy trò không phải là chưa từng có tại xứ Huế từng nổi tiếng là có bề mặt êm đềm như dòng sông Hương nhưng dưới lòng sông đầy sóng ngầm và trũng cuốn. Có điều thầy Nhân không ngờ chuyện của mình lại được người khác xếp vào danh sách. Nếu là chuyện thực chưa chắc Nhân đã không dám liều, chẳng làm sao đâu. Nhưng thầy nghĩ mình không có ý gì xấu, thậm chí không có cảm tình gì đặc biệt với Ngọc Mai cả, ngoài một chút duyên "đồng bệnh tương lân". Thầy Nhân nghĩ có thể vì mình mới ra lò, còn non kinh nghiệm sư phạm nên không biết cách phớt tỉnh trước những cảm xúc của mình hay học sinh. Thực ra thầy còn mới quá chưa có cái tự tin thoải mái để có ý gì "khác lạ" với học sinh. Cũng vì vậy, khi nhận ra được có nguồn dư luận không hay, thầy tìm cách dập tắt ngay, bằng thái độ vội vã và lúng túng quen thuộc của thầy. Thầy ra vẻ lơ là thờ ơ ra mặt, không còn lưu tâm đến Ngọc Mai nữa. Không biết có phải là hậu quả không, chỉ thấy Ngọc Mai học ngày càng kém, sắc mặt ngày một bơ phờ, nhợt nhạt hơn. Trong lòng tuy có chút buồn buồn, nhưng thầy cố quên đi không nghĩ đến chuyện đó nữa.

Điều đó không ngăn thầy chú ý lóm nghe một vài lần ngồi trong lớp vào lúc giờ chơi, các em học sinh tán gẫu với nhau, có đứa nhắc đến Ngọc Mai, kể lể chuyện gia đình Mai với bầy em dại đói kém, đến đỗi bà mẹ không lo liệu nổi phải tục huyền để nuôi con... Phải chăng vì vậy mà Mai thêm sa sút? Thầy Nhân chép miệng thở dài. Thầy làm được gì chứ?

Vào khoảng cuối niên học ấy, thầy Nhân để ý thấy giờ chơi thường có nhiều học trò lạ đến ngấp nghé nhìn vào lớp học của mình, lớp có Ngọc Mai bên trong. Câu chuyện có dính đến thầy hình như đã lắng xuống rồi kia mà, sao lại có hiện tượng tò mò này. Thậm chí, vài cô nhỏ còn táo bạo hơn, chạy thẳng vào trong lớp học, dáo dác dòm ngó, rồi bỏ chạy ra, có khi bấm nhau cười khúc khích, trông ma mãnh nhiều hơn thơ dại. Thầy nhác thấy về phía hướng nhìn của các cô bé, có một mái đầu đang gục xuống. Ngọc Mai. Trò chơi gì nữa đây? Hình như ở cái xứ tịch mịch này, người ta thích chơi trò làm khuấy động, họ thích làm ra tiếng dội, thứ gì cũng khuấy lên cho có dư âm vang vang ra, càng lớn càng xôn xao hơn càng tốt, cho đỡ buồn nản. Như mặt nước hồ tĩnh lặng chỉ chực chờ có viên đá nhỏ ném xuống là tạo ngay thành những đợt sóng lan dần, lan dần... rồi lại chìm vào lặng lẽ.

Âm ba của đợt sóng đó một hôm rơi vào tai thầy Nhân đang lúc xách cặp lên lớp. Bốn năm cô học trò nhỏ trong lớp đi phía trước thầy chụm đầu vào nhau, nói cười có vẻ vừa muốn che dấu vừa muốn tiết lộ một bí mật gì tội lỗi động trời lắm. "Hoang sớm quá! Bây lớn mà đã có bầu..." Thầy nghĩ mình có nghe lầm chăng?

Vài hôm sau, thầy thấy đang giờ học có văn phòng Hiệu trưởng gọi Trần thị Ngọc Mai. Cả lớp ồn ào nhốn nháo lên. Thầy Nhân không biết chuyện gì, nhưng để ý thấy mặt Ngọc Mai trắng bệch. Trời vào cuối mùa Xuân bắt đầu hơi nóng, thế mà cô bé vẫn mặc áo len, có vẻ bệnh hoạn khác thường. Lúc sau này trông Mai là thế, ngày càng tiều tụy sa sút hơn. Tuy bị tiếng đồn khiến thầy ngại ngùng, không dám quan sát kỹ, nhưng nhác thấy đã hơi giật mình. Mai lại cứ hay xin ra ngoài rửa tay trong giờ học, lần nào trở về cô có vẻ bết bát đi không muốn nổi. Khi cô về chỗ ngồi lại có tiếng lao nhao. Lần này cô lên văn phòng xong trở về, mặt trắng xanh như người mất cả máu. Cô không nói năng gì, ngồi thừ ra như mất hồn. Cả lớp cũng đồng loạt lặng lẽ một cách khác thường, như đang hồi hộp theo dõi một màn kết cục. Dường như đám học trò nhỏ kia biết rất nhiều chuyện, cũng như những đứa học trò đứng thập thụt dòm ngó bàn tán bên ngoài kia, chúng như đang tham gia cùng một trò chơi, rất sốt sắng, rất tích cực.

Trong lúc ngồi trông cho học trò làm bài, người thầy ngại ngùng loay hoay ráp những mảnh vụn vô tình nhặt nhạnh mấy tuần nay, và đột nhiên bật lên một câu giải đáp... Có lý nào như thế?

Ngày hôm đó là giờ cuối cùng ngày cuối tuần, trời lắc rắc mưa bụi cuối xuân. Tiếng chuông tan học vừa reo, học trò ùa ra như ong vỡ tổ, trời mưa thúc hối chúng mong về sớm, sợ chóng tối và lạnh. Thầy Nhân cũng vội vã ra về, có chút việc bận ở nhà.

Vội vã thế nào cũng thiếu sót. Khi đi bộ ra khỏi trường một quãng xa, thầy mới nhớ mình bỏ quên một cuốn sách quan trọng trong lớp. Chiều xuống thật nhanh. Khi thầy vào lớp thì bóng tối đã phủ tràn, một phần vì các

em học sinh đã đóng cửa sổ tắt cả đèn khi ra về, chỉ còn cửa chính hé mở chờ bác gác cổng đến khóa lại.

Bước vào lớp, thầy chợt giật mình. Một bóng trắng nằm gục xuống trên mặt bàn dãy cuối, có vẻ khác thường. Bóng trắng vẫn im lìm khi thầy lo lắng bước lại gần. Khi thầy đến bên cạnh, đột nhiên bóng trắng ngước mặt lên. Ngọc Mai!

Khuôn mặt trắng bệch trong bóng mờ của Mai đẫm đầy nước mắt. Hai mắt long lanh có vẻ tuyệt vọng. Tóc tai rũ rượi tan tác.

Nhân nghe dấy lên sự đau xót đến thắt trái tim. Sao lại đến nỗi này? Dù cho dư luận có xôn xao khắc nghiệt đến đâu, cũng sẽ không ngăn được Nhân thăm hỏi và lo lắng cho cô gái bé nhỏ đáng thương kia. Nhân đến gần hơn, dịu dàng hỏi:

- Em có đau ốm, có cần chuyện gì không, thầy sẽ giúp cho...

Mai lắc đầu, gục mặt xuống bàn, lần này cô nấc nghẹn thành tiếng, hai vai gầy guộc run rẩy. Nhân bối rối không biết phải làm gì, đứng tần ngần nhìn em ái ngại một lúc lâu. Bỗng Mai như thu hết can đảm, em bật đầu dậy, lau nước mắt, giọng nói quyết liệt, tuy còn đứt quãng vì những nấc nghẹn trong lồng ngực:

- Em... không có chi. Thôi... thầy về đi. Mặc kệ em.

Nhân vẫn ngần ngừ, áy náy:

- Em có cần giúp...

Giọng Mai như đanh lại. Cô lắc đầu quyết liệt. Hai mắt như lóe sáng lên sau làn nước mắt chưa khô:

- Không! Không ai giúp em được mô.

Nhân vẫn không thể bỏ đi. Mai im lặng nhìn vào khoảng không một lúc lâu, rồi đột nhiên nói:

- Thầy, thầy có tin là em làm chuyện chi xấu không?

Nhân ngỡ ngàng, ngập ngừng:

- Không, thầy không tin. Ai nói gì thầy cũng không tin.

- Răng thầy lại không tin thiên hạ?

- Thầy nghĩ thầy hiểu em. Thầy không biết nhiều chuyện, nhưng thầy hiểu em. Với lại... thầy cũng cô độc ít nói như em, nên ít hay tin điều người khác nói. Thiên hạ thường hay vẽ vời hay nói ngoa. Mà thực ra... thầy cũng không biết rõ người ta nói gì.

Mai cười khẽ mấy tiếng có vẻ chua chát:

- Thầy sẽ biết hết mà. Nhưng em mong thầy đừng bao giờ tin. Cho dù thầy là người duy nhất không tin, em cũng sẽ mãn nguyện.

Nhân bối rối xúc động:

- Em hãy an tâm, thầy tin em... Mai, em có chuyện gì cần thầy giúp không?

Mai se sẽ lắc đầu, lại nói:

- Không, thầy không giúp được mô. Có những chuyện không ai giúp được ai cả. Tự em biết em phải làm răng rồi...

Rồi cô như mệt nhoài, gục đầu xuống bàn, nói nho nhỏ:

- Thôi thầy về đi cả tối.

Nhân cảm thấy hơi nóng bốc dồn lên trên đầu. Trong khoảnh khắc, Nhân cảm thấy mình không còn là một người thầy giáo, mà Mai cũng vượt lớn lúc nào không hay, không còn là cô học trò nhỏ nữa. Tự em biết em phải làm gì rồi. Dù em có làm gì đi nữa, người khác đều phải tôn trọng.

Nhân trở lại bàn để lấy tập sách, vì không thể làm gì khác. Đến khi Nhân bước ra gần ngưỡng cửa, tiếng Mai bỗng vang vọng lên:

- Thầy... thầy... em cảm ơn thầy... thầy là người thầy tốt nhất của em... em không bao giờ quên thầy...

Nhân đứng khựng người lại, không biết trả lời sao. Mãi một lúc, Nhân mới nói ra mấy câu:

- Thầy cũng không biết mình có phải là người thầy tốt không. Nhưng em là đứa học trò ngoan, ngoan thực sự. Có nhiều chuyện... thầy không biết phải nói sao. Nhưng dù có chuyện gì em cũng phải cố gắng nhé. Nếu thầy giúp được gì, em cứ nói.

Tiếng dạ của Mai ơ hờ như gió thoảng...

Những chuyện sau đó cứ tuần tự đến, tuần tự lan ra như những vòng sóng tỏa quanh hòn đá đã ném đi, bảo là nặng thì cũng được, mà nhẹ thì cũng xong. Chuyện gì nặng nhẹ cũng tùy theo thời điểm và lòng người mà thôi. Bây giờ hồi tưởng lại Nhân chỉ cảm thấy man mác ngậm ngùi. Nhưng lúc mới hay tin Nhân nghe như có nhát dao đâm vào lồng ngực.

Tuần sau lên lớp đã không còn thấy bóng Ngọc Mai. Và vĩnh viễn không còn thấy bóng Ngọc Mai nữa. Độ nửa tháng sau Nhân nghe tin Ngọc Mai đã chết. Người nhà bảo là chết bệnh. Lũ học trò thì lắc đầu thương tiếc thì thào với nhau tại xẩy thai nhiễm độc xuất huyết. Có đứa bạo miệng hơn bảo là tự tử. Không biết có đứa nào cảm thấy có chút ân hận và thấy mình có dính dấp ít nhiều đến sự đau khổ của Mai không? Có đứa còn nhìn thầy Nhân một cách nghi hoặc. Nhưng số đó rất ít, rồi chúng cũng thay đổi lập trường ngay, vì có người nghe mẹ Mai nguyền rủa thậm tệ người cha ghẻ những điều gì đó. Nhân cũng không muốn tìm hiểu thêm câu chuyện. Có ích gì. Điều quan trọng nhất Nhân đã hiểu, và đã nghe Mai nói.

Nhân có đi thăm mộ Mai một lần, trước khi từ giã xứ Huế vào Thủ Đức tiếp tục dạy học. Thầy xin hoán chuyển. Cũng không biết có phải vì thầy hết yêu xứ Huế hay không, vì thầy có cái cớ là mẹ già bệnh hen suyễn và yếu tim cần đến một nơi ít ẩm thấp hơn và nhiều phương tiện y khoa hơn để trị bệnh. Trước hôm đi, Nhân đưa me mang hương mang hoa ra mộ từ giã thầy. Nhân ngồi bên mộ thật lâu, nghĩ ngợi lan man đủ thứ điều. Cái giả cái thật của thầy giờ tất cả cũng chỉ còn là giả. Me muốn bốc mộ mang theo hay đưa vào chùa,

nhưng Nhân bảo không cần thiết, nếu me khỏe thì sẽ về thăm, còn nấm mộ người chết thực sự đã ở trong lòng người sống rồi.

Trước khi đưa me về Nhân đi vòng quanh tìm mộ Ngọc Mai. Có thể vì Ngọc Mai mới mất, hay cũng có thể vì bức ảnh non dại ngây thơ trên đầu mộ bia khiến cho lòng Nhân rung động hơn cả khi thấy hình ảnh thầy. Mắt mờ đi và người chao động. Nhân trịnh trọng đặt một đóa hoa, thắp mấy nén hương khấn vái thật lâu. Rồi cúi mình xuống nhặt vài cọng cỏ dại. Thực tình Nhân không hiểu rõ những gì đang chao đảo trong lòng mình. Chỉ biết khi nhắm mắt lại, tưởng chừng thấy trước mặt một rừng hoa rơi lấp lánh như mưa. Rõ ràng là bên tai nghe có tiếng hoa rơi. Hay đó là tiếng gió?

*

Trên con đường trở về lều trại, Nhân rẽ ngang qua cái quán cóc gần biển mua ít quà chua cho vợ. Hai vợ chồng rất hiếm muộn, lấy nhau bảy tám năm mới có mang. Vợ Nhân lại mang thai lúc ở trên đảo, đứa bé lựa không đúng lúc đúng chỗ lắm. Lần này lại hơi sớm, có thể phải chào đời trên đảo mất, vì hồ sơ di dân của Nhân chưa đi tới đâu. Nhưng sớm hay muộn gì cũng được. Mới có con, lòng cha mẹ thật nôn nao và hạnh phúc. Trên hòn đảo khốn khổ này, còn có gì để vui, chỉ trừ một chút yêu thương. Mỗi lần tựa đầu vào bụng vợ nghe đứa bé chòi đạp, Nhân thấy gờn gợn một niềm vui khó hiểu. Khó hiểu vì đã biết đời không có gì vui, sao lại cứ mong có thêm một người tham dự? Khó hiểu vì niềm vui của mình không rõ phát xuất tự bản năng hay ý thức. Có chút gì là ích kỷ trong đó không? Dù sao đi nữa, rõ ràng một điều, tình cảm thực sự có khả năng cứu chuộc, nó làm cho vui được khi thấy không còn gì để vui nữa.

Nhân đi vòng vèo ra ngoài biển, nơi anh vẫn thường tìm an ủi mỗi lúc thấy buồn. Anh nghĩ ngợi lan man đến những thai nhi lúc còn đang tượng hình, trong lòng vợ mình, trong lòng Mai, trong lòng cô gái nhỏ mang thai trên biển, hay trong lòng những người đàn bà khác. Thật là một bí mật, mà chỉ có những người đàn bà mới hiểu được. Đứa bé nằm trong bụng mẹ, là sự nối dài của da thịt, của máu huyết. Nó cũng là nối dài của hạnh phúc và cả những đau thương.

Cũng đồng là thai nghén, mà vợ Nhân rạng rỡ hạnh phúc biết là bao, còn Ngọc Mai, còn cô gái nhỏ kia sao đầy tang thương khổ nhục. Chỉ khác nhau một chút thôi, đó là cái quyền được chọn lựa mang thai. Nhưng cũng đồng là oan thai, Mai đã chết đi để dập tắt khổ đau, còn cô gái kia sao còn cố tình giữ lại? Thực ra việc chọn lựa sự hủy diệt hay sinh tồn của cái oan thai, đó là chuyện của người đàn bà, là điều mà người ngoài không sao thấu rõ. Cả một chuỗi cân nhắc những giá trị xã hội, tôn giáo, môi trường chung quanh, hội tụ với bản chất từng cá nhân. Chỉ có người đàn bà mới hiểu được chuyện đó, nếu không có áp lực của xã hội chung quanh, có thể chỉ là mối liên hệ mẹ con, nhưng một khi có người ngoài chen vào, lập tức trở thành thảm kịch. Bi

thiết nhất là sự khinh rẻ của người khác đối với người đàn bà. Đàn ông hoang đàng thả lỏng đến dâu cũng có cách châm chước, người đàn bà chỉ cần chút hậu quả của dục tình đó, cho dù là họ là nạn nhân của một người đàn ông, cũng có thể trở thành nạn nhân cũng một xã hội. Hình như người đàn bà trong hoàn cảnh đó, chỉ còn mong có mỗi một điều: được yên thân. Yên thân. Điều đó dường như Nhân thấu hiểu lâu rồi, từ ngày ngồi nhìn hoa mai rơi rụng...

Thực ra Nhân nghĩ hiếm có bà mẹ nào lại muốn bỏ con, trừ lúc đường cùng. Hầu như đa số bà mẹ rất ít nghĩ gì về bản thân mình. Chỉ mong cho con hạnh phúc. Ngay cả những bà mẹ của các thai nhi chưa trọn hình. Mai chết đi - nếu do cố tình - có lẽ vì cô không nghĩ ra cách nào để cho con mình hạnh phúc được. Cô gái trên biển giữ con, có thể vì cô nghĩ đó là người thân duy nhất còn lại của cô dù cho có hơi oan nghiệt. Cũng có thể cô nổi giận đi ngược lại với cái xã hội đang tìm cách áp chế cô. Những điều đó, mỗi người tự họ mới có câu trả lời.

Đàn bà lắm khi thật khó hiểu. Những người đàn bà, dù thân thiết như me, như vợ Nhân, hay chỉ là thoắt đến thoắt đi, có khi không quen biết nhưng để lại ấn dấu, như Mai, như cô bé nhỏ, đều khiến cho Nhân ngỡ ngàng. Họ không làm những gì mà Nhân nghĩ họ phải làm. Bởi vì... họ là đàn bà. Họ sống nhiều bằng bản năng ràng buộc với đứa con, nên rất ít vị kỷ và trên bậc thang giá trị xã hội có nhiều khi thành phi lý. Người cha thường đặt kỳ vọng, mong mỏi đứa con nối tiếp được hay hơn được những gì mình đã là. Còn người mẹ chỉ biết cho, chấp nhận con mình như là chính nó, có mong mỏi là mong cho con mình hạnh phúc. Ngày còn nhỏ, Nhân thấy me là cái bóng mờ vì sự vô cầu của me, trước hình ảnh chói sáng đòi hỏi tôn nghiêm của thầy. Nhưng giờ đây, Nhân thấy cái bóng nhân hòa của me đã nhập vào thành chính vùng hào quang trí tuệ tỏa ra chung quanh mái đầu thầy trắng xóa.

Nhân nhác thấy một dáng người hơi quen thuộc đang đi dần ra ven biển. Một vóc dáng nhỏ bé gầy yếu của trẻ thơ, với cái bụng đàn bà nhô ra nặng nề tội nghiệp. Hình như là cô gái trong phòng phỏng vấn ban nãy. Đúng là cô. Vì có những người chung quanh đứng chụm lại như bàn tán điều gì khi cô đi qua.

Cô gái vẫn thản nhiên bước đi, như chỉ có mình cô trên khoảng đường gập ghềnh kẻ ngang trên nền biển. Gió hơi mạnh đùa bay mái tóc cô phất phới, lấp lánh phản chiếu ánh sáng mặt trời ngả về chiều.

Nhân chợt mường tượng một ảo giác như cô gái sắp bay lên cao. Thân thể cô nhẹ hẩng bốc tung vào không gian. Cô sẽ bay đi, thật cao, và rồi rơi xuống, thật nhẹ nhàng, không một tiếng động, trước khi người ta kịp hiểu nên khóc hay cười, nên ngợi khen, hay dè bỉu. Dù sao cũng chỉ là một kiếp người mong manh...

NGUYÊN THI

*(trích tuyển tập truyện ngắn* Hoa Cỏ *sắp xuất bản)*



**SỬ MẶC**

# cẩu. một

*Còn không?*
*cho một miếng dồi*
*miếng thêm âm phủ*
*miếng bồi dương gian*
*miếng anh em*
*hụt giữa đàng*
*miếng ngon giành giựt*
*tan hàng*
*khuyển*
*ngưu!*

# cẩu. hai

*Sáng*
*trông con cẩu*
*hửng tình*
*chợt nghe đời cũ*
*dập dềnh*
*đâu?*
*nơi?*
*hàm răng xinh*
*khoé miệng cười*
*và tay ngà ngọc*
*năm mười*

# thái đức

*Đêm*
*nằm trăn trở không yên*
*tự trà thái đức*

*thức liền liền chân*
*bước vô*
*đóng cửa hồng trần*
*một mình một ngọn*
*thủy tần*
*veo*
*veo*

# sanh tồn

*ông già chống gậy*
*đi thăm*
*một ly sủi bọt sùi tăm*
*thấu đời*
*ông già*
*bỏ gậy*
*ngồi cười*
*tòng teng mấy bợm*
*đu*
*trời vĩnh sanh*

SỬ MẶC



**PHAN THỊ VÀNG ANH**

# đất đỏ

LTS: *Là con gái của nhà thơ Chế Lan Viên và nhà văn Vũ Thị Thường. Năm 10 tuổi đoạt giải thưởng thơ quốc tế của Unesco với bài thơ về chính mình:* Hôm nay trời nắng chang chang / Mèo con đi học chẳng mang cái gì / Chỉ mang một cái bút chì / Và mang một mẩu bánh mì con con. *Giờ đây, sau 14 năm, và chỉ vài tháng nữa thôi, Phan Thị vàng Anh sẽ là một bác sĩ y khoa.*

*Nhưng trước khi trở thành thầy thuốc, Phan Thị Vàng Anh kịp làm một nhà văn. Truyện ngắn dưới đây, rút từ tuyển tập dự thi dành cho các cây bút mới, sắp phát hành tại Việt Nam.*

*Được tiếp cận với văn chương và thi ca hàng ngày qua bố mẹ, nhưng giữa y khoa và văn chương, Vàng Anh chọn y khoa làn chính. Viết, bởi "thích thì viết", không mang khát vọng trở thành nhà văn.*

*Phải chăng vì vậy truyện của cô có được sự thoải mái, tự nhiên, tạo cho người đọc cảm tưởng cô không phải cố gắng "lên gân" khi cầm đến cây bút? Nhưng phía sau những dòng chữ thoải mái tự nhiên kia, vẫn thấp thoáng một trăn trở với cuộc đời. Đó là lý do Hợp Lưu chọn truyện ngắn này, giới thiệu với độc giả.*

**Hợp Lưu**

*

**1.** Anh phụ lái vỗ đùng đùng vào hông xe. Cái xe than dừng lại một cách khó nhọc, đít xe mở ra xọc xạch, thả xuống hai đứa con gái rã rượi như hai con bụi đời. Hai bên rừng cao su đều tăm tắp, qui củ mà hoang sơ trong trời xám đất đỏ, trước, sau, đường nhựa uốn dốc. Tôi và Hà nhìn nhau bối rối: "Sao mới đến mà đã buồn thế này?"

Hai đứa đi giữa lô sao su, vắng lặng, trơn trợt. Hà chỉ lên cao: "Móng rồng kìa!", rồi chỉ vào gốc cây: "Chén đựng mủ kìa!". Xong nhìn tôi thăm dò, xem thử may ra mấy cái vặt vãnh lạ lùng ấy có thể làm tôi vui lên chăng. Tôi chưa từng có một mùa hè vui, hè nào cũng đau ốm, hoặc không thì nhân tình nhân ngãi bỏ. Để đỡ buồn, tôi làm vài việc, khi thì học cắt giấy, tỉa tót những nét tranh bằng cái kéo to cộ; khi thì cùng một đám bạn đi sưu tầm các quán café, để rồi ngồi quán nào cũng thấy buồn... Hè năm nay, một chuyện hiểu lầm vặt vãnh, và Tuyển biến mất, tôi hiểu rằng đó chỉ là một cái cớ, người ta ra đi chỉ vì người ta chán, vậy nên tôi nằm nhà, lôi một chồng tạp chí cũ ra xem,

vừa xem vừa ngủ vật vờ, chán nản. Hà bảo: "Mày thảm quá, xem tao này, tao có buồn đâu nên tao mập!". Tôi cười. Nó mập thật, mặt không một nếp nhăn, mắt không một quầng thâm mất ngủ... Rồi nó cười: "Về Suối Tre, nhà cậu tao, mùa này chôm chôm còn nhiều lắm".

**2.** Có vườn chôm chôm nào đâu, nhà cậu Hà nằm cô độc trên một khu đất không biết nên gọi là đồi hay ụ. Một ngôi nhà kiểu Tây đỏ quạch, quanh nhà cỏ mọc ẩm ướt, buồn thảm. Một bọn trẻ con trông cũng uể oải như cảnh vật, ngồi trên thành xi măng bể nước, cầm mấy cành cây ngọ nguậy xuống mặt đất... Thấy Hà, bọn nó nhảy tung, rồi nắm níu, rồi hỏi han "Mẹ đâu, bố đâu?"... ầm ĩ. Còn tôi, hoàn toàn dửng dưng, chỉ muốn có ngay một cái giường để ngủ.

Trong nhà đầy trẻ con. Đứa nào cũng lem nhem, trông chừng như đất đã thấm vào cả da thịt chúng. Cơm chiều, cả nhà quây lại nghiêm túc, mấy đứa bé lâu lâu kêu lên: "Nhặt con đậu den kìa, trong nồi canh kìa"... Hà trấn an tôi: "Đừng sợ, con này không bẩn, không độc". Cả nhà nhìn tôi với vẻ hơi ngộ nghĩnh rồi lại tiếp tục ăn, chỉ một người, một chị tóc dài, thưa thớt, vàng hoe, ngồi ngẩn ra. Chị buông bát đũa nhìn tôi chăm chú và cười. Hà lại dúi bát vào tay chị. Chị ăn, chậm rãi, có vẻ ăn cho mọi người lòng, vậy thôi, còn công việc chính lúc này là phải nhìn tôi, nhìn cái đứa sợ giống đậu đen hiền lành kia, và cười. Hà thầm thì: "Chị Hai đó, ăn đi!" Rồi nó ngạc nhiên hỏi: "Hoài đâu?" Cậu mợ thản nhiên: "Nó đi chơi rồi".

**3.** Bọn trẻ con vác bộ cờ cá ngựa ra, giảng giải: "Ở đây tối chẳng có chỗ nào để đi, mưa nữa, bẩn lắm... Sáng mai em dẫn xuống vườn mua sầu riêng... Mấy chị chơi cá ngựa không?". Và cứ hai người một màu ngựa mà đấm mà đá lẫn nhau. Hà trầm ngâm trước bàn cờ: "Bọn này hiếu chiến lắm, mình muốn về chuồng cũng không được. Tau với mày đi như thế này nhé, đá là chủ yếu, đừng cho đứa nào qua!". Rồi rình rập nhau, trẻ con cay cú hờn dỗi, người lớn mưu mô, rồi la hét ầm ĩ, giường chiếu run bần bật. Tôi dựa lưng vào cái bàn máy may kê đầu giường, thấy chị Hai đứng đó từ lúc nào, tóc xỏa, miệng vẫn cười cười, mắt ngây ngây vô hồn. Tôi bảo: "Ngồi xuống giường này, chị Hai, đứng chi cho mỏi!". Không có tiếng nào, chị vuốt ve cạnh bàn, ngờ ngẩn. Hà lại hét lên: "Con Thảo sắp về chuồng rồi, bỏ mẹ rồi!". Thế là huỳnh huỵch đuổi theo con ngựa của Thảo, những cục xí ngầu vội văng tung lên, rơi xuống, bọn trẻ con lại rên rỉ...

Cứ vậy đến đêm, mưa ngoài kia rả rích, đậu đen rớt xuống bàn cờ, tôi quay lại, vô tình thấy chị Hai, và hoảng sợ. Trong ánh đèn nê-ông xanh xao khuất bóng, một khuôn mặt, nó dài ra kỳ lạ, u uẩn như chìm trong một cơn đau dai dẳng. Tôi bấm lấy tay Hà: "Chị Hai kìa!". Hà ngước nhìn rồi bình thản bảo tôi. "Tại tụi mình vui quá đó!" Quay lại, chị đã biến mất, như ma. Tôi chẳng còn tâm trí đâu mà chặn đường đấm đá với mấy con ngựa nữa.

**4.** Ván cờ kết thúc trong những cái ngáp dài, những bóng dáng trẻ con, người lớn nghiêng ngả dựa nhau. Hà bảo: "Không có tiền là không hăng rồi".

Bọn trẻ hỏi: "Hai chị ngủ đâu?". "Cho tao cái giường cạnh cửa sổ, không cần gối, với một ly nước để nửa tỉnh dậy tao uống". Hai đứa tựa thành cửa sổ nhìn xuống khoảng đất dông dốc mờ ảo ngoài kia. Mưa đã tạnh và trời lạnh lẽo, cây lá thả nước lộp độp theo mỗi trận gió, tôi chợt thắt lòng khi nghĩ đến Tuyển, giờ này hẳn đang ngủ, mắt xếch mày dài khép lại, cái mặt luôn hờn dỗi ngẹo qua một bên gối, và rồi tôi thấy buồn cười... Chợt Hà lẩm bẩm: "Vì tình!". Tôi hỏi: "Cái gì?". Nó chỉ về phía gốc cây gần bể nước: "Chị Hai!". Chị Hai ngồi đấy, một cái bóng thẳng đuột như khúc cây, trông có vẻ ngây ngô, biếm họa hơn là u uẩn hay thơ mộng. Tôi hỏi Hà: "Lâu chưa? Vì ai vậy?". Nó cười ruồi: "Mấy năm. Thằng cha nào làm bên bệnh viện, không biết. Mà cũng không hẳn vì tình hoàn toàn, xưa kia bả cũng tàng tàng rồi, cái ông quỷ kia chỉ là cái cớ thôi..." Tôi cười: "Tàng tàng mà cũng có người yêu sao?". Hà phì cười: "Yêu hồi nào? Bả lên khám bệnh, mê ổng, còn ổng có biết chị Hai tao là ai đâu!". À, thế thì điên thật, điên có sẵn. Tôi thấy buồn cười, trước nay tôi vẫn quen với hình ảnh những thiếu nữ thất tình xinh đẹp của tiểu thuyết, đầu đội hoa chẳng hạn, quần áo vẫn sạch sẽ, đi lang thang vơ vẩn giữa những hàng cây, để lại sau lưng những truyện tình đẹp như... tiểu thuyết. Còn chị Hai của Hà, một mối tình "độc mã", một gương mặt dài ngây dại, một dáng ngồi thẳng đơ giữa đêm mùa đông, trong tiếng côn trùng rỉ rả chán đời!

Hà khép hai cánh cửa sổ ẩm ướt lại: "Ngủ đi, mai còn ra rẫy". "Có gọi chị Hai vào không?". "Không, hồi nữa tự chị vào, mày ngủ đi". Tôi chui vào màn, chăn chiếu nồng nồng mùi nước đái, nước dãi trẻ con mê sảng nhả ra trong đêm, thật khó ngủ. Hà cũng vậy, nó xoay trở như con mậy lộn, gãi lưng, gãi cổ: "Có kiến". Cửa lớn vẫn mở hé, gió lùa vào lạnh toát, tôi lay Hà: "Sao không gọi chị Hai vào, cảm lạnh chết?". "Gọi thì không vào, mà không ai muốn nhớ đến chị Hai". "Cậu mợ mày không thương chị sao?". Hà thì thào: "Dĩ nhiên cậu tao không thương, mà chán nữa. Chị Hai là "kỷ vật" của mối tình đầu đó, cậu tao lấy về sau này mới vỡ lở, mà quê thật, tưởng cái kỷ vật ấy nó lãng mạn làm sao, cuối cùng lại tòi ra cái của này!". Rồi Hà cười, khịt khịt mũi có vẻ rất vênh váo, bề trên.

Tôi không thích cái lối kể về những ngóc ngách tối tăm của gia đình một cách lạnh lùng như Hà. Tự nhiên tôi sợ, tôi quay mặt vào tường, nghe bên ngoài rào rạt lá, biết đâu sẽ có lúc Hà kể lại những chuyện không hay của tôi cho một người bạn thân khác nghe. Rồi cũng khịt khịt mũi giễu cợt như đêm nay?

**5.** Chúng tôi tỉnh giấc vì qua cửa sổ, nắng chiếu vào thẳng mặt. Ngoài kia, một giống chim gì đó lóc chóc kêu chứ không phải hót. Giường bên kia một đứa con gái lạ, đầu mới gội, mặt đẹp và ngang tàng, đang nhổ tóc ngứa cho chị Hai. Hà hỏi: "Mày đi đâu giờ này mới về vậy Hoài?". Nó đùa: "Đi ngựa". Rồi hỏi lại: "Hai chị ăn xôi nha. Ăn rồi đi vườn chơi". Hà rỉ tai tôi: "Hoài em tao, quậy lắm!". "Nó học lớp mấy rồi?", tôi hỏi. "Đang đợi kết quả

rớt đại học. Nó mà học gì. Bồ không hà!". Tôi lại liếc nhìn Hoài, nó cũng nhìn tôi, cười vui vẻ, ý như muốn nói: "Thôi tôi biết tỏng các chị đang thầm thì cái gì rồi! Mà đâu có sao, phải không?" Chị Hai ngồi dưới chân giường, mắt vẫn lờ đờ, miệng vẫn cười, thỉnh thoảng kêu lên: "Ôi, đau. Nhổ đau quá!". Hoài ấn vai chị: "Im, để tôi tết lại nào". Rồi nó bảo: "Chừng nào em có tóc bạc, tới phiên chị Hai nhổ cho em nha?" Tôi nằm, nhìn tóc Hoài đen nhánh che nửa mặt, nửa mặt còn lại trắng như ngọc với mắt rợp, miệng ngang, đẹp như những hình quảng cáo trong họa báo nước ngoài, mà nghĩ: "Đẹp thế này làm sao già nổi!"

Cả lũ kéo nhau vào rẫy. Trời chợt âm u, đường đi lúc lên dốc, lúc xuống dốc... đến mệt. Hoài khoác tay chị Hai đi cạnh Hà và tôi, mấy đứa em ríu rít sau lưng, bọn nó gọi: "Xuống rẫy ông Cụt nha chị Hoài". Hoài giải thích với chúng tôi: "Vào rẫy ông Cụt là thoải mái nhất, vừa bán vừa cho...", rồi nó dựa người vào chị Hai, cười: "Mốt, em có rẫy, cho chị Hai coi việc bán trái cây, nha. Bán được không?" Chị Hai cười, ngơ ngẩn: "Được". Mấy đứa trẻ con reo lên: "Trời! Ai dám cho bả ở chung, thấy bả, ai dám mua mà bán?". Tôi giật mình, thầm trách bọn trẻ sao mà độc miệng, Hoài cũng vừa quay đầu lại, nó hất tóc ra sau, không có vẻ gì giận dữ: "Không ở với tụi mày thì ở với tao". Rồi lại ngả người vào chị Hai, quặp chặt tay chị hơn, nó hỏi: "Bà chịu về với tôi không?". Chị Hai lại đờ đẫn cười: "Chịu".

Vào đến rẫy thì trời đổ mưa. Cả lũ chạy vào một căn nhà lá lụp xụp, trong nhà ngào ngạt mùi sầu riêng, một ông già cụt tay đang hút thuốc lào lọc xọc, nhìn tụi tôi, nói: "Mới sáng mà đã mua hả tụi bay!" Trên cái võng mắc chéo ở góc nhà, một anh chàng mắt một mí, có vẻ như mới tập để ria, đang nằm. Thấy Hoài vào, anh ta ngồi bật dậy, lúng túng nhường võng. Hoài "ứ" một cái rồi liếc anh: "Chủ nhật mà không đi chơi sao ông?". "Có ai đâu mà đi". Hoài giới thiệu với tụi tôi: "Anh Lương, bác sĩ bệnh viện công ty". Bọn trẻ con lại lao nhao với tôi: "Công ty cao su gần nhà đó". Mưa tạnh, ông Cụt vô ý giục anh bác sĩ: "Tạnh mưa kìa. Đi lẹ không lại mưa". Anh chàng đến góc nhà xách một túi to đầy chôm chôm giải thích: "Người nhà anh dưới Sài Gòn lên, anh về nha". Hoài lại "ứ", liếc anh: "Về sao, vậy thôi sao?". Anh bác sĩ hiểu ra, cười: "Em thích gì, lựa đi". Hoài bảo: "Cho chị Hai lựa sầu riêng đó". Và chị Hai tỉnh ngay, vào góc nhà lựa trái, anh bác sĩ sung sướng trả tiền cho người đẹp. Lũ trẻ con lem nhem đứng cười rạng rỡ, nghĩ rằng phe ta kỳ này thế là đã thắng to.

Loanh quanh trong vườn được một chút, trời tạnh mưa, lần này mưa dai dẳng, trời sũng nước. Mấy đứa trẻ sau khi đã ăn chôm chôm mỏi miệng, đòi: "Về luôn đi chị Hoài, không tạnh đâu". Hoài nhìn trời, "ước lượng", rồi "Ừ". Nó bảo ông Cụt: "bác cho con mượn cái áo mưa, con đưa chị con về, lát hồi con đem qua." Ông Cụt chỉ lên vách: "Có tấm ni-lông với cái nón thôi, tao không có áo". Hoài cười: "Tốt rồi". Xong gọi: "Chị Hai, lại đây". Nó đội nón cho chị, choàng tấm ni-lông qua vai rồi buộc lại bằng một cái nút to tướng ở

cổ. Nó ra lệnh: "Đưa chân ra đây tôi xăn quần cho không té". Và dặn: "Đi từ từ thôi nhe Hai". Chị Hai cười, ngơ ngơ, lũ em tay xách giỏ, tay nắm quần, cũng cười. Cả bọn lại dò dẫm trên con đường về nhà, đất đỏ giờ nhão ra, trơn như sáp. Những lô cao su bên đường vắng lặng, gây cảm giác sờ sợ... Tôi thì thầm vào tai Hà: "Hoài nó thương chị Hai quá há". Hà gật đầu: Ờ, cả nhà được mình nó, hên mà có nó, không có nó, sau này chị Hai biết sống với ai". Tôi thấy điều này hơi ngây ngô, tin sao được tình cảm của một đứa bé mười tám, mười chín, nhất lại là một đứa bé lang bạt như Hoài. Vậy nên tôi chỉ cười nghi hoặc. Hà trợn mắt nhìn tôi: "Thật đó. Nó đi suốt, nhưng nó mà ở nhà là đừng có ai hó hé gì với chị Hai". Rồi cũng như nghĩ lại, Hà buông một câu: "Mà bây giờ thì thế, sau này còn biết bao nhiêu chuyện phải không?"

**6.** Về thành phố, nghỉ được một tháng, đi học lại được khoảng hai tuần thì tôi nhận được tin Hoài mất. Một cái chết đuối như mọi trường hợp chết đuối khác rủi ro xảy ra trong một cuộc picnic nào đó trên hồ. Người ta phải đau lòng chờ chực để vớt được xác Hoài, đã căng đầy nước và hồn phách có lẽ đã lang thang ở một góc trời nào đó. Đưa Hoài về, chị Hai hỏi mợ: "Em dâu?" Mọi người lại òa khóc, khóc nhiều hơn là khi nghe các câu kể lể, than thở khác. Tôi muốn biết chị Hai có khóc không, Hà bảo: "Tao không hỏi". Có lẽ cũng không ai để ý đến điều này.

Lại mưa, mùa mưa. Tôi nghĩ rừng cao su, với những chén đựng mủ đeo bên hông, giờ này hẳn buồn lắm. Và trong cái nhà ẩm mốc đỏ quạch màu đất bazan ấy, chị Hai chắc đang ngớ ngẩn nhìn mưa qua đồi cỏ, tóc dài không ai tết hộ, lại xỏa ra, vô hồn.

5.92

PHAN THỊ VÀNG ANH



**TRIỀU HOA ĐẠI**

# đêm buông đèn

*Chiều ngang qua trí nhớ*
*dịu dàng mơn vết đau*
*đêm, buông đèn trước ngõ*
*hồn đầy vơi chốn nào*

*vui chân cùng nắng vội*
*lãng đãng một ngày xa*
*người, vô tình rất chậm*
*chẳng về theo gió lùa*

TRIỀU HOA ĐẠI



**PHỐ THỊ NGỌC NI**

# thơ về tam hợp

Gởi T.,C. và H.

*

*Chị ngồi tưởng tượng câu mưa gió*
*thổi cánh đồng ra giữa trường văn*
*dẫu nói chơi thôi mà như thiệt*
*nên giọng chị cười có nếp nhăn*

*

*Chẳng phải hoa cho người tình ấy*
*huệ này là dấu huệ hồng rơi*
*mùi hương đỏ lựng từ lâu lắm*
*chị về hỏi lại mến thương coi*

*

*Thiền sư và văn bút*
*ngủ suốt năm canh dài*
*hồn trường trong kinh kiếm*
*cậu bé và hoa mai*
*hỏi hồn khi tỉnh thức*
*ngồi diện bích Nam Tông*
*có buồn tay chú giải*
*về Thiền đốn ngộ không?*

PHỐ THỊ NGỌC NI
Tháng 9.1992



**KHÁNH TRƯỜNG**

# chung cuộc

Hẳn nhiên hắn như cái gai dưới mắt mọi người. Hắn biết. Hắn còn biết hơn thế nữa, hai đứa nhỏ chỉ mong một buổi sáng nào thức dậy sẽ không còn thấy hắn trên cõi đời này, vì một lý do nào đó, bất cứ lý do gì. Xe đụng, du đãng bắn lầm (hay bắn có chủ đích)... Dù chúng hiểu những tai nạn như thế nhiều phần khó xảy ra đối với một người như hắn. Xe đụng, hắn không bao giờ di chuyển bằng xe hơi, cũng như họa hoằn lắm mới vượt qua miếng sân rộng, xuống đường. Du đãng bắn, chưa bao giờ hắn la cà hàng quán, lại càng không bao giờ gây hấn sừng sỏ với ai.

Cuộc đời hắn, hiện tại, chỉ xoay quanh hai mục tiêu: chiếc giường và những chai rượu. Chiếc giường, bao giờ hắn cũng ở trong tư thế ứng chiến. Rượu, li bì từ sáng tinh mơ đến già nửa đêm. Càng uống, càng lầm lì trầm mặc. Càng uống, càng chứng tỏ cái khả năng vô giới hạn của một sinh vật thuộc giống đực. Người đàn bà ghét hắn, ghét cay ghét đắng, nhưng vẫn bị hắn khuất phục, một cách lặng lẽ, vô ngôn, mà đầy hiệu quả. Hắn có một "khứu giác" tinh nhạy của loài chó, "ngửi" được ý muốn của người đàn bà, để tùy lúc, đưa bà ta đến những miền xứ lầy lội, tê ngất, sượng sần, chết liệm. Hình như hắn cũng "ngửi" được sự mâu thuẫn trong nội tâm người đàn bà. Khi tỉnh táo, bà ta tìm đủ mọi lý do để bóng gió xa xôi hay rủa sả trắng trợn, với mục đích chứng minh cái vị thế nạn nhân của mình, đồng thời qui mọi tội lỗi cho hắn. Hắn, con vật nửa người người nửa ngợm. Hắn, thằng hình nhân bất toàn dâm đãng. Phần hắn, vẫn vậy, một khúc gỗ đã được bào nhẵn, chẳng gai góc, dễ trơn trượt, vô nhiễm. Có lẽ hắn thừa hiểu, sẽ không lâu, khi màn đêm chụp xuống, khi thân xác và sự trống vắng trổi dậy, người đàn bà lại sẽ vào với hắn, để rồi trong cơn đồng nhập, lại sẽ buông lỏng bản năng một cách mù quáng, như sợ hắn sẽ tan biến vào hư vô, như thể sẽ không bao giờ nữa, bà ta hưởng được cái cảm giác kinh khủng đó thêm một lần nào. Giữa lý trí và thể xác, bao giờ thể xác cũng chiếm ưu thế. Nói chung, người

đàn bà không hy vọng thắng được tiếng gào kêu man rợ của những cơ bắp thất bóp nằm ở phần hạ thể.

Riêng hai đứa con của người đàn bà. Thằng con trai, mười sáu, đứa con gái, mười bốn, tỏ ra căm thù hắn một cách sâu đậm. Vừa căm thù vừa sợ. Tuy nhiên chúng chưa đủ lớn để có thể có được một phản ứng quyết liệt. Giải pháp hắn chọn, và có lẽ hai đứa nhỏ cũng chọn, là tránh mặt nhau. Mỗi khi chúng ở nhà, hắn tử thủ trong phòng. Ngược lại không bao giờ, kể từ lúc hắn trở nên một thành viên của gia đình, chúng bước vào căn buồng nực nồng mùi rượu kia.

Cho nên khu vực sinh hoạt của hắn vô hình trung được giới hạn trong bốn bức vách mười sáu thước vuông. Chẳng mấy khi hắn xuất hiện ngoại trừ lúc đói xuống lục tủ lạnh tìm cái ăn, hoặc mò ra đầu đường mua rượu ở cái liquor của vợ chồng người Đại Hàn nhẵn mặt hắn đến độ nhiều lúc thiếu tiền, hắn có thể mua chịu thoải mái. Tuy tương giao giữa hắn và những thành viên dưới mái nhà này có nguy cơ bùng nổ bất cứ lúc nào, vậy mà một năm nay, từ ngày hắn có mặt, vẫn không ai có ý định tống khứ hắn ra khỏi cửa. Lý do có lẽ một phần hắn không gây thiệt hại cho ai. Trái lại, với số tiền trợ cấp tàn tật hàng tháng, hắn còn *share* được một khoản tiền nhà, tiền ăn. Ngoài nhu cầu rượu, hắn gần như không tốn một xu. Mỗi tháng ba trăm phụ với người đàn bà, tất cả số tiền còn lại hắn dành mua rượu, loại rượu mạt hạng, tám đồng một chai, mua sỉ mỗi lần mười chai, tháng ba chục chai hai trăm sáu chục đồng. Vừa đủ sáu trăm trợ cấp. Thỉnh thoảng hắn cũng ốm đau, nhưng chỉ sổ mũi nhức đầu đại khái, vả, đã có *medical.*

Về lý lịch của hắn, người đàn bà không biết gì nhiều ngoài vài chi tiết mù mờ: trước kia hắn là quân nhân, bị pháo kích, cụt chân, giải ngũ. Chẳng hiểu hắn sống bằng cách nào suốt bao năm sau ngày 30 tháng 4 tại Việt Nam, và cũng chẳng hiểu bằng cách nào hắn đến được đất nước này. Người đàn bà gặp hắn trong chợ. Ngồi trên xe lăn, hắn cố với lấy chai *shampoo* trên kệ cao. Bà ta giúp hắn. "Cảm ơn bà", hắn nói, giọng khàn nhựa. "Anh cần gì nữa không?", người đàn bà hỏi. "Cảm phiền bà lấy hộ thêm cục xà bông. Không, không phải *Dial*, đấy, *Luxe*, tôi quen xài *Luxe*." Như thế, bà ta biết hắn. Như thế, một lần hắn gọi điện thoại cho người đàn bà, nói căn nhà hắn đang trọ chủ đã bán. "Nếu bà dư phòng, cho tôi *share*". Hắn nói thêm, "cho tôi *share,* bà hoàn toàn yên tâm. Tôi có trợ cấp tàn tật". "Không phải vấn đề đó!" người đàn bà có vẻ phật lòng. "Tôi xin lỗi, tôi ăn nói vụng về". Hắn vụng về thật, người đàn bà nghĩ. Thường, những kẻ vụng về đều đáng thương, bà ta nghĩ tiếp. Và cảm động. Làm sao người đàn bà ngờ cảm động là đứa con song sinh của tính nhẹ dạ, là đầu mối của bao nhiêu cái rối rắm trong cõi trần ai.

Như thế, hắn đã đến. Như thế, cái điều bà ta không ngờ nhất, cái điều sau mỗi lần cùng hắn đắm chìm hoan lạc, bà ta vẫn thường tự hỏi tại sao, đã xảy ra. Đã xảy ra trong trường hợp bất ngờ cùng cực là cái hôm bà ta giúp hắn làm giường. Hắn ngồi bất động chỗ góc tường, dưới thảm, ngước mặt nhìn

người đàn bà, tia nhìn phía sau lưng. Tia nhìn quét từ ngấn cổ trắng chỗ chân tóc vén cao, chảy xuống hai vai tròn, chảy tiếp tục quanh vòng eo, tỏa ra hai bờ hông nở, vòng quanh đôi mông lớn mờ mờ ẩn hiện vòng xì líp mini nhỏ xíu. Khi người đàn bà chồm người vào bên trong chẹn mép "ra" xuống nệm cho thẳng, chiếc váy lụa bị kéo lên, phơi cặp đùi phốp pháp trắng nhễ nhại. Bất ngờ, với hai cánh tay làm đòn bẩy, hắn ném tới, phủ lên người đàn bà, lật ngửa, đè nghiến xuống mặt nệm, một tay bịt miệng bà ta, một tay lòn vào váy giật cởi mảnh vải mỏng manh. Hắn mạnh kinh khủng, sức lực trung niên chạy xuống hai chân bị bít lối, ngược trở lên, dồn vào phần thân thể còn lại. Người đàn bà vẫy vùng, khép chặt đùi. Cách tự vệ cổ điển và kém hiệu quả. Cho đến lúc hắn vào sâu trong người bà ta, dồn dập đột phá. Dồn dập, dồn dập, dồn dập mãi miết. Từ bao giờ, hai cánh tay bị đè nghiến của người đàn bà được thả lỏng, thay vì cào cấu vùng thoát, nó đã vô thức vòng qua lưng hắn, bấu siết, đầu những móng tay dài bấm sâu vào tảng thịt cuồn cuộn hai bả vai, rướm máu. Cũng từ bao giờ, hai chân người đàn bà dạng rộng, hạ thể chuyển động. Người đàn bà trợn trừng đôi mắt trắng dã, nhìn mà không thấy gì hết. Như thế, cho đến khi từ đôi môi mím chặt bật ra tiếng kêu, "Anh... Anh... đủ rồi...". Đủ rồi, của ngày hôm đó, nhưng sẽ không bao giờ đủ cho những ngày sau, những ngày sau nữa. Sợi dây oan nghiệt buộc bà ta vào hắn từ đó. Cũng từ đó, hắn chỉ có mỗi hai công việc: làm tình và uống rượu.

Càng căm ghét hắn bao nhiêu, người đàn bà càng cần đến hắn bấy nhiêu. Thể xác bao năm ngủ yên đã bừng thức. Nó như hòn than ủ dưới tàn tro, một cơn gió lớn thổi qua, bùng ngọn, và lan rộng, bắt vào những thân củi khô nẻ, hừng hực đêm ngày. Cái phần tưởng lãng quên kia tám năm nay chỉ đảm trách nhiệm vụ thải ra hàng tháng những trái trứng vô sinh. Bây giờ, hắn, chính hắn, đã buộc người đàn bà trực diện với một sự thật, rằng nó cũng có những hoạt động riêng, cũng có khát vọng được lấp đầy, được ôm chứa, không phải thỉnh thoảng, mà hàng đêm. Hàng đêm, bà ta đến với hắn. Hằng đêm, với hai cái chân cụt làm điểm tựa, hắn thực hiện công việc kia một cách chu đáo, đầy tự tin.

Chu đáo và tự tin đến phát ghét. Người đàn bà càng nghĩ càng giận. Trong những lúc nằm dưới tấm thân bất toàn của hắn, người đàn bà trừng mắt nhìn lên, đôi mắt như dại, như ngây, trộn lẫn những tia lửa hận thù. Đôi mắt của một con chó bị trói gô bốn chân, rướn mõm táp vội miếng thịt nướng thơm ngậy kẻ ác tâm đưa nhử trên cao. "Bà đừng tự hành hạ mình, vô ích", hắn nói, chợt dừng mọi động tác. Người đàn bà mở bừng mắt: "Cái gì?", khuôn mặt hắn sát kề, người đàn bà nhìn thấy rõ những dấu chân chim hai bên khóe mắt hắn, khóe mắt như cười. "Cái gì? Tại sai thế?", người đàn bà lặp lại câu hỏi. "Tôi nói, bà đừng cố gắng chống lại thân xác của bà". Vừa dứt câu, hắn tiếp tục, thật nhanh, thật mạnh. Người đàn bà định trả lời nhưng động tác vũ

bão của hắn khiến bà ta như mê đi, mụ mẩm. Người đàn bà lại nhắm nghiền đôi mắt. Hắn cúi xuống ngậm một đầu vú. Người đàn bà thở hộc, chợt duỗi thẳng đôi chân, những ngón chân co rút. Bà ta rùng mình liên tiếp.

Hắn cười: "Đấy, bà thấy chưa, vô ích". Khi hắn nằm vật qua một bên, với tay lấy bao thuốc, đốt, nhả khói lên trần thì đêm bên ngoài đã rất sâu. Tàng cây không biết loại cây gì sà những cành lá cọ quẹt trên mặt kiếng đục hơi sương. Người đàn bà dần dần hồi tỉnh. "Tôi ghét anh" . "Tôi biết". "Tôi căm thù anh". "Tôi biết". "Vì anh, tôi biến thành con đĩ". "Điều này sai. Trong mỗi người đàn bà đều có một con đĩ. Vấn đề là với một hay nhiều người". "Đừng có triết lý ba xu. Nếu anh không dọn đến nhà này, làm gì nên chuyện?". "Không nên chuyện với tôi thì cũng sẽ với ai đó. Sớm muộn thôi". "Anh vô liêm sĩ như thằng ma cô". "Cảm ơn, ma cô với đĩ như môi với răng. Môi hở răng lạnh". Hắn cười hềnh hệch, với tay dụi mẩu tàn vào cái gạt tàn bằng thủy tinh trên mặt bàn ngủ. Sợi khói mỏng từ đó vươn lên, nhanh chóng tan nhòa. Con cú mèo trên nóc chiếc đồng hồ treo tường gục gặc đầu vẻ biểu đồng tình với điều hắn vừa nói.

Người đàn bà xoay mặt vào tường, hai vai rung rung. "Này, đừng có khóc. Tôi kỵ đàn bà khóc lóc". "Anh im đi". "Này... thôi... tôi xin lỗi vậy. Tôi đùa. Bà quay ra đây, tôi kể bà nghe chuyện này". "Tôi khổ quá". "Đừng khổ nữa. Đời mà. Bà tưởng tôi sướng lắm sao?". "Tôi dơ dáng dại hình...". "Bà sạch như một bà thánh". "Mỗi lần đối mặt với hai đứa nhỏ, tôi chỉ muốn độn thổ". "Cái lương tâm chó chết, hãy vất nó trôi sông, bà sẽ bớt khổ". "Anh lảm nhảm gì đó?". "Tôi nói khi người ta còn băn khoăn với cái gọi là lương tâm, thì không bao giờ khá nổi". "Anh đúng là thằng khốn nạn". "Khốn nạn? Để coi... Ngày còn trẻ, có lúc chán đời quá tôi muốn tự tử, nhưng suy nghĩ mãi, thấy tất cả mọi lối tự tử đều xoàng, đều nghèo nàn, thiếu sáng tạo. Quanh đi quẩn lại cũng những trò treo cổ, nhảy sông, cắt gân máu, uống thuốc rầy, thuốt chuột... Chẳng ra thể thống gì! Tại sao người ta không chọn cách tự tử nào hay ho thống khoái hơn nhỉ? Bỗng một hôm tôi nhận được thư của một thằng bạn. Hắn đóng đồn đâu dưới miệt Tây Ninh, làm kiếp lính thú quạnh hiu giữa đồng không mông quạnh, buồn thúi ruột, hắn phát sinh ý định tự tử, và tìm được một phương pháp thần sầu: làm tình, làm tình liên miên, làm tình bất tận, làm tình kỳ bao giờ kiệt lực, chết trần truồng trên thân xác một con đàn bà nào đó. Ôi, cái khám phá mới tuyệt dịu làm sao. Bà tin không? Tôi đang muốn tự tử. Rất có thể tôi khốn nạn, nhưng khốn nạn một cách lương thiện". "Không lương thiện, mà bệnh hoạn, nếu chuyện anh vừa kể là sự thật. Nếu đùa, thì anh vô duyên như thằng hề dở". "Tôi không đùa, tôi nói thật". "Anh làm hại tôi". "Nữa, lại trở về khởi điểm. Tôi không hại bà, tôi giúp bà tìm thấy lạc thú". "Anh giúp tôi tìm lạc thú hay đẩy tôi sa địa ngục?". "Này, bà nhìn vào mặt tôi và nói thật đi: bà có sướng không? Nói đi, có sướng không?". "Anh... anh... anh... đồ chó". Hắn bật cười lớn, vòng tay qua kéo người đàn bà lại gần. "Thôi". Nhưng hắn không thôi, nhanh nhẹn chồm lên.

Hắn dụi đầu vào cổ, hắn trườn xuống hai đồi ngực, hắn áp môi trên làn da bụng, hắn di chuyển chậm như con sâu đo. Người đàn bà vẫy vùng, oằn oại, nhưng không phải để đẩy hắn ra, mà hai bàn tay, vô thức, xoắn chặt mái tóc hắn, kéo ngược lên. Bà ta hé mắt nhìn, đầu hắn nhấp nhô giữa đôi chân mở. Mặt nệm trở thành mặt sông cuộn sóng, dập dềnh, dập dềnh. Điếng. Ngất.

Địa ngục với thiên đường. Người đàn bà không tài nào tìm thấy ranh giới.

Chai rượu cạn gần đến đáy. Hắn muốn chỗi dậy đi mua chai khác nhưng cơn lười dán chặt lưng hắn xuống mặt nệm. Ngôi nhà vắng tanh vắng ngắt. Hai đứa nhỏ đi học, người đàn bà ra chợ. Hắn nhìn lên tường, con cú mèo tiếp tục gục gặc đầu. Hắn nằm im thở phì phò, hơi rượu lan tỏa khắp căn phòng. Từ sáng đến giờ hắn chưa ăn gì, vẫn không thấy đói, và cũng chẳng có triệu chứng say. Nguy quá, tửu lượng hắn hiện tại có cơ bão hòa! Không uống, hắn mềm oặc như cọng bún, ngược lại càng uống càng tỉnh, sự tỉnh táo lì lợm đến khó chịu. Những ngày còn ở chung với vợ chồng thằng bạn, hắn không uống tợn như bây giờ, nhưng mỗi hai hôm vợ thằng bạn lại thấy một vỏ chai trong thùng rác. Ban đầu bà ta khuyên can, dần dà khó chịu ra mặt. Đến một ngày việc phải đến đã đến, người đàn bà bóng gió xa xôi, chửi chó mắng mèo. Hắn hiểu ngay phải cư xử cách nào. Lúc hắn dọn đi, thằng bạn bứt rứt, "Mày thông cảm...". Hắn cười, "Tao hiểu, hiểu mà". "Tao khổ tâm lắm, tao áy náy quá...". "Cảm ơn mày. Bây giờ mọi điều đã khác, đâu còn cái thời chia nhau nửa lon thịt hộp, một vốc nước hố bom...". "Tao lạy mày, đừng cay đắng...". "Tao không cay đắng, tao nói thật. Phải can đảm nhìn sự thật. Gần hai mươi năm rồi còn gì. Soi gương coi, tóc mày đã lốm đốm bạc, con mày sắp có chồng. Hai mươi năm, nghĩ coi...". "Tao có nghĩ, tao nhanh chân hơn mày, nên cũng may mắn hơn mày. Nhìn vấn đề dưới một khía cạnh nào đó, tao may mắn cũng có nghĩa tao có lỗi với mày, vì thế tao vẫn muốn làm một cái gì đó cho mày...". "Không phải chuyện ấy, đời tao, để tao tự lo, tao bảo mày nghĩ là nghĩ đến mày, đến gia đình vợ con. Mày không thể khác, và không có quyền khác. Vợ mày không bằng lòng tao, đúng. Bà ấy nghĩ đúng, hành động đúng. Bà ấy nhân danh một tập thể nhỏ là cái gia đình này, vì cái tập thể nhỏ đó, bà ấy có quyền chọn lựa giải pháp tối ưu để bảo vệ nó. Tại sao không? Chính nghĩa chứ! Tuy về vật chất tao không gây thiệt hại, nhưng cái hình ảnh của tao, cái hình ảnh bèo nhèo của tao, cùng căn bệnh nghiện rượu và nghiện thuốc lá bất trị vẫn là tấm gương yếm thế nhản tiền, dĩ nhiên phải gây cho vợ con mày nhiều phiền bực... Tao đi, là phải". "Mày đi đâu?". "Yêm tâm, tao có trợ cấp tàn tật, và không nhiều nhu cầu". "Mày nghĩ... có nên bỏ rượu... Bà ấy không chịu được mùi rượu...". "Hoặc mày chậm hiểu, hoặc mày cố tình không muốn hiểu. Vấn đề không nằm chỗ đó. Sự hiện của tao gợi lên trong đầu bà ấy, và có thể cả mày nữa, cái dĩ vãng mà tất cả chúng ta đều muốn quên đi. Tuy chỉ mới qua hơn năm, nhưng tao cũng đã thấy rất

rõ, người Việt Nam bên này thường chọn hai thái độ sống, hoặc xóa quên hẳn dĩ vãng, hoặc chỉ nhớ điều muốn nhớ, những điều từng có thời giúp họ hãnh diện. Sự có mặt của tao là một tấm gương tiêu cực. Không phải lỗi của tao, cũng chẳng phải lỗi của mày. Mày với tao đã bước qua cái tuổi tứ thập, hẳn nhiên phải biết chọn lựa cách sống nào đó càng gây ít phiền hà cho người chung quanh càng tốt. Đó là liêm sĩ cuối cùng cần phải bảo vệ ở một người đàn ông". "Hay mày ghi tên đi học lại. Xứ sở này cơ hội luôn mở cửa...". "Để làm gì? Ai cũng có một thời. Tao đã dành hết cái thời sung mãn của mình cho những điều cao cả nhất cũng như bẩn thỉu nhất. Giờ đây coi như tạm yên, không còn bị áo cơm hành hạ, với tao thế đã là mãn nguyện". "Mày dối. Mày không mãn nguyện, mày chán đời, mày tuyệt vọng, mày tự hành hạ mình, tự đẩy mình xuống đất đen". "Thôi được... nghe tao hỏi đây, người ta có thể đứng vững được không trên một đôi chân cụt?". "Mày hiểu hơn ai hết, cái đầu chứ không phải đôi chân". "Trong mỗi cái đầu đều có một đôi chân. Đôi chân trong cái đầu của tao đã cụt, từ lâu..."

Hắn rời khỏi căn nhà đó với ít nhiều tiếc nuối. Thằng bạn rất tốt, nhưng không thể xử sự khác hơn. Vợ con, những hệ luỵ, hắn hiểu và thương bạn.

Cũng như hắn hiểu và thương người đàn bà đang vướng víu với hắn hiện tại. Người đàn bà lúc nào cũng khinh ghét hắn, dù chắc chắn trong đáy sâu tâm hồn bà ta, hắn cần thiết như một thứ nhu cầu thiết thân. Hắn còn hiểu hơn, chẳng phải chỉ thuần túy vấn đề xác thịt. Có một lý do cao hơn, trừu tượng, không cụ thể mà mãnh liệt, đã kết chặt hắn với bà ta. Những sinh vật khốn khổ thường có khuynh hướng chối bỏ nhau tuy vẫn cứ phải dựa vào nhau. Qui luật khắc nghiệt này hắn cảm được dù không thể lý giải. Nhiều lúc hắn muốn cư xử gượng nhẹ, âu yếm với người đàn bà. Nhiều lúc hắn cũng đọc thấy trong đáy mắt bà ta ước muốn tương tự. Thế nhưng cả hai đều không vượt nổi sự giằng co, hằn học, tự bỉ. Xuyên qua cái giống, hắn và người đàn bà cuống cuồng tìm kiếm lạc thú, thứ lạc thú vừa tỉnh táo vừa mù lòa, thứ lạc thú của những kẻ mang bệnh khổ dâm. Thứ lạc thú dau đớn, bệnh hoạn.

Hắn vói tay cầm cái ly lấp lánh màu nâu nhạt, ngóc đầu uống cạn. Chai rượu hết thật. Phải đi mua thôi. Hắn chép miệng chổi dậy mặc quần áo. Khi lăn chiếc xe trên vạch xi-măng để băng ngang sân cỏ, hắn nhìn thấy cái bóng râm của tàng cây không rõ tên bên ngoài cửa sổ phòng hắn đã phủ trùm, đè lên nửa miếng sân. Dễ chừng đã ba giờ chiều, hắn đoán.

Thằng cha lại đi mua rượu! Người đàn nghĩ lúc đi ngang phòng hắn. Căn phòng trống, cửa mở rộng. Độ này thằng cha uống tợn, tuần trước vừa khuân về một két mười chai, thế mà đã hết! Người đàn bà vừa thay đồ vừa nghĩ ngợi. Có lẽ phải đến lúc tống khứ hắn ra khỏi nhà thôi. Mình càng lúc càng dơ dáng dại hình. Tại sao thế? Thân xác, những đòi hỏi của nó? Không thể phủ nhận,

nhưng phải chăng là động cơ chính? Ngày mang hai đứa con xuống thuyền vượt biển, người đàn bà từng vẽ ra trong đầu cái thế giới bà ta sẽ đặt chân đến nếu có cơ may trót lọt. Và khi trót lọt, nằm trên đảo chờ đợi, người đàn bà đã hết sức ngạc nhiên bởi gần hai năm trời, chồng bà ta chưa hoàn tất xong thủ tục bảo lãnh. Cuối cùng thì người đàn bà vẫn đến được xứ sở này, để đau đớn nhận ra: người chồng ra đi nhiều năm trước đã có vợ mới. Mọi điều thắc mắc sáng tỏ. Người đàn bà không còn cách chọn lựa nào khác, ông ta đã có với người vợ mới hai mặt con, cô ta trẻ hơn, đẹp hơn, và dĩ nhiên giữa hai người, ông ta chấm cô ta. Tám năm, người đàn bà cam phận. Bất ngờ hắn xuất hiện, bất ngờ hắn làm đảo lộn tất cả. Người đàn bà luôn ngạc nhiên về mình, tám năm, không ít cơ hội tái giá, vẫn từ chối, để rồi một cách không ngờ nhất rơi vào tay hắn. U mê, ám chướng, ngu dại! Nhiều đêm thao thức, người đàn bà xoay nghiêng nhìn những nếp cày trên vầng trán hắn, nhìn hai mép môi trễ xuống, nhuốm vẻ khinh bạt pha lẫn khổ đau, nhìn tấm thân trần truồng dị hợm... người đàn bà liên tưởng đến một xác chết bà ta đã từng nhìn thấy đâu đó dọc vỉa hè khu Bảy Hiền vào những ngày cuối tháng tư, khi những trái pháo ì ầm rót vào thành phố, và phía phi trường, cuồn cuộn nhả lên nền trời oi nắng những cột khói đen kịt. Nhìn hắn chán, người đàn bà tự nhìn mình. Cái thân xác trung niên tuy vẫn đầy đủ tứ chi sao vẫn hình như thiếu hụt, mất mát hoặc hư hỏng chỗ nào đó. Người đàn bà đưa bàn tay áp lên hai trái ngực đã bắt đầu chảy nhão, vuốt chậm xuống phía dưới, khoang bụng nung núc mỡ, hạ thể lầy lội... Người đàn bà rùng mình, cảm nhận rất rõ bước đi dững dưng của thời gian, cùng bao nhiêu đổi thay khốc liệt diễn ra cho cuộc đời của mỗi con người. Bất giác cảm thấy dậy lên trong lòng một mối thương cảm. Thương hắn, thương thân. Người đàn bà hình dung những tháng năm dằn dặt hắn đã sống, có lẽ không hơn con vật, giữa lòng một xã hội mà quy luật tồn tại chỉ dựa trên sức mạnh. Với hai cái chân cụt, hắn đã làm gì để có miếng ăn? Lê lết từ hàng này qua quán khác ngửa tay nhận từng đồng bạc bố thí? Sự bi thảm có khi chỉ là sản phẩm của tượng tượng, nhưng nó đã trót hiện ra trong đầu người đàn bà, nó nhỏ giọt xuống trái tim nhạy cảm chất cường toan của lòng trắc ẩn, nó là tấm gương soi phản chiếu cái hình ảnh của người đàn bà một mặt nào đó. Chín năm ngược xuôi cơm nắm cơm gói nuôi chồng, tám năm lo toan cho hai đứa trẻ, gìn giữ chức năng làm mẹ, người đàn bà hầu như đã ném tuổi xuân xuống vực thẳm lãng quên. Mười bảy năm, bừng con mắt dậy chỉ thấy quạnh hiu một nỗi đời hoang lạnh. Trong ánh sáng hư ảo của ngọn đèn ngủ, người đàn bà tiếp tục nhìn mình, nhìn hắn, trái tim như bị ai bóp nghẹt. Hai sinh vật khốn cùng giữa chiếu chăn nhàu nát. Bất giác người đàn bà quàng tay qua, vuốt ve khuôn ngực có lẽ đã từng một thời trai tráng vạm vỡ. Rất lâu như thế, trong đêm, chập chờn đôi mắt trắng.

Người đàn bà định xếp mớ thực phẩm còn vất ngổn ngang trên kệ bếp vào tủ lạnh thì điện thoại reo. Đầu dây bên kia léo nhéo giọng nói lịch sự nhưng

lạnh lẽo, báo tin hắn bị tai nạn, đang nằm ở bệnh viện X. Người dàn bà đặt ống nghe vào vị trí cũ, ngồi phịch xuống chiếc ghế sắt trong phòng ăn. Một lúc lâu, bà ta chợt thốt kêu, "Khốn nạn!" Không hiểu người dàn bà nguyền rủa số kiếp mình hay nguyền rủa hắn.

Hắn bị thương không nặng. Một nắp cống trên hè chả hiểu ai đó mở, quên hay chưa đóng, hắn vô ý lăn qua. Chiếc xe lăn ngã đổ. Hắn rơi xuống, đầu đập vào vách cống toác một vết thương sâu. Rất may không nhằm chỗ nhược. Hắn trở về nhà sau nửa tháng nằm viện. Người đàn bà đến đón hắn. "Tôi nghĩ bà sẽ cấm cửa không cho tôi ở nữa". "Tôi đã định thế". "Vậy... tại sao?". "Tôi không biết, có lẽ tôi điên". Hắn nhìn người đàn bà thật lâu, bất chợt đưa tay nắm tay bà ta siết mạnh. Hắn muốn giải bày với người đàn bà nhiều điều, hắn muốn nói bà không biết, nhưng tôi biết. Hắn muốn hét to bởi vì chúng ta là những con vật khốn quẩn trong một xã hội vô tâm. Soi vào tôi, bà nhìn thấy bà. Soi vào bà tôi nhìn thấy tôi. Chúng ta hành hạ nhau mà thật ra thương nhau đứt ruột. Nhưng hắn đã không thể thốt thành lời. Cuối cùng, hắn nhỏ nhẹ "Có lẽ từ nay mọi sự sẽ khác. Tôi hy vọng mọi sự sẽ khác...". Người đàn bà nhẹ nhàng rút bàn tay khỏi tay hắn, lặng lẽ vòng ra phía sau, đẩy chiếc xe lăn dọc hành lang, theo hướng mũi tên có chữ *Exit*. Parking lot chói lòa trong nắng. Bỗng dưng người đàn bà cảm thấy mắt cay cay. Và hắn cũng nhận ra mình muốn khóc.

Hắn bỗng thèm một ly rượu. Liệu hắn có đủ ý chí để từ hẳn cái chất nước nâu óng quyến rũ kia? Suốt đoạn đường từ bệnh viện về đến nhà, câu hỏi vẫn cứ lẩn quẩn trong đầu. Hắn quay qua nhìn người đàn bà. Khuôn mặt bà ta nhìn nghiêng trông lạnh lẽo như đẻo bằng đá. Chiếc xe dừng hẳn trên lối xi-măng trước cửa nhà. Thấy hắn vẫn ngồi yên, người đàn bà nói: "Xuống chứ". Hắn không nhúc nhích. Người đàn bà đặt tay lên vai hắn, giọng dịu dàng: "Xuống... em... em còn làm cơm cho hai đứa nhỏ...". Hắn bỗng ngã người về phía người đàn bà, úp mặt vào ngực bà ta. Những giọt nước mắt già nua muộn màng thấm ướt lớp vải áo, ấm nóng trên bầu ngực mềm. Người đàn bà bàng hoàng vào giây, cuối cùng đưa tay vuốt nhẹ lên mái tóc đã lốm đốm nhiều sợi bạc của hắn.

Bóng cây không biết tên gì phủ tròn bóng râm lên một phần mái nhà và một góc sân cỏ. Nửa trưa.

KHÁNH TRƯỜNG



**HOÀNG XUÂN GIANG**

# lời đêm

*Đêm cất tiếng ca*
*từ chập chờn bóng tối*

*Gió khốc liệt giữa hai hàng cổ phố*
*quặn xót lòng ai*
*lấp lánh nỗi cô đơn trườn mình như rắn*
*Những bước đời vô định*
*trôi qua phố đìu hiu*

*Trăng nửa mặt nằm nín thở*
*Trời không màu*
*ngàn năm lạnh lẽo*
*xác lá rên buồn dưới bước chân đi*

*Đêm rù rì giọng ngâm bi thiết*
*không còn tiếng chuông gọi người về*
*Chuyến tàu định mệnh chở tôi băng qua*
*rượt đuổi thời gian nhịp bánh lắc lư niềm tuyệt vọng*
*Tôi bắt gặp chiếc bóng mình thời trai trẻ*
*nằm chết rũ đường xa*

*Đêm ngất ngư*
*gió vật vả dạt xô*
*tôi rơi mộng dưới đôi chân mệt nhoài lấm bụi*

*Trong đêm nay có ai còn nhớ*
*xin vội vàng thả chút hương phai.*

HOÀNG XUÂN GIANG



**BÙI VĨNH PHÚC**

# tô thùy yên: thơ, như một vinh dự lầm than của kiếp người*

## THI ẢNH VÀ NGÔN NGỮ CỦA TÔ THÙY YÊN TRONG "TRƯỜNG SA HÀNH"

Toàn bộ thi phẩm của Tô Thùy Yên trải dài trên ba mươi năm, ít nhất từ 1957 đến nay, dù chưa được thu góp để xuất bản như một chỉnh thể hữu cơ, gắn bó, giúp cho người đọc có được một cái nhìn nhất quán về thế giới của nhà thơ, cũng đã để toát ra từ đó, từ những bài thơ rời cấu thành linh hồn nó, cái không khí chung đã bao trùm lấy tâm hồn thi sĩ. Chúng ta đã có cơ hội nói về cái không khí, cái khí hậu vây bủa lấy thi ca của Tô Thùy Yên trong những phần phân tích ở trên (*)

*Trường Sa Hành* là một dấu mốc đặc biệt, khắc họa nhân dáng Tô Thùy Yên trong tư tưởng, ngôn ngữ đặc thù của riêng ông, đồng thời, cho thấy được cái nhìn vào nhân giới và nhiên giới của nhà thơ và những khắc khoải siêu hình của ông. Cùng với chùm thơ *Quỷ Xướng Thi*, gồm ba bài thơ bảy chữ nhiều đoạn, *Trường Sa Hành* đã làm cho Tô Thùy Yên trở nên lớn lao trong thi ca. Bài thơ như một dấu ấn đóng xuống đời thơ của một thi sĩ, đã giữ mãi tên tuổi cũng như nhân dáng của Tô Thùy Yên trong lòng người đọc. Cái thế giới mà ông đã tạo nên qua bài thơ này cứ như một vệt lân tinh sáng mãi trong bóng đêm của trí nhớ chúng ta. Có thể ta không có ý thức về nó trong cuộc đời thường, nhưng cái vệt lân tinh lung linh và lóng lánh ánh bạc kia cứ mãi còn theo đuổi ta trong những đêm tối của trần gian. Khi ta sụp cửa lòng mình xuống để ngăn che đi những huyên náo bên ngoài, cái thế giới *khốc liệt, rưng rưng biển* và *xanh lơ mộng* kia lại bật sáng long lanh trong lòng trí ta quạnh quẽ.

*Trường Sa Hành* gồm có mười sáu đoạn. Mỗi đoạn bốn câu, mỗi câu bảy chữ.

*Trường Sa! Trường Sa đảo chuếnh choáng*

*Thăm thẳm sầu vây trắng bốn bề*
*Lính thú mười người lạ sóng nước*
*Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi*

*Mùa Đông Bắc gió miên man thổi*
*Khiến cả lòng ta cũng rách tưa*
*Ta hỏi han hề Hiu Quạnh Lớn*
*Mà Hiu Quạnh Lớn vẫn làm ngơ*

*Đảo hoang vắng cả hồn ma quỷ*
*Thảo mộc thời nguyên thủy lạ tên*
*Mỗi ngày mỗi đắp xanh rờn lạnh*
*Lên xác thân người mãi đứng yên*

Bài thơ mở ra với một hình ảnh chuếnh choáng. Người chuếnh choáng khi vừa qua một cuộc hải hành, bị vất lên đảo, thấy đất chòng chành, không vững chân. Hay người chuếnh choáng vì cái sầu vây trắng bốn bề đang thăm thẳm vây phủ chung quanh? Hay chuếnh choáng bắt nguồn từ cả hai cái yếu tố vật lý và tâm lý kia? Hai mũi tên, từ hai cửa ngõ tạo nên cái hiện hữu của con người, cùng bay đến và cắm phập vào hồng tâm. Chuếnh choáng, như một dội đập êm ái, cuốn hút, dịu dàng. Vừa chìm lẩn vào, vừa lan tỏa ra. Ba âm trắc tận cùng của một câu thơ dẫn đầu bằng bốn âm ngang, bằng phẳng đã làm cho tác dụng *chuếnh choáng* nổi bật lên. Trong ba âm trắc đó, hai âm cuối chói lên cùng với liên âm *uênh oang*, gần như trong những từ *chuệch choạc, loạng choạng* càng làm sắc lên cái cảm giác mà nhà thơ cảm thấy. Nhà thơ nói đảo *chuếnh choáng*, nhưng thật ra *đảo*, tự thân nó, như một hữu thể vô tri giác, không hề chuếnh choáng. Nó tạo ra cái tác dụng chuếnh choáng trên não thùy con người với sự hiện hữu bàng hoàng của nó. Chỉ chính sự hiện hữu ấy không thôi cũng đã tạo nên một tấm lưới sầu, thăm thẳm, dày đặc, kín khít, bao phủ và giữ ghịt lấy con người. Cái cảm giác chuếnh choáng, chòng chành kia đã khiến cho những người lính thú, trong đó có nhà thơ, đêm nằm còn tưởng hòn đảo bập bềnh trôi đi. Hòn đảo, như một con tàu ma, trôi đi, trôi mãi, bập bềnh, bập bềnh vào vô cùng đêm thủy tận.

Gió thổi. Gió miên man thổi. Lòng thi sĩ như những tàu lá chuối tưa rách, líu ríu, quờ quạng trong biển gió. Phóng tầm mắt vào không gian, chỉ thấy có hiu quạnh chực chờ. Một Hiu Quạnh Lớn. Hiu Quạnh này từ chối con người.

Đảo hoang đến nỗi hồn ma bóng quỷ cũng vắng. Rêu rong thảo mộc còn giữ hình dáng ngày sáng thế. Mịt thẳm thời gian. Cái màu xanh hoang dã và rờn lạnh kia như đắp mãi lên con người bây giờ, chết sững, những tấm khăn liệm kỳ bí, lạ lùng.

*Bốn trăm hải lý nhớ không tới*
*Ta khóc cười như tự bạo hành*

*Dập giận, vác khòm lưng nhẫn nhục*
*Đường thân thế lỡ, cố đi nhanh*

*Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế*
*Hữu hạn nào không tủi nhỏ nhoi*
*Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ*
*Nên tưởng trùng dương khóc trắng trời*

*Mùa gió xoay chiều gió khốc liệt*
*Bãi Đông lở mất bãi Tây bồi*
*Dăm cây bật gốc chờ tan xác*
*Có hối ra đời chẳng chọn nơi?*

Sầu đã vây kín. Đảo cứ trôi đi, trôi mãi vào vô cùng thủy tận. Những người lính thú như bị tung lưới chụp bắt, có cố vùng vẫy cũng chỉ như một thứ tự bạo hành. Đành nhẫn nhục, cố đi tiếp con đường thân thế của mình.

Trong cảnh ấy, nhà thơ cố gắng tách thoát ra khỏi cái hữu hạn của con người. Ông đứng nhìn trời đất. Chỉ thấy sóng. Và biển. Sóng cứ thế, tiếng khóc đập đầu vào ghềnh đá của nó đã cất lên tự lúc nào, thời nào. Mang mang thiên cổ sầu. Biển thì mãi chít trên đầu một vành tang trắng. Hay lễ phục của nó mỗi ngày trước thánh lễ của trời đất, của vũ trụ bao la, là một bộ quần áo sô gai. *Sóng thiên cổ khóc / biển tang chế*. Trong ngữ cảnh của một kiến trúc song song, kết hợp để nhấn mạnh, ở đây, phải hiểu *tang chế* là một động từ, vì *khóc* là một động từ. *Sóng* và *biển* là hai chủ từ. *Khóc* và *tang chế* là hai động từ, dùng song song và có tính kết hợp để nhấn mạnh ý. *Thiên cổ* là tính từ, bổ nghĩa cho *sóng*. Căn bản là một danh từ, *tang chế*, ở đây, biến thành động từ, để mang một nét sống động đau đớn. Không phải là cái đau buồn riêng mà là một cái đau buồn cất lên tiếng khóc, vạch những dòng nước mắt vào trái tim người. Cây cối bật gốc, chờ tan xác. Đất đai bên lở bên bồi. Và gió. Gió tiếp tục gào thét những tiếng gào khốc liệt. Trùng dương thì như một hồ nước mắt khổng lồ, rân rấn, mênh mang, tuyệt mệnh.

*Trong làn nước vịnh xanh lơ mộng*
*Những cụm rong óng ả bập bềnh*
*Như những tầng buồn lay động mãi*
*Dưới hồn ta tịch mịch long lanh*

*Mặt trời chiều rã rưng rưng biển*
*Vầng khói chim đen thảng thốt quần*
*Kinh động đất trời như cháy đảo...*
*Ta nghe chừng phỏng khắp châu thân*
*Ta ngồi bên đống lửa man rợ*
*Hong tóc râu, chờ chín miếng mồi*
*Nghe cây dừa ngất gió trùng điệp*

*Suốt kiếp đau dài nỗi tả tơi*

*Chúi em hãy hát, hát thật lớn*
*Những điệu vui, bất kể điệu nào*
*Cho ấm bữa cơm chiều viễn xứ*
*Cho mái đầu ta chớ cúi sâu*

Trong cảnh tang chế khốc liệt kia, ta phải cố gắng sống. Phải tìm cách để tồn sinh. Hãy tìm một chút đẹp đẽ còn sót lại để nuôi lấy mộng. Nhà thơ nhìn vào làn nước vịnh xanh lơ và thấy còn sót lại chút mộng nhỏ, mềm. *Xanh lơ mộng* là một cụm từ, một ngữ (phrase), làm rõ nghĩa cho *làn nước vịnh*. Vì là sự kết hợp của cả một cụm từ, những *ý xanh lơ* và *mộng* sóng sánh bập bềnh ôm ấp lấy nhau, chứ không tĩnh tại như *xanh lơ* hoặc *mộng* đứng tách riêng. Bổ ngữ *xanh lơ mộng*, nhờ sự kết hợp, diễn tả được sự sóng sánh của làn nước. *Xanh lơ* thuộc phạm trù và nhận thức của giác quan: thị giác. *Mộng* thuộc phạm vi nhận thức của lý trí hay tình cảm. *Xanh lơ mộng* là sự chen kẽ của thực tại và ảo giác trong cái tâm thế chuếnh choáng của nhà thơ giữa một khung cảnh tang chế và khốc liệt của ngoại giới. Nhìn vào làn nước vịnh thấy gì? Thấy *xanh lơ mộng*. Thấy gì nữa? *Những cụm rong óng ả bập bềnh*. Nhưng những cụm rong này lại gợi cho nhà thơ nhớ về những tầng buồn mãi còn lay động trong hồn ông. Hồn ta, như một hải quốc xa xôi, hoang lạnh, long lanh, tịch mịch, chẳng có một chút thân ái cận kề.

Chiều rơi. Rã . Rụng. Mặt trời bị cắt cổ. *Le soleil cou coupé*. Appolinaire. *Mặt trời chiều rã rưng rưng biển*. Có thể hiểu *rã* là động từ của *mặt trời chiều*. *Rưng rưng* là tính từ bổ nghĩa cho *biển*. Một mặt trời đang tan ra thành máu. Và biển rưng rưng nước mắt nhìn cảnh hấp hối kia. Hay *rưng rưng* chính là tâm cảm của tác giả, trước cái chết của mặt nhật, đang quán chiếu lấy lòng mình. *Rưng rưng* là tính từ, đứng trước, làm rõ nghĩa cho *biển*. Ngữ pháp rất mới. Cũng thế, trong *vầng khói chim đen thảng thốt quần*, *thảng thốt* là trạng từ chỉ thể cách, đứng trước động từ *quần*, cũng là một ngữ pháp rất Tây phương. Đặt vào câu thơ, nó làm bật ra cái mới của sự bất ngờ. Hình ảnh cả một vầng nhật tan, toé ra thành máu lênh láng mặt biển, khiến bầy chim đen lúc thì tan tác thất thần, lúc thì bay vòng vô định hướng, làm nên một quầng đen xao xác, kinh động cả trời đất. Nhà thơ, trong cảnh kinh hoàng và vỡ nát ấy của thiên nhiên, thấy như cả hòn đảo bốc cháy. Và những tia lửa, đỏ, nóng, lỏng và sôi, bắn tung toé vào mình.

Câu *Mặt trời chiều rã rưng rưng biển* cũng có thể được ngắt thành:

*Mặt trời chiều / rã rưng rưng / biển*

*Mặt trời chiều* và *biển* là hai cực trên dưới của một không gian đáng lẽ là phân cực, yên ắng, và có thứ tự. Nhưng khi ta đọc câu thơ này với nhịp 3/3/1 như thế, bây giờ ta cảm thấy là cái mặt trời ấy đang biến chất và biến thể một cách rất rõ ràng. Rõ hơn là cách ngắt nhịp 4/3 nhiều. Mặt trời - cái khối tinh vân chứa đầy những nguyên tử hydrogen sôi sục trong tâm của nó kia, những

nguyên tử hydrogen này có thể kết hợp với nhau để cho ra những nguyên tử helium trong một phản ứng đặc biệt làm chuyển hóa một trọng khối nhỏ bé thành một nguồn năng lực vĩ đại qua một tiến trình kết hợp nhiệt nhân (thermonuclear fusion), trước mắt nhà thơ, bây giờ, đang là một sự hủy thể. Nó rã ra, loang ra và tràn lan lênh láng. Nó đang trải qua một sự chết rưng rưng. Để cuối cùng trở thành biển. Một biển sầu lênh láng máu. *Rã rưng rưng*. Ba âm rung sát nhau tạo nên những tác dụng xót xa đau đớn vừa trên mặt vật lý vừa trên mặt tâm lý. Vừa ngoài vừa trong. Tất cả đều đang rã ra, đang run rẩy, đang rạn nứt. Làm sao mà nhà thơ lại không khỏi không cảm thấy những tia lửa đang bắn ra làm phỏng khắp thân thể mình.

*Ai hét trong lòng ta mỗi lúc*
*Như người bị bức tử canh khuya*
*Xé toang từng mảng đời tê điếng*
*Mà gửi cùng mây, đỏ thảm thê*

*Ta nói với từng tinh tú một*
*Hằng đêm tất cả chuyện trong lòng*
*Bãi lân tinh thức âm u sáng*
*Ta thấy đầu ta cũng sáng trưng*

*Đất liền, ta gọi, nghe ta không?*
*Đập hoảng Vô Biên, tín hiệu trùng*
*Mở, mở giùm ta khoảng cách đặc*
*Con chim động giấc gào cô đơn*

*Ngày. Ngày trắng chói chang như giữa*
*Ánh sáng vang lừng điệu múa điên*
*Mái tóc sầu nung từng sợi đỏ*
*Kêu giòn như tiếng nứt hoa niên*

Con tàu ma, là hòn đảo chuếnh choáng và khốc liệt kia, vẫn tiếp tục trôi đi, trôi vào thủy tận. Nhà thơ biết mình đã bị đẩy vào một cuộc lữ oan nghiệt, cuộc lữ của một người lính thú bị vất lên đảo hoang để chuẩn bị nhìn thấy định mệnh của mình, của anh em bè bạn. Tiếng hét của kẻ bị bức tử không bung thoát được ra ngoài để tan mất vào không gian rộng lớn ngoài kia, mà nó cứ dội vang oan khuất trong lòng kẻ bị hành hình. Không lối thoát, tiếng hét cào xé và bứt rách đi từng mảng đời người. Nó xé toạc đời sống và gửi tâm hồn con người về nỗi chết trên cao. Mây. Đỏ thảm thê. Thảm thê cùng với tiếng hét từng chập bị giam hãm trong lòng.

Nhưng, những khi đêm xuống, thu góp lại những mảnh hồn rách nát của mình, nhà thơ ngồi nói chuyện với những vì sao cô độc trên cao. Cuộc tâm sự như kéo dài bất tận. Ông ngồi nói chuyện với từng tinh tú một. Hình ảnh bãi lân tinh thức, trên cao, sáng âm u, kỳ diệu, và ở dưới đất bằng, trong tối

đen, sáng trưng một điểm sáng, cũng kỳ diệu, từ mái đầu của nhà thơ, lung linh lấp lánh bao ý nghĩ vượt lên trên trời cao, là một thi ảnh rất lạ. Cái đầu như lóe lân tinh. Hay như một điểm kết tập và phản chiếu ánh sáng u ảo của vũ trụ. Nó là một điểm phản ánh những hồi quang và những kỳ bí thẳm sâu của vũ trụ mênh mông xa tít. Cái đầu, bây giờ, là nơi trời đất, vũ trụ, thời gian, không gian và những mối cảm xúc, u hoài, sầu nhớ, chứng tỏ sự có mặt của chúng. Cái đầu, địa bàn hoạt động với diện tích thu nhỏ lại của tất cả những sức mạnh bên trong và bên ngoài con người. Và bãi lân tinh vẫn tiếp tục thức, âm u sáng, để đối thoại với điểm sáng nhỏ nhoi ở dưới kia, thi sĩ. Trong sự sáng vẫn còn cái âm u mang mang rợn ngợp của những sức mạnh siêu hình.

Đoạn thơ *Đất liền, ta gọi, nghe ta không?* là đoạn thơ duy nhất trong bài thơ mười sáu đoạn này được gieo vần bằng. Tất cả những đoạn khác được hạ vần trắc, tạo tác dụng khốc liệt, kinh hoàng, u uất cho toàn bài. Nhưng đoạn thơ bốn câu vần bằng này lại có một nhịp gãy, gấp khúc, gấp gáp, tạo cảm giác hoảng loạn rõ nét. Hãy đọc lại nó đúng như nhịp điệu mà nó đã được viết ra:

*Đất liền / ta gọi / nghe ta không?*
*Đập hoảng Vô Biên / tín hiệu trùng*
*Mở / mở giùm ta khoảng cách đặc*
*Con chim động giấc / gào cô đơn*

Như kẻ tử tội bị che mất lối về dương thế, nhà thơ cất tiếng gọi đất liền hốt hoảng, trong khi con tàu ma, là cái đảo chuếnh choáng, khốc liệt kia, vẫn tiếp tục cái hành trình của nó vào vô cùng thủy tận. Đập thẳng tay vào Vô Biên, chỉ thấy một tín hiệu u u. Trùng và lạc. Tín hiệu dứt hơi, hấp hối, và đang chết. Sự kinh hoàng càng tăng lên. Con người đưa tay đập liên hồi vào cánh cửa của sự chết. *Mở, mở giùm ta khoảng cách đặc*. Tại sao lại *khoảng cách đặc*? Có phải để làm bật rõ tâm trạng của con người với cảm giác đang bị giam vào một con tàu bít bùng, cứng, đầy, và tối, đang trôi vào hư vô, đang chìm vào tận tuyệt. *Con chim động giấc gào cô đơn*? Con chim nào đây? Hay là một biểu tượng cho những giấc mơ bé nhỏ bị giam hãm của con người!

Tất cả các động tác trong đoạn thơ này đều có tính cách hoảng loạn: *đập, hoảng, mở, mở, động giấc, gào. Khoảng cách đặc* được dùng như một thứ *oxymoron*, một từ nghịch lý ngay trong chính bản thân của nó, để làm bật lên sự phi lý của hoàn cảnh, sự mỉa mai của số phận. *Vô biên, tín hiệu trùng, cô đơn* là những sợi tơ mỏng mảnh gắn vào cõi siêu hình. Cả đoạn thơ là một tiếng kêu cứu vô vọng của con người bị vất hẳng vào cõi lãng quên.

Ngày rồi đêm. Đêm rồi ngày. Đời sống (hay nỗi chết) cứ thế trôi qua. Ngày, trắng ngất, chói chang, như một thanh kim loại, được một bàn tay vô hình nào đó giũa mãi trên kia. Ánh sáng nhảy múa hỗn loạn và điên dại trong một điệu nhạc chói, gắt, hoảng loạn. Và vô thanh. Mái tóc sầu đau của kẻ tử tội, bây giờ, nhìn từng sợi, thấy như bị nung đỏ lên trong một nhiệt độ khủng

khiếp. Ánh sáng vẫn vang lừng mãi một điệu múa điên cuồng, man dại. Từng sợi tóc bị nung đỏ, nứt rạn thành tiếng kêu vỡ của tuổi trẻ. Chính là cái hữu hạn, soi chiếu qua mái tóc bị nung đỏ trong nắng chói của kẻ bị hành hình, đang nứt rạn ra. Tuổi trẻ rạn nứt, vỡ tan, như ước mộng hoa niên của một lớp người.

*Ôi! Lũ cây gầy ven bãi sụp*
*Rễ bung còn gượng cuộc tồn sinh*
*Gắng tươi cho đến ngày trôi ngã*
*Hay đến ngày bờ tái tạo xanh*

*San hô mọc tủa thêm cành nhánh*
*Những nỗi niềm kia cũng mãn khai*
*Thời gian kết đá mốc u tịch*
*Ta lấy làm bia tưởng niệm Người.*

Đây là đoạn kết của *Trường Sa Hành*. Nhìn vào thiên nhiên hoang lở, rách nát, nhưng vẫn cố gắng sống xứng đáng, trong danh dự, cái cuộc tồn sinh của mình cho đến ngày thật sự gục ngã, hay cho đến ngày được sống lại với cái ý nghĩa như thực của cuộc sống, nhà thơ nhìn ra cái ý sống của mình. Của Con Người, nói chung.

Hòn đảo, nhìn ở một kích thước lớn rộng hơn, chính là cái cuộc đời chuếnh choáng bít bùng này. Đời sống sẽ còn trổ ra muôn ngàn nhánh khổ. Con người sẽ còn tiếp tục bị vất vào những nỗi đau đớn, xót xa. Trong vinh dự lầm than của kiếp người, những nỗi khổ đau của nó sẽ mãn khai, đầy cành sống. Nhưng có phải chính sự đau khổ, chua xót và lầm than kia lại là những dấu chỉ vào cái danh dự của kiếp người? Thời gian rồi cũng sẽ như đá hóa thạch. Trên tảng đá u tịch, sắc cứng và mốc meo dựng sững vào Đời Đời ấy, nhà thơ trân trọng khắc nét hai chữ: Con Người.

Toàn bài *Trường Sa Hành* được bao phủ bởi một bầu khí quyển hoang lạnh, âm u và khốc liệt, đầy tính siêu hình. Bài thơ, cùng với cái bầu khí quyển bao quanh nó, trôi vừa khốc liệt với cái độ cuồng nộ băng băng của nó, vừa dật dờ với cái bối cảnh âm u, vào tâm thức ta. Nó cứ còn trôi đi mãi, trong cái hải quốc sâu thẳm của lòng ta, rách tưa tiếng gió và âm u tiếng những con sóng thiên cổ ầm ỳ. Con tàu chuếnh choáng vẫn tiếp tục trôi đi, trôi vào thiên cổ.

Và con người, kẻ cô đơn, lầm than và bị lưu đày kia, nó phải tìm ra được vinh dự và nghĩa sống của nó giữa chốn lưu đày.

24/8/92
BÙI VĨNH PHÚC

---

(*)Xin đọc toàn bài *Tô Thùy Yên: Thơ, Như Một Vinh Dự Lầm Than Của Kiếp Người* của tác giả bài này. Một trích đoạn khác, bàn tổng quát về phong cách và ngôn ngữ Tô Thùy Yên, đã đăng trên Hợp Lưu số 7, 1992.



**IOSSIP BRODSKI**
**DIỄM CHÂU dịch**

# những lá thư triều minh

*I*

*"Thế là đã sắp mười ba năm con chim họa mi bỏ lồng*
*bay đi. Và để ngủ đêm hoàng đế phải nuốt*
*những dược hoàn với máu người thợ may bị hành hình,*
*rồi buông mình trên chăn gối, và, điệu nhạc giả tiếng chim vặn lên,*
*ngài chìm vào giấc ngủ với tiếng hót đều đều đu đưa.*
*Từ nay, ấy là tất cả những ngày kỷ niệm chu niên ở Thiên triều,*
*những ngày kỷ niệm lẽ buồn bã.*
*Chiếc gương đặc biệt xóa mờ những vết nhăn*
*mỗi năm một đắt hơn. Khu vườn nhỏ nơi đây chết dần.*
*Cả đến bầu trời cũng lấm chấm những kim châm như đôi vai*
*và gáy một bệnh nhân (chỉ thấy có tấm lưng).*
*Đôi khi em nhận việc giải thích cho hoàng tử*
*bản chất các vì sao, và ông thường diễu cợt.*
*Lá thư này, hỡi người yêu dấu, Hồng Nhạn của anh*
*viết bằng bút lông trên phiến giấy rơm rất mịn*
*hoàng hậu đã cho em.*
*Chung quanh, không biết vì đâu, ngày càng có nhiều giấy rơm,*
*ngày càng ít gạo thóc,"*

*II*

*"Đường thiên lý khởi từ bước đầu,*
*ngạn ngữ nói thế. Nhưng tiếc thay không tùy thuộc vào đấy*
*con đường trở lại, con đường vượt xa hơn nhiều*
*vạn lý. Nhất là khi mình khởi đi từ số không.*

*Một ngàn lý, hai ngàn lý,*
*vạn lý có nghĩa là giờ đây mi đã ở thật xa*
*mái ấm quê hương, và sự phi lý của từ ngữ*
*nhiễm độc những con số; nhất là những số không.*
*Gió cuốn ta về hướng Tây, như những hạt đã vàng*
*của một vỏ đậu vỡ ra, về nơi xa kia, phía Trường thành.*
*Trên tấm nền này con người thật quái gở, khủng khiếp,*
*như một nét chữ bí hiểm,*
*như mọi ký ức khác không sao đọc ra.*
*Chuyển động về một hướng duy nhất biến tôi thành*
*một vật bị kéo dài, như đầu một con ngựa.*
*Sức mạnh, sống nơi thân xác, đã bỏ đi trong sự cọ sát của bóng tối*
*trên những gié lúa mạch dại héo khô."*

*

*Chỉ có tro mới biết thế nào là tàn lụi.*
*Song tôi vẫn nói ra điều này, sau khi phóng một cái nhìn cận thị*
*về phía trước:*
*không phải tất cả đã bị gió cuốn đi, và ngọn chổi*
*cào quét rộng khắp sân không thu lượm được gì hết.*
*Chúng ta, mẩu thuốc nhăn nheo, đờm rãi, vẫn còn lại trong bóng tối*
*dưới băng ghế đá, nơi không một tia sáng nào lọt tới,*
*và, quyện chặt với bùn nhơ, đếm những tháng ngày,*
*chúng ta tạo thành đất mùn, cặn rác, lớp đất trồng cây.*
*Trước cây xẻng lấm lem, nhà khảo cổ sẽ há hốc miệng*
*trong tiếng nấc cụt; thế nhưng điều phát hiện của ông sẽ vang rền*
*khắp vũ trụ, như một niềm đam mê bị chôn vùi dưới đất,*
*như những thứ Kim tự tháp lật ngược.*
*"Xác thối!" Ông sẽ kêu lên, tay ôm bụng,*
*nhưng ông sẽ thật cách xa chúng ta hơn cả trái đất đối với lũ chim,*
*bởi lẽ là xác thối, chính là không còn bị ràng buộc với các tế bào*
*của mình, là tự do đối với*
*hết thảy: vinh dự tột cùng của các phân tử.*

(Urania)

IOSSIP BRODSKI

---

IOSSIP BRODSKI, sinh tại Leningrad năm 1940. Rời Liên Xô năm 1972. Mười lăm năm sau được tặng giải Nobel Văn Chương. Bản dịch Diễm Châu, để tặng Hoàng Ngọc Biên ở Utah, dịch giả *Tĩnh Vật và Những Bài Thơ Khác*, của Joseph Brodsky, và Đỗ Trung Quân ở Sài Gòn, tác giả *Cỏ Hoa Cần Gặp.*



**HUỲNH HỮU ỦY**

# marc chagall
# thế giới bay bổng của những giấc mơ



Marc Chagall là một người Bạch Nga, từ thời tuổi trẻ ông đã rời bỏ xứ sở để nhập vào cuộc sống tại Paris. Vào những năm đầu thế kỷ, nơi trung tâm nghệ thuật lớn này, trước đây là Rome nhưng về sau đã chyển qua Paris, ông đã trải qua những năm tháng đói rách nhưng quả là tuyệt đẹp. Đây cũng là nơi lưu trú của nhiều tay nghệ sĩ lang thang, đãng tử thượng thặng, sống hết mình, chủ trương một đời sống tự do, ngang tàng, bạt mạng. Chính nơi đây ông đã gặp gỡ, giao tiếp với nhà thơ Blaise Cendrars, sẽ là bạn thân nhất của ông sau này, với Max Jacob, Guillaume Appolinaire, với những họa sĩ Roger de la Fresnaye, De Launay, Soutine, Modigliani, với Canudo, người chủ trương tạp chí Montjoie.

Những ngày thanh xuân tươi đẹp ở Paris giúp cho ông khám phá ra rằng nghệ thuật là thứ ánh sáng chói lòa trong chính hơi thở và trên từng bước chân của cuộc sống quanh đây, trong sinh hoạt của những người buôn bán ở các khu phố, của thợ thuyền, dân dã, những người hầu bưng cà phê trong quán, những người gác cổng, khắp nơi và khắp nơi đều dàn trải, tràn ngập một thứ áng sáng lạ thường, một hương tự do tinh khiết. Và về sau, chính Chagall nói rằng Paris mang lại ánh sáng cho ông, soi chiếu trên thế giới sự vật ông mang đến từ nước Nga. Từ điểm khởi đầu ấy, ông đi qua gần một thế kỷ nơi đây với tất cả lòng yêu mến, thiết tha, quý trọng và say đắm.

Paris gây nhiều cảm xúc sâu sắc, cộng vào đấy là tâm hồn riêng chứa đầy chất thơ mộng dân gian Nga với những cổ tích và truyện truyền kỳ, ăm ắp hình ảnh những thiên thần lộng lẫy của kinh thánh, những kỷ niệm thời thơ ấu ở một khu phố Do Thái của thị trấn sinh trưởng Vitebsk nhỏ bé, tất cả đã hợp nhau lại để tạo thành một thế giới riêng biệt hoàn toàn.

Sau cách mạng tháng mười, là ủy viên nghệ thuật của Vitebsk, nhưng chỉ mấy năm sau, ông đã rời bỏ nước Nga để nhập cư ở Pháp. Năm 1923, khi đến nước Pháp lần thứ hai và sẽ ở lại đấy mãi mãi, ông đã thốt lên âu yếm: *Ô, Paris, nàng chính là Vitebsk thân yêu thứ hai của đời ta* (Paris, tu es mon second Vitebsk!)

Paris qua mắt nhìn của những truyền thuyết dân gian Nga, đã dễ dàng thích ứng và hòa hợp êm ái, thân thiết biết chừng nào với những nghệ sĩ siêu thực nơi đây. Từ năm 1924 đến 1927, sống giữa Montparnasse với Bella và con gái Ida chào đời năm 1916 hồi còn ở Nga, Chagall đã hít thở bầu khí thân thiết chung quanh với biết bao nhiêu là cảm hứng.

Những bức tranh liên tục được vẽ nên cho chúng ta thấy Paris đúng là chiếc nôi kỳ diệu nuôi dưỡng nghệ thuật của ông. Rất điển hình là bức tranh *Paris Nhìn Qua Cửa Sổ*, phía ngoài kia tháp Eiffel đứng dạng chân cao vút gợi nhớ một ý tưởng của Appolinaire: *Ô, tháp Eiffel, cô gái chăn cừu, em chăn đàn cừu là những vai cầu sáng nay đang kêu lên be be (Bergène Ô tour Eiffel le troupeau des ponts bêle ce matin).* Và trên thành cửa sổ, một con mèo ngơ ngác nhìn ra bên ngoài hiền hòa biết bao, ở cạnh đấy một người đàn ông cũng không khác gì chú mèo kia, cũng ngơ ngác và hiền hòa nhưng nhìn được đến hai chiều vì có hai mặt, mặt trước và mặt sau (đây chính là một bước nhảy từ lập thể chuyển thành siêu thực của Chagall). Rồi cũng với tháp Eiffel, chúng ta gặp lại biểu tượng đẹp đẽ ấy nơi *Cặp Vợ Chồng Chưa Cưới Ở Tháp Eiffel (Les fiancés de la tour Eiffel)* hay *Cặp Vợ Chồng Ở Tháp Eiffel (Les mariés de la tour Eiffel).*

Cho mãi đến năm 97 tuổi, trước khi từ biệt cuộc đời, Chagall luôn luôn sống rất tuyệt vời giữa một thế giới mới mẻ và huyền hoặc. Một vũ trụ bay bổng, chẳng có trọng lực và sức hút nào là qui luật ở đây. Tất cả đều ngân vang, những cánh cửa, những đôi mắt của tâm hồn và tình yêu bay lượn trên bầu trời, thánh thót, sang trọng, và bất tuyệt.

Nghệ thuật của Chagall luôn luôn được xây dựng vững chắc từ cuộc đời thực, nhưng từ đó ông lại nhào trộn hiện thực theo cách nhìn và những kinh nghiệm thơ mộng riêng, để rồi sáng tạo nên một vũ trụ siêu thực mới, ấm áp, trữ tình, kỳ bí. Ông không thích kỹ thuật của trường phái hiện thực. Ông cũng lãng tránh ngôn ngữ của trường phái lập thể. Hồi đầu cũng có ảnh hưởng bút pháp lập thể, nhưng ông đã mau chóng vượt qua. Lúc ông đến Paris là thời kỳ trường phái lập thể đang phát triển mạnh mẽ, nhưng Chagall cho rằng những cây đàn lục huyền cầm, những khối thể, những hình lăng trụ kia của các họa sĩ lập thể cũng chỉ là một thực tại hợp lý nhưng được sắp xếp theo một hình thái khác mà thôi. Ông đã nói về các nhà lập thể một cách dí dỏm: *"Để mặc cho họ ngấu nghiến những trái lê vuông trên những cái bàn hình tam giác của họ! (Qu'ils mangent à leur faim leurs poires carrées sur les tables triangulaires!)*. Tranh Chagall hoàn toàn phi luận, phi thực và phi lý, ở đó chỉ còn lại những hình ảnh và màu sắc lấp lánh của tình yêu và hạnh



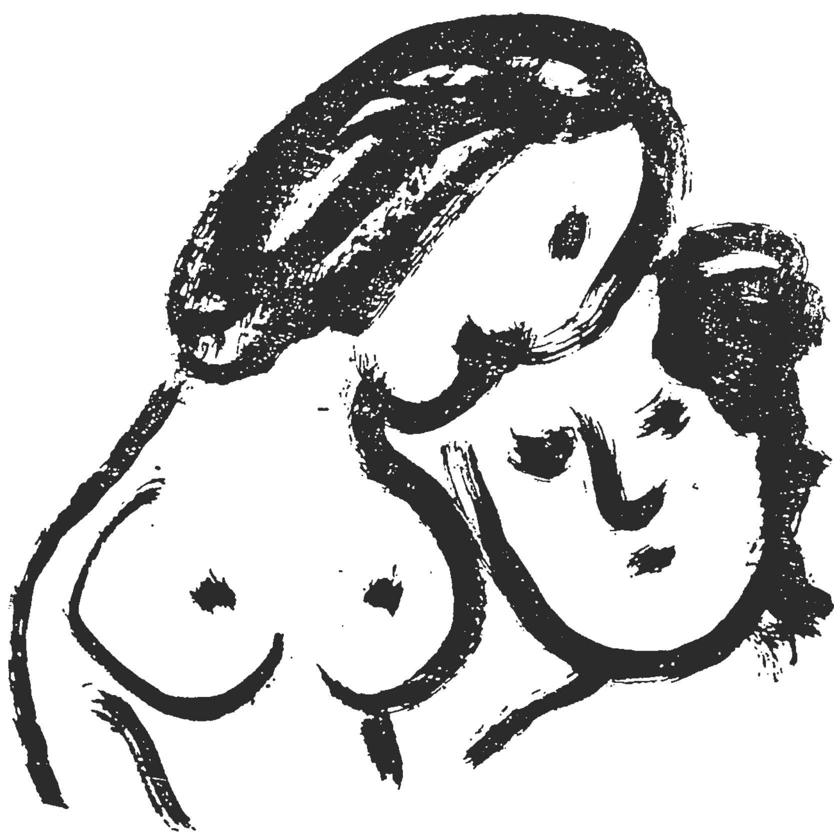
phúc đã được thanh lọc, trong suốt, hồn nhiên, ngây thơ đến độ tuyệt diệu nhất.

Trong một tự ngôn dưới tựa đề *Gánh Xiếc*, ông đã có dịp chỉ ra cho chúng ta thấy phần nào cội nguồn nghệ thuật của mình. Từ những gánh xiếc nghèo nàn ông gặp phải trên đường phố thảm đạm ở Vitebsk thuở ấu thời, rồi sau này qua bao nhiêu gánh xiếc khác nữa, ông thấy rằng mỗi gánh xiếc chính là hình bóng nhào trộn của cuộc nhân sinh. Cuộc đời chẳng qua cũng là những gánh xiếc với niềm vui, nỗi buồn, với bao nhiêu cô đơn, chua chát, đắng cay. Hình ảnh những tên hề, những người đu dây, kẻ nhào lộn là bóng dáng cuộc đời lặp lại sâu sắc nơi đây. Cũng từ kinh nghiệm đó, nhiều khi ông sắp đặt, bố cục tấm tranh như cảnh diễn ra nơi gánh xiếc. Có một lần kia, khi trở về nhà, nhìn qua cửa sổ, ông bắt gặp một người chết ở góc phố. Về sau người chết ấy là yếu tố của một tấm tranh. Ông đặt người chết nằm ngay giữa phố, rồi vẽ thêm người nhạc sĩ ở trên mái nhà đang tấu lên khúc nhạc trầm buồn, đấy chính là bố cục của một gánh xiếc, nhưng là gánh xiếc không còn được sắp xếp hợp lý nữa. Hay nơi bức *Mặt Trời Đỏ* dễ gợi cho chúng ta hình ảnh cảnh đu bay, tất nhiên cảnh bay bổng ở đây đã trở nên mộng ảo, đưa đến những cõi bờ mới của thơ. Vả lại, chúng ta cũng nên nhớ đến cách nhìn thơ mộng mà như bỡn cợt của Chagall: bởi vì trái đất quay nên hết thảy chúng ta cũng đều phải bay bổng và quay, những cặp tình nhân hôn nhau và bay lên, những chùm hoa bay lên, gà và lừa bay lên, nhà cửa bay lên. Nói tắt là tất cả đều bay lên, bay lên.

Khắp nơi trong tranh của người họa sĩ đầy chất thơ ấy là những người tình thân thiết ôm hôn nhau bay bổng trong không gian, chùm hoa tươi thắm nơi tay và những bó hoa trắng, tím, vàng, hồng, đỏ bên cạnh. Những người chơi đàn violon xanh bay lượn trên mái nhà. Và chim xanh, lừa, ngựa, bò cái hiền hòa như thánh, những con gà trống đỏ rực cũng tiếp tục bay lượn mãi, cạnh những giá đèn bạch lạp đốt lên bên một chiếc cầu lơ lửng, bên mặt trăng tỏa ánh sáng vàng hay mặt trời đỏ thắm rạng rỡ. Màu sắc luôn luôn được hòa hợp, giao phối trong những sắc độ tươi mát, dịu dàng và ấm cúng.

Hình ảnh Bella, dấu hiệu của tình yêu thơ dại, người tình đầu của Chagall, vẫn thường bay lượn trên tranh ông. Nơi một bức tranh ngợi ca tình yêu ấy, chúng ta gặp thấy hình ảnh Chagall đứng trên vai Bella với cốc rượu trên tay, ở bên trên nữa là đứa con gái nhỏ của Chagall và Bella, bé Ida đang bay trên bầu trời, và ngay chính Bella cũng không phải đứng tựa vào mặt đất hay tựa vào dòng sông trôi chảy bên dưới, mà đấy chính là những bước chân như đang vỗ lên, bay bổng.

Không gian của Chagall không có giới hạn, thời gian không bờ bến, ở đâu cũng có thể là gặp gỡ, mọi sự như sẵn sàng thoát lên và vượt ra. Ông là một nhà thơ giữa các họa sĩ, là một đứa trẻ thiên tài, một thần đồng mãi mãi không già, và không bao giờ chia cắt mình với những mộng ảo phù phép của tuổi thơ *(Sortilèges de l'enfance)*. Ông mang lại cho chúng ta biết bao nhiêu



ân huệ của những vẻ quái lạ trữ tình. Tranh Chagall mở ra một nỗi hồn nhiên mãi mãi, niềm hoan lạc kỳ diệu vô song, dù là từ hồi mới đến Paris thời trẻ, hay trước đó ở Nga, hay mãi hơn bảy mươi năm sau với mái tóc đã nhuốm màu sương tuyết. Tác phẩm của ông đúng là một thách thức với thời gian; một thế kỷ ông đi qua là thế kỷ của niềm tin thơ dại và tươi mát tuyệt diệu, người ta chẳng thể nào tìm được dấu vết của sự tuyệt vọng ở đây, và đôi lúc nếu có một chút quạnh hiu thì cũng sẽ được lấp đầy bởi một chất xanh biếc của niềm hy vọng.

Hãy thử đọc một trang thơ sau của Chagall để càng nghiệm ra và gần gũi với thế giới kỳ diệu của ông hơn:

*Trong các bức họa của tôi*
*Tôi đã chôn giấu tình yêu của mình*
*Tôi ngụ trong đời tôi*
*Như cây trong rừng*

*Rừng nghe tôi nói*
*Rừng thấy khuôn mặt tôi*
*Vùi giữa ánh trăng*
*Như một kẻ đã chết cả ngàn năm*

*Mẹ đã cho tôi một tặng phẩm*
*Tôi tỏa sáng khắp thân hình*

*Tôi không hé miệng*
*E tim mình bỏ trốn*
*Cũng chẳng buồn kêu than*
*Như con chim nhỏ trong đêm*

*Trong các bức tranh của tôi*
*Tôi đã họa tình yêu của mình*
*Các thiên thần ngó thấy*
...
*Mùi hương của đóa hoa*
*Thắp bừng những ngọn nến*
*Xanh biếc đang nhú lên*
*Ngày tôi ra chào đời*

*Tôi đã chôn giấu những giấc mơ của mình*
*Trên các cụm mây*
*Những tiếng thở dài của tôi*
*Theo đàn chim vỗ cánh...*



*Tôi thấy mình vừa đứng yên*
*Vừa tiến bước*
*Tôi phơi bày tâm sự*
*Trước ngọn lửa của thế giới*
*Tình tôi tựa như nước bắn xa*

*Khắp bốn phương*
*Bước theo tôi là các họa phẩm của tôi (*)*

Chỉ mới nhìn thoáng qua thế giới của Chagall, chúng ta dễ dàng hiểu được tại sao người ta đã đúc kết cách đánh giá chính xác khi so sánh Chagall và Picasso: Nghệ thuật Chagall là cuộc vinh danh của trái tim, và ngược lại, Picasso là sự chiến thắng của trí tuệ thiên tài.

Một buổi chiều thứ Năm năm 97 tuổi, ông đã thực sự rời khỏi trái đất thân yêu mà đau thương và trầm trọng này, để mãi mãi nhập vào cõi thiên hà vĩnh cửu riêng biệt của tình yêu, mơ mộng và rất đổi tráng lệ của nghệ thuật, là thiên hà của những người yêu nhau bay bổng, những người chơi đàn vĩ cầm xanh, những con lừa xanh và những con gà trống đỏ.

Ông đã góp rất nhiều phần trong suốt thế kỷ vừa qua làm cho hành tinh của chúng ta lấp lánh kỳ diệu hơn lên. Ông là một người khổng lồ của nền nghệ thuật mới, chúng ta còn nhớ năm 1977, Chagall là người thứ hai sau Picasso được bày tranh tại Louvre lúc đang còn sống, đấy là một sự tôn phong đặc biệt (Consécration exceptionnelle), là một trong những vinh quang cao nhất của thế kỷ XX.

Chagall để lại một di sản phong phú, giàu có, trên rất nhiều chất liệu, từ tranh sơn dầu, tranh thảm, những bản khắc bằng cường toan, thạch bản, đồ họa, bích họa, tranh vẽ phông cho sân khấu nhạc kịch và vũ kịch ballet, cho đến những phẩm vật bằng thủy tinh màu và gốm cùng sành sứ thời sáng tác ở Vallauris. Những bức tranh của ông ngày nay là nguồn suối tình yêu kỳ diệu tuôn tràn qua những nhà bảo tàng, tranh vẽ trên kiếng (vitraux) làm lộng lẫy mà ấm áp những nhà thờ Metz, Reims và tòa nhà Liên Hiệp Quốc, bích họa của ông đã biến nhà hát kịch Paris và Métropolitan thành thánh thất của mỹ thuật, những đài điện vô giá của loài người. Có lẽ chúng ta cũng nên quan chiêm một chút công trình đồ sộ này: 200m vuông trần nhà vòm cung của tòa nhà kịch hát như một bó hoa vĩ đại, chung quanh là những người tình lóng lánh chất thơ, hình thể khỏa thân tinh khiết, thiên thần thổi sáo ngợi ca, hình ảnh kỳ ảo của vũ khúc hồ thiên nga bay lượn, chúng ta cũng gặp thấy hình bóng nhà soạn nhạc Mozart giữa một bó hoa mà một thiên thần đang cầm trong tay..., đúng là một bài thơ tráng lệ bất hủ của tình yêu và mùa xuân; Và cũng nên biết một chút nữa, là công trình được xây dựng nên do ý tưởng của nhà văn hóa lớn André Malraux, Malraux ao ước một vòm cung vĩ đại dưới bút pháp, màu sắc và dấu ấn của Marc Chagall; rồi suốt thời gian thực hiện, Chagalll được người vợ thứ hai của ông, Valentina mà

ông thường gọi thân mật là Vava cộng tác chặt chẽ, cố vấn và giúp nhiều ý kiến hữu ích cho công trình.

Mặc dù chọn Paris nhưng tâm hồn Chagall rất gắn bó với tổ quốc của mình. Đấy cũng là một cái gì chua xót trong lòng ông, chắc phải vậy, bởi vì cả thế giới ngưỡng mộ và tôn vinh Marc Chagall, nhưng ở nước Nga, quê hương của chính ông thì Chagall lại chưa có một chỗ đứng thân thiết và xứng đáng. Năm 1973, cuộc bày tranh của ông tại bảo tàng Trétiakov sau năm mươi năm xa cách chưa gây được âm hưởng đúng mức. Hơn mười năm sau, nhân kỷ niệm 100 năm ngày Marc Chagall ra đời (1887-1987), trong không khí Perestroika của thời đại mới, cuộc triển lãm qui mô các tác phẩm tiêu biểu nhất của Chagall tại bảo tàng mỹ thuật Pushkin ở Mạc Tư Khoa mới được chào đón thực sự như một thắng lợi của cái đẹp. Tổ quốc nuôi dưỡng ông từ bước đầu, đáp lại, người nghệ sĩ lưu vong ấy cũng đã mang về cho đất nước thân yêu những điều kỳ diệu nhất mà một nghệ sĩ vĩ đại trên trái đất này đã có thể đạt tới, làm ra và xây dựng nên.

HUỲNH HỮU ỦY

---

(*)Marc Chagall, *Tôi Ngụ Trong Đời Tôi*, bản Việt dịch Nguyễn Đăng Thường.



**ĐỖ QUYÊN**

# tự thuật về một sự ra đời

*Một nghìn chín trăm chín mốt*
*ngày Bốn tháng Năm*
*Đúng mười một giờ hai nhăm*
*Bên một dòng sông*
*Giữa tiếng gầm của những làn xe hơi nhào qua cầu hối hả*
*Quằn quại*
*Tôi tự sinh mình...*
*Tiếng khóc đầu tiên (chào cái cuộc đời tưởng là mới này!) là nụ cười ruồi*
*Với người nữ nhân viên ngả búp tay dài đưa cho tôi một tờ giấy mỏng*
*Tôi tự cắt rốn mình khỏi thân thể quê hương*
*bằng một cây bút bi*
*(rất nhẹ)...*
*Tôi liếc nhìn ra cột đồng hồ nghễu ngạo ở bờ sông:*
*Mười một giờ hai mươi nhăm*
*lúc tôi ký vào đơn xin tỵ nạn!*
4.5.92
ĐỖ QUYÊN



**CHÂN PHƯƠNG**

# đồng dao cho năm hai nghìn lẻ hai

*bổ túc bổ sung bổ củi*
*đồi trọc lông chim nhiều màu*
*dự báo thời tiết*
*dạ dày bóc vỏ*
*bắp củ phạm trù*
*cắc kè rượu mơ nghị quyết*
*một hai ba bò ra lũ*
*nhóc cọc còi*
*hậu môn nhét căng vải đỏ*
*xương rồng mọc giữa cửa mình*
*báo cáo các đồng chí*
*tôm sắp đông lạnh*

# bài thơ chưa thể gởi về việt nam

*ai bây giờ*
*cầm cây ăng ten truyền hình mỗi đêm gạt lệ cho các cửa sổ*
*ai bây giờ*
*từng ngày mang tờ nhật báo đi gói lại*
*những mẩu thở than rơi từ các mái hiên*
*ai bây giờ*
*huơ cây gậy người mù đi quanh quả tim*
*ai bây giờ*
*dùng ống kim chích ngữ nghĩa và từng thân cây chết*
*ai bây giờ xé nghị quyết cũ dán lại thành đường lối mới*
*ai bây giờ giải tán những con người mới để phục hồi mớ triết thuyết xưa*
*ai bây giờ coi sóc nhà bảo tàng của các dự án không thành*
*ai bây giờ vẽ đường thẳng song song giữa chân trời và cơn đói*
*bây giờ ai khóc*
*ai cười*
*bây giờ ai ăn năn*
*ai mất trí*
*bây giờ nhổ tóc bạc cho lũ chó đá là ai*

CHÂN PHƯƠNG



**HOÀNG XUÂN SƠN**

# chuồn chuồn

*Chắc chắn có một cánh chuồn chuồn*
*đậu im lìm trên lá cỏ*
*chắc chắn như thế*
*đất trời vô âm*
*cớ chi mình ngọ ngoậy*

*Cớ chi mình thức khuya dậy trễ*
*cớ chi những cơn mộng bò trườn*
*sấp - ngửa*
*Cớ chi một cánh chuồn*
*ôi một cánh chuồn*
*lặng lẽ*
*chuồn đi*

HOÀNG XUÂN SƠN



# quả bóng hạnh phúc

*Anh vờn*
*tôi đuổi...*

*văng góc tim*
*dội ngách hồn*

*quả bóng*
*bay*

*qua vòng rào tình yêu*
*chúng ta*

*quả bóng*
*lăn xa...*

SÔNG PHỐ
8.92



HOÀNG CẦM

# một cảm nhận chệnh choạng một hiểu biết chệch choạc về một số bài thơ của hoàng cầm

*• Gởi các bạn ở xa cố hương*
*• Gởi anh Phạm Duy*
*nhân đọc chương HOÀNG CẦM CA*
*trích từ* Hồi Ký tập IV *của Phạm Duy đăng trong*
*tạp chí* Hợp Lưu *số 6, tháng 8 & 9, năm 1992.*

*

LTS: Hợp Lưu *nhận được bài viết sau đây của nhà thơ Hoàng Cầm, từ trong nước gởi ra, qua một bạn văn của ông hiện sống tại Pháp, do chính nhạc sĩ Phạm Duy mang về nhân chuyến Âu du ra mắt* "Mười Bài Đạo Ca" *và* "Mười Bài Thiền Ca" *tại thủ đô Paris. Cùng với bài viết này,* Hợp Lưu *cũng nhận được một bài trả lời ngắn của nhạc sĩ Phạm Duy. Chúng tôi đăng tải cả hai bản văn, để rộng đường dư luận, và dành quyền phán xét cho độc giả.*

**Hợp Lưu**

*

Có một người bạn cùng tuổi đã cách ly mình trên bốn mươi năm, mà gần đây cứ luôn luôn nhắc đến tên mình, gợi lại một quá vãng hào hùng, tươi mát.

Còn nhắc đến những dòng thơ của mình quá xa xôi, tưởng chừng đã chìm lịm trong vũng biển tím mờ của sao nhãng.

Còn thuật lại được hình bóng và tâm tư một người vợ của mình đã hầu như mất chồng và mất quê hương.

Còn gắn bó bằng sợi dây xanh mịn màng và ấm áp của nghệ thuật với một cô con gái của mình đã xa nhà, xa bố, xa anh em bằng thời gian lưu lạc của nàng Kiều.

Lại còn đem mấy bài thơ của mình ra phổ nhạc để rồi cùng với gia đình trình diễn, thu băng và phân phát đi nhiều ngả của trái đất, và đích thân đi *rao giảng* ý nghĩa những câu thơ, lời ca đó ở các đô thị lớn trên hành tinh.

Có như vậy, thật là một điều hiếm thấy, một sự kiện đáng phải ghi lòng, đáng phải cảm ơn, và cho đến hôm nay là đáng nói đến và cần phải nói rõ, nếu không, chuyện bạn cũ với nhau sẽ mất hết ý nghĩa, và câu chuyện văn chương nghệ thuật sẽ trở thành một trò đùa nhảm, vô trách nhiệm trước những dộc giả người Việt ở xa tổ quốc.

Vâng, thưa các bạn, anh Phạm Duy và tôi cùng có cái may mắn là vượt qua được con số *cổ lai hy* trong cuộc đời mỗi người. Gọi là bạn thì vỏn vẹn sống bên nhau, cùng làm một công việc sáng tác và biểu diễn thơ, ca nhạc được vừa đúng mười hai tháng (từ đầu năm 1948 đến đầu 1949). Cuối năm 1950, anh Phạm và tôi còn gặp lại nhau được một tuần ở Việt Bắc, lúc đó anh đã lập gia đình. Nghĩa là từ cuối năm 1950, hai người ly cách hẳn. Trên bốn mươi năm. Có khoảng cách thời gian mỗi ngày một dài thêm, có khoảng cách thời gian mỗi ngày một xa, lúc đầu là trong cùng một nước, còn bây giờ, từ 1975 thì xa nửa vòng trái đất. Đến khoảng cách cuộc đời thì mỗi người đi một đường, hoàn cảnh sinh sống khác nhau, gánh vác gánh nặng làm người - làm một nghệ sĩ chân chính - lại càng khác biệt nữa. Cuối cùng đến khoảng cách về tâm tình, tư duy và nghệ thuật thì hai người, nếu có biết về nhau, cũng lại càng mờ mờ tỏ tỏ, người lõm bõm nghe qua vài ca khúc, người mang máng nghe qua dăm ba đoạn thơ, thật nhiều mảnh vụn thông tin đen trắng không minh bạch, hình khối màu sắc đường nét rất mơ hồ (nói như trong hội họa), còn nói như trong âm nhạc thì các giai điệu và biến tấu đều cũng nghe chập chờn, chẳng cái gì rõ ra cái gì cả. Cái khoảng cách sau cùng như tôi vừa nói, thật sự bao gồm phần lớn là những điều nhập nhằng, trông gà hóa cuốc, nhìn hoa trong rừng khuya. Đâu phải lỗi tại anh Duy hay tại mình. Chẳng qua cuộc đời đã thế thì nó là như thế, trách ai được!

Như tôi, trong hơn bốn mươi năm, đôi khi cũng bất chợt nghe được một cô hay một cậu trẻ tuổi nào đó, ấm ấm ớ ớ hát một bài gì đó và giới thiệu đó là của nhạc sĩ Phạm Duy, tôi không tin. Trăm nghe không bằng một thấy. Nhất là trong lãnh vực văn học nghệ thuật thì không bao giờ nên tin vào những thứ "truyền khẩu", những lời rao, lời đồn. Âm nhạc, giai điệu, hát sai nửa "ton", nhầm nửa nốt đen, nốt trắng, đã là khổ cho tác giả rồi. Huống chi một bài thơ, ví dụ có mười câu mà chỉ sai một dấu sắc huyền hỏi ngã nặng, là đủ tai hại cho tác giả lắm lắm. Ngay ở một bài thơ đăng báo, in chữ *tác* ra chữ *tộ*, giả dụ *vợ chồng* in sai thành *vờ chồng*, hẳn người sinh ra nó, khi đọc bài mình viết, sẽ phải giơ cả hai tay lên giời mà kêu: Ối giời ơi, đăng bài thế này thà giết quách tôi đi còn hơn!

Dẫu sao thì từ tập Hồi Ký II của anh Phạm Duy mà tôi may mắn được đọc, thấy bạn ở xa có nhắc đến mình khá nhiều, trước hết, tôi cảm động. Ở, bốn mươi năm xa mặt khuất lời mà bạn còn nhớ được đôi ba đoạn thơ mình quên bẵng, bạn kể lại cả những chuyện vui dọc đường kháng chiến mà mình quên lú mất, mình bỗng rung động từ ngoài da vào đến đáy ruột gan. Bạn còn kể lại những giờ phút chuyện trò với vợ con mình đã cách xa gần nửa thế

kỷ, khiến lòng tôi xúc động, bồi hồi, hình ảnh và tiếng nói người thân, nhờ bạn, đã ùa về tràn ngập hồn tôi. Tôi đọc chương *Hoàng Cầm Ca* trích từ *Hồi Ký* tập IV của anh Phạm Duy trên tạp chí *Hợp Lưu*, bỗng thấy như một góc bể Đông vừa ấm vừa lạnh, vừa ngọt êm vừa chát đắng, vừa tĩnh lặng vừa bão táp, trong đó thấy như có lấp lánh ngọc trai ru vỗ hồn mình, lại hình như có cả sỏi đá phũ phàng ném từ đỉnh đầu xuống đến gót chân tôi. Tôi đã rơm rớm khóc khi được đọc lại bốn câu thơ mà tôi quên bẵng đến gần nửa thế kỷ:

*Chân ai đi lên về xa đó*
*Bỏ lại vườn hoang bóng nguyệt mờ*
*Nức nở canh khuya hoài thánh thót*
*Khóc làm chi nữa tuổi dương tơ*

Ngôn ngữ Việt không còn từ nào khác ngoài hai từ *cảm ơn* rất thông thường để nói hộ lòng tôi biết ơn bạn.

*

Nhưng chính vì mấy loại khoảng cách nói trên, nhất là vì khoảng cách tư duy nghệ thuật nên tôi tự thấy mình phải có trách nhiệm viết một bài khá dài dòng này, trước hết để giữ cho một tình bạn cũ được trong sáng, để nhỡ may ra, có lúc nào đó được gặp mặt nhau thì không đến nỗi phải chịu một vết hằn không đẹp cứ cấu xé hồn mình, để được nói chuyện với nhau thoải mái, thân yêu như hồi tuổi trẻ. Hai nữa, trách nhiệm trước bạn đọc ở xa quê. Biết bao người Việt, dẫu bây giờ là công dân Pháp hay Mỹ, Đức hay Canada, tôi tin là các bạn bao giờ cũng hướng về cội nguồn dân tộc, các bạn rất khát khao được sống lại một không khí thật Việt Nam, một bầu trời xanh rất Việt Nam trải dài qua hàng mấy chục năm khói lửa, tang tóc, ly thương, sầu hận, vẫn nguyên vẹn là một khối pha lê mang đầy kỷ niệm đẹp, êm dịu, ấm nồng, duyên dáng của những ngày nào xa xưa, còn vẳng một lời chị ru em, mẹ ru con, còn thấp thoáng bóng cò bay trên đồng lúa chín, còn lúng liếng đôi-mắt-mê-cung người gái quê Quan họ, còn nhiều hình dáng, âm thanh, màu sắc và hương hoa nghìn thuở không thể nhạt phai nữa.

Gần đây, từ năm 1988, tôi đã trở lại hoạt động bình thường trong giới văn học, đã có ba tác phẩm được xuất bản và cuối năm nay rồi sang năm, các tác phẩm khác của tôi cũng sẽ lần lượt ấn hành, cả trong và ngoài nước, còn luôn luôn tôi viết cho một số báo và tạp chí ở Hà Nội, Huế và thành phố Hồ Chí Minh. Tôi đã nói chuyện nhiều lần ở nhiều câu lạc bộ thi ca của tuổi già và tuổi trẻ về thơ, đặc biệt các bạn yêu thơ thường hỏi tôi rất nhiều về những thi phẩm của tôi đã hoặc chưa xuất bản. Nếu như anh Phạm Duy được đọc những bài tôi viết hoặc trả lời phỏng vấn của nhiều tờ báo và tạp chí trong nước, hẳn anh sẽ không viết như đã viết chương *Hoàng Cầm Ca* sắp xuất bản ở Mỹ.

Điều tôi không ngờ, sau khi đọc chương hồi ký này, là anh Phạm Duy đã

làm cho tôi vui cũng bất ngờ mà buồn bực cũng bất ngờ.

Vui, như đã nói. Vui và hàm ơn bạn. Còn buồn bực thì tôi phải viết ra đây, vì lẽ không còn là chuyện của riêng tôi nữa. Về thân thế và tác phẩm của tôi đã là chuyện của rất nhiều người, thậm chí ở thành phố Hồ Chí Minh, có người đem tên tôi và tên tác phẩm của tôi để đặt tên cửa hàng bán đồ nhậu, bán bia rượu, cà phê. Việc đó cũng đã trở thành bình thường, vì đến tuổi bảy mươi rồi, thân thế tôi, sự nghiệp tôi, đã là của mọi người dân Việt. Ai muốn khen chê, có khi đồn đại, có khi đàm tiếu, có khi tâng bốc quá đáng, tôi đều không có quyền ngăn chặn hoặc lảng tránh, chỉ trừ có một điều: vu cáo!

Vâng, đúng vậy, đọc anh Duy, tôi bất ngờ buồn bực. Bất ngờ trước tiên là anh Phạm Duy sưu tầm, nghe lỏm ở đâu những bài thơ có gắn tên Hoàng Cầm, mà tôi đọc lại thấy ngạc nhiên vô cùng và tự hỏi: Ô hay! sao mình lại có thể viết những câu thơ lố bịch, thô kệch đến thế này? Đã là thơ đích thực, không thể chép, hoặc in, hoặc nhớ sai đến một cái dấu, đằng này có những câu, những từ và cụm từ mà anh Phạm ghi ra giấy trắng mực đen lại như của một người nào đó quá thấp kém về văn hóa. Cả ba bài *Lá Diêu Bông, Cây Tam Cúc, Quả Vườn Ổi* đều mang rất nhiều cái sai tệ hại (ở đây, tôi khẩn thiết đề nghị các bạn chủ trương tạp chí *Hợp Lưu* hoặc các tạp chí khác vui lòng cho đăng ba bài ấy, mà tôi gởi kèm theo đây, để các bạn có dịp đối chiếu và nhận định). Dẫu là anh Duy nhớ qua truyền khẩu, thì ít ra, nếu anh đã tới một trình độ để cảm nhận và hiểu về thơ, anh phải băn khoăn ngay và tự đặt ngay cho mình một câu hỏi chứ! Hoàng Cầm mà lại đặt câu, gieo vần, gieo chữ tồi tệ đến thế này ư? Lẽ ra anh phải tự mình suy ngẫm đắn đo trước đã. Nhưng anh đã nóng vội, muốn viết ngay những ca khúc lấy lời thơ Hoàng Cầm. Tôi thật chưa hiểu rõ anh nhằm mục đích gì mà sáng tác vội thế trên cơ sở những tác phẩm của tôi mà anh chưa nắm vững? Chắc anh cũng thừa hiểu một nguyên tắc của nghệ thuật là tối kỵ không được tùy tiện và cẩu thả. Riêng về việc phổ nhạc vào thơ, người soạn ca khúc càng không thể tùy tiện thay đổi cấu chữ và bố cục của nguyên văn, vì một bài thơ khi đã hoàn thành, giống như cơ thể một con người

Không ai có thể đem hai bàn tay cắm vào giữa bụng, hoặc đem trái tim ghép xuống mắc cá chân. Tôi rất buồn lòng khi thấy anh Phạm Duy đã làm một việc tùy tiện với cả ba bài thơ của tôi kể trên. Anh còn thêm lời, thêm chữ vào, đúng như các cụ ngày xưa nói: "Vẽ rắn thêm chân" vậy. Thú thực với các bạn, tôi đã xấu hổ khi thấy những dòng thơ, câu thơ như thế lại mang tên mình.

Lời bài ca (tức là thơ của tôi theo như Phạm Duy ghi) đã khốn khổ cho tôi như thế, đến khi đọc lời bình của anh Phạm về mấy bài kể trên thì, mong các bạn thứ lỗi cho tôi phải nói điều này, tôi đã không chịu nổi!

Không, không bao giờ tôi có ý nghi ngờ gì về thiện ý của bạn đối với một người bạn cũ ở xa, không bao giờ tôi nghĩ anh Phạm có ý làm hại gì tôi cả. Có thể là ngược lại, anh Phạm muốn tôn vinh, xưng tụng một thi sĩ, muốn tỏ

tình quí mến một thi nhân nhiều bất hạnh, và cũng muốn, qua tác phẩm của tôi, tỏ lòng yêu quê hương, tỏ ý quan tâm đến số phận nhân dân trong nước.

Có thể là như vậy. Nhưng anh Phạm đã quá nóng vội, đến khi bắt tay vào việc phổ nhạc cho bốn năm bài thơ của tôi thì anh đâm ra cẩu thả và tùy tiện. Tôi có thể nghĩ rằng anh Phạm Duy thật sự là không hiểu thơ tôi, vì lẽ đơn giản là do anh không hiểu bạn, vì xa nhau quá lâu. Chính anh cũng phải thú nhận là anh chỉ biết lõm bõm đôi ba bài: một nghệ sĩ có trách nhiệm với văn học, có trách nhiệm với người đọc, người nghe thì không khi nào dám đặt bút viết trên cơ sở rất lõm bõm như vậy. Nhiều năm nay, tôi biết có một số ca khúc của Văn Cao, Phạm Duy, Đỗ Nhuận, v.v... bị hát sai lệch cả lời và giai điệu. Giá như anh Phạm nghe thấy một khúc ca nào đó của anh mà người ta hát sai đến mức lố lăng cả điệu và lời, thì anh nghĩ thế nào? Anh buồn hay vui? Anh thản nhiên hay bực mình, thưa anh Phạm Duy?

Ở đây tôi không đủ tư cách bình luận về âm nhạc, về giai điệu, tiết tấu, vì thật sự tôi rất dốt về môn này. Tôi chỉ nói riêng về cách cảm nhận, cách hiểu của anh về ba bốn bài thơ của tôi mà anh đã phổ nhạc thôi.

Trước hết là bài *Lá Diêu Bông*. Anh Phạm dựa vào tư liệu nào, sách nào về thực vật, cây lá, cỏ hoa, mà dám nói (nói có vẻ rất thành thạo) rằng cái lá ấy mọc ở làng Đình Bảng? Tôi dám chắc anh cũng chẳng hiểu cái váy Đình Bảng ở câu đầu bài thơ là cái váy kiểu gì nữa kia. Chỉ căn cứ vào ba chữ *váy Đình Bảng* ấy mà anh đặt nơi sinh cho cái lá Diêu Bông, lại còn làm ra vẻ ta am hiểu hơn thế nữa bằng cách khẳng định tên thật của nó là *Bông Diêu*. Quả là một sự liều lĩnh không thể chấp nhận được. Còn nội dung câu chuyện, anh dựa vào đâu mà nói cái người Chị trong thơ kia là một người đàn bà xấu người, xấu nết? Bài thơ chỉ có một nhân vật gọi là Em (viết hoa), tại sao anh hiểu ra thành nhiều em mà anh gọi là "đàn em"? Vì lẽ gì anh phê phán nhân vật Chị (viết hoa) là khó tính, bạc bẽo với "đàn em"? Tóm lại, bài thơ rất giản dị như vậy mà anh không nắm bắt được cái hồn của nó. Đã không cảm nhận đúng hồn thơ, anh bèn lái nó sang một ý nghĩa khác, với dụng ý của anh, là nhằm một ý chê trách người Chị mà anh cố tình hiểu đó là ai vậy? Thưa anh, đến bài *Cây Tam Cúc*, cũng vẫn là hai nhân vật ấy, anh còn cho thêm một câu riêng của anh xen vào: *Xua tốt điều đè lũ tốt đen*, để cố ý nói đến vai trò người cầm quyền đàn áp dân đen, cũng như đến bài *Quả Vườn Ổi*, anh càng đẩy mạnh cái ý thức đả kích vào những nhà cầm quyền trong nước. Ở lời bình bài này, anh càng bộc lộ cái ý chính trị của anh vì anh đã xuyên tạc rất rõ ràng. Đây nhé: lời nào, câu nào của tác giả khiến anh cho rằng hai chị em ấy là *nhà nghèo?* Lời nào, câu nào của tác giả khiến anh cho rằng cái vườn ổi ấy là *vườn cấm*?. Lời nào câu nào của tác giả khiến anh cho rằng những quả ngon quả chín đều vào miệng *những người có quyền thế*? Còn hai chị em nhà nghèo (ý anh cho đấy là người dân thường) chỉ được ăn những quả thối, quả rụng? Lạ thật! Thơ tôi viết:

*Lẽo đẽo Em đi vườn mai sau*

*Cúi nhặt chiều mưa dăm quả rụng*

tại sao anh cứ đổ riệt vào *cả hai* chị em, *cả hai* người dân nghèo chỉ được ăn những trái đã vứt đi?

Tôi thấy ở cả ba bài thơ mà anh phổ nhạc ấy, anh đều suy diễn sang vấn đề chính trị trong nước. Anh suy diễn, với một niềm tin rằng chính tác giả đã nghĩ đúng như anh nghĩ, rồi anh lấy đó làm một luận đề chính trị để đi rao giảng khắp nơi trên thế giới, rồi sau nữa, có vẻ như kể công với tôi rằng anh thay mặt nhà thơ đi truyền bá những tư tưởng chống đối nằm ẩn kín trong mấy bài thơ mà anh đã khám phá ra rất tỉ mỉ, rành mạch ấy.

Vậy mà anh còn nói rằng đọc thơ tôi, anh đã vượt lên, đã bỏ qua được hận thù: Thật là mâu thuẫn!

Điều tôi lấy làm khổ tâm là trong số những người xa quê lâu ngày khi đọc chương *Hoàng Cầm Ca*, thể nào cũng có người tin vào lời bình giảng của anh. Tôi khổ tâm không phải vì tôi sợ bất cứ một cái gì, mà chỉ vì cái giá trị đích thực của mấy bài thơ ấy đã bị anh dẫn dắt người đọc đến chỗ cảm nhận sai lệch, lẫn lộn giữa nghệ thuật và chính trị. Đến đây, tôi thấy cần phải nói rõ về nguồn gốc những bài thơ đó.

HOÀNG CẦM

**Xem kỳ sau:**

1. Nguồn gốc những bài thơ mà Phạm Duy đã phổ nhạc - Chị và Em là ai?
2. Tương quan Văn Học và Chính Trị

**Ghi chú của Hợp Lưu**

*1. Chúng tôi sẽ cho đăng lại ba bài thơ* "Lá Diêu Bông", "Quả Vườn Ổi" *và* "Cây Tam Cúc" *vào số tới cùng với bài viết tiếp theo của nhà thơ Hoàng Cầm như yêu cầu của tác giả.*

*2. Được sự ủy nhiệm của nhà thơ Hoàng Cầm: yêu cầu cơ sở báo chí nào muốn đăng lại bài viết trên, xin liên lạc với tòa soạn Hợp Lưu. Cảm ơn.*



**PHẠM DUY**

# về những bài gọi là "hoàng cầm ca"

Tôi trả lời ngay lập tức bức thư Hoàng Cầm gửi cho tôi và cho các bạn ở xa cố hương, về một số bài thơ của anh, tôi phổ thành ca khúc, mà anh cho rằng tôi đã hiểu sai tác giả, câu đầu tiên của tôi là một lời xin lỗi. Hoàng Cầm nói rất đúng: "*Khoảng cách thời gian, không gian, cũng như khoảng cách tâm tình, tư duy, nghệ thuật giữa hai người đã khiến cho tôi trông gà hóa cuốc, nhìn hoa trong rừng khuya...* rồi cho vào các "Hoàng Cầm Ca" những ý nghĩa sai với ý định của tác giả.

Tôi có thể làm một việc rất giản dị. Qua những bài thơ của Hoàng Cầm tôi phổ nhạc thành *Lá Diêu Bông; Quả Vườn Ổi; Cỗ Bài Tam Cúc; Đạp Lùi Tinh Tú...* đã chót nhìn nhầm Hoàng Cầm như một nhà thơ hiên ngang sau phong trào NHÂN VĂN GIAI PHẨM, vì tưởng rằng đó là những mặt trời mọc trong đêm khuya, thì từ nay trở đi, sẽ không bao giờ tôi nhắc tới những *Hoàng Cầm Ca* nữa. Bài viết về Hoàng Cầm đăng trên báo *Hợp Lưu* sẽ không được đăng lại trong cuốn HỒI KÝ IV dự định in ra trong năm tới. Nhưng tôi cũng muốn lợi dụng trường hợp "cái nhầm to thế kỷ" của tôi để nói ra vài điều:

1. Tôi vẫn cho rằng trong vấn đề văn nghệ, nếu tác giả có quyền tự do sáng tác thì độc giả có quyền tự do cảm nhận. Và nếu chẳng may người đọc cảm nhận sai với ý định người viết thì đó cũng là chuyện thường tình. Ngay mấy câu thơ của Ôn Như Hầu: *Trải vách quế gió vàng hiu hắt* mà cũng còn bị hiểu sai ý nghĩa. Về phần tôi, có biết bao nhiêu lần bị hiểu sai về những bản nhạc, như trường hợp bài hát về tình yêu *Mùa Thu Chết* mà chính quyền Hà Nội cứ cho rằng tôi soạn ra để nguyền rủa cái gọi là *Cách Mạng Mùa Thu!* Tôi đã phải phân bua bằng vài dòng trong một trang HỒI KÝ. Hay trường hợp có vài nhạc sĩ ở trong nước cứ nhất định cho rằng tôi xưng tụng người bỏ nước ra đi là chim hiền, chim lành, rồi gán cho tất cả những người ở lại là diều, kên, quạ, cú! Tôi cũng đã phải cải chính qua đài BBC khi được anh Đỗ Văn phỏng vấn.

2. Khi phổ nhạc một bài thơ, nhạc sĩ không cần giữ đúng nguyên văn bài thơ. Ngay trong trường hợp bài thơ vô đề của Hoàng Cầm, tôi liều lĩnh phang cả bốn câu thơ vào đó rồi gọi là *Tình Cầm*. May cho tôi là không cho nó một

ý nghĩa chính trị nên không bị anh mắng mỏ.

3. Hồi ký không phải là tiểu luận, phê bình, biên khảo. Nó chỉ có giá trị tình cảm, nhân chứng mà những bài phê bình chính xác đến đâu cũng không thể có.

Cuối cùng, xin nói thêm với người bạn Hoàng Cầm là: hẹn gặp anh ở Hà Nội một ngày gần đây để chuộc lỗi bằng một bữa thịt cầy.

PHẠM DUY
*Thị Trấn Giữa Đàng*
*Tháng Mười Một, 1992*



**HUY TƯỞNG**

# đêm khát ở rừng nhiệt đới

Gởi Lộc.

*Lá khát xanh*
*Đất thở nồng hơi muối*
*Anh khát Em*
*Đêm khản giọng những hạt mầm đuối sức.*
*Chuông bỏng tím*

*Lá khát xanh*
*Khuya sáng lừng tiếng dế*
*Anh vẫn khát Em*
*Những cơn giông - những cơn dâm cày nát mái nhà.*
*Chuông chếch đỏ.*

*Lá khát xanh*
*Đêm khát trăng quẫy cựa sương tan*
*Đất ngấm rền hồi chuông kiệt...*
*Anh vẫn khát Em!*
*Tắt hoa!*
*Tắt mộng!...*

HUY TƯỞNG
(Trong nước)



**NGUYỄN MẠNH TRINH** *thực hiện*

# văn chương và thời thế

LTS: *Qua cuộc phỏng vấn do nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện, với hai câu hỏi:*

*1. Anh / Chị gì nghĩ thế nào về văn chương và thời thế. Chính trị và văn chương có tác động nhân quả không?*

*2. Suy nghĩ trên ảnh hưởng gì đến sáng tác của anh / chị?*

*Hợp Lưu hy vọng những câu trả lời sau đây phần nào phản ánh được suy nghĩ và khuynh hướng của giới cầm bút hải ngoại.*

*Toà soạn sắp xếp các câu trả lời theo thứ tự thời gian nhận được.*

**Hợp Lưu**

**Duy Lam** (nhà văn)

1. Trong tôi có hai con người tách biệt nhau: - Con người chính trị của hành động và con người của văn chương. Khi cầm bút tôi không nghĩ tôi là thành viên của Việt Nam Quốc Dân Đảng, chỉ nghĩ, tôi là một người đang cố làm cho hay cho đẹp ngôn ngữ, ý tưởng, và hướng đến những mục tiêu có giá trị nhân bản, vĩnh cửu. Tôi viết về sự thật, nhìn vào sự thật và nói về sự thật. Đất nước chúng ta có nhiều sự thật bi thảm. Riêng cá nhân tôi cũng có nhiều kinh nghiệm bi thảm. Nhưng tôi không lưu ý đến bề rộng của đời sống ấy mà nhắm đến bề sâu, đến những ý nghĩa tiềm ẩn của nó. Tôi viết về con người. Trong khi cầm bút, tôi làm nhà văn trước khi làm nhà chính trị.

2. Làm nhà văn là phải tự đặt câu hỏi: Viết cái gì? Trong đời sống hiện tại, viết về những chuyện hàng ngày ở đây chăng? Như chuyện mất job, chuyện chán nãn vì cuộc mưu sinh, chuyện tình dục? Hay viết những chuyện tối tăm, cố tình làm dáng? Hoặc những chuyện tầm phào, không có chiều sâu mà cũng chẳng có ý hướng nào vươn lên?

Riêng tôi vẫn nghĩ, không có đề tài lớn, chỉ có cách thể hiện vào văn chương lớn mà thôi. Tôi muốn viết về con người chân thực, viết về chính đời sống của mình, của chính thời đại mình. Viết rất thành thực về di sản của dân tộc, của những kinh nghiệm bi thương.

Trong khi viết, tôi vẫn tâm đắc về chủ trương của *Tự Lực Văn Đoàn*. Đó là viết đơn giản, trong sáng, tế nhị, và sâu sắc. Viết đơn giản là bố cục không cầu kỳ, nhân vật chuyên chở ý tưởng. Viết trong sáng là văn phong không bí

hiểm tối tăm, kiểu làm dáng. Viết tế nhị là cách thể hiện ý tưởng qua ngôn ngữ một cách vừa phải, không quá đáng, không cường điệu. Viết sâu sắc là nhắm vào chiều sâu, không nhắm vào bề rộng của mọi sự kiện.

Tóm lại, tôi vẫn nghĩ mục tiêu quan trọng nhất của văn chương là viết hay. Nếu không như thế, chúng ta viết văn để làm gì? Văn chương không phục vụ cho bất cứ một cái gì cả, nó vượt lên trên để vươn tới cái trường cửu. Một điều quan trọng nữa: tinh thần cầu tiến và cố gắng. Chúng ta đã biết nhà văn Léon Tolstoy từng hối tiếc không viết hay như Dostoyevsky, mặc dù những bộ sách giá trị của ông như *Chiến Tranh Và Hoà Bình* đã trở thành "kinh điển" của nhân loại. Trong lịch sử Văn Học Việt Nam, Nhất Linh luôn luôn tìm kiếm để những tác phẩm viết sau phải vượt hơn những tác phẩm viết trước. Nhà văn Việt Nam phải đặt trên tiêu chuẩn cao hơn để có tầm vóc toàn cầu, tôi vẫn luôn luôn tâm niệm như thế. Không nên so sánh với nhau nữa mà phải nhắm tới hành động quốc tế. Có thể lắm chứ, biết đâu sẽ có một tác giả Việt Nam được giải Nobel văn chương.

**Đỗ Kh.** (nhà văn, nhà thơ)

1. Như mọi sinh hoạt khác của con người, tôi nghĩ không thể nào tách rời văn chương ra khỏi một toàn bộ với những hệ lụy chính trị, thời cuộc v.v... Không có thứ văn chương nào lại là thứ văn chương lơ lửng (mãi) được: văn chương, ném nó lên, nó bắt buộc phải rớt xuống. Cũng như cái gọi là văn chương "dấn thân" vậy: nhận nó xuống thì nó bắt buộc phải... ướt.

Nhưng không phải vì thế mà cái quan hệ văn chương - thời cuộc là một quan hệ đơn giản và máy móc: chẳng hạn, đứng nơi ngưỡng cửa thời cuộc đầu này chỉ cần bấm nút chuông là ở đầu kia leng keng (dinh dong, tin tin) ngay văn chương.

Đó là nói chung chung. Để trả lời một cách trực tiếp thì sau 75, "miền Nam" mất hết, trên trực thăng Mỹ, trên tàu vượt biên chỉ mang theo được cái thượng tầng cơ cấu ý thức hệ mà trong đó, dĩ nhiên, văn chương là thành phần. Nói cách khác, cháy (rụi) nhà, chỉ kịp chạy được mỗi cái bàn thờ. Từ ấy, nhà văn chúng ta ở nước ngoài (cởi trần) ngồi (dùng nước bọt mà) đánh cái lư đồng, bộ nến cho bóng mãi.

Theo tôi, đây là mối quan hệ bất bình thường, một cái thở hất, đã dài, một dấu ngoặc được mở từ mười bảy năm nay, và sắp phải (tự) phải đóng lại.

2. Cái khoảng cách lạ giữa văn chương và thời cuộc ở hải ngoại này lúc đầu tôi thấy cũng hay hay. Mùi nhang cũng có cái quyến rũ của nó, nhưng cứ vàng mã đốt hoài đâm ra thiếu dưỡng khí. Đây không hiểu có phải là hiện tượng chung hay không nhưng tôi thì yếu phổi. Vả lại, việc sáng tác là một việc vô cùng chủ quan thành thử ngay cả thời tiết còn ảnh hưởng đến được chứ gì đến thời thế:

Tôi nóng, tôi lạnh

Tôi làm thơ
(Tôi không làm thơ)
Mặt khác, công việc sáng tạo là một công việc ít nhiều vô ý thức và rất nhiều vô trách nhiệm:
Tôi làm thơ
Tôi nóng, tôi lạnh
(Đằng nào)
Tôi làm thơ
Không phải tôi làm tướng hay tôi làm thánh.

**Vũ Quỳnh N.H.** (nhà văn)

1. Đây là một vấn đề hết sức quan trọng, nhưng rất may ở đây, và chỗ này (Bolsa), vấn đề chưa được đặt ra. Theo tôi nghĩ, hiện nay văn chương Bolsa là một nền văn chương tháp ngà, trong phòng kín, đóng cửa, kéo rèm và vô cùng êm dịu. Một nền văn chương thì thào khiến một cái kim, cây viết rơi xuống đất cũng đủ gây ra tiếng động đất, âm vang, sợ hãi, giật mình.

Giữa chúng ta với nhau. Chỉ giữa chúng ta (những người viết) với nhau, bởi vì nền văn chương này cô lập, không những với trong nước đã đành, cô lập với thế giới nước ngoài dĩ nhiên rồi, nhưng còn cô lập với cái cộng đồng thu hẹp của người Việt hải ngoại nữa.

Ở đây, theo tôi thấy, cho đến giờ, thời cuộc trong văn chương là thời cuộc của những thập niên 60, 70, những câu hỏi rất... lớn của thời ấy. Đi nhảy đầm hay đi đăng lính, đi vượt biên hay đi cải tạo?

2. Có chứ! Tôi ở đây và sáng tác ở đây, cho ở đây. Cũng như mọi người ở đây, tôi phải chịu ảnh hưởng của thời thế... ở đây. Lý Tống nhảy dù và Võ Đại Tôn được thả.

Thành thử... thời thế. Nhưng thời thế nào?

**Bùi Bích Hà** (nhà văn)

Câu hỏi của anh đặt lại một vấn đề xưa nay vẫn từng là nguyên nhân nhiều cuộc tranh luận làm tổn hao nhiều giấy mực.

Thực sự, tôi không tài nào hình dung ra được những đường ranh phân minh tách biệt một người viết với cái môi trường trong đó nó tồn tại. Dù muốn dù không, tác dụng hỗ tương giữa con người và hoàn cảnh là điều không thể phủ nhận. Con người được định nghĩa như một nhà văn lại càng nhạy bén hơn nữa với mọi âm hưởng hay tác động đến, từ thế giới bên ngoài. Tuy nhiên, tựa như ánh sáng lọc qua chiếc kính vạn hoa, tâm hồn mỗi người tiếp nhận, gạn lọc, phản chiếu những yếu tố ngoại tại thâm nhập vào họ một cách khác nhau. Sự kiện hay, dở, nên, không nên, nên như thế nào, nằm ở đây chứ không ở chỗ có mở lòng ra trước các vọng âm của đời sống hay không?

Tất nhiên không ai nói hoặc viết vào cõi hư vô cả. Nếu sự ứng dụng ngôn ngữ là một bày tỏ nhằm đưa đến cảm thông và thuyết phục thì việc vận dụng ngôn ngữ vào một mục tiêu nào đó là đương nhiên, đâu có gì phải bàn cãi. Điều đáng bàn cãi là có hay không có một hậu ý thiếu ngay thẳng đàng sau sự vận dụng ấy mà thôi.

Tôi cũng nghe nhiều người nói về thái độ dấn thân của một số người cầm bút. Thật ra, sống hết mình là dấn thân. Như vậy, hơn cả một thái độ, hơn cả sự lựa chọn, đây là vấn đề bản chất làm nên phần giá trị căn bản nhất trong cống hiến của một nhà văn (hay nghệ sĩ nói chung).

Vì thế, theo thiển ý tôi, không phải viết về cái gì mà chính là viết như thế nào. Có người cho rằng so với sự sống lâu dài của văn chương, các vấn đề thời sự hay chính trị chỉ có tính giai đoạn, không nên bỏ dài lấy ngắn. Tuy nhiên một số tác phẩm mô tả được thân phận con người trong cơn lốc của thời đại nó sống thì sự thành công của tác phẩm ấy có tính văn chương hay tính thời sự? Cho nên, giá trị nhân bản là giá trị cao nhất trong các công trình của loài người. Vấn đề nào liên quan đến con người cũng lớn cả. Chính vẻ đẹp tâm linh nơi con người, thể hiện qua cảm thụ và sáng tạo, làm nên vẻ đẹp của đời sống trong đó có văn chương. Do đó, khi nào tôi không viết được, tôi biết sự tắc nghẽn ở ngay trong bản thân tôi chứ không ở đâu khác, không tại cái gì khác.

Có những lúc tôi cảm thấy, trong bối cảnh xã hội hiện nay, ở đây hay ở trong nước, người cầm bút phải đối đầu với sự xâm lấn ồ ạt và mãnh liệt của quá nhiều thứ ngụy chân lý, những giá trị giả trá khiến họ, hoặc khắc phục chúng hoặc bị chúng khắc phục, phải tiêu hao quá nhiều sinh lực, quá nhiều năng lực, gần như là sự phá sản toàn bộ bản thân họ, vào mỗi cái việc tự bảo vệ lấy mình thay vì mở ra một con đường mới.

Đời sống ở bất cứ nơi nào cũng luôn luôn là một kho đề tài vô tận. Tiếc thay, cách thế phản ứng nơi mỗi con người thường chịu giới hạn của tầm vóc nó. Phá vỡ được những giới hạn ấy, khả năng sáng tạo của con người cũng sẽ trở nên vô tận.

**Nguyễn Thị Hoàng Bắc** (nhà văn)

Tôi xin nhập hai câu hỏi làm một vì không thấy có biên giới nào tách bạch giữa hai câu trên.

Văn chương, theo tôi *chắc chắn là có liên quan mật thiết với thời thế*. Điều dễ hiểu, là bên cạnh con người nghệ sĩ sáng tạo, nhà văn, nhà thơ..., còn là con người công dân, con người trực tiếp lệ thuộc vào cái thời đại hắn sống. Tuy nhiên, khi sáng tác, có hai ảnh hưởng của thời thế: Một là người sáng tác có ý thức về cái thời thế mà mình muốn phô diễn để từ đó bày tỏ thái độ hoặc phát biểu điều gì... Điều này gần giống như tiểu thuyết, truyện ngắn, thi ca luận đề, tranh đấu, thuyết phục. Hai là từ trong vô thức, thời thế đã để lại những dấu ấn hoặc đậm hoặc nhạt lên tác phẩm mà đôi khi chính người

sáng tạo không hề có chủ đích phô diễn.

Trong văn chương Việt hiện đại, đến nay, ảnh hưởng của thời thế hoặc vô thức hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, đã được hiển hiện rõ nét trong văn học (văn chương nói riêng) của hai miền Nam Bắc. Tôi không khỏi rùng mình khi thấy qua sáng tác của hai miền Nam Bắc hiện nay, quả là chúng ta đang có hai "nước" Việt Nam, hai "dân tộc", "nước" này thù nghịch "nước" kia, "dân tộc" này thù nghịch "dân tộc" kia. Thật là kỳ lạ!

Tuy vậy, điều này cũng khá quan trọng: ảnh hưởng của thời thế dù vô tình hay cố ý hoàn toàn *không liên quan gì đến giá trị của tác phẩm* mà ngược lại nó còn là con dao hai lưỡi khá nguy hiểm, giống như viết tiểu thuyết luận đề mà non tay nghề sẽ trở thành rất gần với tiểu thuyết minh họa tức tiểu thuyết thất bại. Giữa lúc chiến tranh giặc giã gần kề, các chàng trai anh dũng dứt tình ra đi mà hát:

*Giặc Tây đánh tới Cần Giờ*
*Bậu đừng thương nhớ đợi chờ uổng công!*

các cô gái ở nhà (chắc là các cô gái già) tức mình vì thân phận cô quạnh của mình mà mượn lời Hồ Xuân Hương ai oán hằn học:

*Tiếng gà văng vẳng gáy trên bom*
*Oán hận trông ra khắp mọi chòm*
*Mõ thảm không khua mà cũng cốc*
*Chuông sầu không đánh cớ sao om?*

thì ai dám bảo là không hay, không bi phẫn, không đáng rơi lệ?

Cái buồn, cái vui, các khóc, cái hận, cái cười, cái ghét, cái yêu... của con người muôn thuở, theo tôi, bất chấp thời thế nào, nó cũng không có gì khác nhau. Bộ đội "Việt Cộng" có thể bắn lính "Quốc Gia", lính "Quốc Gia" có thể làm thịt bộ đội "Việt Cộng", nhưng "tụi họ", yêu thương, mong đợi, mơ mộng, hò hẹn với nhau thì cũng giống như "tụi mình" mà thôi! Thử xem hai chữ *anh em* trong ca dao, đã có tiếng nào khác thay thế được chưa, cho những cặp tình nhân hiện đại (mặc dù chúng có vô số những từ bác học: hiền thê, phu quân, thiếp, chàng, nàng...)

Văn chương, do vai trò tái hiện cuộc sống để từ đó thăng hoa cuộc sống, nó có quyền *vượt lên trên thời thế*, thời đại, thời gian, không gian để đạt đến cái muôn nơi muôn thuở.

**Hoàng Xuân Sơn** *(nhà thơ)*

Hai câu hỏi của anh khá bao quát, thật khó lòng trả lời đủ trong vài ba dòng.

Theo tôi, giữa văn chương và thời thế, hay nói một cách khác, giữa văn chương và cuộc sống có một sự liên hệ mật thiết. Hai sự kiện đó khó tách rời khỏi nhau trong hành trạng của một người cầm bút; tôi không dám nói đến vấn đề to tát như sứ mệnh của người cầm bút, chỉ muốn đề cập tới sự lựa chọn văn chương như một cách thế thể hiện đời sống tinh thần của người cầm bút.

Theo tôi, sống đã là một thái độ chính trị. Sống như thế nào. Sống thế này thế nọ. Sống ẩn dật hay sống nhập thế xông thẳng vào đời, sống thật với chính mình v.v... Ngay cả cách sống giả hình cũng là một thái độ chính trị, thái độ biểu lộ sự chọn lựa của những người đầy mặc cảm, tránh né sự thật hay nói một cách khác hơn, như một nhà văn mới nhắc nhở gần đây: những người mắc bệnh hoang tưởng.

Như thế, thái độ sống bắt nguồn từ đời sống, phương chi thái độ ấy khi được thể hiện qua ngòi bút, hay qua văn chương (một cách nói), lại càng rõ nét chính trị hơn.

Thời thế tác động trên văn chương, văn chương mang dấu ấn của thời thế. Qui luật nhân quả này chúng ta đều thấy rất rõ qua mọi thời điểm. Cụ thể và điển hình như trên mảnh đất Việt Nam của chúng ta, trong vòng nửa thế kỷ qua: Thời chiến đã để lại những tác phẩm đồ sộ về sự vong thân, về cái chết... Thời bình cho ta những dòng văn chương thơ mộng lãng mạn, những tuyệt phẩm tình yêu. "Thời của những kẻ giết người", của áp bức thống trị xô đẩy con người ra khỏi biên giới của quê hương, đã tạo nên những tác phẩm viết về nỗi thống khổ của thân phận lưu đày, viết về hoài niệm v.v... hay gần đây hơn, nhu cầu kết hợp giữa kẻ bị trị và người sống lưu vong, theo trào lưu thay đổi của toàn thế giới, hướng đến mục tiêu xây dựng một con người tự do khai phóng và nhân bản, đã đưa lại gần nhau hơn những dòng văn chương tuy có khác biệt về khuynh hướng, góc độ chính trị, cách thế diễn tả, nhưng tựu chung đều nhằm phản kháng lại tất cả những thế lực phi nhân, đã tước đoạt tự do và niềm tin trong cuộc sống của con người đích thực. Vậy thì, tóm lại: vấn đề chính trị có ảnh hưởng vô cùng sâu sắc trong ý thức sáng tạo, như một thái độ lựa chọn. Còn tầm mức ảnh hưởng như thế nào, biến chuyển ra sao, thì khó chủ quan đưa ra một nhận xét tổng quát. Có lẽ tùy mỗi người, sẽ lượng định qua các sáng tác phẩm mà mình đã tiếp cận.

**Hồ Đình Nghiêm** (nhà văn)

1. Đã lâu, có ai đó nói: Thời thế tạo anh hùng. Từ ngàn xưa cho tới bây giờ, chưa có ai phát ngôn: Thời thế tạo ra... đàn bà đẹp. (Trọng tài mà khinh sắc!). Tôi viết văn, không chừng là tự mình loay hoay đi truy tìm tông tích một "người đàn bà đẹp". (Vui thôi mà). Cứ trọng sắc trước rồi hãy tà tà coi trọng chữ tài sau. (Chữ tài liền với chữ tai một vần). Liễu yếu đào tơ thì hồi nào ngó cũng sướng con mắt hơn là vai u thịt bắp...

Khi đọc *Nỗi Buồn Chiến Tranh* của Bảo Ninh, tôi nghĩ cõi văn chương ấy thành tựu được là do thời thế "áp bức", dồn nén. Dí súng sau lưng Bảo Ninh biểu đào ngũ trước cái "chiến dịch mùa khô" mở màn, giả dụ thế, chúng ta sẽ không bao giờ đọc thấy tác phẩm kia. Ở hải ngoại "hòa bình nổi vui" này cũng vậy, Khánh Trường Trần Sa tự nhiên xuống trung bình tấn đứng mũi chịu sào thành lập "môn phái" *Hợp Lưu Trăm Con*. Bây giờ là cuối năm chín hai, thử mang đôi hia lạc hậu đi giật lùi bốn năm "bước" xem, tên tuổi hai vị

vừa nêu tuy đã có nổi trên giang hồ, nhưng bấy giờ (năm 86, 87 chẳng hạn) cầm cho được các lệnh bài mà xuống núi thì chưa đủ hỏa hầu công lực. Giờ đây họ đã dựng bảng, đã qui tụ đông đảo khách thập phương lại vãng. "Sự cố" này mà không dùng tới chữ thời thế thì ắt là không xong. Ở đây chẳng nói tới bí cấp với tuyệt chiêu của họ, chỉ muốn qua đó thấy được ông Võ Đang, bà Nga Mi kia quả là biết biểu diễn một ngón cầm nã thủ ngoạn mục. Văn chương và thời thế, câu hỏi này mà chẳng đặt ra cho hai vị kia thì e có phần thiếu sót.

Vừa nhắc tới hai tờ tạp chí trên, chợt nhớ tới một lá thư của người bạn văn còn trẻ tuổi, trong đó có đoạn giễu tôi như thế này: "Mai sau về nước, không khéo mà ông lại bị quản thúc bắt làm tờ kiểm điểm xin nhận hết những lỗi lầm sai trái rồi mới cho cầm bút trở lại...". Ủa, ngặt nghèo vậy à? Chuyện gì thế? Thật là mất hứng! Nhưng đùa cợt chân tình được như vậy thì hẳn là có lý do. Thời thế đã khiến bạn tôi giễu mà chẳng được vui cho lắm. Có cái gì đè nặng trong lòng bọn chúng tôi vậy? Một nỗi ám ảnh buồn rầu không biết cách vùng vẫy cho thoát đi. Trúng phải ám khí hay bị quỷ ám? Thời thế, thời thế. Đọc lên ngỡ như mình đang lạc bước vô không khí của *Đông Châu Liệt Quốc*, của *Tam Quốc Diễn Nghĩa*. Thôi, tạm thời đừng nhắc tới chữ ấy nữa.

Không nhắc nó thì lại đụng đầu tới chữ "ác ôn" hơn: Chính trị. Chính trị với văn chương có gì ảnh hưởng với nhau? Lắc léo cuộc đời nhỉ? Mấy nhà văn miền Nam (trước 75) thảy đều bị bắt đi học tập cải tạo. Ông bạn tôi thấy tôi viết cho *Hợp Lưu* và *Trăm Con* liền lật đật gởi thư răn đe, vẽ nên một ngày mai chẳng có gì sáng sủa hứa hẹn cả... Những điều đó có đụng tới chính trị không? Một đôi lần tôi đặt dấu hỏi, một tên có ý đồ làm chính trị, hắn đủ sức viết nên một tác phẩm văn học có giá trị chăng?

Trước khi liều mình vượt biển, tôi nghe người ta lảm nhảmmãi câu này: *Yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội*. Bây giờ tôi xin thành khẩn "đọc kinh": Yêu nước là cố mà viết cho thật hay. Nếu như mọi người gọi đó là một hình thái chính trị, thì thú thật tôi chẳng hiểu mô tê ất giáp gì về nó hết. Tôi ham vui và chủ trương chỉ mở mắt ra trước những gì liên quan tới cái đẹp. Hạng người "ích kỷ" vậy thì nói làm chi tới chuyện chính trị với nó cho mỏi mồm!

2. Những gì thưa thốt ở trên có thể giúp tôi đứng dựa cột mà nhìn câu số hai này không? (Hãy mở lòng ra và đóng miệng lại). Thời nhỏ, tôi ưa hát câu này: Em (văn chương?) ơi nếu mộng không thành thì sao? Mua *Tiêu Ban Lộ* uống vô lành liền... Xin tưởng niệm thời váng son đã khuất bằng cách hát thầm một lần cuối. Và thấy buồn, nội cái chuyện tìm mua cho ra thuốc *Tiêu Ban Lộ* không thôi đã nhọc nhằn nhiêu khê, nói chi tới những "quan hệ linh tinh" khác? Tạm biệt nhé... Dạ thưa, "hoàn cảnh" lắm anh ạ!

**Bùi Vĩnh Phúc** (nhà lý luận, phê bình)

Vấn đề đặt ra trong các câu hỏi của anh, hình như, tôi đã trở lời khá đầy đủ trên *Hợp Lưu* số 6, tháng 8, 1992 trong bài phỏng vấn tôi do *Hợp Lưu* thực hiện.

Ở đây, tôi chỉ muốn nói gọn lại suy nghĩ của tôi là: con người gắn liền với bối cảnh mà nó sinh sống. Một cách nào đó, nó đồng chất với cái dòng văn hóa sản sinh ra nó. Con người không những là phó sản của xã hội, của cái không gian văn hóa bao bọc lấy nó, mà nó còn có khả năng để tác động ngược lại và tạo ra những dấu ấn trên cái dòng văn hóa mà nó đang thả mình vào.

Cũng như bất cứ một con người nào khác (là một phần tử của xã hội), nhà văn, hơn thế nữa, lại thường là chiếc phong vũ biểu của xã hội mà ông ta đang sống ở trong. Ông ta có những cảm nhận buốt sắc hơn một người thường trước những chuyển mình của thời tiết và khí hậu trong cái không gian văn hóa mà ông ta đang sống; bởi thế, hơn ai hết, một nhà văn có ý thức thường phải biết sống và dám sống trong cái khoảng "tâm bão" của sự chuyển mình kia. Tuy nhiên, thái độ và cung cách phản ứng hay lên tiếng của một nhà văn trước những hiện tượng xã hội, những xoay chuyển thời thế quanh ông, chắc chắn không phải là cung cách và thái độ của một nhà chính trị. Nhà văn và nhà chính trị có thể khác nhau ở một số khía cạnh nào đó, ở một mức độ nào đó, trong sự nhận định của họ về một hiện tượng xã hội có tính cách thời thế, nhưng sự khác nhau căn bản của họ là ở nơi cái cung cách phản ứng và tỏ bày thái độ của mình về hiện tượng hay vấn đề ấy.

Một điều nữa tôi cũng muốn nói thêm là là nhà văn phải chân thật với những gì mình nghĩ, mình viết, mình tin tưởng. Nhà văn phải sống chân thật với lòng mình và cung cách cư xử của mình trong đời sống, ở mọi khía cạnh của nó. Bởi vì, *phong vũ biểu* là để ghi nhận chân thật những thay đổi, những mưa gió của đời; nếu những chiếc phong vũ biểu nói dối, không chân thật, không thẳng thắn với mình và với bạn bè, không chân thật với đời sống, không ngay thẳng trong thái độ cư xử với con người nói chung, thì, thử hỏi, ai còn dám tin quí nó nữa?

**Võ Đình.** (họa sĩ, nhà văn)

Trước hết, xin minh định một điều: tuy câu hỏi dùng từ *văn chương* nhưng (qua điện thoại viễn liên) tôi hiểu trong một nghĩa rộng hơn, văn học nghệ thuật nói chung, và tôi xin trả lời câu hỏi trong ý nghĩa đó.

Tôi không nghĩ rằng chúng ta nên hay không nên tách biệt văn học nghệ thuật và thời thế. Bởi vì dẫu dù có muốn chăng nữa (?) chúng ta cũng không thể làm được việc đó. Thời thế và con người có những liên quan xương tuỷ; văn học nghệ thuật lại là biểu hiện của ý chí, của đời sống tâm linh, tình cảm con người.

Có khi văn học nghệ thuật phản ánh thời thế dưới những hình thái tiêu cực. Nhưng chính tính cách tiêu cực đó cũng nằm trong thực trạng của thời thế, và khởi động những nguồn phản kháng và xây dựng.

Trong bài diễn văn đón nhận giải Nobel văn chương năm 1957, Albert Camus đã nói lên một cách khúc chiết và dứt khoát: "Với tôi nghệ thuật không phải là một thú vui cô đơn. Đó là một phương cách đem lại cho nhiều người (chừng nào hay chừng ấy) một ý thức đặc thù của những nỗi đau và những niềm vui chung (...) bất kể những thiếu sót, những yếu kém ở mỗi cá nhân chúng ta, tính cách cao quí của cái nghề (cầm bút) của chúng ta luôn luôn bắt rể xuống hai cam kết gay go: nói lên sự thật, và chống lại mọi áp bức."

Ảnh hưởng của thời thế và chính trị trên sáng tác của mỗi nghệ sĩ cá nhân không phải khi nào cũng phát hiện được dễ dàng. Nhưng ảnh hưởng trên cả một nền văn học (nghệ thuật) thì quá rõ ràng. Như tại Việt Nam, những năm đầu thời kỳ 54-75: "Tình hình văn học trong giai đoạn đầu ở miền Nam phản ảnh cái phấn khởi, tin tưởng, tích cực, nghiêm chỉnh của tình hình chung lúc bấy giờ. Chính quyền trong những năm đầu được sự ủnh hộ của đa số quần chúng, của các đảng phái (...)" (Võ Phiến, *Văn Học Việt Nam*, tổng quan, tr. 175). Như bên trời Tây, trước hiệp định Genève cả mấy chục năm: Trong không khí chán chường và tuyệt vọng của thời gian Thế Chiến thứ I, các trường phái Dada và Siêu Thực ra đời. Như bức bích họa vĩ đại lẫy lừng *Guernica* của Picasso, 1937, năm máy bay phát-xít ném bom tàn sát thành phố *Basque* này. Như hiện nay, sống cùng một thời và bị chi phối, tuy rằng trong những môi trường khác nhau, bởi một thực tại chính trị, mà giữa người sáng tác Việt Nam ở quốc nội và ở hải ngoại đã không có biết bao là dị biệt. Cố nhiên, tác động của thời thế và chính trị ở mỗi thời mỗi khác, mỗi nơi mỗi khác. Chúng ta có thể, hoặc nhiều hoặc ít, tán thành hay bất đồng với quan điểm của Camus. Nhưng chắc hẳn chúng ta đều công nhận một điều: "văn học nghệ thuật không chỉ đáp ứng cho hiện tại (...) Chế độ chính trị nào rồi cũng qua đi, cái còn lại sẽ vẫn là cái cận nhân tình, cái đẹp, cái tốt" (Thư Toà Soạn, *Hợp Lưu*, số 1 tháng 10, 1991). Một lá Thư Toà Soạn khác, một cách khác, cũng nói lên "cái đẹp, cái tốt" đó: "Sự đóng góp tích cực nhất, cần thiết nhất (của văn chương, văn học nghệ thuật) (...) là những tác phẩm giá trị nhằm đề cao con người, đả phá những thế lực tha hóa hoặc đàn áp quyền sống thiêng liêng của con người" (*Văn Học*, số 74, tháng 6, 1992).

Tôi tin rằng người nghệ sĩ sáng tác thẩm thấu ý nghĩa của nghệ thuật và sự yêu thương (thương đời, thương người, thương mình) thường xuyên tâm niệm như thế khi deo đuổi công trình nghệ thuật của mình.

**Kiệt Tấn** (Nhà Văn)

1. Trước khi trả lời câu hỏi này, để tránh cảnh ông nói gà bà nói vịt, tôi xin đặt lại vấn đề định nghĩa. Văn chương là gì? Thời thế là gì? Chính trị là gì? Hỏi mười vị chắc là có ba chục định nghĩa khác nhau. Hỏi tôi có định nghĩa nào đề ra chăng? Thưa không. Định nghĩa nào cũng đặt giới hạn, giả tạo và biến chuyển theo thời gian. Tôi chỉ có một vài ý niệm mơ hồ về văn

chương, thời thế và chính trị. Văn chương biểu lộ sự nhạy cảm của con tim và trí tuệ của con người, liên tục trong thời gian. Thời thế biến thiên theo tác động tức thời của con người - hay theo cái dịch của trời đất. Chính trị là một cách thức quản trị nào đó các tài sản và nhân lực trong giới hạn địa dư, hoặc toàn cầu theo thời thượng bây giờ.

Văn Chương và thời thế? Chính trị và văn chương? Ảnh hưởng nhau ra sao? Câu hỏi này cũng chẳng mới mẻ gì. Văn chương dấn thân hay không dấn thân. Tôi nghĩ văn chương tự nó không dấn thân, cũng chẳng không dấn thân. Tùy theo bản tính và kinh nghiệm sống, ai muốn dấn thân thì dấn, ai không muốn dấn thì thôi. Thái độ đó không xác định giá trị tác phẩm. Mà thế nào là giá trị? Lại rơi vào định nghĩa, lại rơi vào tiêu chuẩn. Lại đùa giỡn với ý niệm và ngôn từ.

Tuy nhiên văn chương, thời thế và chính trị ảnh hưởng đến nhau là cái chắc. Chúng là bối cảnh sống, nghĩ, rung cảm và hành động hàng ngày của con người. Thử đặt mình trong một chế độ độc tài hoặc dân chủ là thấy ảnh hưởng khác nhau biểu lộ liền. Tôi không muốn chẻ sợi tóc làm làm tám vì điều đó vô bổ và đưa vào mê cung.

2. Khi sáng tác tôi bị lôi cuốn bởi sự xúc động và suy tư chớ không bị ám ảnh bởi thời thế, chính trị - hoặc ý muốn làm văn chương. Thỉnh thoảng tôi cũng có nói phớt qua thời thế và chính trị chớ không nhất thiết phải nói tới. Khi viết tôi rất chú ý tới người đọc tôi - tôi xem người đọc tôi là kẻ đồng hành, hay yêu nữ cùng chăn gối, miễn sao cho thật hay, cho thật tuyệt vời, cho thật thấm thía, miễn sao cho thật "đã đời" là quý lắm rồi. *Ngày xưa tôi đóm em / Trên gác chuông chùa nọ / Bây giờ tôi qua đó / Còn thấy chữ trong chuông* (Phạm Thiên Thư) Như vậy chưa "đã" hay sao? Cần chó gì ba cái thời thế và chính trị lẩm cẩm?

**Nguyễn Xuân Hoàng** (nhà văn)

1. Tôi không hiểu ông muốn nói chữ "thời thế" ở đây theo nghĩa nào. Tôi tra tự điển Hội Khai Trí Tiến Đức thấy *thời thế* (= thì thế) là "sự thế lúc bấy giờ". Nếu vậy thì văn chương và thời thế là hai phạm trù khác nhau. Nhưng nếu nói văn chương và thời đại thì tôi nghĩ rằng quả là có liên hệ nhau. Văn chương không thể không dính đến thời đại, không thể không "liên can" đến những vấn đề mà nhà văn đang sống. Cách này hay cách khác, văn chương không thể không phản ảnh đời sống xã hội mà người cầm bút đang sống. Dù sao, đây là một đề tài lớn (và cũ) không thể chỉ mấy câu trả lời là đủ.

2. Phần tôi, khi viết tôi hay bị ám ảnh bởi cái "môi trường sống" của chính tôi. Do cái môi trường ấy hạn hẹp, đóng khung... nên tôi dễ bị những người làm văn chương to lớn khiển trách nói rằng cần đi vào đề tài nóng; có hơi thở thời đại. Hơi thở thời đại! Hay lắm! Nếu để "cái vấn đề" ấy nó ám vào như cái "thời sự" thì tôi nghĩ nó qua nhanh lắm chăng. Coi chừng, thứ "văn

chương tin tức"

**Nhật Tiến** (nhà văn)

Trong buổi gặp gỡ nhân hôn lễ nhà văn Phan Tấn Hải, tôi đã có dịp trình bày với người phỏng vấn, nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh (nay xin nhắc lại) rằng tôi thực tình không đồng ý chút nào với cung cách đặt câu hỏi cho cuộc phỏng vấn này. Văn chương và thời thế. Cả hai thứ đó vốn đã là hai lãnh vực rộng rãi, riêng biệt, đem ghép lại với nhau lại càng thêm mơ hồ, ai muốn hiểu sao thì hiểu. Câu phỏng vấn mà mơ hồ thì người trả lời cũng sẽ theo cung cách mơ hồ đó để tránh né (nếu muốn tránh né), rút cục, mục tiêu của cuộc phỏng vấn sẽ không thể đạt được.

Vậy phải chăng chính người phỏng vấn cũng vẫn còn ngần ngại khi nêu ra một vấn đề, tuy hóc hiểm nhưng vẫn cần thiết nêu ra. Đó là văn chương có ràng buộc với chính trị không? Nếu không thì tại sao không? Nếu có thì ràng buộc như thế nào? Ở giới hạn nào thì nó là văn chương, ở giới hạn nào thì nó là sản phẩm của một giai đoạn nhất thời?

Hoặc giả, có thể đặt vấn đề theo một cách khác (mà tôi thích hơn), đó là ngoài tư cách là công dân, nhà văn, nhà thơ có trách nhiệm gì đối với sự tồn vong của dân tộc, có sự ràng buộc gì giữa một bên là những người có khả năng phát biểu (giới cầm bút) với một bên là đám đông quần chúng còn tràn đầy những nguyện vọng, những khao khát về quyền sống, quyền làm người. Nếu có, thì nhà văn, nhà thơ thể hiện trách nhiệm ấy, sự ràng buộc ấy như thế nào trong văn chương?

Đặt vấn đề như vậy, một mặt nó tách rời được văn chương ra khỏi từ ngữ hạn hẹp "thời thế" hay "chính trị" vốn là điều có vẻ như tối kỵ với giới cầm bút, và một mặt khác, nó trực diện hơn đối với hoàn cảnh thực tế ở quê nhà hiện nay.

Trong mấy năm qua, tôi biết rằng mình là một kẻ đi lạc dòng giữa sinh hoạt văn chương hải ngoại. Tôi đã được nhiều người nói với tôi rằng "đừng bỏ sở trường để đi vào sở đoản, Hãy cứ viết cho hay đi, thì nó mới đích thực là văn chương. Đem chính trị vào văn chương là không còn văn chương nữa". Hoặc là, một vài người khác, có vẻ ngộ nhận, về quan niệm văn chương của tôi, đã nói: "Vì cậu cứ ôm cái quan niệm văn dĩ tải đạo, nên cứ phải hò hét mong trở thành kẻ mở đường, trong khi thực chất của văn chương nó không có nhiệm vụ ấy. Văn chương là văn chương, thế thôi, chứ không có cái đạo nào để tải cả". Hoặc yêu mến hơn thì có vẻ gắt gỏng: "Nó thích đứng ngoài nắng thì cứ để nó đứng, hơi đâu mà quan tâm".

Tôi rất cám ơn tất cả những lời khuyên bảo hay trách cứ chân tình đó, nhưng dù vậy, vẫn chưa ai giải đáp cho tôi được một nỗi băn khoăn: "Một cô gái nở một nụ cười tuyệt sắc ngay giữa một đám tang thì nụ cười ấy còn là tuyệt sắc nữa hay không?"

Nêu ra cái ẩn dụ ấy, tôi chỉ muốn nói lên một điều, văn chương tự nó

không phải là một cái gì bất di bất dịch mà phải như một vẻ đẹp có khả năng hòa hợp với môi trường mà nó hiện diện. Bông sen không thể đẹp toàn diện khi mọc trên tuyết trắng. Hoa đào không thể khoe sắc dưới nắng mùa hạ. Nói quá nhiều về tình yêu riêng tư của mình trong lúc hàng ngàn người đang đói khổ, thiếu thốn tự do ở quê nhà thì dù tình yêu của mình có đẹp đẻ cách mấy cũng chỉ là một khúc hát hậu đình hoa.

Nếu tôi không lầm thì trong thời kỳ Kháng chiến chống Pháp, những nhà thơ như Vũ Hoàng Chương, Xuân Diệu, Đinh Hùng đã phải nhường bước cho Hoàng Cầm, Hữu Loan, Quang Dũng vào thời điểm đó lại đem thời thế vào văn chương, mà trái lại, nếu không có những tên tuổi đó trong thời kỳ nguy hiểm của quê hương thì thực đáng tiếc và đáng hổ thẹn thay cho giới cầm bút. Dĩ nhiên, tôi không tự so sánh mình với Hoàng Cầm, Hữu Loan, Quang Dũng bởi vì họ là những nghệ sĩ đã vận dụng được một cách tuyệt hảo giữa hai lãnh vực vốn không dễ hòa hợp được với nhau: văn chương và thời cuộc, trong khi đó những tác phẩm của tôi chỉ là là sự pha trộn vụng về. Tuy nhiên, ở đây tôi muốn nói tới thái độ của người văn nghệ sĩ trước thời cuộc vốn luôn luôn thay đổi qua nhiều thời kỳ. Người cầm bút lựa chọn được thái độ thích đáng, không đi ngược lại những khát khao, nguyện vọng của quần chúng, không ngồi xổm trên nỗi đau thương của đồng bào, đồng loại, thì điều đó, không phải là vì họ muốn chủ trương văn dĩ tải đạo mà chỉ là một sự làm tròn trách nhiệm của người cầm bút, ngoài tư cách của một côngh dân.

NGUYỄN MẠNH TRINH *thực hiện*



**HOÀI HƯƠNG**

# từ em

*Em gọi Chúa*
*dưới đáy vực khổ đau*

*Em gọi anh*
*nơi vút cao cực lạc*

*Em gọi mẹ*
*mép mé rìa sống - chết*

*Những khi nắng se từng sợi theo khung trời, mầm cây run run bật dậy,*
*tuyết khẽ tan từng cánh và đôi cánh chim nối chắp nhân tình*

*Em gọi mình...*
*Em gọi mình*
HOÀI HƯƠNG



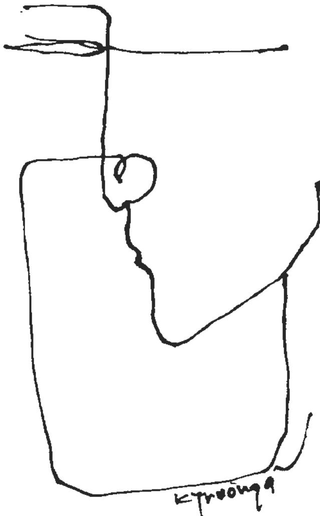
**PHAN TẤN HẢI** *thực hiện*

# nhà văn thế uyên với hợp lưu

LTS: *Nhà văn Thế Uyên - trong hai tháng 7 và 8, 1992 - đã trở lại Việt Nam sau 5 năm định cư tại Hoa Kỳ. Cùng với giáo sư C. Schafer, và dưới sự bảo trợ của tổ chức* Social Science Research Council (New York), *ông đã đi một vòng Sài Gòn, Vũng Tàu, Huế, Hà Nội, trong công tác sưu khảo về Văn Học Chữ Quốc Ngữ của Nam Kỳ trong giai đoạn 1984 - 1929.*

*Qua cuộc trao đổi dưới đây giữa phụ tá chủ biên Phan Tấn Hải và nhà văn Thế Uyên, độc giả sẽ nắm được một số vấn đề liên quan đến văn hóa, kinh tế và chính trị nước nhà trong thời điểm hiện tại.*

**Hợp Lưu**



*Được biết anh vừa trở về thăm Việt Nam sau ba năm định cư ở Hoa Kỳ. Xin anh cho biết anh đã về tư cách cá nhân hay đại diện cho đoàn thể tổ chức nào? Và mục đích?*

Trước hết xin đính chính một chút: tôi và gia đình đã định cư ở Mỹ được 5 năm chứ không phải 3. Tôi thích lối dùng chữ trong câu hỏi của anh: "định cư". Đúng là chúng tôi chọn Hoa Kỳ làm nơi cư ngụ và coi đất nước này như quê hương thứ hai. Chúng tôi không lưu vong, chúng tôi đã tự ý đi tìm vùng đất mới để dung thân lâu dài (không phải tạm dung) trong tự do và cơm no áo ấm, tìm lại phẩm cách làm người theo nghĩa đẹp, cũng như vì tương lai cho con cháu. Chúng tôi đến nước Mỹ như bao nhiêu triệu người immigrant khác đã đi theo con đường của những kẻ trên tàu Mayflower nhiều thế kỷ trước. Khi rời Việt Nam, chúng tôi không có ý định "ra đi tìm đường cứu nước" như Hồ Chí Minh, hay mưu toan làm một đường "ai bao năm từng lê gót nơi quê người" như Ngô chí sĩ... Nói như thế không có nghĩa tôi đã quên

được quê hương và dân tộc Việt Nam. Nhưng làm gì cho quê hương cũ, thì tôi làm với nhiều tư cách một người Mỹ gốc Việt hơn là với tư cách cựu công dân của hai nước VNCH và CHXHCN Việt Nam.

Trong những sách báo đã viết và đã xuất bản trước tháng 4, 1975 tôi từng nhiều lần nói rõ, Đảng Cộng Sản và chủ nghĩa của họ chỉ có hại cho dân tộc Việt Nam mà thôi. Tôi đã từng cầm súng ra chiến trường chống lại họ (bởi thế sau tháng tư 75 họ có nhốt tôi ba năm trong trại cải tạo thì cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên nhiều), và bây giờ tôi vẫn ao ước là cái Đảng và thứ chủ nghĩa ấy nên biến mất khỏi đất nước Việt Nam càng sớm càng tốt. Nhưng tôi khác với một số hội đoàn quân phiệt và đảng phái bảo thủ ở hải ngoại ở vài điểm: thứ nhất, tôi chấp nhận việc thống nhất đất nước Việt Nam như "một sự đã rồi", một sự kiện lịch sử đã hoàn tất. Nghĩa là mỗi khi nghĩ đến Việt Nam, tôi nghĩ đến một quốc gia trải dài từ Đồng Văn Lạng Sơn tới Cà Mau, chứ không phải là nước VNCH từ Bến Hải đến Cà Mau nữa. Thứ hai, qua đi nhiều và khảo sát cẩn thận, tôi thấy hải ngoại nói chung không có khả năng trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai, dùng bạo lực lật đổ chế độ CSVN cả. Bởi thế tôi nghĩ (và nhiều lần đã viết ra) chỉ còn có cách sử dụng kinh tế, văn hóa, tôn giáo... để làm đảng CSVN biến đi thôi. Trong hòa bình, kiểu cách mạng nhung lụa. Không nội chiến đẫm máu.

*Cám ơn anh đã đi một đường giáo đầu cụ thể. Anh em Hợp Lưu đâu có nghĩ khác anh nhiều. Nhưng anh vẫn chưa trả lời câu hỏi: Anh đã về Việt Nam với tính cách cá nhân hay hay đại diện cho đoàn thể tổ chức nào? Và với mục đích gì?*

Tôi về Việt Nam với tư cách một nhà sưu khảo Văn Học của Hoa Kỳ. The Social Science Research Council ở New York, một tổ chức non-govermental chuyên giúp đỡ bảo trợ cho tất cả các học giả Hoa Kỳ, đã cấp cho tôi và giáo sư John Schafer một grant để về Việt Nam trong mùa hè 92, mang theo một chuyên viên kỹ thuật nữa, hai chúng tôi có nhiệm vụ: thứ nhất là nghiên cứu về văn học chữ quốc ngữ Nam Kỳ trong thời kỳ 1864-1929, thứ hai là sưu tầm và sao lại tối đa những tác phẩm đã xuất hiện trong thời kỳ văn học này. Những tài liệu sao được ấy sẽ được gởi vào thư viện những Đại Học Hoa Kỳ có khoa Đông Nam Á. Dĩ nhiên nếu có Đại học nào của Canada xin những bản sao này, chắc chúng tôi sẽ không thấy trở ngại.

Hội đồng bảo trợ nói trên đã giao thiệp trực tiếp với nhà nước CSVN về chuyến đi của chúng tôi. Sau nhiều thời gian và văn thư qua lại, Viện Hợp Tác Quốc Tế và Viện Khoa Học Xã Hội ở Hà Nội nhận đứng ra hợp tác và giúp đỡ phái đoàn sưu khảo Mỹ có nhân số khiêm tốn là chúng tôi. Chính bởi thế trong đa số thời gian làm việc ở Việt Nam, phái đoàn thường ở nhà khách của các viện KHXH Sài Gòn cũng như Hà Nội. Và cũng chính vì vậy nên phe bảo thủ giáo điều nội địa, người Mỹ hay gọi là hardliner ấy, dù kỵ phái đoàn chúng tôi ra mặt, chỉ có thể gây ra mọi khó khăn để phái đoàn

chán nãn bỏ về thôi. Không có chụp mũ gián điệp để bắt hay trục xuất.

*Xin anh cho chi tiết thêm về những khó khăn ấy.*

Thí dụ như trong nửa tháng đầu công an đã từ chối không cấp giấy di chuyển ra khỏi Sài Gòn cho phái đoàn. Và khi Hà Nội can thiệp, thì miễn cưỡng cho đi Huế bốn ngày thăm cảnh và thân nhân thôi, và còn buộc chúng tôi phải chấp nhận để một người của nhà nước đi kèm. Sau này còn đòi hỏi phái đoàn muốn đến gặp và làm việc với ai, phải xin phép công an trước. Có lần, ở quận Bình Thạnh, một học giả đã cẩn thận xin chính quyền địa phương và được phép tiếp chúng tôi. Vậy mà khi phái đoàn tới nơi, vẫn bị một lực lượng công an vây hãm, ba lần đòi bắt dẫn phái đoàn về đồn. Phải chờ đến lúc VKHXH cho người mang giấy tờ đến giải nguy, chúng tôi mới thoát nạn. Nhưng chưa phải là hết: ông học giả miền Nam hơn 70 tuổi, hai mắt đã gần lòa ấy, hai hôm sau còn bị công an gọi lên đồn "báo cáo sự việc". Sự kiện này làm những trí thức và học giả khác tránh không muốn tiếp, làm việc với phái đoàn nữa.

Một viên chức của Viện KHXH cho biết tại Việt Nam vẫn thỉnh thoảng xảy ra trường hợp Nhà Nước đứng ra mời khách ngoại quốc để rồi công an sau đó làm khó dễ đủ điều. Anh kể có lần một phái đoàn sưu khảo của Mã Lai cũng đến Việt Nam sưu khảo như chúng tôi, mang theo giấy giới thiệu của Hội Đồng Bộ Trưởng Việt Nam hẳn hoi. Vậy mà khi đến Đà Nẵng, xin vào thăm Viện Bảo Tàng Chàm, đã bị chính quyền địa phương và công an cấm cửa không cho vô. Nói theo ngôn ngữ của viên chức này thì họ đã "sổ toẹt" văn thư của Hội Đồng Bộ Trưởng...

*Theo anh, tại sao lại có sự kiện tréo cẳng ngỗng như vậy?*

Khá giản dị. Phe đổi mới trên nguyên tắc nắm được nhà nước nhưng chưa đủ mạnh để trấn áp phe bảo thủ đang nắm giữ lực lượng công an. Bởi thế mới có hiện tượng: "Anh cứ mời, tôi cứ phá".

Tiện đây cũng nói cho rõ thêm, quyền bính ở Việt Nam hiện nay được chia giữa Trung Ương Đảng và Lực Lượng Công An. Nhà nước, kể cả Hội Đồng Bộ Trưởng, không có nhiều quyền lực như như mọi nhà nước bình thường khác trên thế giới. Một quyết định của Hội Đồng Bộ Trưởng chỉ được tuân theo nếu chính quyền các địa phương, nhất là các lực lượng công an, đồng ý. Mỗi khi có tranh chấp giữa hai bên, thường là công an địa phương thắng. Một đại tá chánh sở công an một thành phố hay tỉnh có có thể chụp mũ, ngụy tạo hồ sơ để bắt bất cứ một ông bộ trưởng nào trong một đêm. Chủ Tịch Hội Đồng Bộ Trưởng tự mình không đủ sức gỡ cho bộ trưởng của mình đâu, nếu không khéo điều đình với bên công an.

Khách quan mà xét về phương diện kinh tế, sự trao quá nhiều quyền cho công an đã, đang và sẽ còn cản trở sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Nhất là về phương diện đầu tư của nước ngoài. Các công ty ngoại quốc vẫn ngập

ngừng trong việc đầu tư lớn và lâu dài vì quyền lực của công an lớn như thế thì an ninh của nhân viên họ, an toàn vốn liếng đầu tư đâu có được chắc chắn! Xin kể một ví dụ: gái điếm Việt Nam thì quá đông, hoạt động công khai. Nhưng xét về luật lệ, đi chơi gái là bất hợp pháp. Dùng cái bẫy này, công an bắt giữ một phái đoàn Đài Loan về tội chơi điếm ở Vũng Tàu. Các nhân viên thường thì được tha, riêng ông trưởng đoàn già hơn bảy mươi tuổi bị giam giữ. Đã thế còn để một tờ báo địa phương phỏng vấn mấy cô điếm xem thành tích giao hợp của ông già ra sao. Có tờ báo ghi rõ, mấy cô chê ông già Đài Loan không gân bằng những ông già Việt Nam. Cố tình bôi xấu, làm mất mặt người ngoại quốc như thế đâu phải là tốt cho việc mời họ đầu tư?

*Giữa hai mốc thời gian, ngày lên đường định cư và hiện tại, dưới mắt nhìn của anh, Việt Nam ra sao về các mặt: Văn hoá, văn nghệ. Chính trị. Kinh tế. Xã hội?*

Muốn trả lời câu hỏi trên của các anh thì phải viết bốn bài văn khác nhau, chứ không phải là một.

Trong bài *Nói Chuyện Với Nhà Văn Thế Uyên* đăng trên báo *Văn Học* ở California (số 78, tháng 10, 1992), tôi đã trình bày khá nhiều về văn hóa văn nghệ, và một phần nào về xã hội. Do đó, để tránh lặp lại, hôm nay tôi chỉ trình bày những gì mắt thấy tai nghe về kinh tế.

Tôi rời Việt Nam vào những ngày cuối cùng của năm 1986, khi chính sách đổi mới chỉ mới bắt đầu công bố. Ý niệm thế nào là kinh tế thị trường mới chỉ được nhắc nhở sơ sài trên báo chí. Nhưng tại Sài Gòn thì chính sách kinh tế thị trường đã được Thành Ủy áp dụng rồi, lúc đó giai cấp tư bản đỏ mới chỉ manh nha và tài sản của họ đa số dựa trên sự tham nhũng hối lộ hoặc bán bãi vượt biên, tiền chuộc người bị bắt... Trong cuốn sách đầu tiên viết ở Hoa Kỳ, *Sài Gòn Sau Mười Hai Năm*, tôi đã nhắc tới sự hiện diện của tư bản đỏ, lúc bấy giờ mới là một thành phần chưa mạnh gì trong xã hội Việt Nam.

Chỉ sáu năm sau thôi, mọi sự về kinh tế nội địa đã biến đổi nhanh, làm tôi ngỡ ngàng khi trở về. Sau đại hội sáu của Đảng, tại tất cả các công ty quốc doanh lớn nhỏ, quyền chỉ huy được trao về giám đốc của công ty, chứ không thuộc cấp Đảng Ủy nữa. Khi quyết định như thế, Trung Ương Đảng tưởng các giám đốc sẽ thi triển tài năng kinh tế để tăng năng xuất. Ai dè các giám đốc này (tất nhiên họ đều là đảng viên trung cấp) liên kết hàng ngang với nhau để biến tất cả những công ty quốc doanh ấy thành các công ty tư nhân mà tất cả các cổ phần viên đều là thân nhân của giám đốc. Quá trình biến công sản thành tư sản này, vấn đề đau đầu của ông Yeltsin ở Russia, là như thế nào, tôi từng tìm hiểu và nắm khá vững. Nhưng trong phạm vi một bài phỏng vấn, không tiện đi vào chi tiết quá.

Khi tôi trở lại Sài Gòn, vào mùa hè năm 92 thì công trình biến của công thành của tư ấy đã hoàn tất. Toàn bộ tài sản của các công ty nhà nước, thậm chí khá nhiều công ốc công điền công thổ và quân sản, đều biến thành tư hữu

của khoảng từ hai đến ba ngàn gia đình đảng viên, đa số gốc miền Bắc. Một giai cấp tư bản đỏ vững chắc đã hình thành hẳn hoi. Giai cấp này, qua các công ty tư nhân họ nắm giữ, qua những ô dù Đảng, hiện nay hầu như độc quyền trong việc giao thiệp với các công ty ngoại quốc như Đài Loan, Nam Hàn, Singapore, Nhật Bản... Hầu như chỉ có họ, và các chức sắc của ngành công an, mới có quyền giao thiệp và ký các thương ước với các công ty nước ngoài. Khỏi nói cũng biết, đã là tư bản, thì dù đỏ hay trắng, cũng đặt vấn đề lợi nhuận lên hàng đầu. Quyền lợi của quần chúng, của dân tộc... bị đặt xuống hàng thứ yếu.

*Lý thuyết thì như thế, nhưng hậu quả trực tiếp anh thấy thì ra sao?*

Giai cấp tư bản đỏ hoạt động trong khuôn khổ chính sách chung là chấm dứt kinh tế bao cấp, chuyển sang kinh tế thị trường. Nghĩa là từ cá nhân đến đoàn thể, cơ quan chính quyền các cấp, ai cũng được phép kinh doanh bất cứ cái gì để kiếm sống. Lớn kinh doanh theo lớn, nhỏ kinh doanh theo nhỏ, công an kinh doanh theo kiểu công an, quân đội kinh doanh theo kiểu quân đội. Đúng là cả nước kinh doanh.

Sài Gòn 92, nhìn ngoài đường phố, không khác gì Sài Gòn những năm trước 75, nếu chỉ xét về số lượng người, xe gắn máy, xe hơi di chuyển. Tại những trục giao thông chính, băng qua đường không dễ dàng gì. Có điều cần ghi nhận là hầu như không có xe quân đội chạy trong thành phố và cũng chẳng có mấy ai đội nón cối. Mấy người bạn cũ Sài Gòn biết rõ tin tức hải ngoại đã nói đùa với tôi: "Bao nhiêu nón cối đã xuất khẩu bán cho các hội đoàn chống Cộng cực đoan hải ngoại để bên đó chụp mũ lẫn nhau rồi!"

Sài Gòn cũng như Hà Nội, bây giờ trở thành thành phố của quán sá dày đặc. Hãy nói về Sài Gòn trước. Số lượng quán và tiệm buôn nhiều gấp mười lần là ít so với số lượng thời trước 75. Không nhà nào có mặt tiền mà không bán, buôn một cái gì. Được phép dùng biển hàng và quảng cáo trên TV. Bởi vì những bảng hiệu, bảng quảng cáo đều mới được phép chưa lâu nên đều tương đối mới. Màu sắc rực rỡ, ngày cũng như đêm. Một khách sạn mới khai trương, loại được phép thu tiền phòng bằng dollar, ở đường Trần Quý Cáp cũ, đã chơi đèn màu xả láng. Họ chăng đèn lên những cây cổ thụ trước khách sạn, cả cây bên kia đường. Chăng theo kiểu cây giáng sinh Mỹ, sáng trưng cả một khúc đường.

*Bộ tình trạng cúp điện hết rồi sao?*

Còn chứ, nhưng không ảnh hưởng bao nhiêu tới những khách sạn loại này. Điện thành phố được chia làm ba loại. Loại một dành cho các khách sạn thu bằng dollar, các bệnh viện, các cơ sở hành chánh và quân sự quan trọng... Loại này ít khi bị cúp điện lắm. Loại hai chủ yếu là các cơ sở sản xuất. Loại ba dân thường. Mỗi khi thiếu điện, dĩ nhiên loại ba nằm trong diện... ưu tiên cúp điện!

*Nhiều người về Việt Nam trước anh, kể cả các ký giả Mỹ và Âu Châu đều nhận xét, nhờ chế độ kinh tế thị trường, mức sống của dân đã khá hơn những năm về trước. Anh có thấy như vậy không?*

Họ nói đúng đấy. Khi tôi ra đi, hầu hết các gia đình bạn bè, kể cả bạn bè của các con trai tôi, đều lâm vào cảnh chạy gạo từng ngày, mặc dù họ là giáo sư, kỹ sư. Bây giờ thì khác rồi. Lương của họ không tăng bao nhiêu, nhưng lợi tức tăng nhờ những job khác. Tôi lấy thí dụ một kỹ sư điện trẻ, bạn của con trai tôi. Khi tôi hỏi lương cháu bao nhiêu thì trả lời 110,000 đồng (để dễ so sánh, xin cứ tạm tính 1 dollar bằng 11,000 đồng VN), nghĩa là 10 dollars một tháng (có thể nói thêm, ở Hà Nội mức lương công chức thấp hơn, trung bình 7 dollars một tháng). Nhưng khi tôi hỏi lợi tức của cháu bao nhiêu một tháng thì được trả lời 300,000. Cộng với lợi tức của vợ 200,000 đồng nữa, hai vợ chồng kiếm được nửa triệu, khoảng 45 dollars. Với giá cả thấp của Sài Gòn hiện nay, gia đình này sống được rồi. Theo tiêu chuẩn Việt Nam, tất nhiên.

*Những job khác của họ là gì?*

Ví dụ anh kỹ sư này, anh phụ trách bảo trì điện cho ba nhà hàng ăn lớn và tiệm khiêu vũ có nhạc sống. Tôi có một bạn trẻ khác, hai vợ chồng đều là nhà giáo, họ sống tương đối thoải mái, nhờ anh là giáo sư Anh văn. Tất cả đổ xô đi học Anh văn, kể cả cán bộ đảng viên.

*Báo chí loan tin hiện tượng học sinh Việt Nam bỏ học rất nhiều và học đường xuống dốc. Phải vậy không?*

Loan tin như vậy có đúng nhưng thiếu sót. Đúng cho hệ chính qui 12 năm trung học thôi. Bây giờ lớp trẻ đang có phong trào đi học chuyên môn và ngoại ngữ chăm lắm. Lý do chính vì các công ty ngoại quốc mở văn phòng và cơ sở sơ khởi ở Việt Nam, đặc biệt là Sài Gòn, khá đông. Họ cần mướn người làm việc. Câu đầu tiên họ hỏi các ứng viên nội địa là có biết sử dụng computer không và khả năng Anh ngữ tới đâu? Phải có khả năng điện toán với ngoại ngữ mới có hy vọng trúng tuyển làm việc cho các công ty ngoại quốc thường trả lương khá. Bởi thế ở Sài Gòn các trường như Pétrus Ký, Lê Quý Đôn... đều nhường trường buổi chiều tối cho các lớp dạy ngoại ngữ và điện toán. Lớp trẻ đi học chăm chỉ lắm vì tiền học phí rất cao. Ở Huế và Hà Nội, áp dụng kinh tế thị trường được có ba năm thôi, nên các lớp này xuất hiện ít hơn, nhưng cũng đã có. Xin nhấn mạnh các lớp "Điện Toán và Ngoại Ngữ" này do những tổ chức tư nhân của nhà giáo và chuyên viên - trong đó lác đác có những chuyên viên từ hải ngoại về phụ trách giảng dạy.

Cũng xin nói thêm các trường này không phải chỉ dạy có Anh văn, mà còn dạy, theo thứ tự nhiều ít học viên: Trung Hoa ngữ (cả Quan Thoại lẫn Quảng Đông), Pháp Ngữ, Nhật ngữ. Nga ngữ đội đèn đỏ về số người muốn học. Về

ngành computer, vì thiếu máy móc thực tập, một chương trình - như Lotus chẳng hạng - sinh viên tại Mỹ học xong trong một học kỳ ba tháng, ở Việt Nam phải học một năm!

Dĩ nhiên trong số các học viên học điện toán và ngoại ngữ đã có sự hiện diện mỗi ngày một đông con em những gia đình đang chờ đi HO và đoàn tụ. Bây giờ mấy ông bạn HO đã biết khi đến Mỹ, chẳng ai trao chùm chìa khóa nhà chìa khóa xe, chẳng ai lãnh rappel những năm đi cải tạo. Nói đùa theo kiểu Sài Gòn hiện nay: Ông nội của Mỹ, Mỹ còn bỏ vào nhà dưỡng lão nửa là HO!" Bởi thế thành phần này đã khuyến khích và đầu tư cho con đi học Anh văn, điện toán trước.

*Như thế, tình hình kinh tế có vẻ khả quan đấy chứ.*

Xin đừng vui vội vã như vậy. Tôi chưa kịp nói đến những hiện tượng, khía cạnh tiêu cực của nền kinh tế Việt Nam hiện nay. Sự phồn vinh, ăn chơi, hưởng lạc ồn ào của Sài Gòn chỉ là một thứ phồn vinh giả tạo. Bước chân vào bất cứ một nhà hàng hay một khiêu vũ trường nào (ngoài các khiêu vũ trường cũ đã mở lại, như Queen Bee chẳng hạn, còn nhiều quán khiêu vũ mới mở gần đây), đa số khách là thành phần tư bản đỏ. Rồi đến khách ngoại kiều da trắng (đa số Âu Châu), da vàng (Đại hàn, Singapore, Nhật...) và người Việt gốc Hoa. Thành phần về thăm nhà và thân nhân chỉ là thiểu số ở những chỗ ăn chơi xa xỉ.

Nói tóm tắt, Sài Gòn ăn chơi xa xỉ chỉ giành cho một thiểu số người như đã miêu tả trên. Còn lại thì đầu tắt mặt tối lo cơm áo hàng ngày. Những người lo được là những người còn may mắn bởi vì còn có nhiều người không thể lo được. Dân ngủ đường ngủ chợ, ăn mày đủ loại, trộm cắp vẫn rất đông đảo. Và dĩ nhiên khi đói, người phụ nữ đương nhiên sử dụng đến asset cuối cùng trời cho, là thân xác mình. Bởi thế đội ngũ gái điếm, gái bia ôm thật đông đảo.

*Chúng tôi để ý anh nói nhiều về kinh tế, nhưng kinh tế thành thị không thôi. Nông thôn của chúng ta ra sao?*

Nông dân có mức sống thấp kém nhất trong tất cả các thành phần của Việt Nam hiện nay. Năm vừa rồi miền Nam tuy được mùa, nhưng đời sống của nông dân vẫn không khá vì giá lúa giảm quá thấp. Nhà nước không dám tung thêm tiền giấy để mua nhiều lúa, giữ lúa ở giá cao cho dân nhờ. Họ sợ đồng tiền đang ổn định sẽ bị lạm phát tiếp. Nhưng dù cực thì có cực, thấp thì có thấp, nông dân miền Nam còn được ăn no năm nay. Ngoài Bắc mới thê thảm. Năng xuất một mẫu ngoài đó thấp kinh hồn, trung bình có một tấn hai thôi. Nhà nước lại lấy một nửa. Khi biết vậy tôi hỏi dân Hà Nội, nông dân làm sao sống với một chế độ như vậy, thì họ chua chát trả lời: Thì ăn cháo khoai hoài cũng phải quen chứ! Ngay tại thủ đô này thiếu gì những gia đình giáo viên ăn cháo, nói chi tới nông dân!

*Anh nghĩ kinh tế có thể chuyển đổi chính trị được không?*

Không những được, mà phải nói là chắc chắn. Khoan nói tới những lý thuyết của Tây Phương, cứ lấy ông Marx ra trước đã. Ông này đã phán truyền từ lâu rằng chính tồn tại quyết định nhận thức, hạ tầng cơ sở về kinh tế quyết định thượng tầng kiến trúc của bất cứ xã hội nào. Bây giờ cả nước đang hăm hở lao ra làm ăn, kinh doanh trong cơ chế kinh tế thị trường thì làm sao Trung Ương Đảng và các chức sắc công an già duy trì hoài được nền chuyên chính vô sản của họ.

Nói đến "chuyên chính vô sản" có cái gì đó khôi hài đâu đây. Chế độ Việt Nam bây giờ, với sự hình thành một giai cấp tư bản đỏ, thì phải gọi là một nền *chuyên chính tư sản kiểu mới* mới đúng. Khi tôi đưa nhận xét này ra trong bàn nhậu với bạn bè, thì một bạn cựu cán bộ trung cấp của Mặt Trận Nguyễn Hữu Thọ cũ đã dằn giọng: "Anh nói cái gì vậy! Phải gọi là một chế độ của Mafia da vàng mới đúng..." Sau đó chúng tôi đã bàn tiếp về quá trình Sicily hóa Việt Nam đang được diễn ra. Với mấy ngàn tài phiệt Đỏ mang thẻ đảng ấy, đất nước sẽ đi về đâu? Tên của một vài "Bố Già", Godfather, đã được mấy bạn ấy đưa ra. Thí dụ một Bố Già có chân trong Trung Ương Đảng đã có ba khách khách sạn loại lớn tại Sài Gòn và ba cái nữa tại Vũng Tàu chẳng hạn.

Đi lang thang nhiều nơi chốn khác nhau, tôi đã thấy rõ nếp sống của gia đình những Bố Già này. Họ sống như những đại gia giàu có của Tây Phương vậy. Nhất là vợ con họ, thậm chí đến việc giáo dục cũng thế: con cái họ đang chỉ mơ ước đi du học ở Mỹ thôi - và họ đang lobby rất dữ để chính quyền Hoa Kỳ cho phép gởi con tới Mỹ học theo chế độ du học tự túc. Họ đã có tiền lệ: con của một phó thủ tướng đã đang theo học ở một đại học miền Đông Hoa Kỳ. Họ đã có luật lệ cho phép: Hội đồng Bộ Trưởng vừa ban hành trong tháng 8,92 một quyết định cho phép sinh viên được tự túc du học tại bất cứ nơi nào, tại bất kể nước Tây Phương nào. Con số đang chờ du học Mỹ này, theo nguồn tin riêng của tôi, không phải tính hàng trăm, mà phải tính bằng đơn vị chục ngàn trở lên.

Phía các đại học Mỹ thì không có gì phản đối việc tiếp nhận những sinh viên Việt Nam tự túc du học, đóng toàn bộ tuition and fees theo chế độ non-resident rất là cao, đính kèm vé máy bay khứ hồi. Dĩ nhiên với điều kiện phải để họ cử giáo sư tuyển sinh về tận Sài Gòn, Hà Nội coi và chấm thi TOEFL cùng các placement test khác. Nếu chính quyền Mỹ bật đèn xanh cho chuyện du học này thì cộng đồng hải ngoại nên chuẩn bị sẵn tinh thần đón khoảng 40,000 cô cậu trong từ ba đến năm năm tới.

Nói tóm tắt, về kinh tế, Việt Nam đã theo một diễn biến không giống lắm những gì xảy ra ở Russia. Yếu tố tư bản đỏ, sự hiện diện của vài ngàn tài phiệt đỏ, sẽ có tác động thế nào vào đất nước, vào chính trị và thể chế của Việt Nam tương lai, vẫn còn nhiều nghiên cứu kỹ càng hơn mới có thể kết luận

được.

*Chúng ta đi đã tạm đủ vào địa hạt kinh tế. Đổi đề tài, xin anh cho độc giả Hợp Lưu biết giới nghệ sĩ trong nước nghĩ gì về giới văn nghệ hải ngoại? Họ có nghĩ đến vấn đề giao lưu văn hóa. Và những tờ báo nào của hải ngoại được trong nước chú ý?*

Hàng rào bế quan tỏa cảng về văn hóa của công an Việt Nam khá chặt chẽ. Số lượng sách báo hải ngoại về nước rất ít. Ngoại trừ những tờ báo của các nhóm văn hóa đặt trọng tâm vào việc tác động vào nội địa. Thí dụ như *Diễn Đàn* ở Paris và *Hợp Lưu* của các anh, các anh đã cố gắng đưa báo nhập nội, dĩ nhiên các anh đã thành công - dù tương đối. Một số trí thức và nhà văn nhà báo nội địa tôi gặp gỡ đã nói họ có được đọc hai tờ tạp chí trên.

Trong bài trao đổi với tạp chí *Văn Học* (Cali), tôi đã trình bày về đề tài này rồi. Vậy xin tóm tắt: Giới nghệ sĩ trong nước rất mong muốn được biết giới văn nghệ hải ngoại và khao khát được trao đổi văn hóa với thế giới bên ngoài. Thậm chí những gossip tào lao của hải ngoại cũng được nhắc tới tại nội địa. Có những chuyện họ biết đúng thí dụ tôi bị 19 hội đoàn chụp nón cối, phỉ báng mạ lỵ, đe dọa. Nhưng cũng có những chuyện tôi phải đính chính tưng bừng, thí dụ bà con anh em trước khi tôi về đang kháo nhau là vợ chồng Thế Uyên đã bỏ nhau!

Nói vậy chứ báo chí nội địa, nhất là Sài Gòn, bây giờ đã đăng tin tức về thế giới Tây Phương thoải mái hơn xưa. Ông Perot vừa loan báo rút lui không tranh cử tổng thống nữa, báo chí Việt đã tường thuật liền. Hạm đội Biển Đen rao bán bốn tàu ngầm nguyên tử có thể biến cải thành trung tâm phát điện, rao bán chiến xa và phi cơ... đều được đăng ngay với giá cả rõ ràng. Cũng cần nói thêm là một sạp báo trước tòa Đô Chánh cũ, cùng phía với *Queen Bee*, đã bày bán đủ loại *Time, Newsweek và Paris Match.*

*Có* Playboy *chứ?*

Chưa thấy. Nhưng với cái đà kinh tế thị trường này, chắc cũng phải có thôi. Từ lâu, Bắc Kinh, Quảng Châu đã có bán Playboy ấn bản Hoa ngữ... Nói tiếu lâm một chút, Việt Nam chỉ thoát khỏi bế môn tỏa cảng văn hóa ngày nào các bạn bè tôi ở Sài Gòn được đọc các báo *Ong Bướm, Gia Đình*, và các truyện như *Nhục Bồ Đoàn, Qua Khe Hở* hay *Share Phòng Share Tình, Út Lượm...*

Trong khi chờ đợi tới ngày ấy, dân Sài Gòn cũng tương đối thoải mái trong các bộ môn nghệ thuật tạo hình. Họa sĩ Hà Nội cũng như Sài Gòn vẽ khá nhiều tranh khỏa thân. Trong bộ môn điêu khắc cũng vậy. Hiện nay có ba thứ tượng được tạc nhiều để bán: đó là tượng Chúa, tượng Phật và tượng người nữ khỏa thân. Riêng loại tượng thứ ba, đã có một điêu khắc gia, có vẻ là tổ hợp thì đúng hơn, mở một cửa hàng trưng bày khá lớn ngay trên đường Pasteur, không xa dinh Độc Lập cũ cho lắm. Nhiều tượng khá đẹp và giá cả

cũng không quá đáng.

*Theo anh, người dân đang suy nghĩ thế nào, ước muốn ra sao về tương lai? Đặc biệt là quan hệ với Hoa Kỳ, các vấn đề như cấm vận, bang giao...?*

Dân Việt Nam cả hai miền đều mong muốn người Mỹ trở lại, đều mong muốn có bang giao chính thức. Trên báo chí bộc lộ công khai ước muốn Mỹ chấm dứt cấm vận. Ít có báo nào dù trực tiếp hay gián tiếp chống lại Mỹ nữa. Trong địa hạt tranh biếm họa cũng vậy, nếu có thì cũng là loại tranh vui như báo Mỹ thường có thôi. Theo tôi biết, ở Sài Gòn, chỉ trong các văn phòng của Ban Quản Lý Người Nước Ngoài mới có khẩu hiệu chống lại người ngoại quốc thôi, thí dụ khẩu hiệu: "Mỗi một người ngoại quốc là một kẻ thù tiềm ẩn của nhân dân".

Có thể nói tóm tắt ở Việt Nam lúc này, kể cả ở Hà Nội, anh là người Mỹ, anh sẽ được mọi người, từ viên chức đến nhân dân, cười với anh. Chỉ có một thành phần không cau có nhăm mặt: công an.

Còn người dân ước muốn thế nào về tương lai thì khó trả lời vì câu hỏi này rộng quá. Công an thì muốn bế quan tỏa cảng, duy trì chuyên chính vô sản như cũ, hai ba ngàn tài phiệt đỏ thì mong mình giàu có hơn nữa, con du học Mỹ, và bản thân mình vẫn cứ giữ được thẻ đảng viên hợp lệ. Lớp trẻ thì không tin tưởng gì nữa ở chủ nghĩa Mác Lênin và cũng chưa có gì mới để tin, nên chỉ lo kiếm sống rồi nhậu nhẹt vui chơi. Đại đa số dân bần hàn đầu tắt mặt tối chỉ cầu mong kiếp sống của mình có đủ cơm ăn áo mặc. Không khí chung rất là "hiện sinh", theo khẩu hiệu "sống trước đã"... Cơm áo và cơm áo, tiền bạc, bia rượu và da thịt đàn bà, cơm và thịt cá, đè nặng lên cả nước. Nói chung là dân cứ lo sống, mặc kệ Đảng, coi như không có Đảng, và cũng chẳng quan tâm đến vấn đề lật đổ Đảng.

*Có nhiều khoảng cách giữa văn nghệ sĩ, ngoài Bắc trong Nam, giới công thần như Tố Hữu và giới bị lãnh đạm như Văn Cao, thế hệ trưởng thành trong chiến tranh và thế hệ trẻ trưởng thành sau 75, giữa trong nước, ngoài nước? Những mâu thuẫn đó ảnh hưởng thế nào trong sáng tác và tương lai văn học?*

Cách anh đặt câu hỏi liên hoàn như thế làm sao tôi trả lời nổi đây. Một phần câu hỏi trên tôi đã viết ra trong bài trao đổi với tạp chí *Văn Học* (cali). Chỉ xin giải đáp thêm một chút là khoảng cách giữa các văn nghệ sĩ ngoài Bắc và trong Nam đã giảm xuống. Nhất là giữa thành phần văn nghệ sĩ đã phát động và tham gia vào thời kỳ văn học phản kháng vừa qua. Thành phần này, bất kể gốc gì, chơi với nhau thoải mái, làm chung mọi sự vui vẻ. Tôi có mời một vài bữa ăn chung thì sau đó giáo sư John Schafer, trưởng phái đoàn của tôi, phải nhận xét: "Tôi thật ngạc nmhiên khi thấy các anh ngồi cụng ly với nhau vui vẻ khi hồi trước 75 các anh đứng ở những phe đối nghịch máu lửa với nhau..."

Giáo sư John đã nhận xét đúng. Quanh bàn có tôi thuộc quân lực VNCH

cũ, có cựu cấp tá của MTGPMN và dĩ nhiên không thiếu vài ông cựu cấp úy của quân lực chính qui miền Bắc. Tôi cắt nghĩa hiện tượng bằng một lý do giản dị: chúng tôi đã từng và còn là nhà văn. Chúng tôi đang nghĩ đến việc làm cho dân tộc chúng tôi khá hơn. Do đó có thể quên quá khứ để làm việc chung cho tương lai, dù điều đó không phải lúc nào cũng dễ dàng.

Về truyện các công thần văn nghệ thì cũng đã có điều ngộ nghĩnh. Thí dụ như một Hoài Thanh suốt đời theo Đảng đến độ phủ nhận tác phẩm biên khảo duy nhất của đời mình là *Thi Nhân Việt Nam*. Sau khi ông chết đi, tạp chí Văn Học Hà Nội kiếm và đăng lên di cảo của Hoài Thanh, trong đó ông này đã tỏ ra bất đồng với Đảng hơi nhiều, chỉ có điều vì "biết sợ để sống còn" như Nguyễn Tuân đã nói nên không công bố ra mà thôi. Sau khi ông chết một thời gian, Hà Nội cho tái bản chính cuốn biên khảo mà tác giả khi còn sống, dưới áp lực của Đảng và Công An, đã phải lên tiếng từ bỏ. Báo *Văn Học* Hà Nội đã ngậm ngùi: Phải chi Hoài Thanh sống thêm được vài năm nữa thôi, ông đã được chứng kiến tác phẩm tâm đắc nhất của mình được phục hồi!

Trước khi tôi về Mỹ, bà con đang truyền tụng (truyền khẩu và truyền tay) bài thơ cuối cùng để trong di cảo của Chế Lan Viên - một nhà thơ đỏ tối đa, có kém chỉ kém Tố Hữu. Bạn bè có đọc cho tôi nghe một đoạn, nhưng trong men bia ồn ào của bàn nhậu, tôi chỉ nhớ được Chế Lan Viên than thở rằng xưa kia lúc ông cười thì tại người ta bắt ông phải cười, bắt ông ca tụng thì phải ca tụng thôi. Chẳng qua không làm không được...

*Tóm lại, giới văn nghệ sĩ trong nước đón tiếp anh vui vẻ và thân hữu?*

Đúng vậy. Dù tôi ở Sài Gòn, Huế hay Hà Nội, kể cả giới trí thức biên khảo nữa. Và cũng được báo chí quan tâm. Ba tờ báo ở Sài Gòn đến phỏng vấn nhưng tôi đều xin chối từ. Lý do rất giản dị: trước khi về nước tôi đã biết rõ là phe giáo điều bảo thủ đang nắm giữ ngành công an, không ưa gì tôi. Tôi mà ồn lên, tỏ ra có quan trọng, có ảnh hưởng nào đó, thì con đường về Mỹ sẽ chông gai ngay. Hơn nữa, giả thử tôi nhận cho phỏng vấn và ba bài ấy đăng lên, với lối nói ngay thẳng của tôi, thì không những công an nội địa không bằng lòng, mà phe hội đoàn chống cộng cực đoan hải ngoại cũng sẽ ầm ỉ. Những ồn ào kiểu đó để làm gì, ích gì cho ai, nên tôi tránh. Hơn nữa tôi còn là một thành viên của phái đoàn sưu khảo văn học Mỹ, tôi còn có trách nhiệm với phía bên này nữa. Nên phải tự chế trong một số địa hạt.

*Văn nghệ sĩ hải ngoại có thể đóng góp gì để dân chủ hóa Việt Nam không?*

Điều đầu tiên văn nghệ sĩ hải ngoại phải chấp nhận sự thực hiển nhiên trước đã: chúng ta có viết một nghìn bài thơ chửi cộng sản, viết một trăm cuốn sách tố cộng, thì cũng chỉ cho độc giả hải ngoại đọc với nhau mà thôi. Mà đa số độc giả hải ngoại, ít hay nhiều , đều là nạn nhân trực tiếp hay gián tiếp của CSVN cả, họ đều không ít thì nhiều không ưa gì cái đảng và chế độ

ấy. Vậy chống cộng kiểu này phí sức như đẩy một cánh cửa đã mở sẵn. Cũng như thượng cờ vàng ba sọc đỏ hay mặc quân phục cũ đi diễn hành trên các đường phố an bình Mỹ, Canada, chẳng qua cũng để cho vui lòng mấy ông già cựu quân nhân, và tăng tiết mục nhiều màu sắc cho những buổi lễ lạc của người Việt hải ngoại mà thôi. Chẳng có một tác động nào trong nội địa cả.

Bởi thế tôi nghĩ văn nghệ sĩ hải ngoại đã đến lúc nên quan tâm đến việc đưa tác phẩm của mình vào nội địa. Làm thế nào đưa được sách báo vượt qua hàng rào phong tỏa của công an Việt Nam, thì tùy mỗi người. Truyền bá đề cao tự do bằng văn hóa văn nghệ lúc này vẫn là cần thiết cho khá nhiều ngưmời Việt hải ngoại, nhưng nội địa lại cần trăm lần hơn. Trong chiều hướng này, những nỗ lực như của Hợp Lưu, Diễn Đàn... và gần đây Thế Kỷ 21, là có lý, là thực tế thôi.

*Buổi nói chuyện đã khá dài. Anh còn điều gì muốn nói thêm với độc giả* Hợp Lưu *nữa không?*

Có chứ. Do may mắn được đi nhiều, tôi thấy trong nước cũng như hải ngoại có chung một nhược điểm: thích nói những điều mà thực lòng mình không tin, thích sống trong những giấc mơ hoang đường về kinh tế cũng như chính trị. Và nhất là gồng mình lên gân đóng những vai trò anh hùng liệt nữ kiểu cũ cũng như mới. Trong nước đã có quá nhiều phát ngôn đao to búa lớn từ mấy chục năm nay về lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Hải ngoại không hề kém. Thậm chí đến những lớp sĩ quan già yếu mới sang cũng hay tuyên bố là ra đi để tìm đường cứu nước, tiêu diệt Cộng sản...

Tại sao chúng ta không ngay thẳng hơn, ngay thẳng với bản thân mình cũng như với mọi người. Tuyên bố như tôi đã từng làm thì có xấu đâu. “Tôi rời quê hương cũ để đi tìm tự do và cơm no áo ấm, tìm sự an toàn cho bản thân và tương lai cho con cháu...” Không việc gì phải gồng lên đóng vai Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Ngô Chí Sĩ... Gồng lên như thế coi bộ oai phong đấy, nhưng nói chung dân đâu có tin, và như vậy kết quả còn tệ hại hơn!

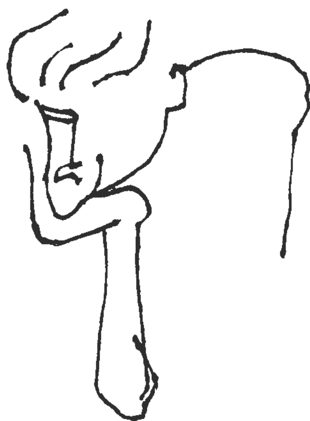
Nói một cách giản dị, muốn giải quyết mọi vấn đề Việt Nam hải ngoại cũng như nội địa, khởi điểm tốt nhất vẫn là sự chân thực trước đã. Có nhận thức tối thiểu rồi mới có thể có đối thoại với người khác - từ đó mới mong tiến tới thỏa hiệp và làm việc chung về bất cứ điều gì.

*Thay mặt độc giả, cảm ơn anh.*

PHAN TẤN HẢI *thực hiện.*
*(Tháng 9, 1992)*



# vấn đề của chúng ta



*Hơn năm qua, Hợp Lưu tình nguyện làm một "cây cầu giữa trong và ngoài", dù biết: "thân phận cây cầu là ngửa lưng cho kẻ khác giẫm lên mà đi". Mượn lời nhà phê bình Đặng Tiến, không phải để ta thán, trái lại, đó là niềm hãnh diện của tất cả anh chị em chủ trương: chúng tôi chỉ mong, qua nhịp cầu này, sẽ không lâu nữa, con đường từ những trái tim đến những trái tim, sẽ ngắn lại, để mọi thành tựu, trên mọi lãnh vực, có cơ hội qui về một mối: tổ quốc Việt Nam. Hợp Lưu nghĩ rằng đó là giải pháp duy nhất - và không còn giải pháp nào khác - cho tương lai đất nước. Thúc đẩy bởi thao thức ấy, từ số này, Hợp Lưu gởi đến độc giả - nhất là độc giả quốc nội - mỗi kỳ một vấn đề trực tiếp quan hệ đến chúng ta. Rất mong anh chị em văn nghệ sĩ, các vị thức giả cũng như bạn đọc, hãy tiếp tay Hợp Lưu, đóng góp những thành tựu chuyên môn mà quý vị đã thủ đắc qua quá trình đầu tư, nghiền ngẫm, nghiên cứu. Những đóng góp như thế, chắc chắn sẽ là những thông tin tốt, thúc đẩy vận trình chuyển hóa tại quê nhà tiến triển thuận lợi hơn.*

*Số này, Hợp Lưu giới thiệu bản lược dịch "Nước Nga: Trên Đường Đi Tìm Bản Thể" của Carey Goldeberg, đăng trên tờ Los Angeles Times ngày 22 tháng 9, 1992. Tuy chỉ là "vấn đề của nước Nga", nhưng từ bài viết này, không thể không liên tưởng một Việt Nam tương lai, khi mà chế độ Cộng Sản suy tàn: liệu chúng ta có bị rơi vào thực trạng bơ vơ mất phương hướng như người dân Nga hiện tại hay không? Câu hỏi là một gợi ý, Hợp Lưu mong mọi người cùng suy nghĩ, hầu tìm ra một hướng đi, phù hợp với tình hình chung của đất nước.*

**Hợp Lưu**

## NƯỚC NGA:
## TRÊN ĐƯỜNG ĐI TÌM MỘT BẢN THỂ

...

Tại một quán rượu nằm ở phố Ring Roat, trung tâm thủ đô Moscow, nơi qui tụ hàng ngày rất nhiều người thuộc nhiều thành phần xã hội khác nhau,

đến uống bia giải sầu và tán gẫu chuyện đời. Đặc biệt, đề tài họ đề cập và tranh luận nhiều nhất, đôi khi rất sôi nổi, là đời sống hiện tại đầy khó khăn, không lối thoát, sau hai năm giã từ chủ nghĩa Cộng Sản.

Antony Kuzovlev, kỹ sư hàng không, tay cầm ly bia, tay kia đầy dầu mỡ, chỉ vào đống xương cá khô không còn dính một chút thịt trước mặt, nói: "Đây là tất cả những gì còn lại để chúng ta tin tưởng: Rượu bia và cá muối". Segci Gasachinsky, 47 tuổi, giám thị xí nghiệp, cảm thấy như mất định hướng, nói: "Chúng ta chưa hình dung được nước Nga có ý nghĩa gì? Cái thời kỳ có ý nghĩa đã bị hủy diệt rồi, không còn để lại dấu vết nào cả. Và muốn khôi phục nó, là điều không thể được. Như vậy *chúng ta là cái gì đây?"*

Rất nhiều dân tộc cảm thấy hạnh phúc mà không cần đến một lý tưởng vĩ đại về bản thể của họ. Nhưng nhà sử học Elena Vysochina cho rằng: "Đó là sự bức thiết, khẩn yếu đối với người Nga. Ngay cả lúc say sưa, họ cũng nói đến ý nghĩa của cuộc sống. Đây là một loại lý tưởng có tính tôn giáo, và nếu anh là người Nga, anh phải là một cái gì đặc biệt."

Từ những quán rượu cho đến các văn phòng trong điện Kremlin, từ những toà báo cho đến các rạp chiếu bóng, rạp hát và các viện nghiên cứu, thường dấy lên những cuộc thảo luận về triết lý: nước Nga đang đi tìm một lý tưởng mới cho riêng họ, một lý tưởng mới biến nước Nga trở thành đặc biệt và có thể tồn tại như một dân tộc.

Trong các buổi tranh luận sôi nổi, đôi khi to tiếng tưởng đi đến va chạm, những nhà tư tưởng đối nghịch nhau đã lớn tiếng khẳng định rằng họ đã nắm được chiếc chìa khóa sự thật cho bản thể mới của nước Nga: là một thể chế dân chủ theo kiểu Tây Phương, với sự huyền bí của Đông Phương. Cũng có thể đây là sự quay về với quá khứ, hoặc là bước nhảy vọt vào thế kỷ 21...

Đề tài thảo luận thường mở rộng trên rất nhiều lãnh vực:

- Bản quốc ca của Nga còn thiếu những vần điệu tình tứ. Chưa ấn định rõ ràng khi nào làm lễ kỷ niệm ngày lập quốc. Ngay cả cái tên chính thức của quốc gia, đã được quốc hội chấp thuận, cũng chưa dứt khoát được gọi như thế nào: Liên Bang Nga hay Nga trống không?

Một giáo sư Triết, đang làm việc dưới quyền của Tổng Thống Boris Yeltsin - giáo sư Igor Shamshchev - nói rằng: "Chúng ta đã rơi vào một khoảng trống ý thức hệ vô cùng sâu thẳm. Sự sụp đổ của đế quốc Liên Xô đến cùng lúc với sự sụp đổ ý thức hệ Cộng Sản, và sụp đổ luôn điểm tựa để sống đối với tất cả những người đã từng tin tưởng vào nó. Toàn bộ cơ sở tinh thần từng xây dựng từ bao nhiêu năm qua bỗng chốc bị hủy diệt. Thay vào đó, thực tế không có gì cả!"

Chính phủ của ông Yeltsin, đặt nặng tinh thần ái quốc cực đoan, từ lâu đã quên đi nhu cầu cần tạo một lý tưởng mới cho dân tộc Nga, trong lúc ông triệt để bác bỏ bất cứ cái gì có chút vướng mắc đến ý thức hệ Cộng sản. Hình như ông không muốn nhắc lại những thập niên bị áp chế bởi chủ nghĩa này.

Chỉ có một cố vấn của Tổng Thống Yeltsin, ông Sergei Stankeich, vào

mùa xuân rồi, đã lên tiếng kêu gọi trong một bài viết: "Cần phải hình thành tức khắc một lý tưởng cho nước Nga, có thể ứng dụng hài hòa giữa truyền thống, ý thức, và tự do". Ông viết tiếp: "Chúng ta đã tự giải thoát được, nhưng trước nhất và ưu tiên nhất, chúng ta phải từ bỏ ngay tâm tính dã man, từ bỏ ngay tâm trạng trống rỗng và từ ngay bỏ mọi tính xấu. Không có một lý tưởng vĩ đại, không còn nỗi sợ hãi cùm sắt của chế độ, không có đấng tối cao trong tâm hồn... Tất cả những cái đó dễ dàng cho chúng ta cảm tưởng mọi thứ đều được phép."

"Và smuta bắt đầu", ông viết như vậy. Chữ smuta, theo ngôn ngữ Nga, có nghĩa nói về thời kỳ thuộc thế kỷ 17. Thời của những cuộc nổi loạn, ngoại bang can thiệp, giành giựt ngôi vua. Tình trạng vô chính phủ đó chỉ chấm dứt với sự đăng quang của triều đại Romanov.

Vào những tuần lễ gần đây, chính phủ Yeltsin đã khởi đầu thay đổi chiến lược. Chính Tổng Thống Yeltsin đưa ra lời bình luận: "Đây là một quốc gia chứa đầy ngạc nhiên. Không một ai khác trên thế giới hiểu được dân tộc này. Bao lâu mà công dân chúng tôi còn tin tưởng vào điều gì, họ sẽ không bao giờ thay đổi".

Nhưng có hơi trễ một chút. Trận chiến về lý tưởng đang diễn ra hàng ngày trên các mặt báo, trên các tập san của giới trí thức, và lộ liễu nhất là trong giới chính trị.

Về phía trận tuyến phòng vệ, ông Yeltsin đang tranh đấu để bác bỏ các lý luận của cánh hữu mới gồm các thành phần dân tộc quá khích, đồng thời cũng chống lại chủ nghĩa Cộng Sản cũ vẫn còn đang quyến rũ nhiều người Nga.

Một số người mô tả cuộc xung đột trí thức này như cuộc tranh đua giữa thành phần theo chủ nghĩa dân tộc quá khích và thành phần "vọng ngoại", mang lý tưởng ở ngoài vào. Một số khác, nhắc lại các cuộc bút chiến về Triết học ở Nga vào thế kỷ 19, nhìn sự phân hóa hiện nay như giữa những người Slavophiles - người Nga chính thống, có tinh thần tín ngưỡng sâu đậm và bảo thủ - với những người duy lý thân Tây Phương.

*

Rất nhiều lý luận tập trung vào các vấn đề trừu tượng "thực sự không bao giờ có thể giải đáp được", ông Alexei Salmin, người phụ trách giám-sát-viện-dự tri-chính-trị thuộc tổ chức Gorbachev, một viện tư tưởng lớn nhất ở Nga, đã nói như vậy. Ông tiếp: "Nhưng đường hướng quốc gia sẽ được quyết định trong cuộc tranh đấu hiện thời."

Các công tác viên thăm dò dư luận của ông Salmin mô tả một dân tộc bị chia rẽ, về cái có thể là những nguyên tắc chỉ đạo: một phần tư ủng hộ sự kiểm soát của Cộng sản kiểu cũ, một phần tư ủng hộ chủ nghĩa tư bản trọn vẹn và phân nửa còn lại đứng ở giữa. Lối 10% người Nga chọn chủ nghĩa dân

tộc cực đoan, cùng một tỷ lệ với Âu châu, theo ông Salmin.

Giáo sư Triết Shamshchev và các đồng nghiệp của ông tại điện Kremlin trù liệu sẽ thắng các đồng hương về khái niệm một nước Nga như là một xã hội tự do, dân chủ, khai phóng, một xã hội khuyến khích mỗi thành viên thực thi hết tiềm năng của mình.

Tín điều của người Cộng Sản cũ xoay quanh lý tưởng tạo ra một thiên đường không tưởng, nơi đó không có tài sản tư riêng, và không có người nghèo, và mọi người đều được bình đẳng hoàn toàn , làm việc hết sức cho tập thể.

Nhưng vẫn theo giáo sư Shamshchev, niềm tin mới có thể đi theo hướng này: “Chế độc cũ bảo *đừng đứng ở ngoài*. Chúng tôi nói: Hãy trưng ra những khả năng mà thượng đế và thiên nhiên ban cho anh. Hãy đưa ra sáng kiến đi... hãy tự làm chủ lấy mình. Đừng nói láo, làm việc cho thực tế, đừng ăn cắp, vì bây giờ các anh chỉ ăn cắp của chính mình hoặc của một số sở hữu chủ khác, không còn của cải vô chủ nữa. Hãy tử tế với những người thân của anh, và hãy chăm sóc người già cả, người bệnh hoạn, nghèo khổ. Hãy cố gắng học hỏi, vì bây giờ các anh đang sống bằng khối óc riêng của các anh”.

Trên phạm vi rộng lớn hơn, chính phủ Yeltsin đề nghị giữ lại toàn bộ khối dân tộc bằng đồng thuận hơn là bằng vũ lực, và bảo vệ 20 triệu kiều dân Nga đang sống ở các Cộng Hoà Liên Xô cũ, bằng cách áp dụng luật lệ quốc tế nhân quyền, chứ không bằng súng đạn.

Giáo sư Shamshchev nói tiếp: “Sự khôn khéo là nắm lấy những truyền thống của dân tộc Nga, bao gồm các khuynh hướng chỉ nhìn thấy họ như một thành phần của một gia đình rộng lớn, được chăm sóc một cách chặt chẽ, thay vì như một thị trường năng động, tự do, và phối hợp các truyền thống ấy với những giá trị đại chúng trong một xã hội đa chủng mới.

Tất cả các ý kiến nêu trên có thể đáng được hoan nghênh, nhưng cũng sẽ là vị đắng cay hơn với các vị khách hàng thường xuyên của quán rượu nhỏ trên đường Ring Road này. Kỹ sư hàng không Kuzolev mặt hồng hào lên vì hơi men, phát biểu: “Tất cả đều là lừa bịp”. Ông thợ hàn Valery chêm vào: “Chính phủ đang thuyết giáo trước mặt chúng tôi, nhưng lại không thực hiện những lời hứa”. Kỹ sư Kuzolev tiếp theo: “Họ bảo *hãy khởi xướng đi*, nhưng không đưa ra một căn bản nào. Họ bảo chúng ta sẽ trở nên giàu có, nhưng chúng ta không là những người biết tráo trở. Bất cứ ai đã nghèo sẽ nghèo mãn kiếp”.

Đó là phản ứng tiêu biểu của quần chúng Nga, theo nhận định của ông Alexander Dugin, một tư tưởng gia tên tuổi đang viết bài cho DEN (có nghĩa là day: ban ngày). Ông Dugin lập luận rằng những tư tưởng như loại ông Yeltsin, có vẻ ve vãn quyền hạn của cá nhân, tư tưởng hợp lý và tự do kinh tế sẽ không bao giờ thành công: “Chúng tôi có thể chấp nhận bất cứ điều gì trừ cái đó. Bất cứ điều gì có nghĩa là: độc tài cánh hữu, độc tài cánh tả, chủ trương tập thể, chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa cộng sản, Stalinit, dân chủ dân

tộc... Bất cứ thứ gì, chỉ không là cái đó".

*

Ông Dugin mô tả Tổng Thống Yeltsin như một nhà "tư tưởng nhảy dù": một người đã nhảy dù xuống một vùng đất xa lạ với quyết tâm thuộc địa hóa tất cả những người sinh quán ở đó, và thay đổi mọi niềm tin ở họ. Ông Dugin nói: "Cùng với toán nhảy dù của ông ta, Yeltsin đang chiến đấu chống lại lịch sử của nhân dân Nga, giáo hội Nga, và chống lại tất cả mô hình đời sống xã hội cùng tín ngưỡng trên lục địa này."

Đề nghị mà ông Dugin và rất nhiều người thuộc khuynh hướng dân tộc Nga mới đưa ra, là một pha trộn đặt nặng trên lý tưởng cho rằng dân tộc Nga khác biệt sâu sắc với các dân tộc láng giềng và lục địa Âu-Á này, có nghĩa là cân bằng và cạnh tranh với Mỹ châu trong khung cảnh thế giới về mọi mặt.

Ông Dugin nói: "Người Nga tin rằng họ có nhiệm vụ", ý ông muốn nhắc lại những tín điều ở thế kỷ thứ 19 cho rằng nước Nga sẽ trở thành một "La Mã thứ ba", một trung tâm tiếp nối của thế giới Thiên Chúa Giáo sau La Mã và Byzantium. Ông Dugin kết luận: "Anh không thể nào thuyết phục được họ tin tưởng ngược lại".

Đối với ông Dugin và những người chủ trương dân tộc quá khích, nước Nga sẽ cống hiến cho thế giới một lối sống đạo đức hơn, duy tâm hơn, có lẽ đối nghịch với ý thức hệ của Hoa Kỳ cũng như chủ nghĩa Cộng sản Liên Xô. Ông cho rằng người Nga thích tính tập thể hơn là cá nhân, họ cảm thấy gần gũi với sự "vô thức phi lý" (irrational unconscious) hơn là tư tưởng thuận lý; Họ lưu ý đến những nguyên tắc chính trị hơn là thành công về kinh tế. Ông Dugin tiếp: "Họ bác bỏ ý nghĩ cho rằng người giàu có thể giữ sự giàu có nhờ bóc lột người nghèo. Chúng tôi có thể ôm lấy "Chủ nghĩa Bolshevik, thực hiện các ngục tù (gulag), khủng bố, nhưng không để người giàu làm hại người nghèo. Chúng tôi không muốn giàu, chúng tôi muốn sự thật".

Ông Surgei Kurginyan, một nhà khoa học chính trị hữu phái và là một nhà báo, nhận xét rằng Nga vẫn còn muốn tranh đua với Hoa Kỳ trong việc ai sẽ giám sát thế giới khi cùng với nhau tiên đoán về một trái đất thống nhất ở thế kỷ 21. ông Kurginyan nói: "Nga không thể là cái gì cả, nhưng là một cường quốc. Câu hỏi duy nhất ở đây là loại vĩ đại nào chúng tôi đang nói đến? Có sự vĩ đại của một con voi, có sự vĩ đại của con cọp và sự vĩ đại của con rắn hổ mang. Và thay đổi mô thức của sự vĩ đại có thể là một sự việc thực sự khủng khiếp".

*

Những người chủ trương dân tộc cực đoan có khuynh hướng nghiêng về những dự đoán nói trên, có khi đi xa hơn nữa, như lời cảnh cáo của ông Dugin: "Nga sẽ, hoặc tự sắp xếp vào trong một ý thức hệ thực sự, hoặc lao

đầu vào một sa mạc nguyên tử". Những chính trị gia theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan thường lên tiếng lo sợ rằng ông Yeltsin đang lèo lái đất nước vào sự xáo trộn và nội chiến. Họ kêu gọi sự can thiệp của quân đội để bảo vệ dân tộc Nga đang bị đe dọa bởi ngoại bang.

Trong niềm ghê tởm đối với sự tàn nhẫn của chủ nghĩa tư bản và sự hỗn loạn của những chính sách đổi mới của ông Yeltsin, các người theo chủ nghĩa dân tộc quá khích và các đảng viên Cộng Sản cứng rắn còn sót lại tự thấy họ trở thành đồng minh tự nhiên của nhau, thường đến với nhau trong cái mà những người đối lập với họ chế nhạo là "Liên minh đỏ-nâu".

Viễn kiến của họ về tương lai của nước Nga vẫn khác biệt. Tuy vậy, người Cộng Sản vẫn còn nhấn mạnh đến giấc mơ xưa cũ của họ về một xã hội không giai cấp, trong khi người theo chủ nghĩa xã hội cực đoan có nhiều tin tưởng hơn về một nước Nga quay trở lại những ngày trước cách mạng Bolshevik.

Người theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan dùng quá khứ như một vũ khí vững chắc, có khuynh hướng viết lại lịch sử đã làm nước Nga dưới chế độ Nga hoàng giống như thiên đàng đã mất (lost Eden).

Ong Stanislav Govorukhin, một giám đốc điện ảnh người Nga, nổi danh nhờ những bộ phim màu lên án chế độ Cộng Sản như "Không Có Đường Nào Để Sống", đã xuất hiện với một bộ phim hoàn toàn mới, phối hợp tuyên truyền và tài liệu, nhan đề "Nước Nga Chúng Ta Đã Mất".

Nhà sản xuất phim đang lên này giới thiệu phần mở đầu ảm đảm của bộ phim như sau: "Không có cội nguồn, không có tổ tiên, không có lịch sử và ký ức về cội rễ (genetic memoirs), chúng ta sẽ không bao giờ tìm ra con đường đúng đắn cả. Chúng ta học càng nhiều về đất nước này, càng yêu nó nhiều hơn nữa.

Ông Govorukhin vẽ tiếp một bức tranh đời sống lý tưởng trước cách mạng Bolshevik 1917 ở Nga, với nền phông phía sau là những hình ảnh vui tươi của những công nhân đang mỉm cười, và những bảng kê giá cả mọi thứ thực phẩm rẻ không tưởng tượng được. Nạn mù chữ gần như đã đã được xóa hẳn, và người nông dân sản xuất rất nhiều đến nổi họ có thể nuôi ăn, mặc cho cả châu Âu.

Bây giờ, vì những đổi mới kinh tế đầy đau khổ của ông Yeltsin, Govorukhin cho rằng: "Chiến tranh lại một lần nữa được tuyên chiến với nhân dân Nga. Loại tương lai nào chúng ta có thể có được trong những điều kiện như thế?"

Kỹ sư hàng không Kuzovlev, khách thường trực của quán rượu phố Ring Road nhấn mạnh: "Một tương lai vĩ đại. Tôi tin tưởng nhân dân Nga sẽ quay trở về sự vĩ đại. Không thể có con đường nào khác".

Ông thợ hàn Nikukhin tiếp: "Chúng ta đã dẫn đầu và chúng ta sẽ dẫn đầu".

Ông giám thị xí nghiệp Gosachinski, mặc bộ jean màu xanh, ngồi bàn kế bên, vừa uống hết ly bia, nói lớn lên ý nghĩ của ông ta: "Muốn hiểu được nước

Nga là gì, cần phải qua con đường dài".

Nhưng cuối cùng, những lời giải đáp sẽ đến, ít khi từ các vị triết gia thường hay cãi vả nhau, mà sẽ đến từ những sự thay đổi vô cùng to lớn bên trong mỗi người dân Nga.

Ông giám thị nói tiếp: "Vấn đề chính yếu cho dân tộc Nga là phải tự mình có ý thức hơn, không phải như một khối dân, mà là như một cá nhân, mỗi người trong mọi người. Đó là sự khó khăn to lớn nhất.

CARY GOLBERG
*Los Angeles Times 22.9.1992*
(LAM SƠN *lược dịch*)



**NAM DAO**

# đêm già thăm thẳm

*vạch nét mi cong*
*chiều e ngại*
*Gió bỗng chập chùng*
*mùa xưa*
*Giăng giăng trời hạt mưa sa*
*Ta trở về. Một mình ta,*
*một mình.*

*

*Bãi lau gầy gió dạt*
*Đêm thăm thẳm.*
*Đêm già*
*Một tiếng mõ từ đâu văng vẳng*
*Về ta...*

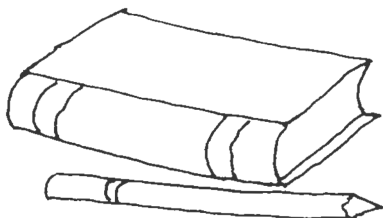
*

*Về với ta*
*Về với ta*
*Để rồi về với bao la một mình*
NAM DAO
8.92



**KIM THI** *phụ trách*

# ngày... tháng...



*Ngày 2 tháng 10, 1992*

Hợp Lưu số 7 vừa phát hành vài ngày, tòa soạn nhận được bản đính chính sau đây của nhà văn Vũ Huy Quang:

**Đính Chính**

*Như các báo đứng đắn, Hợp Lưu cũng tôn-trọng chữ của người viết. Số 7, tháng 10&11, có bài ở số trước chỉ cần sai một từ, cũng đăng đính-chính theo yêu-cầu của tác-giả.*

*Cũng số ấy, ở một bài khác, lại có nhiều lỗi quan trọng do máy Điện-toán gây ra. bài "Trò chuyện với...", do Phạm Việt Cường thực hiện. Đúng hơn, là lỗi của máy Điện-toán cổ hủ mà người được phỏng vấn sử dụng để viết trả lời các câu hỏi.*

*Người được "Trò chuyện", là tôi, đã trả lời, lại cẩn-thận viết ra bằng máy Điện-toán cá nhân để đáp những câu hỏi. Sau đó đưa cho Hợp Lưu đánh máy lại nguyên văn - cho hợp với khổ chữ của tờ báo. Tuy có sự phối-hợp, hội ý của người hỏi và người đáp, từ cách phối-cú (rephrasing), lọc-chữ (rewording), tưởng đã kỹ lưỡng... Thế mà có những từ không có trong câu trả lời nguyên tác:* **Bản in trên báo không đúng nguyên văn lời phát biểu.**

*Mỗi lần gặp câu nói "Bỏ Chống cộng đi", đều bị sửa trên báo thành "Bỏ Chống Cộng cực đoan đi"; hay thành "Bỏ chống Cộng cuồng tín đi".*

*(Ai cũng biết, khi chêm-từ vào, ý-nghĩa bao giờ cũng khác hẳn nghĩa nguyên-thủy. Chẳng hạn, hai câu "Bỏ uống rượu đi" và "Bỏ uống rượu mạnh đi", khác hẳn nhau).*

*Mười ngày suy-nghĩ nát óc tìm nguyên-do, tôi đành cho là chỉ vì là bộ Điện-toán chữ Việt của tôi trong Phần Mềm (software), hễ khi nào gặp câu "Bỏ Chống Cộng", nó tự động dùng phép chêm-từ, sửa thành "Bỏ Chống Cộng cực đoan", hoặc thành "Bỏ Chống Cộng cuồng tín"... chứ không chịu để yên. Hẳn là người thảo-chương-viên máy Điện-toán* - programmer *của cái* hard disk -

*với quan điểm chính-trị từ hai, ba mươi năm trước, nhất-định không chịu* program *câu* **Bỏ Chống Cộng** *một cách chơ vơ... trong tiếng Việt! Mới nên nông nỗi! Cả đời mới được* trò chuyện *một lần trên báo-chí-hải-ngoại, thế mà đã bị diễn tả sai tư-tưởng - dù tôi hết dạ phát biểu. Thật là tiếc.*

*Về đất nước, không những nói, mà đến viết (bằng* computer*)... lúc nào cũng gặp khó-khăn. Hẳn tại dàn máy của tôi cũ quá, nên NÓ bảo thủ.*

*Trân-trọng cáo lỗi cùng độc-giả.*

*T.B. - Rút kinh-nghiệm, lần tới nếu được hỏi chuyện, khi trả lời tôi sẽ viết tay. Như vậy máy Điện-toán không chêm (tmesis) được vào lời phát biểu của tôi nữa. Hi vọng thế hệ mới* next generation, *Điện-toán sẽ cấp-tiến hơn bây giờ.*

*Trân-trọng cám ơn tòa soạn,*

*Vũ Huy Quang kính cáo.*

Lẽ ra đính chính này sẽ đăng ở một vị trí khác, nhưng anh chàng đả tự viên của *Hợp Lưu* cương quyết đến hơi thở cuối cùng: thà bị *lay-off,* nhất định không dám đánh máy bản văn trên. Hỏi tại sao, hắn ta thở dài: "Anh xem, gạch nối, chữ nghiêng, chữ đứng, chữ thường, chữ hoa, chữ đậm, chữ nhạt, chấm phẩy, chấm lửng, ngoặc đơn, ngoặc kép, tiếng tây tiếng u loạn cào cào thế kia, nhỡ đánh sai một tí, lại phải "đính chính lần hai, lần ba thì... chết sướng hơn!" - "Cái này, anh chàng chủ biên lo mà, lần trước, hắn bỏ công ngồi trắng đêm để đánh thêm ba cái gạch nối và những chữ hoa ngang xương anh tự động bỏ, còn kêu ca nỗi gì? Yêu cầu anh trả lời vào điểm chính: tại sao cứ *Chống Cộng* lại thành *Chống Cộng cực đoan* hay *Chống Cộng cuồng tín*? - "Thì... thì... ông Quang bảo rồi đấy... Máy cũng như người, NÓ cũ quá, nên bảo thủ, nào phải tại tôi?". Quả vậy ư? Ôi, đến máy mà cũng biết sợ (sợ cái gì, nhỉ?) thì chỉ còn cách... bắt thang lên hỏi ông trời!

Tóm lại, anh đả tự viên kiên quyết giữ vững lập trường "bất hợp tác" với bản văn trên. Tôn trọng quyền tự do "làm và không làm" của một công dân sống dưới thể chế dân chủ, và tôn trọng lòng cam đảm của một nhà văn có thừa đởm lược (chỉ khổ, lại kinh niên thiếu tiền mua... rượu!) tôi đành phải còng lưng rà từng chữ trên bản văn gốc, mổ cò và đưa nó vào mục này. Hy vọng sẽ không sai sót, dù chỉ một cái gạch nối. Không tin, nhà văn Vũ Huy Quang coi lại mà xem! Phần *Hợp Lưu*, trong buổi họp tới, tôi sẽ đề nghị kiểm tra lại tất cả mấy giàn còm-pu-tờ (xin lỗi anh Quang, tôi mượn tạm hai cái gạch nối và mấy cái ngoặc đơn, ngoặc kép), xem lời anh Quang đúng hay sai. Nếu đúng, thì lại phải... "hội thảo" xem có nên "kiến nghị" đấu tranh với mấy ông thảo chương viên điện toán, loại trừ hai chữ "cực đoan" và "cuồng tín" ra khỏi nhóm chữ "chống Cộng" hay không. Phải, anh Quang nói đúng: "Bỏ uống rượu" (Bia, một lon, Win, một ly...) và "Bỏ uống rượu mạnh" (Cô-nhắc, một chai, đế Bà Điểm, nửa lít...) nó khác xa nhau như mặt trăng với mặt trời!

Khốn nỗi, "Bỏ chống Cộng" và "Bỏ chống Cộng cực đoan, cuồng tín", xem ra nó không đơn giản như... uống rượu. Đề nghị độc giả cùng "hội thảo" với chúng tôi, cho thêm phần... dân chủ. Nên chăng?

*Ngày 10 tháng 10, 1992*

Giải Nobel văn chương năm nay - 1992 - được trao cho nhà thơ / nhà soạn kịch Derek Walcott, vì "cái nhìn lịch sử của ông, một cái nhìn bao quát của thái độ chấp nhận bao dung đa văn hóa tự căn bản".

Sinh ngày 21 tháng 1, 1930 tại St. Lucia, thuộc quần đảo Caribbean (trung tâm Đại Tây Dương cạnh miền Trung Mỹ châu), D. Walcott là người mang hai dòng máu Phi Châu và Âu Châu trong cơ thể. Sau khi tốt nghiệp tại St. Mary's College, St. Lucia và University of the West Indies, Jamaica, ông qua Trinidad năm 1953 và bắt đầu hoạt động trong lãnh vực văn học nghệ thuật: điểm sách, soạn kịch, làm thơ, vẽ, phê bình nghệ thuật. Năm 1959, ông sáng lập Trinidad Theater Working. Song song với việc giảng dạy tại hai đại học Hoa Kỳ: Havard, Boston, ông dành nhiều thời gian đi du lịch khắp thế giới. Hiện nay ông sống ở hai nơi: Boston và Trinidad.

Tuyên bố về thi sĩ / kịch tác gia D. Walott, viện Nobel cho rằng: "phát xuất từ văn hóa thổ dân phương Tây (West Indian), ông đã vươn lên chiều kích vĩ đại của thi ca. Và có một niềm tin cũng như niềm tự hào mạnh mẽ về bộ môn này và giới làm thơ trên thế giới. Phần ông, đã tự tạo được cho mình một "cõi" riêng, độc đáo, cá biệt... Văn phong của Walcott êm dịu hài hòa với nhiều cảm tính, đi thẳng từ hứng khởi cảm xúc mà thành. Trong mọi tác phẩm của ông, Walcott đã thể hiện đậm nét bầu không khí và môi trường của gốc rễ nơi ông sinh trưởng."

Tác phẩm lớn đầu tiên của Walcott là *In A Green Night: Poems 1948 - 1960* (in năm 1962). Tập thơ mang phong cách các nhà thơ Anh thần bí thế kỷ 17 và ảnh hưởng các thi sĩ hiện đại như Dylan Thomas và W.H. Auden. Những tác phẩm này đã được viết một cách xuất sắc và định được nhiệm vụ: thiết lập một nền văn chương trung thành với thực tại phức tạp của đời sống West Indian (Tây Ấn, chỉ các sắc dân thuộc đảo Carribean)

Qua những tác phẩm kế tiếp, Walcott khám phá sâu hơn vào các nghịch lý đã và đang tồn tại trong mỗi tâm hồn những nghệ sĩ West Indian. Hai quyển *The Castaway* (1965) và *The Gulf* (1969) bật lên nỗi niềm cô đơn của những thân phận suốt đời cống hiến tài năng của mình cho cái đẹp, cái vĩnh cửu.

Cuốn *Another Life* (1973) là một trường thi mang tính tự truyện được nhiều người so sánh với *Chân Dung Chàng Nghệ Sĩ Trẻ*, tiểu thuyết của James Joyce.

Trong các thi phẩm gần đây, *The Star - Apple Kingdom* (1979), *The Fortunate Traveller* (1982), ông khám phá lại quê hương West Indies của mình qua lăng kính của một người may mắn có cơ hội đi xa, đi nhiều, để rồi đau

khổ nhìn thấy định mệnh bất hạnh của các nước kém phát triển ở Carribean.

Về phần sáng tác kịch, Walcott chú trọng đến con người và thiên nhiên. Đặc biệt là đời sống của các ngư dân và làm rừng West Indians, như *The Sea At Dauphin* (1954), *Ti-Jean And His Brothers* (1958), *Malcochon* (1959), *Dream On Monkey Mountain* (1970). Các vở kịch này đều bộc lộ nỗ lực muốn đào sâu vào những rung động riêng và kinh nghiệm về các biểu hiện cộng thể Carribean.

Tóm lại, có người xem công trình trước tác của D. Walcott như một tổng hợp dày đặc các hình ảnh, thao thức của hai thế giới: thế giới tâm hồn ông và thế giới của vùng đảo Carribean.

Độc giả không có thì giờ theo dõi sách vở ngoại quốc, có thể tìm hiểu thêm về D. Walcott, qua bài viết của nhà thơ Chân Phương, đăng trong *Văn Học* số 78 tháng 11, 1992

*Ngày 26 tháng 10, 1992*

Tôi mê sách như mê... gái. Mấy mươi năm, từ khi biết đọc đến già nửa đời người, mỗi lần vớ được một cuốn sách, bất kể thượng vàng hạ cám, liền quên ăn bỏ ngủ. Nhưng thói quen này sút giảm dần từ mười bảy năm nay. Văn chương nội địa bị cái vòng kim cô bạo lực tròng cứng trên đầu, nên chỉ sản sinh rặc một loại cúc vạn thọ (mới đây, lác đác vươn lên vài nhánh hồng quý, chưa kịp mừng, đã lại bị mưa gió chủ nghĩa dập vùi). Văn chương quốc ngoại, tưởng được nuôi dưỡng trong bầu khí tự do, sẽ tha hồ bung nở. Kỳ lạ thay, bên trong đỏ rực một màu đơn điệu, đã đành, bên ngoài, khá hơn chút xíu, trắng xanh vàng tím coi bộ vui mắt, nhưng nhìn kỹ, vẫn chỉ rặc... cúc vạn thọ! Cho nên mỗi lần cầm một cuốn sách trên tay, cố gắng lắm, chỉ vài mươi trang, là hai mắt ríu lại. Ngủ!

Nhưng tối hôm qua, khi đọc cuốn *Bút Ký Irina* (Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ), tôi mới chợt phát hiện mình đã... quên ngủ. Nói như thế không có nghĩa đây là tác phẩm lớn, toàn bích và hấp dẫn đến độ khiến một người đã bắt đầu... dị ứng với chữ nghĩa bỗng thấy... phấn khởi trở lại. Công bình nhận xét, *Bút Ký Irina* chỉ là những bài báo ghi nhận lại một số những sự kiện, những khuôn mặt bằng hữu quen biết. Tuy nhiên, qua văn phong trong sáng, tầm nhìn nhạy bén, tư tưởng sâu sắc, chúng ta có cơ sở để hy vọng những tác phẩm khác của bà trong tương lai, nếu có, sẽ "tầm cỡ"hơn.

Từ cơn mất ngủ bất thường này, tôi tự hỏi: cái gì kéo tôi trở lại thói quen xưa cũ mười mấy năm trước?

Đầu tiên, do tò mò (như đã từng tò mò với Ỷ Lan Penelope Faulkner, với Cha Dominici Đỗ Minh Trí). Tuy nhiên động cơ chính vẫn là từ những dòng chữ kia, toát ra cái hấp lực của sự thành thật và thẳng thắng, lâu rồi, có vẻ như vắng bóng trong sinh hoạt văn chương Việt Nam. Mười bảy năm nay - nếu không muốn nói trước đó nhiều năm, lúc đất nước còn qua phân - văn học chúng ta không nhiều lắm các yếu tố vừa nêu. Cả miền Nam lẫn miền

Bắc, văn chương vẫn chưa thoát ra khỏi sự quanh co, hằn thù, thiên kiến, phe nhóm. Đó là một nền văn chương cục bộ hơn đại chúng, đập phá hơn xây dựng, nhiều chất nổ hơn hoa hồng, nhiều tiếng khóc hơn nụ cười, nhiều oan khiên hơn an lạc. Dĩ nhiên, văn chương không thể tách khỏi đời sống và thời sự. Nhưng cái đời sống và cái thời sự trong văn chương Việt Nam là thứ đời sống và thời sự còn sượng, còn xanh, chưa tẩm đủ mưa nắng thời gian để "trơ gan cùng tuế nguyệt".

Trở lại với *Bút Ký Irina*, như đã nói, ngoài văn phong trong sáng, thành thật, thẳng thắn, tác phẩmcó thể xem là chuẩn mực của sự cô đọng, hàm súc, của khát vọng hướng thượng (dù qua nhiều trang, về nhiều nhân vật, bà vẫn chưa khắc phục được cái thâm, cay và... độc như đa phần những nhà văn sinh trường và được đào tạo từ môi trường Xã Hội Chủ Nghĩa. Vấn đề này, sẽ có lúc tôi trở lại, để thử đi tìm nguyên nhân). Một vài nét phác, đôi câu nhận xét tinh tế, Irina vẽ ra được, một cách tài tình, trước mắt chúng ta hình ảnh, cá tính, uẩn khúc, động cơ thầm kín của nội tâm những nhân vật được (hay bị) bà đề cập đến.

Nói về sự giả dối đã trở thành quán tính của những nghệ sĩ sống lâu dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa, bà mô tả về một nhân vật điển hình:

*... Thấy tôi nói tiếng Việt khá và là người đọc trên Đài, ông lấy làm quí mến. Ông bảo rằng chính ông là thính giả thường xuyên nghe Đài chúng tôi. Đặt biệt, như ông nói, giọng nói ấm áp đầy tình cảm của Irina. Thường thường vào ban đêm khi cả nhà đi ngủ rồi, ông mở chiếc đài bán dẫn bé tí teo để trên gối, đeo ống nghe để khỏi ảnh hưởng tới gia đình, và để thêm... gần gũi với người đọc...*

*Ông kể chuyện này với lời lẽ hấp dẫn, truyền cảm làm tôi thích thú quá...*

*Ra về, lúc bước xuống xe điện ngầm, tôi mới chợt nhớ ra rằng Đài chúng tôi không có chương trình phát thanh vào ban đêm. Hồi đó buổi phát thanh cuối cùng kết thúc vào tám giờ tối, theo giờ Việt Nam.*

*Đó là bài học về "chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa", mà sau này khi nghe những lời khen ngợi có phần hào phóng, là tôi liền nhớ lại ngay ông Tô Hoài để cảm ơn và... cảnh giác.* (sđd., trang 16-17).

Nhận xét về sự xơ cứng của những thiên tài "lớn", bà viết:

*Nhưng rồi cái* Pêrêxtroika *và "đổi mới" ở hai nước ta đã xảy ra và quá trình dân chủ, không, không phải dân chủ, mà là "dân chủ hóa", cũng hé mở và bắt đầu phanh phui tấm màn màu hồng (màu máu?) từng che kín những chỗ loét trên thân thể xã hội. Và cũng lập tức trí thức ở mỗi nước chúng ta đã phân loại làm hai: những người hướng về tương lai và những người quay về quá khứ. Không hiểu do qui luật gì của cuộc đời mà cả một loạt nhà văn cỡ lớn của chúng ta, ở Nga và cả ở Việt Nam cũng thế, lập tức đứng về phía những người bảo thủ nhất trong số những người bảo thủ. Tôi cũng gần quen nhiều người trong đó, nên có thể loại trừ ngay lý do mưu lợi riêng hay bám vào đặc quyền đang bị mất, như điều đó thường giải thích cho tính bảo thủ của các cán bộ chính quyền và đảng. Không, với các nhà văn, chuyện không đơn giản như*

*thế, và đối với ông Thi, tôi càng thắc mắc, bởi chính ông đã từng nếm trải thế nào là sự quản lý của những kẻ thất học đối với nghệ thuật.*

(Thắc mắc của Irina, với Nguyễn Đình Thi, làm tôi không khỏi không liên tưởng đến những nhà văn lớn của Việt Nam Cộng Hòa nối dài đang sống tại hải ngoại. Khác nhau chiến tuyến, ý thức hệ, môi trường hình thành, nhưng sao lại giống nhau như hai giọt nước? Phải chăng quá khứ và thời gian đã đè quá nặng trên đôi vai vốn gầy yếu của những con người chỉ dinh dưỡng bằng chữ nghĩa văn chương, khiến họ không còn đủ sức để hất nó xuống? Tôi cũng nghĩ như bà Irina, vấn đề không giản dị, và cũng không thể kết luận, xác quyết trong vài mươi dòng. (Nghe người chủ biên nói, Hợp Lưu dự định làm một số đặc biệt về vấn đề trên trong thời gian tới).

Ngoài những mặt tiêu cực Irina đã đưa ra qua một số nhân vật tăm tiếng và tai tiếng của Việt Nam, bà cũng không quên phơi bày những nhận xét, những tâm cảm của bà đối với không ít bằng hữukhác. Những dòng bà viết về Dương Thu Hương, về Trần Tiến, về Phan Nhật Nam, về Bùi Giáng, về Trịnh Công Sơn, về Hoàng Phủ Ngọc Tường, Chóe..., quả thật, chỉ có thể viết nổi, một cách "sòng phẳng", và "ngay thẳng", bởi một người đã từng sống, từng hiểu thế nào là cộng sản, cũng như đã từng kinh qua bao nhiêu biến động của cuộc đời. Ở đây, chúng ta thấy rõ sự thương yêu và trân trọng được bộc lộ một cách giản dị, không màu mè, không rào trước đón sau.

Chừng nào thì người Việt Nam chúng ta mới có sự can đảm và ngay thẳng như thế, khi viết về những người ở "phía bên kia"? Những người, đôi khi là bằng hữu tốt của ta, đôi khi từng cùng chén thù chén tạc tâm đắc, vậy mà, khi nhắc đến tên nhau (trong trường hợp không thể không nhắc), chữ nghĩa cứ lạnh như tiền. Không vượt qua nổi lằn ranh "ta, địch", không khắc phục nổi niềm sợ hãi vô hình, không lướt thắng nổi sự giả dối đã thành nếp trong tư duy, làm sao đóng nổi vai trò "đại biểu của lương tâm"?

Từ các câu hỏi trên, tôi chợt nghĩ đến nhiều sự cố xảy ra bên lề *Bút Ký Irina*.

Hơn năm nay, Hợp Lưu nỗ lực giới thiệu, cổ vũ, xiển dương những tiếng nói chân thật, những tiếng nói của lương tâm và trách nhiệm, những tiếng nói có hiệu năng kéo gần những tâm hồn biết yêu thương và quí trọng cái chân, cái thiện đến gần nhau. Việc làm đó, thay vì được vỗ tay khích lệ, Hợp Lưu đã vuốt mặt không kịp vì bao nhiêu tro trấu ném vung vải vào mặt, từ đồng hương. Điều vừa mỉa mai vừa buồn bã (và buồn cười) là, chỉ khi Irina - một người Nga - làm công việc đó, một số "nhân vật" mới chợt phát hiện ra mình cũng... tiến bộ như ai! Rồi thì săn đón, phỏng vấn, tổ chức ra mắt sách, tiệc tùng chiêu đãi, và còn bao nhiêu kiểu tán dương khác! Bụt nhà không thiêng? Hay tinh thần vọng ngoại, mặc cảm tự ti, lòng đố kỵ đã che mờ tầm nhìn? Hay quyền bôi nhọ, chụp mũ, hạ độc thủ là đặc quyền của người Việt Nam? Hay bà Irina, đang chủ trương Đài Tiếng Nói Tự Do/chương trình Việt ngữ- cơ quan truyền thông đấu tranh cho dân chủ và đa nguyên tại Việt

Nam - là người ngoại quốc, đi với bà nó an toàn hơn với đồng hương?

Hãy cứ thử tưởng tượng một cây bút nào đó của Hợp Lưu, "phán" về Hoàng Phủ Ngọc Tường, Trịnh Công Sơn, Dương Thu Hương, Trần Tiến, Lưu Quang Vũ, Chóe, Trần Độ... như thế, thì chuyện gì sẽ xảy ra? Còn chuyện gì nữa: chỉ trong nháy mắt, dưới cây đũa... vạn năng của các chuyên viên chống cộng, họ sẽ biến thành "thằng Việt cộng đực, con Việt cộng cái" ngay. Hay có học hơn, hóm hỉnh hơn (và do đó cũng thâm... trầmhơn): văn chương... hướng nội. Ăn cơm Mỹ thờ ma Cộng sản!

Nhưng thôi, tôi sẽ cố gắng để mà lạc quan. Ít ra, sau một năm tồn tại, độc giả đến với Hợp Lưu đang tăng với cấp số nhân. Và ở cái phần đất rất xa quê hương chúng ta là Liên Xô, cũng có một tấm lòng biết yêu thương dân tộc Việt Nam, biết đâu là cái cần phải xóa bỏ, và đâu là những viên ngọc cần được bảo tồn. Tôi cầu trời cho những người Việt hải ngoại đã và đang cộng tác với bà, sẽ là những người thực sự có lòng, thực sự thẳng thắn, thực sự can đảm dám nghĩ và dám nói, vì tương lai, tiền đồ dân tộc, chứ không vì mưu cầu lợi ích cá nhân, mà . Bởi vì, xuyên qua tác phẩm, tôi nghĩ rằng bà Irina có thừa bén nhạy để "cảm" ra đâu là thật, giả - như bà từng "cảm" thấy, qua những nhân vật được (hay bị) bà đề cập đến trong bút ký. Tôi cũng cầu trời, trong những tác phẩm tương lai, cái phần đánh giá tiêu cực của Irina đã dành cho một số nhân vật trong nước, sẽ không có khuôn mặt nào của hải ngoại, giống như thế.

*Ngày 27 tháng 10, 1992*



Nhật Tiến và dịch giả Trevor Carêlan

Cách đây ngót một năm, tôi đọc thấy những dòng đại ý như sau: Nhật Tiến đã phản bội lại tư cách thuyền nhân của ông, Nhật Tiến là con bài tẩy của chiến dịch "Bông Hồng Đỏ"... Vì vậy, từ bây giờ, tập thể người Việt tị nạn Cộng Sản hải ngoại tẩy chay ông, không còn xem ông như mặt nhà văn! Nói cách khác, tác giả bài viết vô tiền khoáng hậu trên đã thay mặt "tập thể người Việt", đuổi Nhật Tiến ra khỏi làng văn chương, vất gần hai mươi tác phẩm của ông vào sọt rác (không hiểu vô tình hay hữu ý, sáng kiến trên lại đúng y chang bài bản mà chính quyền Việt Nam đã làm, với tất cả văn nghệ sĩ miền Nam sau 1975).

Nhưng chưa đầy mười hai tháng sau, tổ chức *International Writers and*

*Readers* do mười hai nhà xuất bản Mỹ và Canada tài trợ, với sự hổ trợ của chính phủ các nước Anh, Pháp,Úc, Ý, Canada và nhiều tổ chức quốc tế khác, lại chính thức mời Nhật Tiến than dự Đại Hội Liên Hoan lần thứ Năn được tổ chức tại Vancouver (Canada), từ ngày 21 đến ngày 25 tháng 10 năm 1992, nhân dịp tổ chức này chào mừng trên 80 nhà văn nhà báo quốc tế từng có nhiều đóng góp cụ thể và giá trị vào gia tài văn hóa nhân loại. Trong kỳ đại hội này, tuyển tập truyện ngắn *Màu Sắc Của Thiên Đường (The Colours of Heaven)* do nhà Random House Books chính thức ra mắt độc giả, lại có một truyện ngắn của Nhật Tiến, là đại diện duy nhất của Việt Nam, cùng với mười tám nhà văn Á Châu khác, thuộc các quốc gia Nhật Bản, Đại Hàn, Trung Hoa, Đài Loan, Thái Lan, Phi Luật Tân, Mã Lai Á, Úc, Tân Tây Lan, Nam Dương, Tân Gia Ba. Đó là truyện ngắn *Vết Chân Trâu*, do giáo sư Huỳnh sanh Thông dịch sang Anh ngữ, dưới tựa đề *In The Foot Steps of Water Buffalo*! Cũng theo tin từ Đại Hội, trong phần trình bày của mình, nhà văn Nhật Tiến đã nói đến nhiều vấn đề, như thân phận giới văn nghệ sĩ Việt Nam hiện tại, thân phận của *những người đang bị cấm đoán viết lên những sự thật khốn khổ về đời sống của đồng bào họ và phát biểu những tư tưởng về tự do, dân chủ*; như lòng cam đảm của một số những ngòi bút đã dám kêu lên tiếng kêu uất nghẹn của tuyệt đại đa số quần chúng; như chính sách "cởi" rồi "trói" của chính quyền Cộng sản; và như... như... điều cấm kỵ nhất, cái điều đã là động cơ khiến tác giả bài viết tôi vừa đề cập, "sổ toẹt" tước vị nhà văn của Nhật Tiến, là ông công khai, trước một chủ tọa đại diện cho bao nhiêu quốc gia trên thế giới, kêu gọi chính phủ Hoa Kỳ bãi bỏ cấm vận, và cổ vũ việc giao lưu văn hóa giữa trong và ngoài, giữa Việt Nam và thế giới, bởi theo ông, đó là con đường độc nhất để vận trình dân chủ hóa tại quê hương ông tiến triển nhanh, hầu sớm đưa dân tộc ông đến chỗ ăn đủ no, mặc đủ ấm....

Thế là thế nào? Bộ cái tổ chức kia có mắt như mù? Một người cầm bút đã bị "cộng đồng" của ông ta... khai trừ, tước quyền làm "nhà văn", sao lại dámtuyển chọn tác phẩmcủa ông ta để in vào tuyển tập, lại còn mời ông ta đến tham dự Đại hội?

Tôi hoang mang lắm, đêm không ngủ được, nằm vắt tay lên trán suy nghĩ dông dài. Cuối cùng "ngộ" ra chân lý này: văn chương chữ nghĩa và "chiến dịch Bông Hồng Đỏ" (vừa chuyển màu thành Xám) nó chẳng dính dáng gì với nhau cả. Viết văn, cứ viết cho hay, thì dù có bị người ta sơn đỏ, sơn xám, sơn đen, sơn trắng (hay thậm chí nó đỏ thật, trắng thật, xám thật), người ta vẫn không thể gọi tác giả của nó bằng một danh xưng nào khác: Nhà văn. Ngược lại, nhảy nhót loi choi như gà mắc đẻ, tự tấn phong hay nhờ "văn hữu" đánh bóng, mà dở, thì chỉ tổ tốn xà phòng, chứ chẳng có cách nào bò ra thoát cái bóng râm của gốc đa đầu làng, vốn là nơi "an cư" của rất nhiều "ông bình vôi" đặc ruột.

KIM THI



**MILAN KUNDERA**
**TRỊNH Y THƯ** *chuyển ngữ*

# nhẹ kiếp nhân sinh

*(Tiếp theo số 6)*

16.

Những giấc mơ cứ tuần tự tiếp diễn: giấc thứ nhất cô thấy lũ mèo điên, chúng tượng trưng cho nỗi đau đớn cô trải qua trong đời; giấc thứ hai hình ảnh cô bị hành quyết, nó thay đổi luôn luôn; giấc thứ ba hình ảnh sau khi chết, khi sự nhục nhã như rơi vàotrạng thái bất tận.

Chúng ta chẳng cần phải bận tâm giải đoán những giấc mộng này của Tereza. Chúng nhắm vào Tomas rõ rệt đến nỗi phản ứng duy nhất anh có được sau đó là gục mặt xuống, hai tay nhẹ xoa lên tay Tereza và miệng không thốt được tiếng nào.

Những giấc mơ mang đầy ý nghĩa tàn bạo nhưng cũng thực diễm lệ. Về điểm này, nó có vẻ như muốn vượt khỏi những lý thuyết của Freud về mộng mị. Mơ không hẳn chỉ là hành vi truyền giao cách cảm (hay truyền giao ẩn mật, nếu bạn muốn nói như thế); nó còn là sinh hoạt thẩm mỹ, là trò chơi của trí tưởng tượng, một trò chơi có giá trị, trong chính nó. Những giấc mơ - về những sự kiện vị lai chứng tỏ trí tưởng tượng là nhu cầu sâu thẳm nhất của con người. Điều nguy hiểm nằm ở chỗ đó. Chúng ta sẽ mau chóng quên ngay những giấc mơ không chút đẹp đẽ, tráng lệ. Nhưng vì Tereza mơ đi mơ lại cùng một giấc mơ nên riết rồi nó trở thành truyền thuyết, thành truyện hoang đường và Tomas sống dưới lời nguyền rủa trù yểm bởi vẻ diễm lệ ray rứt của giấc mơ đó.

"Hỡi Tereza yêu quý, hỡi Tereza thân ái ơi! Tôi đang bị tội tình gì đây?" Có lần Tomas nói với Tereza như vậy trong lúc hai người ngồi đối mặt nhau

trong quán rượu. "Đêm đêm em cứ mơ thấy cái chết như thể em thực tình mong muốn từ giã cõi đời này..."

Lúc đó là ban ngày, lúc mà lý lẽ cùng ý chí đều hết sức vững vàng. Một giọt rượu màu đỏ từ từ lăn xuống trên thành chiếc ly đang cầm trên tay, Tereza trả lời: "Em không làm được gì cả, Tomas ạ. Ồ, em hiểu chứ. Em biết anh yêu em. Em biết tính trăng hoa của anh chẳng bao giờ gây nên chuyện đau buồn lớn lao cho chúng mình..."

Cô nhìn Tomas với nỗi thương yêu tràn đầy trong khóe mắt, nhưng cô lại sợ hãi đêm tối trước mặt, cô sợ hãi những giấc mơ đang đón chờ cô trong bóng đêm. Đời sống cô bị xé toạc ra làm hai mảnh. Đêm và ngày cứ thế chống chọi nhau kịch liệt.

## 17.

Bất cứ ai có ý định muốn vươn lên tới "cái gì cao hơn" đều phải tiên liệu ngày nào đó mình sẽ mắc chứng bệnh *vertigo. Vertigo* là gì? Là nỗi sợ hãi khi đứng trên cao? Nhưng tại sao chúng ta vẫn thấy sợ hãi dù trên đài quan sát chúng ta đang đứng có tay cầm chắc chắn? Không, *vertigo* là cái gì khác với tính sợ hãi khoảng cao. Nó là tiếng kêu của khoảng trống trải bên dưới. Nó dụ dỗ, đánh lừa chúng ta. Chính cái ý định muốn nhảy từ cao xuống khiến chúng ta sợ hãi và vì thế chúng ta mới cố sức tìm cách tự vệ.

Những người đàn bà khỏa thân diễn hành quanh hồ bơi, những xác chết trong chiếc xe tang vui sướng vì có Tereza cùng chết với họ - tất cả là những "cái gì từ bên dưới" mà Tereza không ngớt kinh hãi và đã một lần trốn chạy trước đây nhưng, một cách bí ẩn, bây giờ chúng chường mặt ra đối đầu với cô. Đây mới là căn bệnh sợ hãi khoảng cao của cô: lọt vào tai cô những tiếng gọi ngọt ngào (gần như vui sướng) kêu gọi cô hãy từ bỏ định mệnh, hãy gạt bỏ tâm hồn qua một bên. Sự cô độc vì không còn tâm hồn lớn tiếng kêu gọi cô. Những khi yếu đuối, cô đã để tâm đến tiếng gọi đó và cô thấy mình sẵn sàng trở bước quay về. Cô đã chuẩn bị sẵn sàng quay lưng lại đoàn thủy thủ tâm hồn trên boong con tàu thân thể; cô đã sẵn sàng tụt xuống, ngồi chung chạ cười đùa với đám bạn bè mẹ cô; cô đã sẵn sàng diễn hành quanh bờ hồ chung với họ, thân thể trần truồng và miệng vui sướng hát ca.

## 18.

Đúng, Tereza chiến đấu với mẹ cô cho đến ngày cô bỏ nhà ra đi, nhưng chúng ta đừng quên cô vẫn không ghét bỏ bà. Giá mẹ cô nói với cô bằng giọng nói nhu mì, êm ái thì chắc cô đã sẵn sàng gánh vác bất cứ chuyện gì bà mong muốn. Lý do duy nhất cô có sức mạnh thoát ly ra khỏi gia đình là vì cô đã không bao giờ được nghe giọng nói như thế thoát ra từ cửa miệng bà ta cả.

Khi nhận ra thái độ hung dữ của mình không chút ảnh hưởng gì lên đứa con gái nữa thì bà bắt đầu viết cho Tereza những lá thư với giọng điệu oán trách, than van. Bà than thở về gia đình, về việc làm, về sức khỏe. Bà làm như chỉ có Tereza mới là người thân trong cuộc đời bà. Tereza có cảm tưởng cuối cùng cô đã được nghe tiếng nói yêu thương của bà, và cô nảy ý định muốn quay về. Hơn thế nữa, cô muốn quay về vì cô đã quá mệt mỏi, quá suy yếu bởi tính nết trăng hoa, phóng đãng của Tomas. Sự bất lực của cô phơi bày ra, cô bị du vào cơn bệnh *vertigo*, và cô không sao thoát khỏi sự cám dỗ muốn được rơi xuống.

Một hôm mẹ cô gọi dây nói cho biết bà bị ung thư và chỉ còn sống được vài tháng. Tereza trở nên tuyệt vọng đến cùng cực. Cô tự trách mắng mình đã bỏ mẹ để đi theo người đàn ông chẳng yêu thương gì mình. Cô sẵn sàng tha thứ tất cả những lỗi lầm của bà trong quá khứ. Giờ đây cô có thể hiểu mẹ cô hơn. Hai người ở trong hai hoàn cảnh tương tự: mẹ cô yêu thương người cha ghẻ cô, cũng như cô yêu thương Tomas, và người cha ghẻ hành hạ mẹ cô như thế nào thì Tomas hành hạ cô y như thế nấy. Mẹ cô trở thành người đàn bà ác độc chỉ vì bà chịu đựng biết bao nỗi đắng cay như vậy trong đời bà.

Tereza cho Tomas hay tin mẹ cô bị bệnh, và cô dự định xin nghỉ làm một tuần lễ để về thăm nhà. Giọng cô đầy tủi hờn, oán trách.

Tomas không đồng ý để Tereza về thăm mẹ vì anh có linh cảm lý do khiến cô quay về chính là căn bệnh *vertigo*. Anh gọi dây nói xuống bệnh viện tỉnh lỵ nơi bà mẹ Tereza cư ngụ. Hồ sơ các ca bệnh ung thư được lưu trữ cẩn thận khắp nơi trong nước nên Tomas tìm ra ngay sự thật bà mẹ Tereza không bị bịnh ung thư gì, bà cũng không hề đi khám bệnh cả trên năm trời nay.

Tereza nghe lời Tomas không về nhà thăm mẹ nữa. Vài tiếng đồng hồ sau khi quyết định, cô ra đường và tự làm ngã đến bị thương đầu gối. Cô bắt đầu đi đứng khó khăn, hôm nào cũng té ngã, va chạm vào bàn ghế, đồ đạc trong nhà, khá lắm là làm rơi đồ vật cầm trên tay.

Cô bị kẹp cứng giữa gọng kềm của cơn bệnh muốn rơi ngã xuống. Cô sống thường trực với căn bệnh *vertigo*.

"Hãy nâng đỡ tôi lên!" Đó là tiếng kêu cứu của người đang rơi tuột xuống. Và mỗi lần cô rơi xuống Tomas vẫn kiên nhẫn đưa tay kéo cô lên.

## 19.

"Em muốn làm tình với anh ngay tại phòng vẽ của em. Giường chúng ta nằm trông giống như sân khấu có người ngồi chung quanh. Khán giả không được lại gần nhưng họ cũng không thể rời mắt..."

Thời gian trôi qua, hình ảnh này mất dần đi ý nghĩa tàn bạo và nó trở thành cái gì dễ gây kích động trong lòng Tereza. Cô thường ghé sát tai Tomas thầm thì những câu như vậy trong lúc hai người làm tình.

Cô bỗng nảy ra ý tưởng trong đầu là rất có thể có con đường giúp cô tránh khỏi bản án buộc tội Tomas xuyên qua tính hoang đàng, phóng đãng của anh: chỉ cần Tomas dẫn cô theo, dẫn cô theo anh khi anh đến nhà các tình nhân của anh! Có lẽ, chỉ lúc đó thân thể cô mới vươn lên cao hơn các thân thể khác. Thân thể cô sẽ thành phần thứ hai của Tomas, thành người phụ tá cho anh, thành tri kỷ của anh.

"Em sẽ cởi quần áo họ ra, tắm rửa sạch sẽ rồi đem đến dâng lên anh..." Cô thầm thì bên tai anh những lời như thế trong lúc thân thể hai người ép sát vào nhau. Cô khao khát được hòa nhập với Tomas thành cái gì độc nhất để tất cả thân thể những người đàn bà khác trở thành đồ chơi của hai người.

20.

Ồ, để trở thành tri kỷ của anh trong cuộc sống đầy trăng hoa, mây gió này ư! Tomas không chịu hiểu điều đó cho Tereza nhưng cô cũng không sao xóa bỏ được tư tưởng này ra khỏi đầu và cô cố tạo mối liên hệ với Sabina. Tereza ướm lời bằng cách đề nghị đến nhà chụp ảnh cho Sabina.

Sabina mời cô đến và cuối cùng tận mắt cô nhìn thấy căn phòng rộng rãi với đồ vật chính của nó: chiếc giường lớn, vuông vức, trông như bục sân khấu trình diễn kịch.

"Tôi thấy áy náy quá vì chưa bao giờ mời được cô đến đây". Sabina nói trong lúc khoe với Tereza những bức tranh treo trên tường nhà. Cô lôi ra một bức vẽ cảnh một công trường thép đang được xây cất cô vẽ trong thời gian còn đi học, thời gian mọi sinh viên mỹ thuật đều bị bó buộc phải vẽ theo khuynh hướng hiện thực (người ta cho nghệ thuật không hiện thực sẽ ăn mòn, phá hủy dần nền móng xã hội chủ nghĩa). Trong tinh thần hăng say đó, cô đã cố chứng minh mình còn có tinh thần giác ngộ hơn cả các giáo sư hội họa của cô nữa bằng cách vẽ nó gần giống một bức ảnh. "Đây là bức tôi vô ý để giây lên vệt sơn đỏ. Ban đầu, tôi bực mình lắm, nhưng sau đó tôi lại thấy thích thú. Vệt sơn giây trên bức tranh trông giống như vết nứt; bức vẽ công trường biến thành tấm phông sân khấu cũ kỹ, nhàu nát, một tấm phông với hình ảnh công trường vẽ đè lên trên. Tôi bắt đầu thử nghiệm với vết nứt, tìm kiếm, và tưởng tượng cái gì đó có thể ẩn hiện đằng sau vết nứt. Đây chính là bước đầu cho một loạt những họa phẩm mà tôi đặt tên là "Đằng Sau Những Cảnh Tượng". Dĩ nhiên, tôi phải cẩn thận, không phải bạ ai cũng cho xem những bức tranh này. Tôi sẽ bị đuổi ra khỏi trường mỹ thuật. Ở bề mặt, luôn luôn là thế giới hiện thực không sai chạy vào đâu, nhưng dưới nó, đằng sau tấm bố nứt nẻ, ẩn nấp đâu đó là cái gì khác hẳn, cái gì bí ẩn, trừu tượng".

Ngưng lại một lát, Sabina nói tiếp: "Ở bề mặt là câu nói dối vô cùng rõ ràng, rành rọt và ở bên dưới là sự thật ẩn giấu, mù mờ".

Tereza lắng nghe với sự tập trung hiếm thấy từ nét mặt bất cứ sinh viên nào. Cô bắt đầu cảm nhận được một điều là tất cả những bức vẽ của Sabina,

dù lúc trước hay bây giờ, đều chứa đựng một tư tưởng giống nhau. Chúng là sự nhập lại của hai chủ đề, hai thế giới. Có thể nói chúng là những pô ảnh dúp. Một cảnh thổ được soi sáng bởi chiếc đèn dầu kiểu xưa. Một tĩnh vật mông lung gồm mấy quả táo, một nắm hạt dẻ, và cây Nô-en nhỏ xíu thắp nến đỏ rọi chiếu hình ảnh bàn tay như muốn đâm thủng qua tấm bố.

Tereza thấy sự thán phục tràn ngập trong lòng cô và vì Sabina xem cô như bạn nên lòng thán phục hoàn toàn không có sự e dè, sợ sệt. Nó mau chóng biến thành tình bạn.

Cô quên khuấy chuyện đến nhà để chụp ảnh cho Sabina và phải đợi Sabina nhắc cô mới sực nhớ ra. Cô rời khỏi những bức tranh để thấy chiếc giường ngủ nằm chình ình giữa phòng trông như bục sân khấu trình diễn kịch.

## 21.

Trên chiếc bàn nhỏ đặt cạnh giường có để một cái tượng hình đầu người, loại tượng thợ làm tóc hay dùng để treo tóc giả. Nhưng thay vì là mái tóc giả, Sabina treo ở đấy một cái mũ dạ tròn màu đen. “Chiếc mũ của ông tôi đấy”. Cô vừa cười vừa nói với Tereza.

Đó là loại mũ - màu đen, cứng, tròn đầu - mà Tereza thường chỉ thấy trên màn ảnh xi-nê, loại Chaplin hay đội. Cô cười lại với Sabina, cầm chiếc mũ lên, ngắm nghía một lúc rồi nói: “Chị muốn em chụp ảnh chị với chiếc mũ này không?”

Sabina cười ngất về đề nghị này. Tereza đặt chiếc mũ xuống, cầm máy ảnh lên và bắt đầu bấm.

Sau gần cả tiếng đồng hồ, Tereza bỗng cất tiếng: “Chị nghĩ sao về một bức ảnh khỏa thân?”

“Khỏa thân?” Sabina cười.

“Vâng, khỏa thân”. Tereza lặp lại lời đề nghị, giọng nói cô có phần quả quyết hơn.

“Thế thì phải khui rượu uống mới được”. Sabina đi mở một chai rượu.

Tereza cảm thấy thân thể cô yếu đuối dần, lưỡi cô cứng đờ ra. Trong lúc đó, Sabina bước tới bước lui trong phòng, ly rượu cầm trên tay, không ngớt nói về nhân vật cô gọi bằng ông. Ông ta là thị trưởng một thị xã nhỏ. Sabina không hề thấy mặt ông ta bao giờ, tất cả những gì ông để lại là chiếc mũ này và tấm ảnh chụp lúc ông đứng chung với đôi ba nhân vật chức tước khác của thị xã. Chẳng biết họ đang làm gì trong bức ảnh đó. Có lẽ họ đang tham dự một buổi lễ lạc nào, hay đang khánh thành đài kỷ niệm ghi nhớ công trạng một nhân vật mà có thời cũng đội mũ dạ tròn trên đầu trong các dịp hội hè, đình đám.

Sabina say sưa nói về chiếc mũ và ông già thị trưởng cho đến lúc uống cạn ly rượu thứ ba thì mới chợt nói: "Tôi vào trong một chút và sẽ trở ra ngay", rồi biến mất vào buồng tắm.

Cô trở ra với tấm áo choàng trên người. Tereza cầm máy ảnh lên đưa ngang tầm mắt. Sabina đưa tay mở tung chiếc áo choàng.

22.

Đối với Tereza, chiếc máy ảnh vừa là con mắt bằng máy để qua đó cô quan sát người tình của Tomas, vừa là chiếc màn che dấu khuôn mặt cô.

Phải mất một lúc khá lâu Sabina mới hoàn toàn bỏ hẳn được chiếc áo choàng. Cảnh huống có vẻ hơi khó hơn là cô dự liệu. Sau vài phút, cô bước lại Tereza và nói: "Nào, bây giờ đến lượt tôi chụp hình cô. Cởi quần áo ra".

Sabina đã nghe cái mệnh lệnh "cởi quần áo ra!" không biết bao nhiêu lần từ miệng Tomas và nó đã ăn sâu vào tâm khảm cô. Như thế, người tình của Tomas vừa ra lệnh cho vợ Tomas cởi quần áo ra. Hai người đàn bà thắt lại nhau bằng một câu nói. Đó là cách Tomas đột biến câu chuyện bâng quơ với một người đàn bà thành phút giây gợi tình nồng nhiệt. Thay vì mơn trớn, tâng bốc, nần nỉ, anh buông ra một mệnh lệnh như vậy. Anh buông một cách đột ngột, không thể ngờ trước, tiếng nói nhẹ êm nhưng lại chắc nịch đầy quyền uy và từ một khoảng cách khá xa: những lúc như thế, anh không bao giờ đụng tay vào người đàn bà. Anh cũng hay làm thế với Tereza. Và mặc dù tiếng ra lệnh của anh nghe rất nhẹ, gần như tiếng thì thầm vào tai, nó vẫn là một mệnh lệnh. Tereza răm rắp tuân lời và không lần nào cô không thấy bị kích động. Giờ đây nghe lại tiếng ra lệnh này, cô càng thấy muốn tuân lời nhiều hơn nữa. Bởi vì tuân lệnh một người xa lạ là điều điên khùng đặc biệt, trong trường hợp này còn điên khùng hơn nữa vì mệnh lệnh đó không đến từ một người đàn ông mà đến từ một người đàn bà.

Tereza đưa chiếc máy ảnh cho Sabina rồi lần tay cởi quần áo mình. Cô đứng đó, trước mặt Sabina, hoàn toàn trần truồng và không chút *vũ khí hộ thân*. Thực đúng cô bị tước đoạt mất vũ khí: cô bị tước đoạt ra khỏi tay cái khí cụ cô dùng để che giấu khuôn mặt mình và để chĩa về Sabina. Cô hoàn toàn nằm dưới tay Sabina. Sự qui phục diễm lệ này gây một cảm giác say sưa, choáng váng trong đầu Tereza. Cô ước mong giây phút đứng trần truồng trước mặt Sabina như vầy cứ mãi mãi kéo dài đến vô tận.

Tôi nghĩ Sabina cũng có cảm giác kỳ diệu lạ lùng của giây phút đó: vợ người yêu mình rụt rè đứng chịu trận một cách kỳ dị trước mặt mình. Nhưng sau khi bấm được hai pô ảnh, cảm giác kỳ diệu này lại làm Sabina sợ hãi, cô muốn đẩy nó đi, cô bật lên một tràng cười ha hả.

Tereza cười theo, và hai người đàn bà đi mặc lại quần áo.

*(Tiếp kỳ sau)*

MILAN KUNDERA



**NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU**

# giới thiệu sách mới

**BÚT KÝ IRINA, tập một, Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ. Giá 10 Mỹ Kim.**

Trước đây, chúng ta đã có Ỷ Lan Penelope Faulkner và Cha Đỗ Minh Trí Domenici, những người ngoại quốc viết tiếng Việt. Nay, lại có thêm một người Nga nữa, đó là tác giả tập *Bút Ký Irina*.

Bằng văn phong giản dị, trong sáng và nhuần nhuyễn, cọng với một kiến thức sâu rộng trên nhiều lĩnh vực: lịch sử, văn chương, nghệ thuật, phong tục tập quán... tác phẩm đã ghi lại khá khách quan và tinh tế về những điều mắt thấy tai nghe, những nhận xét tinh tế về đất nước và con người Việt Nam. Qua từng trang sách, chúng ta dần nhận ra một điều: Irina không đến với đất nước này với tư cách một người ngoại quốc, để quan sát, tìm hiểu, nghiên cứu, mà bà đã sống, đã khổ đau và đã sung sướng thực sự với nó. Cũng qua từng trang sách, chúng ta có dịp hiểu thêm về một số nhân vật tên tuổi của chúng ta bằng đôi mắt của một người ngoại quốc: Bùi Giáng, Trịnh Công Sơn, Phan Nhật Nam, Tô Hoài, Lưu Quang Vũ, Nguyễn Đình Thi, Trần Độ, Lương Xuân Đoàn, Trần Tiến, Nguyễn Quang Sáng, Cao Xuân Hạo, Dương Thu Hương, Vũ Hạnh, Chóe.... Cùng nếp sinh hoạt của người Việt tại nước Nga về cả hai mặt: tiêu cực cũng như tích cực.

Có lẽ đây là tác phẩm khách quan nhất, bằng tiếng Việt, đề cập đến đất nước và con người Việt Nam.

**HOA HỒNG ĐẾN MUỘN và NGƯỜI PHIÊU BẠT, 2 tập thơ của Thế Dũng, tập đầu do Hội Văn Học Nghệ Thuật Hải Hưng xuất bản. Tập sau do Nhà Xuất Bản Hội Nhà Văn.**

Trong số trước chúng tôi đã giới thiệu một bài thơ mới của người thơ này: *Viết sau khi xem phim Vincent và Theo*.

Được biết Thế Dũng sinh tại miền Bắc, anh đã từng là bộ đội, là sinh viên khoa Ngữ văn, là nhà giáo, là biên tập viên báo chí...

Hiện tại, anh làm việc và sinh sống tại Đức.

Thơ Thế Dũng đã xuất hiện trên sách báo tại Việt Nam từ năm 1974. Và đã được tặng giải B về thơ "Giải thưởng Văn học nghệ thuật Côn Sơn" lần thứ nhất (1981-1985) của tỉnh Hải Hưng.

**MỘT NỖI BUỒN RIÊNG, tập truyện Nguyễn Tấn Hưng. Bìa Đinh**

**Cường. Phụ bản Nguyễn Nhật Tân, Phạm Thế Trung. Xuân Thu xuất bản 1992. Giá 10 Mỹ Kim.**

*Một Nỗi Buồn Riêng* gồm tám truyện ngắn. Vì cho rằng: *Bảo đảm không ai có thể hiểu rõ tác phẩm hơn là chính tác giả*, nên Nguyễn Tấn Hưng đã vui vẻ, "hồ hởi" vẽ phác chân dung đứa con thứ tám của mình: "ngòi bút của tôi dẫn dắt tôi đi lang thang khắp mọi chân trời, góc biển! Trong dông tố bão bùng khơi lại bóng quê hương! Trong biển cả lắc lư con tàu đi vinh danh người chiến sĩ! Trong lòng từ tâm của những người chuyên môn lường gạt có pa-tăng! Trong hương say dục tình thấp thoáng bóng liêu trai! Trong tình yêu giao hòa bất kể màu da phong tục! Trong êm ả gia đình và thiên nhiên huyền thoại! Trong những đua đòi bóng sắc của giới quần hồng! Trong nỗi chết chưa rời tay trong tay cùng Chúa, Phật..."

Để rồi chính tác giả bật kêu: *Ô hay, cái gì lạ thế! Một quái thai thời đại chăng?"*

Ngay sau đó, cũng chính ông trả lời: " *Thưa rằng, không đâu, chỉ là tác phẩm mà tôi có phần nào ưng ý thôi! Xin mời quý bạn đọc ghé mắt xem...* (Tất cả những dòng in nghiêng đều được trích từ *Thay Lời Tựa* của Nguyễn Tấn Hưng).

**ĐẶC KHẢO VỀ HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA, do một nhóm giáo sư, sinh viên đại học sư phạm Sài Gòn (trước 75) chủ trương. Văn Nghệ và Khai Trí tái bản tại Hoa Kỳ. Trên 300 trang. Giá 12 Mỹ Kim.**

Vì "*một phần đất của tổ quốc mất đi, là một phần thân thể Việt Nam bị cắt lìa! bất cứ người Việt Nam nào, dù Nam hay Bắc, ở quốc nội hay ở hải ngoại, đều cảm thấy xót xa, hổ thẹn. Dân tộc chúng ta không bao giờ chịu khuất phục những thế lực mạnh lân bang khi họ có dã tâm xâm phạm lên lãnh thổ thân yêu. Vụ Trường Sa, Hoàng Sa là một xâm phạm mới nhất, vào lúc nhà cầm quyền Việt Nam hiện nay suy yếu phải phụ thuộc nhiều vào mối giao hảo với Trung Quốc. Tự nhận thấy có trách nhiệm phần nhỏ trong phận sự chung là bảo vệ lãnh thổ dân tộc, hai nhà xuất bản Văn Nghệ và Khai Trí cộng tác với nhau để tái bản một số tài liệu lịch sử đã được phổ biến trước đây trên tập san Sử Địa, đặc khảo về Hoàng sa và Trường Sa xuất bản tháng ba năm 1975, do Nguyễn Nhã chủ trương và nhà sách Khai Trí bảo trợ, để đáp ứng ước mong của nhiều độc giả có tâm huyết muốn có thêm tài liệu về phần đất của nước Việt Nam thân yêu của chúng ta.*" (Lời Nhà Xuất Bản)

Cái "trách nhiệm phần nhỏ" mà hai nhà xuất bản tự nghiêng vai gánh vác kia phải được xem là một hy sinh can đảm. Trong tình hình xuống dốc của ngành xuất bản hiện nay, in các loại sách "thương mại" còn chưa chắc đã bán chạy, huống hồ cho ra đời một tập tài liệu khô khan như thế này!

Đây là một tập tài liệu phong phú, giá trị, chứng minh chủ quyền của quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam. Mua sách, xin liên lạc nhà nhà xuất bản Văn Nghệ (địa chỉ trang bìa 3).

**NHỮNG NGÔI SAO CÔ ĐƠN, tiểu thuyết của Nguyễn Đông Thức, bìa Trịnh Cung, trình bày Lữ Quỳnh. Hồng Lĩnh tái bản lần thứ nhất tại hải ngoại.**

Truyện mở đầu bằng cái chết bí mật của một ca sĩ thuộc loại "ngôi sao hạng một của thành phố và cả nước". Dưới hình thức độc thoại nội tâm của một công an hình sự đặc trách điều tra, và qua "hồi ức của người đã chết", cùng nhiều lời khai của nhiều nhân chứng: người yêu thuở còn đi học của cô ca sĩ, những tình nhân đủ mọi tuổi tác và thành phần xã hội, có cả một Việt Kiều, cái chết được tác giả làm sáng tỏ dần.

Nguyễn Đông Thức là một nhà văn trưởng thành và có tên tuổi sau 1975, xuất thân từ lực lượng "Thanh Niên Xung Phong" cùng với một số những cây viết "trẻ" khác như Bùi Chí Vinh, Đỗ Trung Quân... Hiện nay, tác phẩm của anh đang được xếp vào loại bán chạy tại quê nhà. Có lẽ bởi văn phong giản dị, tình tiết rất "tiểu thuyết": một chút hình sự, một chút sex, một chút trái ngang, đổ vỡ... Có lẽ đó cũng là lý do tác phẩm này đã được chọn để chuyển thể thành phim. Được biết Nguyễn Đông Thức thuộc "con nhà nòi": thân mẫu của anh là nữ sĩ Tùng Long.

**VĂN MINH MIỆT VƯỜN và NGƯỜI SÀI GÒN, hai tập sưu khảo của nhà văn Sơn Nam. Hồng Lĩnh tái bản tại hải ngoại.**

Hai tác phẩm, một, viết trước 75 (70), và một, hoàn tất vào tháng 10, 1988, đã được nhà xuất bản *Văn Hoá* và *Trẻ* - trong nước - in lại cùng lúc với nhà xuất bản Hồng Lĩnh ở Cali, Hoa Kỳ.

Với một ngôn ngữ rặc miền Nam, Sơn Nam đã "vẽ" lại quá trình hình thành của một vùng đất được coi là "mới" so với chiều dài lập quốc của dân tộc, cùng nếp ăn, thói ở, cách thức sinh nhai, từ đó "*sáng tạo ra một nếp sống hùng mạnh, phóng khoáng...*"

Hai tập sưu khảo cần thiết, không những cho những độc giả sinh trưởng tại miền Nam, mà cho tất cả chúng ta, những người Việt Nam. Đọc, để cảm phục và hãnh diện công khó của tiền nhân trong quá trình đấu tranh với thiên nhiên để mở nước. Và đọc, để yêu mến thêm một vùng đất đã sản sinh ra lắm "anh hùng hảo hớn".

**TIẾNG NÚI, tập truyện Ngô Nguyên Dũng, bìa Nguyên Khai, trình bày Cung Vũ. Làng Văn xuất bản 1992. Gía 14 Mỹ Kim.**

Tiếng núi, hay tiếng quê hương réo gọi khôn nguôi trên từng trang sách? Đó là câu hỏi sau khi đọc xong tập truyện mới nhất này của Ngô Nguyên Dũng, một nhà văn trên dưới nửa tuổi đời sống bên ngoài đất nước, một nhà văn, từ phong cách sống đến văn chương, đều chừng mực, chuẩn xác, "không làm nên sóng, không tạo ra bão", nhưng bên dưới vẻ trầm lặng đó, Ngô Nguyên Dung đã hé lộ cho chúng ta thấy một tấm lòng, một trái tim rất thủy chung, với người, với đất nước quê hương, và ngay cả với cách chọn lựa một

"đường lối" sáng tác. Nếu đó là "dấu ấn" của mỗi nhà văn, thì tôi cho rằng Ngô Nguyên Dũng đã tạo được cho mình một dấu ấn rất đậm nét. Thử che đi tên tác giả, chỉ cần đọc một hai trang, người tinh ý sẽ nhận ra ngay đó là văn chương Ngô Nguyên Dũng, chữ nghĩa Ngô Nguyên Dũng, không thể lầm lộn với bất cứ ai.

**TÌNH NGHĨA THẦY TRÒ, tập truyện Sĩ Liêm. Bìa Vũ Thái Hòa. Miệt Vườn xuất bản. Giá 12 Mỹ Kim.**

Cùng với Nguyễn Văn Ba, Hồ Trường An, Nguyễn Tấn Hưng, Huỳnh Hữu Cửu, Võ Kỳ Điền... Sĩ Liêm là một cây viết xuất thân miền đồng bằng Sông Cửu. *Tình Nghĩa Thầy Trò* là tác phẩm đầu tay của nhà văn trẻ này được xuất bản tại hải ngoại.

*Với tôi, hình như nhà văn có tầm vóc không thể hình thành trong bóng mát, tháp ngà, mà chỉ có thể và phải được hun đúc, dày công tôi luyện trong trường đời đầy sóng gió. Trong chiều hướng đó, bằng một vốn sống dồi dào ngay từ thuở nhỏ cộng với một giọng văn trong sáng, gãy gọn, dí dỏm, dễ đọc dễ hiểu, cũng như nhận xét tỉ mỉ tinh vi, sự thấu đáo tâm lý nhân vật kẻ trẻ người già, đàn ông lẫn đàn bà, và một bụng ca dao bình dị mộc mạc... Sĩ Liêm đã đưa vào tác phẩm đầu tay của mình một dàn trải sâu rộng về xã hội và bối cảnh lịch sử Việt Nam ở vào cuối thế kỷ...*

Những nhận xét trên của Nguyễn Tấn Hưng, giám đốc nhà xuất bản *Miệt Vườn*, và cũng là cây bút xông xáo nhất trong số những nhà văn gốc "miền Nam" tại hải ngoại, thiết tưởng, chắc chắn sẽ không còn nhận xét nào "đủ thẩm quyền hơn".

**CHÚ THÍCH CHO NHỮNG NGÀY CÂM NÍN và BẢN ÁN CHO CÁC VĨ CẦM thơ Phương Sinh, Trình Bày xuất bản 1992. Không ghi giá bán.**

Trên những trang báo này, đã hơn một lần chúng tôi giới thiệu đến độc giả những tập thơ rất trang nhã, rất "trí thức" của nhà xuất bản *Trình Bày*, do thi sĩ Diễm Châu làm giám đốc. Và chúng tôi cũng đã từng nhận xét, có lẽ tại hải ngoại (và cả trong nước), *Trình Bày* là nhà xuất bản duy nhất chỉ in thơ, phổ biến thơ, lại chỉ giới thiệu những thi phẩm, so với số đông quần chúng, hình như không mấy... hợp khẩu vị. Việc làm đó, theo chúng tôi, là một hành động văn hóa can đảm, nó chứng tỏ tấm lòng thiết tha của người chủ trương, cũng như sự tích cực và kiên trì trên con đường khai phá, giới thiệu những cái mới của thi ca, rất đáng được ngợi ca, xiển dương.

Phương Sinh, tức thi sĩ Chân Phương, một tên tuổi quen thuộc với bạn đọc nhiều năm nay trên các tạp chí văn học uy tín hải ngoại. Ông còn là một nhà văn, nhà viết tiểu luận và nhà biên khảo. Từng sống lâu năm tại xứ Chùa Tháp, tốt nghiệp Đại học văn Khoa Sài Gòn (1971-1975) với luận án cao học về Ionesco, kịch tác gia Pháp-Rumani. Hiện cư ngụ và dạy học tại tiểu bang Boston, Hoa Kỳ. Cùng với nhiều thi sĩ trang lứa, có kiến thức, có tư duy sâu

sắc, có kinh nghiệm và vốn sống dồi dào: Trân sa, Thường Quán, Phạm Việt Cường, Khế Iêm, Đỗ Kh., Ngu Yên... Những người "trẻ" này đã mở ra một hướng mới cho thi ca Việt Nam, vượt ra ngoài sự câu thúc của vần điệu, vượt lên trên những tình cảm "anh em, chàng nàng" khóc than cổ điển, họ đã đưa thi ca vào một phong thổ khác. Cái phong thổ, dĩ nhiên, không phải ai cũng có thể "thích nghi" dễ dàng khi muốn "hội nhập".

Để viết về hai thi phẩm này, không thể chỉ trong vài dòng "giới thiệu", cách hay nhất, xin mời độc giả tìm mua và đọc, qua đó, sẽ thấy thi ca Việt Nam đương đại đã có nhiều đổi thay ngoạn mục.

**HỒ CHÍ MINH, NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG, biên khảo của Hồ Sĩ Khuê, Văn Nghệ xuất bản, dày gần 500 tranh khổ lớn. Giá 16 Mỹ Kim.**

Ông Hồ đã khai sinh và dọn đường cho Mặt Trận như thế nào? Ông Diệm đã mở đường cho Mặt Trận như thế nào? Mặt trận này có thật không? Bản chất và nhiệm vụ của nó là gì? Mặt trận đã chết chưa? Di sản và tương lai của nó ra sao?

Những câu hỏi trên sẽ được giải đáp tường tận qua ngòi bút của một "chứng nhân" từng tham dự, theo dõi suốt 60 năm trời mọi diễn biến của quê hương. Ông cũng từng là "người quen" từ tướng Dương Văn Minh, Tạ Bá Tòng, Ngô Đình Diệm, Thượng tọa Thích Trí Quang, tướng Đỗ Mậu... đến cả những "chức sắc cao cấp phía bên kia"...

Đây là công trình nghiên cứu lý luận công phu, khách quan, với nhiều tài liệu, tư liệu xác thực, phong phú.

Một cuốn sách chắc chắn sẽ gây "sóng gió".

**Valdimír Holan: THƠ, Diễm Châu *dịch*. Ana Blandiana: NGÔI SAO SĂN ĐUỔI, Thủy Trúc *dịch*. Ernesto Cardenal: THÁNH THI, Diễm Châu *dịch*. Adonis: TRÍCH TỪ TRÍ NHỚ CỦA GIÓ, Thủy Trúc *dịch*. Trình Bày xuất bản 1992.**

Chúng tôi nhận được bốn tập thơ trên khi báo đã mang đến nhà in. Tuy nhiên, nhìn hình thức và lướt qua nội dung, người phụ trách giới thiệu sách mới... cầm lòng không đặng, phải "năn nỉ" chủ biên tới nhà in "lôi" *art work* về, nhường thêm cho chúng tôi tí đất (vốn vô cùng "đắt đỏ") để viết vài dòng về bốn tập thơ này. Nói thế, để thi sĩ Diễm Châu - giám đốc nhà xuất bản Trình Bày - thấy, về mặt yêu mến thơ ca, chúng tôi cũng... không thua xa lắm so với thi sĩ đâu nhé. Rất tiếc, vì giới hạn của mục *Giới Thiệu*, chúng tôi không thể "dông dài" về bốn tác phẩm vừa chào đời. Tuy nhiên, có thể khẳng quyết, từ trước đến nay, kể cả trong nước, những "sản phẩm" của nhà Trình Bày, về thơ, phải được xemlà trang nhã và tuyệt vời nhất. Chúc mừng và cảm ơn thi sĩ Diễm Châu.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



# với văn hữu và bạn đọc

## THƯ VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC

**Can đảmnhìn lại quá khứ...**

... Là trung niên ngoại ba mươi. Thành phần gia đình: Cộng sản lâu đời. Bản thân từng là thành viên trong một tổ chức ngoại vi của Đảng này. Đã phục vụ trong quân đội với thời gian gần bốn năm. Sống gần mười năm tại Tiệp. Tham gia phong trào của thanh niên và sinh viên ở Tiệp từ những ngày đầu. Cuối năm 91 sang Đức xin tị nạn. Thời gian ở Tiệp nhận sách báo hải ngoại rất nhiều. Nhưng xét cho cùng, rất tuyệt vọng. Lý do chủ yếu: tà tâm nhiều hơn thiện tâm, với mọi cố gắng lộng giả thành chân...

Qua thư này, tôi muốn nói với các anh chị những cảm xúc, cảm nhận của một người đọc, từng là đứa con của chế độ.

- Những điều viết trong thư tòa soạn là những điều tôi tìm kiếm, đợi chờ cách đây gần ba năm. Đó là sự trung thực, thẳng thắng, can đảm nhìn nhận quá khứ đau thương của dân tộc. Sự thật dù có phủ phàng bao nhiêu, không ai có quyền chối bỏ.

- Qua hai bài phỏng vấn và các trang sáng tác văn học, tôi tìm thấy sự đồng cảm về cách suy nghĩ, cách đặt vấn đề và phương thức giải quyết vấn đề. Mới chỉ có vài người cùng tôi đọc Hợp Lưu, song khác hẳn với các tờ báo và tạp chí trước đây, tôi nhận ra vẻ hài lòng và thiện cảm, qua những cuộc đàm luận, trao đổi với họ.

- Tôi tin, đường hướng các anh chị đang đi chắc chắn sẽ hợp với lòng người. Hợp lòng người, thuận ý trời. Đây, tôi muốn nói lòng người trong nước.

- Một lẽ đương nhiên, nếu mọi người cùng hiểu: Tương lai của một dân tộc thuộc về thế hệ trẻ của nó. Vậy cần phải hiểu thế hệ trẻ Việt Nam ngày nay muốn gì? Họ suy nghĩ thế nào và đánh giá ra sao về quá khứ của cha anh mình?Giai đoạn lịch sử đã qua khá phức tạp. Điều này không chỉ một lần nẩy ra trong quá trình dựng nước. Nhưng lần này có hơi khác: một bộ phận khá lớn phải lưu vong. Tôi nghĩ, trong rủi ro và bất hạnh, người Việt cũng còn có tí may mắn là có được cơ hội để nhìn lại chính mình. Khổ nỗi, cho tới hôm nay, tôi vẫn có cảm tưởng đại đa số đồng bào ta đều mù mờ về chính

mình, đừng nói gì nhận biết trung thực một giai đoạn lịch sử mà dù muốn dù không họ cũng có phần trách nhiệm trong đó.

Chúng ta không đòi hỏi thế hệ trước (của cả hai bên) phải chối bỏ quá khứ, nhưng để lớp trẻ hiểu được một cách đầy đủ, trung thực một giai đoạn lịch sử, đồng thời nhận ra được chính mình, tôi nghĩ, cần phải có một tập hợp những người trước, sau, bên kia, bên này chiến tuyến, tất cả cùng lên tiếng, mổ xẻ một cách sòng phẳng về quá khứ lịch sử mà mình liên đới. Ở trong nước, những năm gần đây, nhiều người từng tham gia góp phần xây dựng nên chế độ hiện tay đã lên tiếng. Chẳng cần có một trái tim nhạy cảm lắm cũng nhận ra đó là những tiếng nói trùng thực của lương tâm và trách nhiệm. Giá mà mọi người ở ngoài nước đều nắm bắt được vấn đề và đồng điệu trong tiếng nói, chắc rằng đất nước ta đã có một chuyển mình nào đó rồi! Đáng tiếc, điều ấy đã không xảy ra!. Lỗi tại ta, cái thành phần trí thức đang sống, làm việc và học tập trong môi trường dân chủ, tự do, vậy mà đã không đủ nhạy cảm để thức tỉnh. Chậm quá xa so với người trong trong nước.

Trước kia, tôi quý trọng sự trung thực, can đảm của Dương Thu Hương, thì hôm nay, cũng với tình cảm ấy, làm sao chối bỏ được Vũ Huy Quang? Những cái mới, mới thực sự, đang nảy sinh. Một giai đoạn lịch sử của dân tộc đang được nhìn lại một cách sòng phẳng. Thế hệ trẻ Việt nam có cơ may tìm lại chính mình. Hy vọng thế.

Cuối cùng, tôi muốn gởi đến anh chị đôi điều: hãy tiếp tục con đường các anh chị đang đi, chắc chắn rằng các anh chị không cô đơn, và sẽ dành được nhiều thiện cảm từ mọi người Việt sáng suốt, nhất là tại Đông Âu nói chung, những người đang xin tị nạn tại Đức nói riêng. Từ đó tìm ra vị trí trong lòng xã hội Việt Nam chẳng còn là điều khó. Viết đến đây, tôi lại nhớ đến một câu thơ của Nguyễn Duy: *Ta là gì? Ta cần thiết cho ai?* và để rõ nghĩa hơn nữa, cũng xin trích một câu thơ tình của Xuân Quỳnh: *Quá khứ đáng yêu. Quá khứ đáng tôn thờ, nhưng đâu phải là điều Em luyến tiếc.*

...Hiện nay đang có một số tị nạn khá đông ở Đông Âu. Họ bị vây hãm trong vòng rào ngôn ngữ, hơn nữa, lại mang quá nhiều định kiến từ cái xã hội mà họ đã sinh ra và lớn lên, cần phải cung cấp nhiều thông tin khác nhau (nhưng trung thực) để họ tự phá bỏ dần định kiến đã hằn sâu trong nếp nghĩ. Tóm lại, chúng tôi cần sự giúp đỡ của các anh chị...

**To Dang Thoang** (Germany)

*Vâng, đã đến lúc chúng ta phải ngồi lại để "tính sổ" quá khứ, bằng một tấm lòng và một trái tim không hận thù, không "ta dịch". Mười bảy năm rồi, bây giờ đã là quá muộn!*

*Sẽ gởi vài quyển sách chúng tôi đang có trong tay. Riêng bộ "Kinh Thi" không phát hành ngoài nước. Anh yên trí, ngân khoản của Hợp Lưu dù eo hẹp, nhưng mỗi số vẫn "cần mẫn" gởi qua Đông Âu trên dưới 150 số. Chúng tôi hiểu hoàn cảnh của bạn đọc bên ấy, cho nên chừng nào Hợp Lưu... qua đời*

*thì anh và các bạn mới không có cái để đọc. Thân mến.*

**Các ông trời con...**

Nhảm thật, lúc này thiên hạ hay quan trọng hóa các vấn đề một cách lố bịch. Hắt hơi một cái cũng ra tuyên cáo, nghẹt mũi hỉ không ra cũng nhận định này nọ... Theo dõi báo chí nhiều năm nay, tôi có nhận xét thế này: Nỗi khổ trong văn chương thường được đề cao còn cái khổ thật ngoài đời thì coi như không có. To mồm lớn giọng vì Dân Chủ, Tự Do mà ai đi ngược lại ý kiến của mình thì hè nhau lại đập phá. Tôi chỉ sợ sau này nước mình hòa bình, các ông trời con này về lại, ăn trên ngồi trước, bày ra cảnh bát nháo như hiện nay thì thật là một chuyện đáng buồn (nôn)!

**La Anh Tuấn** (Norway)

*Trước, cảm ơn rất nhiều những dòng ưu ái anh dành cho HL và "hắn", mà vì "xấu hổ", không tiện trích dẫn. Thứ, anh yên tâm, chả việc gì phải "sợ". Những ông trời con như anh ví von đã và đang dần dần bị đào thải. Trong thế giới chữ nghĩa, ai cũng thấy rõ một qui luật rất khắc nghiệt: cái gì đẹp, tốt, thực sự giá trị thì tồn tại. Ngược lại, sẽ nhanh chóng trôi đi - như rác trôi ra biển! Vâng, hắn ta khoái cái dzụ lai rai vài ba sợi lắm. Nhất định sẽ có ngày gặp nhau ở cái xứ xa lơ xa lắc đó để cùng "cưa" một hai "ve", cùng đấu hót chuyện "trên trời dưới đất". Và cùng nói tiếp* "chuyện muốn nói vẫn chưa nói được" *như anh gợi ý. Thân mến.*

**Nếu tiện...**

HL đã đăng của mình mấy truyện, hai cái mới: "RĐĐ" và "GT" tính ẩn dụ khá cao, cái sau, đi vào số tết thì hợp. Nếu tiện, anh gom những truyện ngắn của mình mà in thành tập, chăm sóc cho kỹ. Cố gắng về thăm quê nhà, hoặc thư từ, ta sẽ bàn sau.

Chúng ta làm văn học nghệ thuật, vẫn là con đường phục vụ dân sinh cao khiết, đầy tính nhân bản, đừng bàn tới chính trị chính em chi cho "mệt". Từ thuở cầm bút tới nay, văn chương của tôi chưa hề biết nịnh ai, ngoài việc CHIÊU DƯƠNG cái đẹp của con người.

**Một văn hữu trong nước**

*Vâng, sẽ "tính" cái* Tuyển Tập Truyện Ngắn *anh muốn in tại hải ngoại. Chừng nào mới đến lúc văn chương Việt Nam là thực sự của người Việt Nam, trong cũng như ngoài? Bây giờ, nói chuyện thoải mái với nhau đã khó, đọc nhau, càng khó hơn. Mỗi lần nghĩ đến các anh, nhớ lại các cuộc rượu ở nhà Nguyễn Tôn Nhan, quán cà phê vỉa hè Huy Tưởng, hay nhà tôi, là lòng dạ cứ nao nao thế nào. Thăm anh, gia đình và Hoàng Ngọc Tuấn, Nguyễn Tôn Nhan, Huy Tưởng, Trương Đình Quế... Nhắn cháu NH, cô sinh viên âm nhạc năm thứ 10 Piano,* "Ít nhất sẽ có một lần trong đời, chú được nhìn và nghe

cháu đàn, dưới bức *Mộ Trăng* chú đã tặng cho bố trước ngày ra đi...". *Thân mến.*

**Bây giờ cơ cực lắm...**

Chúng tôi rất mừng vì được các anh quan tâm, và nhất là biết anh sẵn sàng tiếp tục gởi nữa. Thật chúng tôi không biết nói gì để biểu lộ lòng biết ơn của đồng bào đối với sự giúp đỡ của các anh. Vì sách báo là món quà rất quí đối với hoàn cảnh của hàng chục ngàn đồng bào Việt Nam tị nạn đang sống tại Thái Lan, đang chịu nhiều khó khăn và thử thách lớn lao trên con đường đi tìm tự do...

Cuộc sống của người tị nạn bây giờ cơ cực lắm... Riêng sách báo thì từ tháng 9, 1992 bị cấm không cho gửi vào, thư từ bị kiểm duyệt (thậm chí hội cựu quân nhân VNCH cũng bị cấm và giải tán). Kỳ vừa rồi nhận được là nhờ nằm trong list quà, rất may. Xin các anh lần sau có gởi, hãy gởi dưới dạng quà, bưu phẩm, các anh có thể kèm theo những vật dụng linh tinh thừa thãi để trá hình...

**Lê Văn Hùng** (Sikiew Camp - Bangkok)

*Về thảm cảnh của các anh, chúng tôi cũng có biết, từ lâu, qua báo chí hải ngoại. Thật chẳng biết nói gì hơn là mong các anh cố gắng lạc quan. Hy vọng tình hình sẽ sáng sủa, mọi người đến được chốn định cư như mong ước. Chúng tôi sẽ tăng cường số ấn phẩm để đồng bào có cái giải trí. Thân mến (Tiện đây, xin nhắn tin chung các văn hữu và những tạp chí bạn: Sách báo của quí vị, nếu muốn phổ biến cùng đồng bào ở trại tị nạn Thái Lan, xin gởi về HL, chúng tôi sẽ chuyển hộ, hoặc có thể gởi trực tiếp đến*: Lê Văn Hùng. PST 1515 B2/4 Sikiew Camp. PO BOX 1302 Bangkok 10501. Thailand - *dưới dạng quà để tránh kiểm duyệt).*

## HỢP LƯU TRẢ LỜI VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC

**Chị Nguyễn Thị Thanh Phước** (Houston, Mỹ): Cảm ơn những lời "nhiếc mắng" của chị. Tuy nhiên, xin cho chúng tôi được biện bạch đôi lời: *"Số Đặc Biệt Truyện Ngắn Hải Ngoại"* chỉ mang ý nghĩa giản dị: số đặc biệt về truyện ngắn của vài trong số nhiều cây bút đang sống tại hải ngoại, để phân biệt với 6 số trước: truyện ngắn của trong và ngoài nước. Đấy không phải là *"Số Đặc Biệt Truyện Ngắn Hay Hải Ngoại"* hay *"Truyện Ngắn Tiêu Biểu Hải Ngoại"*... Cho nên xin đừng hiểu lầm những nhà văn nhà thơ có mặt trong HL số vừa rồi đại diện cho ai, nhất là cho *"Văn Chương Hải Ngoại"*. Nhóm chữ vừa nêu quá lớn, HL không có tham vọng đóng vai trò đó (có, cũng không đủ khả năng). Còn vấn đề "hay", "dở", là tùy đánh giá của độc giả, và tùy tài năng của mỗi nhà văn, nhà thơ. Tác phẩm tung ra đời, tác giả của nó chịu trách nhiệm trực tiếp với người đọc. HL chỉ làm nhiệm vụ "trải khăn, dọn bàn, lau

chén, rót nước...". Rõ và cụ thể hơn: nhiệm vụ của HL chỉ là nhiệm vụ của một anh bồi bàn. Thế thôi. Kính.

**Đỗ Quyên** (Đức): Đã chuyển lời chị đến ông Lê Hoàng, ông ấy bảo rất thích câu... "danh ngôn" trong thư của chị: *Muốn diệt cỏ dại, phải trồng nhiều hoa*. Vâng, đó cũng là lời khuyên mà mỗi thành viên của *Hợp Lưu* sẽ "nằm lòng". Có lẽ "ông Bưu Điện"... đãng trí nên số 6 đã không đến tay chị, dù theo đúng nguyên tắc, chúng tôi đã "hồ hởi" gởi ngay bằng đường hàng không đến chị khi vừa in xong (Tất cả mọi văn hữu, độc giả có bài chọn đăng đều ưu tiên nhận báo theo hạng nhất - hàng không). Gởi bù vậy. Về hai lỗi chính tả, thành thật nhận lỗi. Tuy nhiên, lần sau xin... bớt "rồng bay phượng múa" hộ, nhân viên đả tự người nào cũng mang kiếng cận trên... 5 độ, chữ to như con gà mái, còn sai, huống hồ... Thân mến.

**Chị Phạm T. Th.** (Pierrefonds - Canada): HL phân định rất rõ ràng: đâu là "đời tư" và đâu là văn chương, chữ nghĩa, tư tưởng, chính kiến. Có cái công khai được, có cái hãy để chính "đương sự" tự hiểu và điều chỉnh. (không riêng gì chị, tòa soạn HL cũng nhận được một "tập hồ sơ" dày cộm từ San Jose, có đủ thứ thượng vàng hạ cám về một nhân vật vẫn thường được đánh giá là thích "động đậy" nhất tại hải ngoại, nhưng chỉ để đó, thỉnh thoảng anh em tòa soạn bí đề tài, mượn đỡ vài chi tiết làm chất liệu sáng tác (KT vừa "chôm" một "sáng kiến", về vụ "tự tử bằng phương pháp... làm tình" để làm nên cái truyện *Chung Cuộc* đăng ở số này. Theo anh ta thì truyện, vẫn được xem là lãnh vực hư cấu, chẳng phiền hà đến ai. Nhỡ giống ai, âu *"ngoài ý muốn của tác giả!"*). Tôi vẫn tin ở "tính bổn thiện" trong mỗi con người. Nơi bệ cửa sổ bàn viết của tôi có bày một chậu kiểng nhỏ. Vì quá quen nên có lúc tôi quên hẳn sự hiện diện của nó, một hôm chợt nhìn thấy cả thân cây và tàng lá ngã hẳn về phía nhiều ánh sáng bên ngoài. Chợt nhớ bài thực vật học những năm đệ lục đệ ngũ, bèn với tay xoay cái chậu nửa vòng, thế là vài ngày sau, thân và tàng lá lại tự động "đứng thẳng" trở lại, cân đối. Từ đó, tôi nghĩ, tạo hóa thật kỳ diệu, một loài thực vật vô tri giác mà vẫn còn biết ngoi mình tìm ra ánh sáng, huống hồ con người. Bộ con người không hơn loài thực vật ư? Không tự "điều chỉnh" được ư? Về bài viết, dù biết "với tư cách một *quần chúng*" (quần chúng đúng nghĩa), chị đã soi sáng rất nhiều vấn đề rất có lợi cho HL. Cảm ơn chị, nhưng, như đã thông báo trong số 7, HL "tự tách mình ra khỏi mọi đôi co", vì nghĩ như thế đủ rồi. Con đường HL đi còn thăm thẳm phía trước, nỗ lực và tâm huyết phải được dồn vào mỗi bước chân, hơi đâu phí sức một cách vô bổ! Vâng, sẽ xin được gặp chị nếu có dịp. Thân kính.

**Anh Trần Hoàng Kim** (Cali): Thay mặt anh Phạm Trọng Luật, cảm ơn những lời khen tặng của anh. Vâng, bài viết có thể được xem như một tổng kết, đóng lại tất cả mọi tranh chấp phải trái từ bấy lâu ngày giữa "ta" và "địch", giữa "quốc" và "cộng". Cũng có nhiều độc giả điện thoại đồng ý với cái nhìn của tác giả. Họ đều đề nghị, sau khi đã "đóng" xong cánh cửa nặng nề kia, vấn đề còn lại là chúng ta phải làm gì? Và gợi ý HL nên mở ra một

diễn đàn để thâu tập mọi ý kiến của mọi thành phần xã hội, về một hướng cụ thể cho tương lai đất nước. Vì nhận thấy tầm vóc của vấn đề quá lớn, với khả năng và vị trí khiêm nhường của một tờ báo, HL đang tự hỏi có làm nổi không? Tuy nhiên, tôn trọng ý kiến vừa nêu trên, HL xin hứa sẽ thực hiện một chủ đề như thế, trong tương lai gần. Thân kính.

**Anh Trần Bình** (Hongkong): Xin gởi bằng *International Money Order* với tiền US. Cái check của anh nếu muốn đổi phải qua Collection, mất mười đồng Mẽo, chưa kể nhà băng bên HongKong tính thêm công chuyển. Nghĩa là HL chỉ còn nhận được khoảng... 5 tì! Nhân đây, nhắn tin chung quí độc giả ngoài nước Mỹ: Xin mua báo bằng *International Money Order tiền US*, nếu mua trực tiếp với tòa. Hoặc liên lạc với người đại diện tại mỗi quốc gia (trang bìa 2), tiện hơn. Kính.

**Chị (?) Hoàng Phố** (Úc châu): Nhìn nét chữ, giốngnữ lưu, nhưng văn phong thì... rất mày râu! nên chẳng biết xưng hô thế nào. Chuyện chị (?) nói chúng tôi đang tính. Có điều, tính mãi, mà lực bất tùng tâm, nên chưa biết sẽ "tính tiếp" thế nào! Thôi thì làm tới đây hay tới đó. Trong quá trình làm việc, sẽ nẩy sinh cái mới. Không ai là "chuyên nghiệp" cả. Và ai cũng "đầu tắt mặt tối" áo cơm, nên tuy hai tháng một số mà còn muốn... chết, huống hồ làm theo đề nghị của chị! Vả, tài chánh vẫn không ngừng đe dọa. Chỉ đến ngày đến nhà in lấy báo, mới biết mình còn sống thêm được một số! Tình trạng này không riêng HL đâu, báo nào cũng thế, trừ báo có quảng cáo. Tuy nhiên, chị an tâm, anh em vẫn chưa "mỏi" trong "công tác thiện nguyện". Và ai cũng không muốn nó "tử", thành ra, chắc chắn nó sẽ... tà tà đi miết, đi đến... hơi thở cuối cùng. (Ông Vũ Huy Quang mà nghe mấy lời "tả oán" này lại sẽ "bực mình" tiếp tục ngay. Theo ông ấy, cái gì "hợp lòng dân" thì sẽ được nuôi dưỡng "trường thọ". Ấy, ông ấy sinh ra là để lạc quan, ngoại trừ văn học... hải ngoại! Chỉ có điều, khi HL đưa đề nghị nhờ ông ấy lèo lái vấn đề tài chính thì lại bị quạt tơi bời: "Chuyện đàn bà!" Ôi, chẳng hiểu Thăng Long Văn Sĩ cớ sao độ này cứ hay... hách thế chả biết!) Thân Kính.

## BÀI NHẬN ĐƯỢC

**Truyện, tuỳ bút, bút ký...**: Vết Chàm. Lưu Đày. Tháng Năm Mòn Mỏi. Con Dốc Dưới Chân Cầu. Lòng Xuân. Ngõ Trúc. Đêm Trên Vùng Cao. Lối Cũ Người Xưa. Tật Nguyền. Ngồi Im Như Tượng. Bình Minh. Trong Ngôi Nhà Cũ. Người Cũ. Ẩn Dụ Về Một Con Đường. Lạc Trong Đêm Xuân. Mùa Xuân Không Quên. Tiếng Tù Và Ngày Cuối Năm. Mạn Ngược. Yến Chi. Thành Phố Lạ. Paris, Hồi Ức. Quán Khuya. Trở Giấc Một Mình.

**Thơ:** Bài Thơ Cho Người Năm Cũ. Ấn Tượng. Sớm Mai. Nắng Quê Hương. Mưa Trước Rạng Đông. Con Đường. Chỗ Ở. Nước Mắt Mị Nương. Ngủ Yên. Ngày, Đêm. Vàng Phai Đá nát. Hơi Ban Mai Của Tôi. Chủ Nhật. Sóng Tim. Thế Kỷ Này Đêm Tối Sẽ Qua. Hãy Mở Toang Mọi Cánh Cửa.

Quà Tặng Đầu Xuân. Khúc Hành Ca. Một Đêm Mưa, Thức Dậy Thấy Tóc Râu Bỗng Bạc. Con Chim Đi Tìm Mùa Xuân. Yêu. Tịch Dương. Lấp Lánh Ánh Sao Khuya. Thơ Về Tam Hợp. Tâm Kinh. Đêm Buông Đèn. Khối Thơ 2. Tả Cảnh 1. Tả Cảnh 2. Tự Thuật Về Một Sự Ra Đời. Muôn Năm, Nghìn Xưa. Cô Tịch. Đường Gió Đi Về. Khi Xa. Sinh Nhật. Gần Nguyên Vẹn Trái Tim Anh. Không Một Bài Thơ Riêng Cho Em. Đoản Khúc Sóng. Sân Khấu. Vùng Trầm Tích. Làm Thế Nào Cuộc Đời. Tôi không chọn chiến tranh.

**Biên Khảo, Nhận Định, Lý Luận:** Dân Chủ, Những Giá Trị, Những Con Người. Góp Ý Về Một Giải Pháp. Mười Bảy Năm Thơ Ca Lưu Vong. Con Đường Sáng Tạo. Sấp, Ngửa. Bệnh Sốt Rét Vàng Da.

**CẦN MUA LẠI HỢP LƯU SỐ 1 VÀ 3**

Toà soạn muốn mua lại hai số **Hợp Lưu 1 và 3,** hoặc đổi những số HL mới (đã phát hành, chưa phát hành), hoặc sách (*Tờ Mộng Rách Rồi,* tập truyện Hồ Đình Nghiêm, *Chỗ Tiếp Giáp Với Cánh Đồng*, tập truyện Khánh Trường, *Điểm Tâm Cho Người Tình,* thơ Trân Sa. *Cây Gậy Làm Mưa*, tập truyện Đỗ Kh.. *Thơ Đỗ Kh.. Có Những Bực Mình Tức Không Thể Nói*, thơ Đỗ Kh.). Vị nào dư dùng xin nhượng lại chúng tôi, và có thể chọn hoặc tiền (giá 6MK) hoặc một trong những cuốn sách ghi trên. Chúng tôi sẽ gởi check hoặc sách ngay khi nhận được báo.

**VỚI NHỮNG VĂN HỮU, ĐỘC GIẢ VIẾT BẰNG COMPUTER**

Để bớt cực nhọc cho tòa soạn, và để trung thành tuyệt đối với nguyên bản, quí vị đang viết văn, thơ... bằng computer (hệ thống VNI, VNLAB), ngoài bản in, xin gởi cho chúng tôi cả đĩa. Trân trọng cảm ơn.

**ĐÍNH CHÍNH**

Hợp Lưu số 7, trang 39, bài thơ *Nhớ Quên* của Đào Trung Đạo có hai câu thơ tác giả trích dẫn của Cao Bá Quát, toà soạn đánh máy: "Nguyệt cận bất cải sắc / Khách cư hành dĩ **biên**" là sai. Lẽ ra phải đánh (câu hai, chữ cuối): "Khách cư hành dĩ **biền** mới đúng. HL trân trọng xin lỗi tác giả và độc giả.

# PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(*Tất cả xin ghi rõ bằng chữ in*)

Họ tên: ____________________

Địa chỉ ____________________

____________________

Nhận mua _____ năm Hợp Lưu kể từ số __________

Giá tiền:

* Trong nội địa Hoa Kỳ và Canada:
Hạng tư: $18.00 ☐ (1/2 năm) - $36.00 ☐ (1 năm)
Hạng nhất: $24.00 ☐ (1/2) năm) - $48.00 ☐ (1 năm)

* Âu châu, Úc châu, Á Châu:
Đường thủy: $24.00 ☐ (1/2 năm) - $48.00 ☐ (1 năm)
Hàng không: $34.00 ☐ (1/2) - $60.00 ☐ (1 năm)

Xin gởi bằng Mỹ kim, ngoài Hoa Kỳ bằng internatinal money order hoặc bưu phiếu, đề:

HỢP LƯU
TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA

# PHIẾU ỦNG HỘ

Tôi tên: ____________________

Địa chỉ: ____________________

____________________

Điện thoại: ____________________

ủng hộ tập san HỢP LƯU một số tiền là: _____ Mỹ Kim
cho ☐ (1/2 năm) ☐ (1 năm)
kể từ số ________
để giúp HỢP LƯU có đủ phương tiện
tiếp tục phục vụ bạn đọc



HỒNG LĨNH
9601 Bolsa Ave. Westminster, CA 92683 USA
**Tel: (714) 531-7223. Fax: (714) 531-1107**



8

Giá Bảy Mỹ Kim